

Trên 20 triệu cuốn đã được bán khắp thế giới

về miền đất hứa

EXODUS

LEON CRIS THE GREAT ARCH



LÉON URIS

VỀ MIỀN ĐẤT HỨA
(EXODUS)

QUYỂN II



Người dịch : THẾ UYÊN

7

Việc thất bại hoàn toàn của các nông trường đã tạo ra một tình trạng thê thảm. Mặc dù sự nhập nội các người

trẻ và lòng hăng hái gia tăng đáng kể. xứ này vẫn chưa ra khỏi được tình trạng điều tàn mà hai em Rabinsky đã thấy cách đây hai mươi năm.

Đã từ lâu rồi, Jossi cùng vài chiến hữu đã ý thức được cụ thể ra, không thể nào khai thác tốt các trại cá nhân được. Các khó khăn rất nhiều : Vấn đề an ninh vấn đề dốt nát của người Do-thái trong địa hạt canh tác, và nhất là tình trạng của đất đai đã bị bỏ hoang từ thế kỷ.

Hiển nhiên vấn đề bây giờ phải làm sao thoát ra được tình trạng hỗn loạn ấy : Nghĩa là phải thành lập các làng mà dân định tự mình canh tác lấy, lập chế độ trồng tía đa loại để có thể tự túc về thực phẩm, và đủ khả năng bảo vệ chính mình bằng các phương tiện cố hữu. Hậu quả là Tò chức phục quốc Do-thái phải là sở hữu chủ của tất cả đất đai, và chỉ cho phép lập nghiệp những ai cam kết sẽ tự mình canh tác lấy, vậy không được mượn nhân công Do-thái hay Ả-rập.

Máy mắn thay một số di dân trong đợt hai lại sẵn sàng làm việc cho sự khẩn hoang xứ sở, không tìm bất cứ một lợi lộc cá nhân nào. Một quan niệm báo hiệu trước sự thành lập của các nông trường tập thể về sau cùng. Ưu điểm đáng nhấn mạnh là Các trại tập thể đó không hề là hậu quả của một ý thức hệ hay một cường linh xã hội nào mà chỉ là kết quả của một nỗ lực sáng suốt để cứu vãn công cuộc phục quốc. Phương cách duy nhất để sống còn trong một xứ đang hấp hối.

Bây giờ, cần phải thí nghiệm. Năm 1909, Tò chức Trung ương phục quốc đã mua một vùng đất rộng ở phía

nam Tibériade, chỗ cửa sông Jomdrin chảy vào biển Galilée. Một ít cát vói rất nhiều đầm lầy. Mọi người chỉ định hai mươi thanh niên và thanh nữ lo việc khai hoang, cấp cho ngân khoản và thực phẩm một năm, cùng đồ trang bị và tiền mặt. Jossi đi cùng với họ, giúp họ cắm lều dọc theo các đầm. Nông trường tương lai này sẽ mang tên là Shoshanne (Sậy) để kỷ niệm loại cây đã tạo thành cả một khu rừng ven các hồ.

Họ khởi đầu bằng cách xây cất ba nhà lớn : Một dùng làm nhà ăn, một dùng làm kho, và một dùng làm phòng ngủ cho mười sáu đàn ông và bốn phụ nữ.

Trong mùa đông thứ nhất, các tòa nhà bị bão rung chuyển, bị lụt soi mòn, đã sụp đổ cả chục lần. Các đường lộ biến thành các con sông bùn nên họ bị cô lập với thế giới bên ngoài nhiều tuần lễ liền. Sau cùng, các người khai hoang phải rút vào một làng Ả- rập trú ẩn đợi mùa trở lại.

Đến mùa xuân, họ có thể bắt đầu làm việc. Công cuộc khai hoang có vẻ như vượt ngoài sức con người. Phải đẩy lui các đầm lầy từng bước một. Mọi người trồng hàng trăm cây khuyneh điệp Úc để chúng hút cho khô nước ướt sũng, phải đào bằng sừng các mương dẫn thủy. Đàn ông và đàn bà làm việc quần quật từ rạng đông cho tới khi trời tối, và thường thường thì một phần ba tổng số phải nằm liệt giường vì sốt rét. Để chống lại, họ dùng phương pháp Ả- rập (họ chẳng còn biết phương pháp nào khác) : Trích máu ở hai trái tai. Dưới ánh mặt trời khắc nghiệt

về mùa hạ, họ còng lưng xuống bùn ngập tới ngang lưng hôi thối mà làm việc.

Sau hai năm, họ đã có thể tự hào về thành quả đầu tiên : Một vài khoảng đất — Ta chưa có thể gọi là cánh đồng— Đã được làm cho khá khô nước. Bây giờ, các con lừa phải kéo những tảng đá đi trong khi các đàn ông đốn cây và cắt các bụi rậm. Vài tháng nữa là có thể nghĩ đến việc gieo hạt. Giây phút gay go đã tới : Hầu hết mọi người trong nhóm chưa biết phải trồng gì và trồng ra làm sao. Họ đều phải vất vả lắm mới phân biệt được một con gà mái với một con gà trống. Họ đành phải thử vậy, và vì lắm lần, họ thường thu hoạch được những hoa màu làm họ chưng hửng ngạc nhiên. Họ không biết gieo hạt cũng như không biết bừa cho thẳng hàng, họ chưa từng bao giờ vất vả sửa một con bò hay trồng một cái cây. Đối với họ, đất là cả một bí mật vĩ đại.

Dầu vậy họ phải giải quyết cả ngàn vấn đề canh tác với tinh thần quyết thắng như khi họ tìm cách chiến thắng các đầm lầy. Sau khi dẫn thủy xong các nước tù, bây giờ phải lo dẫn thủy nhập điền. Lúc đầu, họ chuyền nước từ sông vào bằng lừa. Rồi họ làm một thí nghiệm không mấy thành công với một máy đập nước kiểu Á-rập, rồi kể đó, họ đào các giếng. Sau cùng, họ mở các hố điều thủy và xây cất cả một hệ thống đập để giữ nước mùa đông tràn xuống.

Dần dần, đất không còn là bí mật đối với họ nữa. Trong những chuyến thăm viếng xây ra khá thường, Jossi hết sức tán phục lòng can trường của những kẻ khăn

hoang ở Shoshanna. Những thanh niên thanh nữ này chỉ có những gì họ mang trên người, và ngay cả những áo và quần bằng vải thô ấy cũng thuộc về cộng đồng trại. Thực phẩm của họ giản dị khắc khổ, và nơi ngủ của họ chỉ là căn nhà vách ván bào không kỹ. Nhưng họ thì có một tinh thần sắt thép.

Từ các vùng chung quanh, Ả-rập và Bédouin quan sát những tiến triển chậm chạp của nông trại với các cặp mắt không thề tin nổi. Khi các Bédouin nhận thấy diện tích đất đai canh tác đã được tới mức hai trăm hectare, chúng quyết định sũa đuôi những người Do-thái đi.

Kể từ ngày đó, các người khai hoang chỉ có thể làm việc bên ngoài dưới sự che chở của vũ khí. Ngoài vấn đề bệnh tật và lao lực, lại còn thêm vấn đề muôn thủa là an ninh nữa. Đàn ông, đàn bà, sau một ngày làm việc ngoài đồng, lại còn đành phải thay phiên nhau gác suốt đêm nữa. Mặc dù cô lập, họ tiếp tục bám chắc, mặc dù sự ngu dốt căm thù cùng các đe dọa của người Ả-rập, mặc dù sức nóng giết người, sốt rét, và cả mười thứ thiên tai thảm họa khác nữa, họ vẫn bám chắc lấy Shoshanna.

Rồi tới một ngày đó, họ tới nông trại thấy hai người mới tinh nguyện gia nhập nữa. Một người là Yakov Rabinsky, một người là Joseph Trumpledor, cựu sĩ quan của quân đội Nga hoàng, anh hùng của trận Nga Nhật đại chiến — Trong trận đó ông đã cụt một tay. Chính vì tiếng kêu gọi của chủ nghĩa phục quốc Do-thái đã đưa ông tới

Palestine, và gương hi sinh vì lý tưởng đã đưa ông tới Shoshanna. Nhờ ở sự trả đũa có tổ chức của hai tay chuyên viên đập lộn này, các vụ đột kích của dân Bedouin giảm dần rồi sau cùng hết hẳn.

Tuy vậy đời sống cộng đồng đặt ra nhiều vấn đề hơn là các tay khai hoang đã tưởng. Nguyên tắc cai trị dân chủ khó hòa hợp được với tinh thần độc lập truyền thống của người Do-thái cùng lòng khoái bần cãi quá mức của họ. Sự phân công, các vấn đề vệ sinh, giáo dục đều là các khó khăn phải giải quyết cả. Chưa kể đến các xích mích cá nhân không thể tránh được trong một lối sống chung chật chội suốt ngày.

Nhưng dầu thế nào dân ở Shoshanna cũng có được một niềm chung : thù ghét tất cả những cái gì xưa kia có thể làm cho họ thành dân Do-thái ghetto. Bởi vì họ đã khờ công để xây dựng một tổ quốc mới, họ còn ngại gì mà không phá hủy, nhờ sạch, bôi xóa đến tận kỷ niệm về thời kỳ thê thảm ghê khiếp ấy. Đến nỗi rằng Shoshanna có một nền đạo đức riêng, luật lệ riêng. Kể từ giờ hôn nhân sẽ thành hình — Hoặc tiêu hủy — Tùy theo sự thỏa thuận của hai vợ chồng. Các tục lệ cổ xưa trước đây đã gây ra bao chương ngại cho cuộc đời, đều bị hủy bỏ trong mọi địa hạt. Chính vì thế, từ lòng khiếp sợ đàn áp kinh niên và lòng ao ước tự do, đã nảy sinh ra một giai cấp mới, một giai cấp nông dân Do thái ý thức rõ và kiêu ngạo về giá trị của mình. Họ ăn mặc như nông dân, nhày điệu *hora* quay ánh lửa trại. Họ chẳng trở về với đất để làm cao quý nghề nông hay sao ? Chưa chi những luống

hoa, những cây cảnh, những bãi cỏ đã xuất hiện chung quanh những căn nhà nhỏ cho các cặp vợ chồng, thành lập một thư viện, và mượn y sĩ tới tận nhà.

Chính giữa các hoạt động có trật tự ấy đã bùng ra cuộc nổi dậy của phụ nữ. Của một phụ nữ là đúng hơn. Ruth, một cô gái khoẻ mạnh nhất và xấu nhất trong bốn người con gái khai hoang. Một cô gái có miệng lưỡi rất sắc, và nàng đã xử dụng đến nó để tuyên bố trong các buổi họp của cộng đồng là các phụ nữ không lao đầu vào cuộc phiêu lưu di cư ấy để rồi lại trở thành tội tớ cho đàn ông. Hăng hái, khéo léo, Ruth đã thành công trong việc làm giảm bớt những cấm đoán ngày xưa, đến nỗi rằng sau vài tháng, tất cả phụ nữ đều tham dự vào tất cả mọi công việc, kể cả việc cày bừa. Đòi hỏi trách nhiệm, họ đọc chiếm lấy chuồng gà vịt và vườn rau, học xử dụng súng và nhận phiên gác đêm.

Tuy thế, Ruth chẳng những không bằng lòng với các chiến thắng như thế, nàng còn nuôi những tham vọng lớn hơn. Mục tiêu lớn của nàng là kiểm soát năm con bò sữa, thành phần gia súc chính của trại. Nhưng lần này, đàn ông nhất định không chịu thua. Máy cô này hẳn đã tiến xa quá lối rồi ! Yakov, kẻ hăng hái xông xáo nhất trong giới đàn ông, được cử ra đề thuyết phục Ruth nên biết điều. Nàng phải biết bò cái là một con vật nguy hiểm không thể trao phó cho nữ nhi yếu liễu đào tơ chứ ! Chưa kể sự kiện đàn gia súc này là niềm kiêu hãnh của nông trường, của cái quý nhất của nông trường, tất nhiên việc coi sóc

đương nhiên phải thuộc về các chủ nhân mà Thượng đế đã sáng tạo ra là... đàn ông.

Trước sự ngạc nhiên của toàn thể, Ruth nhượng bộ dễ dàng. Trong một tháng liền, nàng tránh bàn cãi vấn đề tế nhị này. Ngược lại, nàng lợi dụng tất cả mọi cơ hội để chạy đến làng Ả rập gần nhất để học hỏi nghệ thuật vắt sữa. Và trong những lúc nhàn rỗi hiếm hoi, nàng nghiên cứu đọc tất cả những sách báo về kỹ thuật sữa mà nàng tìm thấy ở thư viện.

Một buổi sáng nọ, Yakov khi đi tuần tiễu về, không hiểu sao lại nghĩ tới chuyện liếc vào chuồng bò một cái. Điều này chàng bắt gặp quả tang Ruth đang vắt sữa Jézabel, con bò cái đẹp khoẻ nhất trong năm con!

Ngay ngày hôm đó, một phiên họp đặc biệt được triệu tập để xử dụng vụ bắt phục tùng của thiếu nữ. Như ta có thể đoán được, lời kết án bị nàng «quạt» bay đi hết. Trang bị những bảng so sánh và các biểu đồ, nàng đã chứng tỏ hai năm rưỡi mười là nàng đang làm gia tăng mức sản xuất sữa. Dĩ nhiên là muốn đạt được gia tăng ấy, mà các đàn ông rõ ràng và hoàn toàn là không có khả năng. Nàng nói nhiều và nói hay đến nỗi các đàn ông sau hóa ngược nghịu và ăn năn, đề rồi sau cùng chính thức trao phó luôn cho nàng coi sóc đoàn gia súc.

Đàn ông không bao giờ hối tiếc về quyết định này hết. Vài năm sau, Ruth, đứng đầu một đàn bò một trăm hai mươi lăm con, đã được vào loại những tay chăn nuôi giỏi nhất Palestine.

Đã xây đến cái gì phải xây đến : Ruth và Yakov lấy

lấy nhau. Tất cả mọi người đều tán đồng hôn nhân này : Ruth chẳng phải là kẻ duy nhất trên cái thế gian này có thể làm Yakov phải im tiếng hay sao ? Hiên nhiên đó phải là một đám cưới vì tình rồi...

Do đó, sau cùng Yakov cũng thoát được niềm chua chát của mình để tìm kiếm hạnh phúc. Chàng không có một gia sản nào cả, và chàng cũng chẳng thể coi là độc quyền sở hữu những áo quần chàng mặc, vì đó cũng là tài sản của cộng đồng. Ngược lại, chàng có một người vợ linh hoạt, nhanh nhẹn, miệng lưỡi sắc bén, và cả xứ Galilée kính nể. Buổi chiều, sau một ngày làm việc mệt nhọc, khi chàng cùng Ruth đi dạo giữa các bãi cỏ, trong vườn trồng cây ăn trái hay qua những cánh đồng xanh tốt, chàng cảm thấy một tình tự bình an mà chàng chưa từng bao giờ cảm thấy.

Shoshanna không ngừng phát triển. Nông trường bây giờ đã có tới cả trăm dân đinh. Các cánh đồng và vườn tược đã chiếm hơn một ngàn mẫu. *Kibboutz* đầu tiên của Palestine hầu như đã mang lại được lời giải đáp cho vấn đề căn bản của chủ nghĩa phục quốc Do thái.

8

Tối hôm đó, Jossi có vẻ nghiêm trọng hơn thường nhật. Ngồi cạnh Sarah trên bao lơn căn nhà ba phòng xinh xắn, chàng im lặng ngắm bờ biển Địa trung Hải

giữa Tel-Aviv dưới chân chàng và Jaffa ở phía xa. Đột nhiên chàng nói :

— Nghe này em, anh vừa có một quyết định. Vừa rồi đây, mọi người yêu cầu anh lấy một tên bằng tiếng hébreu và chỉ nói tiếng hébreu thôi

Sazah kêu lên :

— Truyện gì kỳ quá ! Chính anh đã có lần nói rằng không bao giờ người ta còn thể làm sống lại một từ ngữ.

— Quả anh có nói thế. Anh cũng còn đã từng nghĩ rằng không bao giờ một dân tộc có thể làm sống lại quốc gia đã mất của mình. Dầu vậy, đó là điều chúng ta đang làm. Khi anh nghĩ tới sự phát triển tuyệt đẹp của Shohanna và các *Kibboutzim* khác. . .

Nàng ngắt lời :

— Chính em đang muốn nói về Shoshanna... Em đánh cá là anh muốn lấy một tên hébreu chỉ vì em trai anh đã làm như vậy. Bây giờ chú ấy tên là gì ?

— Akiba. Đề tưởng nhớ đến thần tượng của chú ngày xưa.

— Mong rằng thần tượng hồi nhỏ của anh là Bismark. Thật thú vị khi có chồng, chồng lại mang tên Tề tướng Đức quốc.

Chàng la :

— Quả thực chịu không nổi em đó. Đôi khi tự anh hỏi không biết em về Palestine làm gì. Nếu chúng ta phải học suy tưởng như chúng ta đã có một quốc gia, chúng ta cũng phải học nói quốc ngữ của chúng ta.

— Đó là điều chúng ta đang làm. Bởi vì chúng ta nói tiếng Yiddish. . .

Chàng phản đối

— À, không. Chỉ những kẻ lưu đầy, những kẻ ở ghetto mới nói Yiddish. Những người Do-thái Palestine, tất cả những người Do-thái đã trở về quê hương đều nói tiếng hébreu.

Tinh nghịch, nàng chọc ngón tay trở vào ngực ông chồng vĩ đại :

— Thôi xin bỏ đừng có kể cho tôi nghe các khẩu hiệu mới nhất của phong trào phục quốc của Do-thái nữa. Đối với tôi, bỏ cũng là Jossi Rabinsky.

— Em lầm rồi, Sarah, Dầu sao thì anh cũng quyết định rồi. Tốt nhất em bắt đầu học ngay hébreu : Kể từ giờ chúng ta chỉ nói chuyện với nhau bằng thứ tiếng này mà thôi.

— Quyết định của anh hoàn toàn khô hài !

Hai người đều giữ vững lập trường, thế là chiến tranh bùng nổ. Trong ba tuần lễ liền, Sarah cấm chồng không được vào phòng ngủ. Chàng phải đổi lại bằng cách chỉ nói bằng hébreu. Dĩ nhiên là không trả lời bằng Yiddish.

Dầu thế, Một buổi tối nàng mở cửa phòng gọi :

— Anh Jossi ! Lại giúp em một chút...

— Xin lỗi em, ở đây không có ai tên là Jossi hết. Nếu em nói với tôi thì tên tôi là Barak Ben Canaan.

— Cái gì ? Anh nói sao ?

— Em thừa hiểu anh nói gì rồi. Anh đã nghĩ rất lâu để tìm một tên hợp với anh. Theo tiếng hébreu, Barak

nghĩa là «chớp», dân Ả rập gọi roi da của anh như vậy đó. Và anh lấy họ là Canaan bởi vì anh trên núi Canaan...

Sarah đóng sập cửa trước mũi chàng. Trong suốt một tuần lễ, hai địch thủ đối đầu nhau trong im lặng.

Một đêm, khi cuộc tiêu chiến đã kéo dài cả tháng rồi, Barak trở về nhà sau một buổi họp hết sức mệt nhọc. Đại hội đồng phục quốc nhóm họp ở Jérusalem. Đại hội đã kéo dài ba ngày — ba ngày bàn cãi ác liệt và thảo luận say mê. Mệt nhỏi, Barak đã hi vọng Sarah sẽ chờ chàng về ; Pha cho một ly trà và nói chuyện cùng chàng. Nhưng Sarah đã vào phòng ngủ nằm, cửa phòng đóng kín. Chàng thờ dài, tháo giày, nằm co quắp trên chiếc divan ở phòng khách quá ngắn cho một người cao lớn như chàng. Chàng bắt đầu thiếp đi khi một làn sáng lọt qua kẽ mi. Đi đón trên đầu ngón chân, Sarah lướt nhẹ đến divan, qui xuống đặt đầu lên ngực chàng và thì thào bằng hébreu

— Em yêu anh, Barak Ben Canaan. Em yêu anh biết bao.

Trở thành một trong những lãnh tụ được mọi người nghe theo nhất của phong trào phục quốc, Barak Ben Canaan phục vụ không tiếc công sức, đảm nhiệm song phương các công tác tổ chức và điều đình bao giờ cũng tế nhị với các nhà cầm quyền Thổ và các *cheik* (1) Ả rập. Rất nhiều lần, có Sarah đi cùng, chàng sang Luân đôn, nơi đặt cơ quan đầu não của phong trào phục quốc, hay sang Thụy sĩ dự các buổi hội họp quốc tế. Tuy thế, chàng

1. *Cheik* : tù trưởng Ả-rập

không tìm được niềm hạnh phúc mà em chàng, Akiba, đã tìm thấy ở Shoshanna. Ước vọng lớn của chàng — lập nghiệp ở phía bắc ngọn Canaan, trong thung lũng Houleh — vẫn chưa được thỏa mãn. Rất buồn vì thấy chồng tiếc nuôi như thế, Sarah hết sức muốn mang lại cho chàng một bù trừ sinh con. Nhưng tạo hóa đã khước từ không cho nàng hưởng niềm vui này : trong năm năm liền, nàng sảy thai liên tiếp.

Thất vọng này lại càng cay đắng hơn nữa vì Bark đã tới tuổi bốn mươi lăm...

Trong thời gian đó, các biến cố chính trị xảy ra dồn dập. Năm 1908, cuộc nổi dậy của Giới Trẻ Thổ đã truất phế Abd Ul Hamid II, một ông vua già thối nát, để thay thế bằng Mohammed V. Vụ thay bậc đổi ngôi này đã làm cho sự hy vọng của người Do thái Palestine sớm bị tiêu tan : Thừa hưởng một đế quốc lung lay, Mohammed không hề muốn ban cho xứ Palestine một qui chế tự trị, bảo đảm cho sự hiện hữu hợp pháp và một đường lối chính trị của một quốc gia Do thái. Ngược lại, Anh quốc tiếp tục biểu lộ một cảm tình sâu đậm với chính nghĩa Do thái. Đến nỗi, đối với các người trong phong trào phục quốc cùng phát ngôn viên của họ là bác sĩ Chaim Weizmann, con đường phải theo coi như đã được vạch rõ : Giữa Thổ nhĩ Kỳ, «con bệnh của Âu châu», khước từ tất cả mọi trợ giúp, còn Anh quốc, địa vị tại Trung Đông mỗi ngày một thêm vững chắc, nên họ chọn lựa Anh quốc.

Dẫu thế nào đi nữa, sự sụp đổ toàn diện của Đế quốc Thổ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Lúc đó, đệ nhất thế chiến xảy ra.

Các quốc gia đồng minh Âu châu, sốt ruột muốn chia xẻ các mảnh đất của Thổ ở Âu châu, đã bức tức và ngạc nhiên khi nhận ra Đế quốc Thổ chẳng những không sụp đổ, mà còn tỏ ra là một địch thủ đáng kể nữa. Quân Nga bị chặn đứng ở biên thùy Caucase. Tại Trung Đông, quân Thổ khởi hành từ các vị trí của mình tại Palestine, đã vượt sa mạc Sinai để tiến đến kênh Suez, mạch máu chính của Đế quốc Anh.

Cuống lên, người Anh xúi dục dân Ả rập nổi loạn hứa sẽ cho họ độc lập để đòi lại sự ủng hộ chống lại Thổ. Nhưng dân Ả rập lại muốn chờ xem gió quay chiều nào đã. Và dân Ả rập cũng không thèm nghe những lời kêu gọi điên cuồng của Mohammed V, lãnh tụ tinh thần thế giới Hồi giáo, đã tuyên bố thánh chiến chống lại Anh quốc. Luân đôn đành bỏ tiền ra tìm cách mua chuộc kẻ địch vậy. Vàng Anh lại đóng vai trò truyền thống là làm mồi. Con cá cần lưỡi câu lần này rất to : *émir* (1) của La Mecque, «kẻ coi giữ các Thánh địa của Hồi giáo», con người nhiều tham vọng đã thấy mở ra trước mặt mình những viễn ảnh huy hoàng. Sự chấm dứt triều đại Mohammed V cùng dân Thổ phải chẳng sẽ cho phép ông mở rộng quyền bính ra toàn thế giới Ả rập chẳng ? Chưa kể một nửa triệu đồng livre bỏ túi đã...

Vậy là vị emir bước sang hàng ngũ Anh, hứa sẽ xúi dục các bộ lạc trong sa mạc nổi dậy chống lại Thổ. Trong

1. *Émir* : tiểu vương Ả-rập (coi 14)

nhệm vụ này, ông được người con phụ tá, đó là Faycal, một trong những lãnh tụ Ả rập hiếm có, Faycal có ý thức về xã hội và trí xét đoán của một chính khách.

Còn về những dân Do-thái ở Palestine, Anh quốc khỏi cần phải mua chuộc. Sự ủng hộ của họ coi như là có rồi. Và họ ủng hộ mạnh đến nỗi ngay lúc chiến tranh mới bùng nổ, họ đã công khai đứng về phía Anh quốc, kẻ thù của Thổ.

Sự trả đũa của Thổ xảy ra ngay lập tức : Kemal Pacha, được bổ nhiệm làm thống đốc tỉnh Palestine, quyết định khùng bố toàn diện cộng đồng Do-thái.

Barak Ben Canaan được báo tin vào giờ chót là chàng và Akiba nằm trong sổ đen của Mật vụ Thổ. Điều đó có nghĩa là sẽ bị giết. Chàng chỉ còn tối đa sáu giờ đồng hồ để chạy trốn. Chưa chi tờ chức địa phương của phong trào phục quốc đã bị dẹp bỏ. Sarah hỏi :

— Chúng ta còn bao nhiêu lâu ?

— Chúng ta phải ra đi trước khi trời sáng. Em thu xếp ngay một va li thôi, đừng lớn quá. Chúng ta phải bỏ lại tất cả.

Dựa lưng vào tường, nàng máy móc đưa tay xoa bụng. Có mang sáu tháng rồi, nàng cảm thấy cái thai cựa quậy rõ rệt hơn các lần mang thai trước. Nàng nghĩ : « Năm lần sảy rồi, và bây giờ . . . »

— Em không muốn đi. Không thể được . . . Em không thể . . .

— Sarah ! Không phải lúc.

Nàng rời tường để lao vào vòng tay chàng.

— Anh Barak, hiểu cho em . . . em không muốn mất đứa con này . . . em không thể nào chịu nổi . . .

Chàng thở dài.

— Em không thể nào ở lại đây được đâu, Sarah. Nếu tụi Thờ đến bắt em . . . anh không muốn tưởng tượng đến những gì xảy đến cho em.

— Nếu em chạy theo anh, em không thể nào giữ cái thai này được. Con của chúng ta, anh !

Chàng gỡ tay nàng ra, rồi chậm chạp cột lại cái túi đi đường.

— Hứa với anh là em lập tức lên đường đi Shoshanna. Ở đó, thím Ruth sẽ chăm sóc em. Nhớ đừng có lại quá gần những con bò cái yêu quý của thím ấy !

Chàng hôn nàng và Sarah nhót gót lên để bám được vào vai chồng.

— *Shalom*, Sarah. Anh yêu em.

Chàng quay nhanh người lại, và từ giã.

Akiba và Bark chạy trốn sang Le Caire, nơi ông bạn Trumpeldor, người chiến binh cụt tay, đang thành lập một đơn vị Do-thái gốc Palestine. Sau này, tiểu đoàn này đã tham dự vào cuộc đổ bộ của Đồng Minh vào Gallipoli cùng cuộc mở đường thất bại qua eo biển Dardanelle. Trong khi rút lui, Akiba bị một viên đạn vào ngực. Được đưa trở về Ai-cập và tiểu đoàn sau đó bị giải tán. Akiba và Barak lên đường đi Luân-đôn, nơi một đoàn viên phục quốc khác tên là Jobotinsky đang mộ người Do-thái tình nguyện để lập một đạo quân quan trọng hơn. Nhưng cả hai anh em đều không được tham dự vào đơn

vị mới này Akiba, vết thương lâu lành lại được gửi sang Hoa-kỳ đi thuyết trình. Còn Barak, hữu ích gì để làm người bộ binh tầm thường, nên tiến sĩ Weizmann đưa chàng vào trong ê-kíp lo các vụ thương thuyết về chính trị.

Quân Anh lúc đó vừa bị một loạt thất trận nghiêm trọng tại Trung Đông. Tướng Maud, sau khi đã chiến thắng «oi hùng» vài đơn vị Thổ gồm toàn dân Ả-rập, đã chạm phải cả một sư đoàn Thổ và đơn vị này đã đánh đơn vị ông tan tành. Lúc bấy giờ, tại phía Nam quân Thổ đe dọa trực tiếp kênh Suez; và ở Âu châu, quân Đức đã đánh tan đạo quân Nga ở tuyến đầu !

Còn về giấc mơ của Anh là có một cuộc nổi dậy của Ả-rập chống lại Đế quốc Thổ, chưa bao giờ lại có thể khó như lúc này. Quả thực vậy, người Ả-rập nghi ngờ Luân-đôn và Ba-lê đang bí mật chuẩn bị một thỏa ước chia đôi thế giới Hồi giáo giữa hai cường quốc đó !

Chaim Weizmain ý thức rằng phong trào phục quốc Do-thái phải khai thác tình hình trên để tiến một bước quyết định. Chưa bao giờ Anh quốc lại cần trợ giúp và ủng hộ đến như vậy. Một mặt khác, chính phong trào phục quốc cũng tìm một phương cách để lôi cuốn những người Do-thái cư ngụ tại các nước khác, nhất là Hoa-kỳ, vào phong trào chung.

Bởi thế, sau một thời kỳ thương thuyết gay go, Lord Balfour, tổng trưởng ngoại giao Anh quốc, gửi cho Lord Rothschild một bưu điệp trong đó ông nói

Chính phủ của Đức Vua đang cứu xét một cách thuận lợi việc thành lập ở Palestine, một quốc gia cho dân tộc Do-

thái, và sẽ cố gắng dành mọi sự dễ dàng cho việc thực hiện dự án này.

Phong trào phục quốc Do-thái sau cùng, có được Đại Hiến Chương của mình !

9

Mặt vụ của Kemal Pacha khám phá ra nơi trú ẩn của Sarah Ben Canaan hai tuần trước ngày nàng sinh. Không thêm đề ý tới tình trạng thai nghén, chúng bắt nàng lúc nửa đêm, đẩy vào trong một xe bit bùng, đưa đến đồn cảnh sát Tiberiade.

Cuộc thẩm vấn đầu tiên kéo dài hai mươi bốn giờ liền không một phút nghỉ.

— Chồng bà trốn nơi nào ? — Hẳn đã làm thế nào để chạy thoát được ? Bà liên lạc với hẳn bằng cách nào ? — Bà do thám chúng tôi cho tụi Anh — đừng cãi vô ích, chúng tôi biết rõ hết... Ai là những người cung cấp tin tức cho bà trong vùng ?

Không hề bối rối, Sarah nhận Barak đã trốn vì những cảm tình thân Anh, những cảm tình từ trước đến giờ chàng cũng không bao giờ dấu diếm. Nàng ở lại xứ Palestine chỉ cốt đợi đưa con ra đời. Còn về lời kết án làm gián điệp, nàng phủ nhận hoàn toàn trước sự giận dữ của thanh tra điều khiển cuộc thẩm vấn. Sau hai mươi bốn giờ thẩm vấn này, Sarah rõ ràng là người trầm tĩnh nhất trong văn phòng nhỏ bé ấy.

Nhưng nàng không thoát thân dễ dàng được. Mọi người lôi nàng sang phòng bên cạnh. Trong phòng một ngọn đèn dầu với khói đen bám vào, được treo trên trần, lắc lư phía trên một cái bàn bằng gỗ trắng. Bị năm cảnh binh dè ngửa ra giữ chặt, tên thứ sáu tháo giầy nàng ra. Rồi thay phiên nhau, chúng lấy roi gân bò đánh vào gan bàn chân. Và những câu hỏi cũ lại được nhắc lại, nhưng lần này kèm với những lời chửi rủa và đe dọa.

— Mà y liên lạc với Barak Ben Canaan theo cách nào ? — Những cán bộ tình báo trong hệ thống của mà y là những ai ? Tên họ của chúng là gì ? Các địa điểm gặp gỡ ở đâu ?

Nỗi đau đớn rất ghê khiếp. Sarah đau quá không thể nói được nữa. Mồ hôi tằm tã, hàm răng xiết chặt, nàng kìm được những tiếng kêu rên. Lòng can đảm của nàng làm tụi Thổ điên giận hơn nữa. Chúng đánh mạnh gấp đôi : chưa chi chân nàng đã bị rách nát và máu ứa ra.

— Mi có nói không, con Do-thái bần thủ này ! Nói đi thú đi, đàng nào rồi mi cũng chết !

Nàng ngất đi và bị đổ cả một thùng nước vào mặt cho tỉnh. Tỉnh rồi, đòn tra tấn và các câu hỏi lại tiếp tục. Nàng lại xỉu nữa và rồi lại tỉnh dưới làn nước lạnh giá. Các cảnh binh đòi phương pháp, kéo dang hai tay nàng ra, nhét đá nóng bỏng vào dưới nách. Và các câu hỏi lại tiếp tục với các lời chửi rủa la hét . . .

Chúng tra tấn nàng trong ba ngày ba đêm liên tiếp. Nàng không hé răng. Sau cùng, thần phục lòng can đảm ấy, chúng tha nàng ra. Ruth, trong suốt thời gian ấy đã

cầu khuẩn biện hộ cho Sarah ở bên ngoài, đưa chị dâu lên một chiếc xe do lừa kéo về Shoshanna.

Chỉ mười ngày sau, khi cảm thấy cơn đau đẻ đầu tiên, Sarah mới đẻ cho sự đau đớn bộc lộ. Tất cả những tiếng kêu đau đớn mà cảnh sát Thổ không làm nàng thốt ra được, bây giờ nàng kêu lên với một niềm tuyệt vọng. Rồi các tiếng kêu yếu dần. Trong *kibbotuz*, không một ai tin được nàng sẽ sống nổi.

Nàng sinh ra một đứa con trai thật đẹp và mạnh khỏe. Nói cho đúng hơn, nàng ở giữa sự sống và chết trong rất nhiều tuần lễ. Nàng, một thiếu phụ bé nhỏ, từ miền xa xôi Silesie Barak, đã tiếp tục chống trả, đẩy lui được bóng tối của cái chết.

Thời kỳ hồi sức của nàng rất lâu, hết sức khó khăn. Sau nhiều tháng nàng có thể đứng lên nổi, và một thời gian nữa nàng mới có thể bước đi được với đôi chân bị tra tấn. Từ những thử thách khốn khổ ấy, nàng có một dáng đi khập khễnh không chữa khỏi được.

Sau cùng, đến mùa xuân 1917, quân Anh đủ sức để mở các cuộc tấn công. Xuất phát từ các vị trí ở Ai cập, họ đã đẩy lui được quân Thổ, với nhiều thiệt hại nặng, qua bán đảo Sinai trước, rồi kể đó đuổi luôn được địch ra khỏi xứ Palestine. Trước đêm Noel một hôm, quân đội Anh tiến vào Jerusalem.

Vài tháng sau Barak Ben Canaan cùng em là Akiba trở về xứ sở. Ngày mà hai anh em vượt qua hàng rào của

Shoshanna, các bóng hồng vừa nở giữa những thảm cỏ xanh tươi.

Sarah đợi chồng trước căn nhà nhỏ mà ban quản trị nông trường đã cấp phát. Đã có những sợi bạc trắng trong bộ râu hung đỏ của Barak. Và mái tóc đen của Sarah cũng đã điểm một vài sợi bạc. Nhưng khi chàng ôm nàng vào trong tay, tất cả những khổ đau của bốn năm chiến tranh đều được tan biến. Sarah, vẫn nhỏ bé mảnh khảnh, nắm lấy tay ông chồng không lồ, khấp khểnh dẫn chồng vào nhà. Trên giường, một đứa bé ba tuổi khoẻ mạnh kháu khỉnh đang quay đầu lại ngó người lạ mặt.

Barak quì gối và đưa hai tay mạnh mẽ bồng đứa bé đưa lên nói nhỏ

— Con tôi ! Con trai của tôi !

Sarah cúi xuống phía chàng :

— Tên con là Ari...

Bản tuyên ngôn Balfour được năm mươi nước phê chuẩn.

Ở Palestine, cuộc khủng bố của Thổ đã thanh toán hết một nửa dân số Do-thái tại xứ này. Bên Trung Âu, các rối loạn thời hậu chiến đã làm cho các vụ pogrom gia tăng trở lại. Xét theo một chiều hướng nào đó thì hai hiện tượng đó bù trừ cho nhau : Chạy trốn các vụ bạo hành, một đợt sóng di dân thứ ba đổ vào xứ Israél và bù đắp cho những người đã bị tàn sát ở Palestine.

Một trong những hậu quả đầu tiên sự ủy trị của Anh

quốc tại xứ này là việc hủy bỏ cấm mua đất cát do người Thổ trước kia ban hành để ngăn cản sự xâm nhập của Do-thái. Cơ quan Tài trợ Lập nghiệp của phong trào phục quốc lợi dụng cơ hội này để thực hiện một tham vọng ôm ấp từ nhiều năm : Mua một vùng đất rộng trong thung lũng Jezreel bao gồm cả phần phía nam Galilée. Nhờ ở vụ mua đất này, lớn lao chưa từng có, mọi người có thể thành lập hàng loạt *kibboutz* mới.

Sự kiện này gây ra cả một niềm hăng hái kỳ lạ. Từ khắp mọi nơi, các tay khai hoang cựu trào từ bỏ các tiện nghi đã đạt được một cách khó khăn trước đây để tới trợ giúp cho việc xây dựng các cộng đồng mới. Akiba và Ruth mang theo đứa con gái Sharona mới sinh, rời bỏ tiện nghi (tương đối, nhưng không thể chối cãi là có tiện nghi) ở Shoshanna để mang sức và kinh nghiệm của mình giúp cho một nhóm người sắp tới lập nghiệp ở phía bắc Rosh Pinna, trong một nông trường mang tên *Ein Or* (Suối ánh sáng).

Trong thời gian ấy Tel-Aviv cùng các thành phố khác phát triển mạnh. Ở Haifa, người Do-thái bắt đầu mua nhà trên sườn núi Carmel. Ở Jerusalem, các nhà của họ xây cất đã vượt quá cái khung chật hẹp tạo bởi các tường thành cũ. Về phía người Anh, họ mở các con đường giao thông mới, thành lập các trường học, nhà thương, cải tổ các tòa án. Lord Balfour đích thân tới Jérusalem để đặt viên đá đầu tiên cho một Viện đại Học Do-thái trên ngọn Scopus.

Đề tiến hành nhanh thêm sự tiến đến thành lập một Quốc gia thực sự, các Do-thái ở Palestine bầu ra một ủy

ban đại diện, được gọi là «Trung ương» một thứ chính quyền đặc trách việc điều đình với người Anh và người Ả-rập. Trong những nhân viên của ủy ban này, Barak Ben Canaan được hưởng một uy tín xứng đáng với quá khứ cũng như các đức tính cá nhân của mình.

Nhưng chưa chi ma quỷ đã nhào vào quấy phá. Không những còn xa mới được hưởng hòa bình mong ước, Palestine lại còn bị trở thành trung tâm cho một vụ tranh chấp quốc tế rộng lớn.

Dấu hiệu mở đầu cho tranh chấp này, kỳ dị thay, lại do Cộng sản Nga, các chủ nhân ông mới của các nước Nga ban hành. Khám phá thấy trong văn khố của sa-hoàng bản văn thỏa ước bí mật Sykes-picots trong đó Pháp và Anh chia nhau Trung Đông, điện Kumlin cho đăng tải tài liệu đó để gây rắc rối cho Anh và Pháp.

Mục đích này đã đạt được quá mức mong ước bởi vì thỏa hiệp trên mâu thuẫn quả tang với các lời hứa hẹn cho các dân Ả-rập độc lập của Anh Pháp. Trong các thủ đô Hồi giáo, các tiếng la ó vang lên dữ dội. Các biến cố xảy ra đã biện minh cho sự la ó này là đúng : tại hội nghị San Remo, Luân-đôn và Ba-lê chia cắt Trung Đông như cắt bánh. Người Pháp chiếm Syrie, kéo dài thêm bằng ống dẫn dầu từ các mỏ ở Mossoul tới, còn người Anh, họ chiếm phần *sự tử* bằng cách chiếm tất cả những gì còn lại. Nghĩa là một phần rất ngon lành.

Một mặt là hai vương quốc bù nhìn : Irak, tên mới của xứ Mésopotamic, ngai vàng được trao cho Fayçal, con của emir thành Mecque, để thưởng công cho đã điều khiển,

hầu hết bằng mồm thôi, các bộ lạc Ả-rập nổi dậy chống lại quân Thổ ; và Transjordanie, tạo ra bằng cách lấy một phần của Palestine (Luân-đôn cũng chẳng buồn xin phép Hội Quốc Liên về việc cắt xén này nữa), gán ghép với các phần đất khác rồi đem trao cho Abdullah, em của Fayçal, kẻ cũng đang sốt ruột mong được hưởng phần thưởng vì đã giúp người Anh những công tác khó xác định — Và có lẽ là không thể nào xác định nổi.

Một mặt khác, Luân-đôn chiếm đóng trực tiếp Ai-cập và kênh Suez, Mossul với các giếng dầu, và Palestine, lãnh thổ được Hội Quốc Liên trao quyền ủy trị cho Anh. Đó là chưa kể cả chục «xứ bảo hộ» khác chung quanh bán đảo Arabie.

Tuy vậy Palestine đặt ra một vấn đề đặc biệt. Bản Tuyên ngôn Balfour đã được toàn thế giới chấp nhận, Luân-đôn không thể cưỡng buộc xứ đó phải chịu nhận một chính quyền theo ý Anh quốc được. Hơn nữa những điều khoản ủy trị đã bắt buộc nước Anh phải thành lập một Quê Nhà Do-thái. Năm vững tình thế này, tiến sĩ Weizmann cùng các lãnh tụ phục quốc khác, trong đó có Barak Ben Canaan, đã điều đình thẳng luôn với Fayçal, lúc đó là phát ngôn viên không ai chối cãi được của thế giới Hồi giáo. Các cuộc thương thuyết dẫn tới một hiệp ước thân thiện trong đó Do thái cùng Ả rập cùng chấp nhận sẽ tôn trọng những nguyện vọng của nhau. Phía Ả rập công nhận các quyền về lịch sử của Do thái ở Palestine, ngoài ra còn tuyên bố rõ ràng rằng văn minh, tinh thần chủ động cùng các vốn liếng do Do thái mang

tôi đã đóng góp thuận lợi cho sự phát triển xứ này.

Bây giờ, cần phải triệu tập "một hội nghị bàn tròn". Nhưng không may là nếu phía Do thái có được qua "Trung Ương" một chế độ đại diện vừa dân chủ vừa được ủy nhiệm đủ quyền hành, thì phía Ả rập, họ chỉ là một đám vô định hình hỗn độn. Một vài triều đại của các effendi ấy chỉ có thể nhân danh chính họ, nghĩa là cho một thiểu số rất nhỏ dân chúng mà thôi.

Một trong những triều đại mạnh nhất loại đó, là gia tộc El Husseini, sở hữu chủ của rất nhiều địa hạt rộng lớn trong vùng Jerusalem Tộc trưởng là Hadj Amine trước đây đã có dự tính lợi dụng sự sụp đổ của Đế quốc Thổ để chiếm lấy quyền hành ở Palestine. Để đạt tới mục tiêu này, ông xoay xở để được bổ nhiệm làm *mufti* Jerusalem, một địa vị mang lại cho ông hai phương diện hành động. Một mặt Jerusalem là thành phố thánh thứ ba của Hồi giáo, sau La Mecque và Medine, nên ông sẽ có thể lợi dụng các số tiền lớn quyền được khắp trong thế giới Hồi giáo để bảo vệ các thánh địa. Một mặt khác, trong một đại chúng thất học mù chữ tới chín mươi chín phần trăm, các bài giảng trong các buổi lễ là khí cụ duy nhất để tuyên truyền trong quần chúng. Dụng cụ càng nguy hiểm hơn nữa là vì các fellah có khuynh hướng trở thành điên rồ sau bất cứ kích thích nào.

Dĩ nhiên là muốn làm *mufti*, cần phải là con cháu đích tôn của vị tiên tri xưa kia. Nhưng Hadj Amine không thắc mắc nhiều vì thế : Ông cưới một cô gái thuộc dòng dõi Mahomet và tuyên bố rằng qua cuộc hôn nhân

này, ông đã thực hiện được điều kiện nói trên.

Tới đây, thì vị mufti già được gọi về châu đấng Allah. Trong cuộc bầu cử người thay thế, Hadj Amine mà các tham vọng ai cũng biết, chỉ đứng hạng tư. Ông không chịu nhận thất bại vì thế cả tộc bộ của ông, toàn các tay chuyên cắt gân người không, đã hoạt động tích cực đe dọa ba ứng cử viên trên đến nỗi cả ba đành rút lui thì hơn. Hadj Amine thắng cuộc bầu cử làm mufti chỉ vì các ứng viên khác không ai dám nhận chức.

Đối với vị tân mufti này thì chương nghị: chính trên con đường dẫn tới quyền bính là cộng đồng các người khai hoang Do thái. Phải tấn công đánh họ ngay. Ngày lễ mừng Đản sinh của Moïse, ông đọc một bài giảng dữ dội chống lại người Do thái. Đám đông quần chúng rách rưới nghèo đói nghe xong là nổi cơn điên lên ngay, thế là có pogrom.

Dẫu sao cơn giận của quần chúng Ả-rập cũng không đủ mạnh để thúc đẩy họ đến chỗ tấn công các thành phố cùng các Kibboutz, nơi mà người Do-thái thừa đủ khả năng đề tự bảo vệ. Dân Ả-rập thích tấn công các cộng đồng chính thống giáo ở Safed, Tibériade, Hébron và Jérusalem hơn, đề tàn sát các cụ già vô phương chống cự.

Ngày hôm đó Ruth cùng con gái Sharona lại có mặt ở Tibériade. Bị tràn ngập trong cơn sóng man rợ, cả hai mẹ con đều bị giết.

Khi biết tin, Akiba chìm đắm trong tuyệt vọng hoàn toàn. Barak vội vàng tới Kidboutz Ein Or để đưa em về nhà mình ở Tel-Aviv. Trong nhiều tuần lễ, chàng và Barak

phải canh chừng hai mươi bốn trên hai mươi bốn, sợ Akiba sẽ tự tử. Mất nhiều tháng, Akiba mới tỉnh lại được. Nhưng đau đớn để lại trong lòng chàng một vết sẹo không bao giờ lành được.

Kể từ khi có chế độ ủy trị, đa số những cộng đồng Do-thái đã trao vũ khí cho các nhà cầm quyền Anh, kể chịu trách nhiệm duy trì trật tự. Bây giờ dân Do-thái đợi người Anh dẹp yên các vụ rối loạn và kết án những kẻ đầu tiên. Cao ủy Anh quả thực có chỉ định một ủy ban điều tra, ủy ban này đã qui trách cho Hadj Amine. Hadj Amine sau đó được. . . thứ lỗi !

Vài ngày sau, Thuộc địa vụ tại Luân-đôn cho công bố một Bạch thư giới hạn sự nhập cảnh của người Do-thái xuống «một phân xuất phù hợp với khả năng hấp thụ về phương diện kinh tế của xứ sở» Đó cũng là lúc Churchill chọn đề cắt phân nửa lãnh thổ ủy trị để tạo ra Transjordanie. Đối với phong trào phục quốc Do-thái, đến đây là chấm dứt một thời kỳ, sự sụp đổ tan tành của cả một giấc mộng đẹp.

Trong một buổi hội nghị bí mật triệu tập ở Tel-Aviv chừng năm mươi năm lãnh tụ phục quốc hiện diện. Có mặt: Tiến sĩ Weizmann từ Luân-đôn tới, Barak Ben Canaan cùng em là Akiba, một người mang tên David Ben Gourion người thấp nhưng vai rộng, và một kẻ mang tên Avidar nào đó có thân thể vững chắc và đầu trọc lại làm người ta nhớ tới người chiến binh oai hùng đương sự đã từng là trước kia trong quân đội sa-hoàng.

Ngày lúc vừa mở đầu thảo luận, ba khuynh hướng

khác nhau đã biểu lộ. Tiến sĩ Weizmann cùng các bạn ông thì cho rằng, vì người Anh là chức quyền duy nhất hợp pháp trong xứ, việc duy trì trật tự — trong trường hợp này, là dẹp yên các vụ rối loạn — phải là nhiệm vụ của quân lực Anh. Đối với nhóm thứ hai, chủ hoà cực đoán thì mọi nỗ lực võ trang người Do-thái đều sẽ bị dân Ả-rập coi như là khiêu khích họ. Còn các tay tích cực do Akiba đứng đầu thì họ chủ trương trả đũa chớp nhoáng và tàn nhẫn. Họ khẳng định rằng cảm tình cũng như sự bảo vệ của người Anh chỉ có trên giấy tờ, còn trên thực tế, người Anh chỉ hành động cho quyền lợi của họ. Còn đối với dân Ả-rập, thì không có một lý luận nào, kết án nào làm cho họ suy nghĩ hữu ích bằng một khẩu súng chia thẳng vào họ.

Sau đó, các thảo luận sôi nổi kéo dài rất khuya trong đêm. Sau cùng, những kẻ ủng hộ một giải pháp vừa thực tế vừa thận trọng đã thắng thế. Đa số đã chấp thuận một đề án do Ben Gourion, Ben Canaan và Avidan đưa ra. Ba người này, vừa công nhận người Do-thái cần phải võ trang, vừa muốn củng cố lập trường Do-thái bằng những phương cách hợp pháp. Hậu quả là mọi người sẽ thành lập và huấn luyện một đoàn dân vệ bí mật hoàn toàn chỉ có mục đích tự vệ mà thôi. Các cơ cấu đại diện cho cộng đồng Do-thái, trên lập trường chính thức sẽ coi như không biết tới sự hiện hữu của đoàn này, nhưng khuyến khích đoàn một cách bí mật. Nhờ những trận chiến trong bóng tối như thế, ta sẽ dễ kiểm chế dân Ả-rập và điều đình với người Anh hơn.

Quyết định sau cùng là bổ nhiệm Avidan vào chức vụ tư lệnh đoàn dân vệ sẽ được gọi là Haganah, hay Tự Vệ đoàn.

10

Đợt sóng di cư thứ ba tiến vào các thung lũng Jezreel và Sharon, trải rộng trong vùng Samarie, len lỏi vào giữa các quả đồi vùng Galilée và Judée, phiêu lưu xuống phía nam, hướng về sa mạc. Các người khai hoang mang theo tới tận nơi lập nghiệp các trang bị nặng, du nhập các nguyên tắc canh tác tăng cường và luân canh, các phân bón hóa học, dẫn thủy nhập điền trên một kích thước rộng lớn. Ngoài việc sản xuất truyền thống các bưởi bồng và ô-liu, họ trồng thêm lúa mì và rau cỏ, đậu, nuôi gà và kỹ nghệ sữa. Họ tiến đến tận bờ Tử hải, chiếm các phần đất còn mặn muối biển, không thể trồng trọt gì nổi từ bốn mươi ngàn năm, đề rồi vẫn cứ thu hoạch được hoa màu từ phần đất đáng nguyên rủa đó.

Năm 1925, hơn năm chục ngàn Do-thái, phân phối trong hàng trăm nông trường, đã khai thác hơn một nửa triệu *dounam* khai hoang được từ một xứ đã bị bỏ hoang phế từ lâu. Đa số trong họ đều mặc thứ y phục xanh da trời của các kibboutz. Họ đã trồng hơn một triệu cây. Trong mười, hai mươi, ba mươi năm nữa, những cây đó sẽ chiến thắng dứt khoát được hiện tượng đất đai bị soi mòn.

Trồng cây đã trở thành một ám ảnh đối với những người khai hoang. Từ đầu đến cuối xứ sở, họ vạch ra cả một vòng đai rộng xanh tươi.

Rõ ràng là phong trào kibboutz, phát sinh từ các nhu cầu của xứ Palestine, đã là giải pháp cho vấn đề phục quốc. Nhất là các nông trường tập thể bây giờ đã đủ nhiều để hấp thụ được hàng ngàn người di cư tới sau. Dầu sao cũng có nhiều người cảm thấy mình không thể thích ứng với loại đời sống này nhiều người phụ nữ sau khi đã đòi được độc lập cho phụ nữ, đã hối tiếc là đã đòi được ; nhiều kẻ quá cá nhân chủ nghĩa không thể chịu nổi đời sống quá tập thể, nhiều gia đình không đành lòng trao phó con cái cho nhà nuôi trẻ. Tuy vậy lý do khước từ chính yếu vẫn là sự kiện người khai hoang không sao đồng nhất mình với khoảng đất mà họ có thể coi như sở hữu chủ. Vì thế sau cùng một nhóm ly khai đã tách ra khỏi phong trào kibboutz để thành lập một tổ chức xã hội mới gọi là *moshav*. Trong các nông trường *moshav*, mỗi người đều có đất riêng, canh tác riêng và ở nhà riêng. Nhưng mọi người vẫn duy trì quyền sở hữu tập thể cho các đồ trang bị nặng, cũng như duy trì một ban quản trị chung cho các dịch vụ công ích và mại mại.

Một buổi chiều năm 1924, trở về nhà sau một tuần lễ làm việc mệt mỏi ở «Trung ương» phục quốc, Barak ngạc nhiên thú vị khi thấy ngồi trong phòng khách ông bạn già Kammal, mouktar của làng Abou Yesha, Kammal nói

— Từ nhiều năm nay, tôi tuyệt vọng tìm kiếm một phương cách để giúp dân tôi ra khỏi các khổ cùng mà anh đã biết. Tôi đã nhận thấy một điều hiển nhiên : chưa có ở nơi nào những kẻ bóc lột người tòi tẹt hơn là các effendi Ả rập. Họ không hề muốn cải thiện đời sống của các fellah . . . tiền bộ nào cũng có thể coi như đe dọa sự giàu sang phú quý của họ cả. Một mặt khác, tôi đã thấy những người Do-thái trở lại xứ này và làm được các phép màu. Chúng tôi chắc chắn là không có gì chung với người Do-thái rồi : tôn giáo không, ngôn ngữ không, hình dáng bề ngoài cũng không nữa. Hơn nữa, tôi còn tự hỏi một ngày kia người Do-thái dám chiếm hết đất xứ này không biết chừng. Dầu thế, những người Do-thái lại là lối thoát khả dĩ duy nhất cho những người Ả rập. Từ ngàn năm nay, người Do-thái là những kẻ duy nhất đã mang ánh sáng lại cho cái xứ cằn cỗi này.

— Kammal, tôi hiểu anh khổ tâm đến mực nào khi thú nhận như thế . . .

— Anh để tôi nói tiếp. Nếu Ả rập và Do thái có thể sống nòi với nhau hòa thuận mặc dù tất cả những gì đang chia rẽ chúng ta, thì người Ả rập về lâu về dài sẽ được hưởng công trình người Do thái đã thực hiện. Chính vì thế tôi đã có một quyết định trọng đại : tôi có ý định bán cho Quĩ Lập Nghiệp của các anh vùng đất ven hồ Honleh mà anh vẫn ao ước từ lâu đấy.

Barak thấy tim mình nhầy nhanh hơn. Kammal nói tiếp :

— Vụ bán này không hoàn toàn là do hảo tâm. Tôi

sẽ đưa ra các điều kiện của tôi. Các anh phải cho phép dân Ả-rập làng tôi được học các phương pháp vệ sinh và canh tác của các anh. Các anh cũng phải chấp nhận cho vào trường các anh những đứa có khiếu nhất để chúng có được một nền học vấn tối thiểu.

— Về hai điểm này, anh sẽ được thỏa mãn hoàn toàn.

— Tôi chưa nói hết. Còn điều kiện thứ ba nữa : chính anh phải tới cư ngụ trong nông trường mới ấy.

Barak vuốt râu :

— Tôi ? Tại sao phải là tôi ?

— Ngày nào anh còn ở với chúng tôi, tôi biết là các điều kiện trên sẽ được tôn trọng và chúng ta sẽ giữ được tình láng giềng tốt. Tôi tin ở anh ngay từ ngày đầu tiên anh tới Abou Yesha, khi anh còn là một chàng trai mới lớn. Nghĩa là cách đây hơn ba mươi năm rồi.

Barak lầu nhàu :

— Xin cảm ơn anh. Nhưng anh đề cho tôi thì giờ suy nghĩ đã.

Sarah hỏi

-- Mình định trả lời bác Kammal ra sao ?

Barak nhún vai

— Chắc chắn là trả lời không rồi. Thật đáng tiếc, dĩ nhiên... Trong biết bao nhiêu năm anh đã cầu xin bác ta bán cho chúng ta phần đất ấy, và bây giờ... nếu anh từ chối tới lập nghiệp ở đó thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có

được vùng đất ấy hết. Nhưng phải nhìn thẳng vào sự thực mới được. Ở trung ương, mọi người cần có anh. Anh chưa thể qui khứ lại từ được...

Sarah tán thành :

— Em hoàn toàn hiểu anh. Không có anh, tổ chức phục quốc sẽ ra sao nhỉ ?

— Vậy đó ! Chưa kể đến sự kiện anh đã quá năm mươi rồi, và công tác khẩn hoang vùng đó sẽ là một cuộc đội đá vá trời...

— Anh nghĩ phải đó. Không ai ở tuổi anh mà tình nguyện đi làm người khẩn hoang hết. Và lại mình đã đóng góp đủ vào việc xây dựng xứ này rồi.

Chàng thở dài, ngừng đi đi lại lại trong phòng, ngồi phịch xuống ghế bành. Sarah lại gần, nghiêng người về phía chồng. Nàng mỉm cười. Barah la :

— Em, em đang chế nhạo anh. Vì có gì vậy ?

Nàng lướt nhẹ ngồi lên lòng chồng và Barah vuốt tóc nàng với một dáng điệu êm dịu không ai có thể ngờ là có được ở một người to lớn như chàng. Chàng nói nhỏ

— Anh chỉ nghĩ tới em, tới em và tới con. Công việc sẽ nặng nhọc lắm, đời sống khó khăn, hết sức khó khăn...

— Im đi nào mình. Uống trà đi...

Barak xin từ chức ở Quỹ Lập Do thái, bán căn nhà đẹp ở Tel Aviv rồi đứng đầu hai mươi lăm gia đình khai hoang nữa, lên đường tới vùng đầm lầy Honleh. Chàng sẽ

thành lập một *moshav* đặt tên Yad El, Bàn tay của Chúa.

Họ dựng lều ở mạn dưới các cánh đồng của làng Abou Yesha và thiết lập một chương trình làm việc. Trong tất cả những người khai hoang này, chưa có ai đương đầu với một công cuộc gay go như thế bao giờ. Các đầm lầy Honleh không dò nổi, phủ đầy cả một rừng bụi rậm cùng các cây cao cả năm thước. Trong bùn lúc nhúc rắn độc, bọ cạp, chuột. Trong các quả đồi chung quanh, đầy lợn lòi và chó sói. Đồ trang bị, dụng cụ, thực phẩm và cả đến nước uống cũng đều phải dùng lừa chở tới.

Sarah điều khiển tại căn cứ, phòng y tế, bếp núc. Barak chỉ huy các ê-kíp ngày nào cũng như ngày nào, dưới ánh mặt trời tàn bạo, ngấm người đến tận thắt lưng và đôi khi đến tận vai vào nước hôi thối để đào những mương dẫn thủy đầu tiên. Đàn bà cũng làm việc với đàn ông, và ba đứa trẻ của nông trường, dưới quyền điều động của Ari Ben Canaan mới được mười tuổi. lúc đó, lo việc mang đồ các thùng bùn và tiếp tế thức ăn. Mọi người làm việc bảy ngày trong một tuần, từ tinh sương đến mờ tối, và đêm đến lại còn phải thay phiên nhau gác vì có thú dữ và trộm cướp.

Ngay từ lúc đầu, đã là một cuộc chạy đua với thời gian rồi : các mương dẫn thủy phải được hoàn tất trước khi mùa mưa tới, nếu không tất cả nỗ lực của mùa hè sẽ bị tiêu tùng hết. Mọi người trồng hàng trăm cây khuyneh diệp Úc để chúng hút nước đi. Đề trợ giúp cho các người

khai hoang, các *kibboutz* và *moshav* đều gửi người đến giúp mỗi khi có thể được.

Các cơn mưa đầu mùa đông suýt nữa cuốn trôi các lều. Sau mỗi trận mưa lớn, đàn ông đàn bà lại ùa ra để chữa các ống thoát nước bị bùn đóng nghẹt. Chưa chi, ngay cả đến Barak Ben Canaan, khối gân và bắp thịt ấy, cũng bắt đầu tự hỏi phải chăng lần này, họ đã không biết lượng sức mình. Mỗi khi nhìn vợ nhìn con mặt bị muỗi đốt sưng vù, yếu đi vì bệnh kiết, chàng có cảm tưởng như tim mình ứa máu. Nhưng thiên tai tồi tệ nhất, đó là bệnh sốt rét, bệnh của các đầm lầy. Trong sáu tháng đầu tiên, Sarah bị lên cơn sốt năm lần, Ari bốn và lần nào cũng tưởng là chết luôn. Dầu vậy không bao giờ họ than thở hay làm một biểu lộ nào chứng tỏ họ đã hối tiếc là đã tới nơi lam sơn chướng khí này.

Tuy thế đầm lầy đã đập vỡ tan nhiều cương nghị. Sau một năm, một nửa nhóm người nguyên thủy đã bỏ cuộc và lên đường trở về thành phố để sống một cuộc đời đỡ vất vả hơn. Chưa chi nông trường đã có nghĩa trang : Bệnh sốt rét đã mang đi hai người.

Họ mất ba năm — ba năm chiến đấu không ngừng — để chiến thắng các đầm lầy. Sau thời gian này, các mặt đất đã đủ khô để đạc điền thành hai mươi lăm nông trại, mỗi trại hai mươi mẫu. Mọi người không mất thì giờ để ăn mừng thành công đầu tiên này : cần phải reo hạt ngay, xây cất nhà cửa và vựa lúa.

Ari, hoàn toàn chiến thắng bệnh sốt rét, đã trở thành cứng cáp như sỏi đá. Mới mười bốn tuổi, chàng đã có sức

manh cùng khả năng chịu đựng của một người lớn.

Khi gia đình Ben Canaan đã dọn vào ở bungalow của mình, các đồng ruộng đã cấy bừa xong, Barak được hưởng phần thưởng của ba năm cố gắng vượt sức con người : Sarah báo tin nàng lại có mang. Và đến cuối năm thứ tư, trong khi những khai hoang say thóc mùa gặt đầu tiên ở Yad El, Sarah sinh đứa con thứ hai, một đứa con gái tóc óng ả, hung đỏ, giống hệt như tóc bố.

Bây giờ sau hết mọi người có thể cho phép mình nghỉ ngơi vài ngày và ăn mừng chiến thắng kỳ diệu. Và quả là một vụ ăn mừng ! Từ khắp vùng kéo tới những đàn ông đàn bà thuộc các kibboutz và moshav đã từng trợ giúp cho nông trường mới này, còn từ làng Abou Yesha tới là các người Ả-rập do Kammal hướng dẫn. Trong một tuần lễ liền, mọi người nhầy điệu *hora* quanh các đám lửa trại. Ai cũng muốn ngắm nghía bông bế con gái của Sarah và Barak, được đặt tên là Jordana để tưởng nhớ con sông châu dọc theo Yad El.

Bỏ dở buổi lễ, Barak thắng yên hai con ngựa để đi cùng Ari lên chỗ mà bốn mươi năm về trước, chàng đã qua đó vào xứ Palestine. Đứng từ trên đồi cao, nhìn xuống thấy các cánh đồng, nhà cửa và các con đường của nông trường mới. Barak nói.

— Bố đã đưa mẹ con tới đây trước khi cưới . . .

Chàng vòng cánh tay ôm lấy đôi vai lực lưỡng của con.

— Một ngày kia tất cả thung lũng này sẽ được khai hoang, đồng lầy và sỏi đá sẽ biến thành thiên đàng dưới thế.

Các ống tưới nước tròn xoay tung ra một làn nước rỏ quạt. Một ngôi trường sắp làm xong ở giữa các thảm cỏ và các luống hồng. Một kho lẫm lớn chứa khoảng chục chiếc máy kéo và máy gặt. Chỉ có một vết đen duy nhất trong bức tranh tiến bộ hòa bình này, đó là nghĩa trang với đầy năm ngôi mộ.

Các hi vọng của Kammal, mouktar của làng Abou Yesha không bị thất vọng: việc thành lập Yad El có những tác động thần diệu với đời sống dân làng ông. Trung thành với lời hứa, Barak đã cho thành lập các trường đặc biệt trong đó thanh thiếu niên Ả-rập được học những nguyên tắc vệ sinh tân tiến, cách sử dụng các nông cụ cơ giới, các phương pháp canh tác tăng cường. Cũng như viên y sĩ và nữ điều dưỡng của Yad El cũng phục vụ cho cả người Ả-rập.

Đứa con cứng nhất của Kammal, Taha, trở thành người được gia đình Ben Canaan bảo trợ. Kammal đã truyền thụ lại cho Taha lý tưởng của mình làm việc để cải thiện đời sống của các fellah. Đến nỗi rằng vị xã trưởng tương lai của Abou Yesha sống trong nông trường Do-thái nhiều hơn sống trong làng mình. Ari hơn Taha vài tuổi, đã kết bạn với Taha và đi đâu mọi người cũng thấy có hai người với nhau.

Tuy vậy, cái minh chứng tỏ Do-thái và Ả-rập có thể sống và làm việc cạnh nhau trong hòa thuận này không làm hài lòng tất cả mọi người. Đa số những effendi giàu

đã bắt đầu sợ hãi điều mà dưới mắt họ, là một cái gương tây trời đáng lo. Các đặc quyền của họ rồi sẽ ra sao nếu các fellah đòi hỏi quyền được đi học, đòi có các cơ sở vệ sinh, săn sóc y khoa ? Nếu họ nghĩ tới — ý tưởng ghê khiếp thay ! — việc bắt chước những tên Do-thái đáng nguyên rủa kia, những kẻ cai trị nhau theo phương pháp dân chủ và cho cả đàn bà quyền bỏ phiếu ? Như vậy chắc sẽ là sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến phụng sự rất tốt — cho quyền lợi của các effendi !

Đề chống lại các tiến bộ của công cuộc khẩn hoang Do-thái, các effendi biết rằng họ có thể trông cậy ở sự ngu dốt, sợ hãi mê tín cùng lòng cuồng đạo của các nông dân Ả-rập. Mufti Hadj Amine, về phía ông, cũng nghĩ như thế. Dẫu sao ông cũng án binh bất động từ lâu quá rồi. Bây giờ, năm 1929, ông cho rằng đã đến lúc thuận tiện để hành động.

Địa điểm có giáo đường Omar ở Jérusalem được toàn thể thế giới Hồi giáo sùng kính như là nơi vị tiên tri đã thăng thiên. Vậy mà cũng tại địa điểm này có Bức Tường Than Khóc nổi danh, di tích sau cùng của ngôi đền thờ lớn của Do-Thái đã bị quân La-mã phá hủy vào năm 76 trước TL. Những người Do-thái sùng tín thường đến tưởng niệm, trước tường, đề cầu nguyện và khóc cho sự huy hoàng đã mất của Vương quốc Israël.

Mufti Amine liền cho phò biến các bức hình nguy tạo trong đó mọi người thấy, trước bức Tường Than Khóc những người Do-thái sắp sửa «báng bõ» thánh địa của giáo đường Omar. Con cuồng đạo của Hồi giáo lập tức bùng ra ngay. Dân chúng Ả-rập lại tấn công các ông già sùng đạo vô

phương tự vạ của các thành phố thánh, nhưng lần này các cuộc tàn sát đạt tới các tỷ lệ ghê gớm hơn các pogrom do chính mufti này tổ chức mười năm về trước nhiều. Các cuộc tàn sát cũng tràn đến cả một vài kibboutz nhỏ kém trang bị, nên con số người chết của hai bên lên tới nhiều nghìn người. Còn về người Anh, một lần nữa họ lại hầu như không sao phục hồi trật tự.

Ngược lại, họ chỉ định một ủy ban điều tra. Ủy ban này, sau khi qui trách nhiệm cho người Ả-rập mà thôi, đã đưa tới một kết luận không ai ngờ : bắt căn cả bản Tuyên ngôn Balfour lẫn các điều khoản trong bản văn ủy trị, ủy ban khuyên cáo nên hạn chế nghiêm khắc việc nhập nội của Do-thái cùng việc mua đất «đề làm giảm sự lo ngại của người Ả-rập».

11

Sáng hôm đó, Barak trao cho con trai việc mang lúa mì tới cối xay Aata ở làng Ả-rập cách đó chừng mười cây số. Sarah phản đối :

— Tại sao anh lại nghĩ tới chuyện đó ! Một đứa bé mười bốn tuổi... Với những biến cố đang xảy ra, các cậu bầy trên đường đi. . .

— Chính vì thế đấy ! Cả con trai lẫn con gái tôi sẽ không có đứa nào suốt đời run lên như cây sậy giống như dân Do-thái ghetto.

Rất kiêu hãnh được bố tin cậy, Ari trèo lên chiếc xe do lừa kéo, khởi hành đi Aata.

Ngay khi Ari tiến vào làng, chừng mười tay du đảng Ả-rập quần quanh quán cà-phê duy nhất ở nơi này đã nhận ra chàng rồi. Chúng chờ đợi cho tới khi xe Ari đã quẹo ở góc đường, mới kéo nhau đi theo tới tận máy xay. Ở bên trong, Ari, thạo tiếng Ả-rập, bàn cãi với chủ máy. Chàng muốn tự mình coi từ đầu tới chót để chắc chắn khi đã xay xong, chủ nhân phải đổ bột của mình vào các túi đựng bột của mình, chứ không phải đổ bậy bột lấy từ lúa mì Ả-rập tồi hơn rất nhiều. Chủ nhân rất lấy làm buồn vì hẳn đã hy vọng trao được mười hay hai mươi ký. Mọi việc xong xuôi, Ari lên đường trở về Yad El.

Chàng vừa ra đi, các du đảng Ả-rập đã lại đề nghị với chủ máy xay một đề nghị hấp dẫn : chúng sẽ cướp lấy bột của Ari rồi bán lại với chủ nhân bằng giá rẻ. Chủ máy nhận lời ngay lập tức, các du đảng rời làng bằng một con đường tắt, vội vã dựng một ụ đá chặn một cuối dốc.

Một vài phút sau Ari đâm đầu vào bẫy. Khi những viên đá đầu tiên ném ra như mưa, chàng quất mạnh roi thúc lừa cho chạy nhanh hơn đề rồi phút sau đâm đầu vào hàng rào đá cản. Một viên đá ném trúng ngay đầu làm choáng váng, ngã gục xuống. Bốn du đảng lao ra đề chặt cứng chàng xuống đất trong khi những lừa còn lại chuyển các túi bột xuống xe mang đi.

Đến khuya Ari mới trở về được Yad El.

Chính Sarah ra mở cửa. Khi nhìn thấy mặt Ari đầy máu, quần áo tả tơi, bà hét lên. Răng xiết chặt, Ari đi thẳng lên phòng riêng đóng cửa lại khóa chặt. Chàng chỉ chịu xuống khi bố đã đi dự một buổi họp của moshav về. Chàng cố gắng nói rõ từng tiếng mặc dù môi sưng và rướm máu :

— Con đã phụ lòng tin của bố. Con đã để mắt bột rời.

Barak phản đối :

— Chính bố mới đáng trách. Chỉ bố đáng trách thôi. Sarah chạy ra ôm con vào lòng

— Anh nghe đây, không bao giờ anh được gửi con đi một mình nữa... Không bao giờ...

Barak không trả lời. Nhưng sáng hôm sau ông đưa Ari vào vựa thóc, nói

— Bố đã quên không dạy con về một vài phương diện...

Ông lấy chiếc roi da cũ ra, lấy một thứ hình nhân đưa ra cắm ở bờ rào. Ông cắt nghĩa rất lâu cho con ước lượng xa gần, nhắm và đánh như thế nào. Nghe thấy tiếng kêu réo đầu tiên, Sarah ôm bé gái Jordana chạy lại :

— Anh điên sao anh ? Dạy cho đứa bé đáng thương này cách xử dụng roi da... anh điên thật rồi đó anh !

Lần đầu tiên từ hai mươi năm lấy chồng, Sarah thấy sợ hãi chồng. Barak gầm lên

— Bà im đi ! Con trai của Barak Ben Canan là một con người tự do ! Nó sẽ không bao giờ là một Do thái

ghetto hết. Rồi, bây giờ bà đi chỗ khác cho, đàn ông chúng tôi không muốn mất thì giờ với các lời lèm bèm của đàn bà !

Đây quả là một vụ huấn luyện đến nơi đến chốn. Từ sáng đến chiều Ari tập dượt, không ngừng. Hình nhân bị đánh nát tan từng mảnh, chàng lấy đích là các hòn đá, các vỏ đồ hộp, chai lọ, tập cho tới khi chàng chỉ vung tay lên một lần là đánh trúng được. Tối đến, chàng không đủ sức để giơ tay lên nữa.

Sau nửa tháng, Barah lại xếp mười hai túi lúa mì lên xe lửa.

— Mang đến máy xay Aata, xay thành bột. Đừng có quên chiếc roi da. Nhưng con phải nhớ điều này. Con không có quyền dùng roi vì tức giận hay để trả thù, con chỉ được dùng nó để tự vệ mà thôi.

Khi chiếc xe lên đường, Sarah chạy vào phòng riêng, nằm gục xuống giường khóc nức nở. Barah, ông làm điều ông đã bao nhiêu năm nay không làm. Ngồi trong chiếc ghế bành ưa thích nhất, ông đọc Thánh Kinh.

Khi rời Aata về, Ari lại roi vào ở phục kích cũng vẫn do tội du đảng ấy tổ chức. Nhưng lần này chàng để phòng rồi. Ngay khi các viên đá đầu tiên rơi xuống gần xe, chàng phóng ngay xuống đất đi lùm tùm chúa đảng, tay cầm roi da. Vù một cái, sợi da dài đã quấn quanh thân tên Ả rập, nâng bổng hẳn lên, quật xuống đất. Ngay lập tức Ari gỡ roi ra và đánh một nhát thứ hai xuống làm tung da thịt. Mười giây sau chàng làm chủ chiến trường.

Ở Yad El, Barak bắt đầu lo ngại : hoàng hôn xuống rồi và Ari chưa trở về. Sau cùng, ông thấy chiếc xe xuất hiện trên đường. Ông bình tĩnh uể oải tiến ra bờ rào :

— Thế nào Ari ! Mọi sự ra sao ?

— Tốt đẹp lắm bố.

— Đề bố mang các túi bột xuống. Con phải lên thăm mẹ ngay. Mẹ con đang lo lắng lắm, bố cũng chẳng hiểu rõ tại sao...

Năm 1930, các rối loạn đã gần như ngừng hẳn. Và lại đa số các làng Ả-rập thoát khỏi ảnh hưởng của mufti, đã khước từ tham gia vào các vụ rối loạn đó.

Ari Ben Canaan càng ngày càng giống bố. Cũng cao lớn, khỏe mạnh như Barak, chàng cũng thừa hưởng tính bình tĩnh cũng lòng bướng bỉnh lạnh lùng của bố. Hoàn toàn tin rằng một sự sống chung hòa thuận thành thật với người Ả-rập có thể có được, chàng vẫn có bạn thân là Taha, con trai của mouktar làng Abou Yesha.

Từ vài tháng nay, chàng yêu cô gái con trại chủ lân cận. Và nàng Dafna cũng chỉ đề mắt tới chàng, tất cả mọi người đều tin chắc hai người sẽ lấy nhau trong vài năm tới. Khi ấy hai người sẽ là đôi lứa điển hình cho thế hệ mới của Palestine, thế hệ sinh trưởng ở trong xứ. Ngay từ bây giờ, Ari, mười lăm tuổi, đã là đoàn viên Haganah, đoàn dân vệ, và Dafna, mười ba tuổi, đã biết xử dụng năm sáu thứ vũ khí khác nhau. Cả hai đều kiêu hãnh khoẻ mạnh và ý thức rõ nhiệm vụ định mệnh đã trao phó cho mình.

Một thời gian sau khi các vụ rối loạn chấm dứt, vị mufti, được sự của người Anh khuyến khích, âm thầm cho

triệu tập một đại hội quốc tế Hồi giáo. Trước rất nhiều đại diện đã tới Jérusalem, ông tuyên bố thành lập một Liên bang (dĩ nhiên do ông chỉ huy) và tuyển bố quyết định cứu Hồi giáo khỏi nỗi hiểm nguy là người Anh và Do-thái.

Mới nhìn thoáng qua, tưởng chừng các lời lộng ngôn của các chính khách mị dân Ả-rập sẽ không có hiệu quả thực tế nào, nhất là bây giờ đoàn Haganah đã đủ mạnh để hăm bót sự hăng hái của mufti cùng thủ hạ. Tuy thế, ngay từ 1933, tình hình mỗi lúc một nghiêm trọng hơn vì sự kiện Hitler cùng đảng Quốc Xã lên cầm quyền ở bên Đức. Trước viễn ảnh một đợt sóng di cư mới cùng lời đe dọa sẽ tống đình công của người Ả-rập (để phản đối đợt di cư nếu có ấy), người Anh quyết định áp dụng các khuyến cáo của ủy ban điều tra : Giới hạn số chiếu khán cấp phát và việc mua đất của các tổ chức Do-thái. Cũng vì thế, ngay vào lúc hàng chục ngàn người Do thái Âu châu tìm kiếm tuyệt vọng một quốc gia nhận cho mình tị nạn, thì Anh quốc, để quên lãng lời hứa, đã đóng cửa các biên thùy của Palestine.

Dân Do-thái, qua trung gian là Haganah, phản ứng lại bằng phương sách hoạt động duy nhất còn lại : xử dụng các tay phá phong tỏa của tổ chức Mossad Aliya bet. Nhưng không may là vị mufti, xử dụng không biết xấu hổ một thứ áp lực gần như là xăng-ta, tranh đấu hăng hái đến nỗi người Anh sau cùng đành trao phó cho Hải quân Anh nhiệm vụ ngăn chặn các tàu của Mossad. Mufti hết sức mừng rỡ, không những vì người Anh cố gắng tới đa đề ông khỏi bị vất vả gì hết, mà còn tìm thấy ở

Hitler một bạn đồng minh mạnh không ngờ đến. Nuôi nhiều tham vọng lớn trong vùng Trung Đông Đức coi vị mufti này như một tay tuyên truyền rất tốt. Ở Caire và Damas, tiền bạc quốc xã tung ra như suối. Hỡi những người Ả-rập, Đức quốc là bạn của các bạn ! Đất Ả-rập của người Ả-rập ! Hãy tổng cồ tụi Anh và đồng bọn Do-thái ra ngoài !

Trước cơn bão tố sắp sửa xảy ra, cộng đồng Do-thái ở Palestine chỉ có một lợi điểm, nhưng đáng kể : Haganah với hai mươi lăm ngàn nam nữ tổ chức được một đoàn dân quân do chừng hai mươi lăm đến ba mươi « sĩ quan chuyên nghiệp » chỉ huy, một cơ quan phản tình báo hết sức hiệu lực, trông cậy sự hợp tác thành thật của nhiều quân nhân Anh, và nương dựa vào sự tham nhúng tiền bạc đến mức độ mua chuộc dễ người Ả-rập. Mỗi thành phố, mỗi làng, và đến từng kibboutz và moshav nhỏ nhất, cũng đều có các đơn vị dân vệ. Nhờ một bản mật mã, tư lệnh Haganah trong khoảng thời gian vài phút, có thể động viên hàng trăm nam nữ đến những nơi tồn trữ súng dấu diếm rải rác khắp xứ.

Mua từ khắp trên thế giới, các vũ khí được nhập nội Palestine bằng cả trăm ngàn phương cách khác nhau. Thí dụ như trong xe hủ lô chẳng hạn : Một hủ lô thôi có thể chứa dễ dàng trăm khẩu carbine. Còn về đạn dược, mọi người dấu trong các kiện hàng đồ hộp ngay cả tới trong các chai rượu vang nữa. Người Anh chỉ có thể ngăn chặn sự nhập nội bất hợp pháp này bằng cách kiểm soát tất cả các món hàng nhập cảng, nhưng làm như

thế là hóa ra đình chỉ nhập cảng luôn. Và hơn nữa vì nhiều người Anh sẵn lòng quay mặt đi chỗ khác khi thấy một kiện hàng khả nghi...

Tuy vậy, mặc dù sự tham dự tích cực của dân chúng Do-thái, hiển nhiên là việc nhập cảng lậu không cho phép đưa vào các vũ khí nặng cùng số vũ khí tối tân đủ dùng cho cá nhân. Đa số các vụ mua súng ở ngoại quốc đều chỉ là súng trường, carbine, súng lục biến cải hay cò lỗ. Không có một kho vũ khí nào trên thế giới lại linh tinh tạt nham cho bằng kho vũ khí của Hagana. Để chấn chỉnh một phần nào tình trạng này, các cơ xưởng chế tạo vũ khí lậu được thành lập ngay ở Palestine để chế tạo các loại súng cối, đại liên trung liên và lựu đạn. Còn về chỗ giấu, không thành vấn đề, một khi vũ khí đã được nhập nội rồi, bất cứ ngăn kéo, tủ lạnh, giường tủ nào cũng có thể giấu được vài ba khẩu, chừa kè các sàn nhà, cửa giả hay tường rỗng. Còn về vấn đề chuyên chở, mọi người cũng không khó tính. Các vũ khí đi "phiêu du" trong các bánh xe sơ-cua của xe vận tải, ở dưới các cần xé thực phẩm, các xọt chõng chất trên xe lửa. Và biết người Anh tính e thẹn, Hagana không ngần ngại trao vũ khí cho đàn bà giấu dưới váy mang đi.

Còn lại vấn đề huấn luyện quân sĩ. Trong địa hạt này cũng như trong việc khai hoang, chính các kibboutz đã giải quyết được nhờ ở cơ cấu tổ chức cộng đồng của họ. Không có gì dễ cho bằng gửi hai mươi hay ba mươi quân nhân trẻ trà trộn vào bốn trăm năm trăm người trong một nông trường, lập các kho giấu vũ khí chính tại đó, cũng như thiết lập các công binh xưởng bí mật. Và đa số

các cấp chỉ huy của Haganah cũng đều xuất phát từ các kibboutz.

Tất cả các tổ chức này, do Avidan thực hiện trước mũi người Anh, rút sức mạnh từ sự kiện là không một người Do thái nào nghĩ tới việc phủ nhận quyền bình của ông hết. Người ta không bàn cãi một mệnh lệnh của Haganah, người ta chỉ thi hành thôi. Tuy thế, ở trong Bộ tư lệnh, lại có những chia rẽ quan trọng. Đối với Avidan và các cấp chỉ huy cựu trào, Haganah chỉ xử dụng tới võ lực khi cần tự vệ mà thôi. Sự dè dặt này mỗi ngày càng làm khó chịu phe tích cực ủng hộ việc trả đũa chớp nhoáng mỗi khi có bất cứ khiêu khích nào. Trong số những người thuộc thành phần này, Akiba — Chính thức ra chỉ là một người làm nghề chăn nuôi khiêm tốn ở kibbotz Ein Or, không chánh thức ra thì là kẻ đặc trách quân sự tỉnh Galilée — Có một uy tín lớn đối với một số đàn em. Khi người Anh công bố phong tỏa bờ biển Palestine, Akiba cho rằng thời kỳ cũ của đã qua rồi. Ông tụ họp một số người đồng quan điểm, và các tay nòng loạn này đã có một quyết định làm rung chuyển cả cộng đồng Do thái.

Mùa xuân 1934. Barak Ben Canaan được Avidan yêu cầu tới gặp Bộ Tư lệnh của Haganah đặt tại Jérusalem.

— Một tai họa xảy đến cho chúng ta, Barak. Akiba đã rời khỏi Haganah, lôi cuốn theo nhiều đơn vị trưởng tài ba nhất của chúng ta. Và hàng trăm dân vệ khác cũng sắp noi gương Akaba.

Barak thốt lên một tiếng thờ dài.

— Chúng ta chờ chuyện đó xảy ra chứ Akiba nói

tới việc này từ nhiều năm rồi. Tôi chỉ ngạc nhiên là tại sao chú ấy có thể chịu đựng được cho tới giờ phút này. Chú ấy uất ức kể từ ngày ông cụ chúng tôi bị bọn học sinh trung học ở Jitomir giết chết. Và chú cũng chưa bao giờ quên được vụ vợ con bị giết.

Avidan nhún đôi vai u :

— Anh cũng biết là một nửa công việc của tôi trong Haganah là kim bót tính sốt ruột điên rồ của các người trẻ. Nếu chúng ta để cho họ làm theo ý muốn, ngay ngày mai họ sẽ tuyên bố khai chiến với Đế quốc Anh ! Các tính tình của anh, của tôi, của Akiba chắc chắn đều giống nhau như hệt, nhưng ông em anh dám phá hủy công cuộc của chúng ta. Một trong những lý do cắt nghĩa tại sao cho tới giờ phút này chúng ta đã làm được bao nhiêu là việc đó chính là thứ mặt trận thống nhất chúng ta đưa ra đương đầu với địch, mặc dù các bất đồng bên trong. Bây giờ Akiba và các thành phần tích cực quá đáng ấy sẽ làm vỡ sự thống nhất. Nếu họ tung ra các hoạt động đặc công, tất cả cộng đồng Do thái sẽ lãnh đủ hết,

Barak rời Jérusalem để tới Ein Or. Nông trường này, như mọi kibboutz đã thành lập được lâu, trông như cả một khu vườn. Với tư cách cựu trào, Akiba được sống riêng biệt trong một nhà riêng hai phòng đầy những sách. Ông cũng còn quyền, hết sức là đặc biệt, có riêng một máy phát thanh. Trong khung cảnh yêu dấu, Akiba có thể sung sướng nếu ông đã tìm cách giải thoát khỏi bóng ma ám ảnh của vợ và con đã bị giết chết.

Ngay từ những lời nói đầu tiên của Barak, Akiba đã

lộ rõ một vẻ nóng nảy giận dữ. Hiền nhiên là ông sợ vụ phải cắt nghĩa trình bày này với anh ruột.

— Tôi thấy là quý ông trong Trung ương đã gửi anh tôi đây đề nước mắt ngắn dài với tôi. Tại sao mấy ông bự đó không thân chinh lại đây? Mấy ông đó hẳn rất thạo nghề trong việc xoa dịu thiên hạ mà.

Barak trả lời :

— Tôi vẫn cứ lại đây dầu họ không yêu cầu. Ngay từ lúc tôi biết truyện điên rồ của chú...

— Điên rồ? Tôi chỉ làm những gì mà Trung ương sợ không dám làm thôi. Nhưng sớm hay muộn, ngay mấy ông giáo chủ quá thận trọng với bất cứ giá nào đó cũng sẽ bắt buộc phải nhìn thẳng vào thực tại. Người Anh là kẻ thù của chúng ta...

— Tôi không tin thế chút nào, chú Akiba. Xét chung, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp dưới triều đại của người Anh. Dầu thế nào người Anh cũng là chính quyền hợp pháp ở Palestine.

Akiba mĩa mai :

— Một chánh quyền sẵn sàng cắt cổ chúng ta. Những quý vị hào hoa phong nhã trong Trung ương đi hết từ hội nghị này sang hội nghị khác, một cái cặp đầy căng giấy tờ cặp nách, đọc các bài diễn văn, cúi mình chào và cười cười, trong khi tên mufti cùng các tay sát nhân của hắn tự do hành động. Anh có thấy tụi Ả rập chịu điều đình với chúng ta không?

— Chúng ta vẫn tiếp tục các mục tiêu của chúng ta bằng các con đường hợp pháp.

— Chúng ta chỉ có thể đạt tới các mục tiêu đó nếu chúng ta chiến đấu thôi !

— Cứ cho là thế đi ! Nhưng nếu chúng ta bắt buộc phải chiến đấu, thì chúng ta hãy cùng tiến bước dưới cùng một lá cờ. Chú, khi chú thành lập đoàn quân ngoài vòng pháp luật như thế, chú tự xếp chú ngang hàng với tên mufti. Chú có bao giờ nghĩ tới các hậu quả do sự ra khỏi Palestine của người Anh sẽ mang lại không ? Dù sự chua chát của chú (và cả của tôi nữa) có lớn tới đâu đi nữa, thì người Anh vẫn còn là may mắn lớn nhất cho chúng ta để đạt tới qui chế Quốc gia một ngày kia.

— Chúng ta sẽ trở thành một quốc gia theo cùng cách thế chúng ta đã khai hoang : Bằng mồ hôi và bằng máu của chúng ta. Về phần tôi, tôi chán ngồi mồi meo trong cái xô này đợi người Anh ném cho chúng ta hạt cơm thừa miếng canh cặn.

Barak phải cố gắng mới kiềm chế nổi mình :

— Chú Akiba, lần chót tôi yêu cầu chú đừng làm như thế. Làm vậy chú chỉ mang lại cho kẻ địch của chúng ta cơ hội để bôi nhọ vu cáo chúng ta thêm mà thôi...

Akiba kêu lên :

— À, vậy thế hả ! Sau cùng, chúng ta đã đến tận cùng của vấn đề rồi đây. Bao giờ cũng cái bản nhạc cũ rích ấy hả ? Một Do thái phải tuân theo «luật chơi», một Do thái thì phải cầu xin, phải kêu gọi tới tình nhân đạo, một Do thái là phải giơ má ra...

— Chú im đi !

Akiba hét lên

— Tôi không im ! Các anh ấy à, các anh chỉ có mỗi một nguyên tắc thôi : Chúng ta làm gì thì làm nhưng đừng có chiến đấu. Tụi Đức, tụi Ả rập, Anh coi các anh như các đứa trẻ con thiếu giáo dục cũng là quá ghê rồi.

— Tôi nói với chú là chú im đi.

— Thật thế hả ? Anh Barak, anh là cái đồ Do thái ghetto... các anh là thế đấy, cả các quí vị trong Trung ương nữa. Này đây, ông anh yêu quí của tôi nghe đây, tôi, tôi có thể lằm lằm, nhưng tôi muốn sống. Mặc kệ tất cả thế giới có cho ước muốn này của tôi có là sai lằm chẳng nữa !

Bây giờ đến lượt Barak run lên vì tức giận. Ông đứng dậy, giận dữ, căng thẳng, tiến ra phía cửa. Đằng sau ông, Akiba tiếp tục thốt hết ra những hận thù :

— Anh hãy nói với tất cả các kẻ chuộng ăn nói rằng Akiba cùng các *Macchabée* (Thầy ma) có một thông điệp xin gửi tới người Anh cùng Ả rập : «Mất đôi mắt, răng đôi răng !»

Đứng trên ngưỡng cửa, Barak quay đầu lại

— Thế đủ rồi ! Từ giờ chú không được đặt chân vào nhà tôi nữa, không bao giờ.

Akiba sững người. Mỗi ông bắt đầu run lên, mắt mờ đi, nói nhỏ, không tin :

— Không bao giờ được đặt chân vào nhà anh ? Anh Braka, coi kia, chúng ta là anh em... Anh đã mang tôi trên lưng từ Nga về Palestine này...

— ... Đề ngày nay hối tiếc đã làm như thế.

— Vậy anh muốn kết tội tôi chỉ vì tôi hành động theo lương tâm tôi ?

Nhìn thấy Barak đặt tay lên chốt cửa, Akiba đột nhiên lại tức giận :

— Barak Ben Canaan, anh nghe lời chốt đây. Không một hành động nào của chúng ta, dù cao quý hay bất xứng, lại có thể nặng nề cho bằng những hành động thiên hạ đã làm đối với dân tộc Do-thái. Ngày mai đây, cho rằng các Macchabée có nổi điên lên nữa đi nữa, thì thử hỏi mọi người lấy quyền gì mà trách cứ một khi dân tộc Do-thái đã bị hành hạ suốt hai ngàn năm ?

12

Mười bảy tuổi, Ari Ben Canaan cao một thước chín mươi lăm và khỏe như voi. Ngoài hébreu và tiếng Anh, chàng cũng thông thạo Ả-rập, Đức, Pháp cùng bập bẹ nói được Y'ddish, ngôn ngữ mà bà mẹ đã sử dụng mỗi khi bà nổi cơn giận.

Vị hôn thê của chàng là Dafna đã nảy nở thành một cô gái khỏe mạnh, vui tính, đầy duyên dáng... Và sống chỉ cho chàng mà thôi... Chắc chắn là họ sắp cưới nhau đến nơi. Tuy vậy, tình hình càng căng thẳng thêm ở Palestine, họ càng có ít thì giờ để gặp nhau. Là đoàn viên nhiệt thành của Haganah, Ari đã chứng tỏ các khả năng đặc biệt đến nỗi Avidan coi chàng như một trong những nguồn hi vọng của quân lực Do-thái tương lai. Sự kiện này không

có gì ngạc nhiên hết : đa số các quân nhân ưu tú đều chưa đến tuổi trưởng thành.

Trong cơ ngũ của mình, Ari từng tổ chức cho năm hay sáu Kibboutz. Sau đó một thời gian, khi Mossad bắt đầu đánh phá phong tỏa mặt biển, thượng cấp chỉ định chàng chiếm giữ tại các bãi biển, nơi các tàu đưa người di cư đổ bộ xuống. Chàng cũng lo đưa di dân tới các nông trường trà trộn với các nông dân, cùng thu thập các sớ thông hành của các di dân được nhập nội chính thức Palestine để phân phối lại cho các Do-thái bất hạnh còn kẹt ở Âu-châu.

Mỗi khi chàng được rảnh vài ba hôm, chàng điện thoại về Yad El, và ngay lập tức Dafnar lên đường đi Tel-Aviv, bằng ngựa, bằng cách quá giang xe hơi hay đi bộ để tới gặp chàng. Hai người đi nghe nhạc của Ban đại hoà tấu mới thành lập mà buổi trình diễn đầu tiên đã được hân hạnh do Toscanini điều khiển, họ đi thăm các triển lãm hội họa, dự các buổi diễn thuyết, hay chỉ lang thang trên các đường phố Yehuda và Albenby, giữa các quán cà-phê bàn ghế bày ra đến tận vỉa hè. Mỗi lần được gặp gỡ, sung sướng càng thêm mãnh liệt và lúc chia tay càng thêm đau buồn. Ari không muốn cưới vợ trước khi có được một nông trại riêng để xây dựng tổ ấm. Nhưng tình hình mỗi ngày một trầm trọng, và công vụ trong Haganah mỗi ngày đòi hỏi thêm nhiều thời gian, chàng tự hỏi ước mong đó liệu một ngày kia có thực hiện được hay không nữa. Họ yêu nhau điên cuồng và không còn chịu đựng nổi nữa. Bởi vậy một đêm — Ari đã mười chín và Dafna

mười bảy— Nàng hiến thân cho chàng. Kể từ giờ, trong những giờ khắc riêng tư hiếm hoi mà các biến cố còn cho phép, họ ngậy ngất khám phá ra hạnh phúc được thuộc về nhau.

Nếu đợt di cư thứ hai đã mang vào Palestine các người lý tưởng và những người chỉ huy lãnh đạo, đợt thứ ba mang lại những người khai hoang, thì đợt thứ tư, gồm toàn Do-thái Đức, đã mang lại cho cộng đồng Do-thái một thúc đẩy lớn về văn hóa và khoa học. Trước các tiến bộ không ngừng của sự khàn hoang Do-thái, các effend hoảng hốt— hoảng sợ cho đến nỗi rằng đây là lần đầu tiên trên đời, họ quyết định bỏ qua các tranh chấp nội bộ để gây một áp lực mạnh hơn nữa đối với người Anh. Vụ gây áp lực này sớm thấy hiệu quả. Đến mùa xuân năm 1936, khi cơ cấu trung ương phục quốc xin nhiều ngàn chiếu khán cho rất nhiều nam nữ đang bị cơn điên khùng của Hitler đe dọa tới tính mạng, Luân-đôn chỉ chấp thuận cho chưa tới một ngàn.

Vị mufti không cần nhiều hơn thế để lại tiếp tục tấn công. Các rối loạn xảy ra ở Jaffa, nơi các tay xách động tuyên truyền cả quyết rằng ở Tel-Aviv, người Do-thái đã bắt cóc các người Ả-rập đem giết đi. Đồng thời mufti tuyên bố thành lập một «Ủy ban Ả-rập Tối cao» đặc trách việc tổ chức một cuộc đình công toàn diện để chống lại thái độ «thân Do-thái» của người Anh. Thực ra, tàn sát và đình công chỉ là một mặt ngoài che dấu cho các tay giết mướn chuyên nghiệp đi thanh toán một cách có hệ thống

những nhân vật Ả-rập nào chống lại với đường lối chính trị của mufti.

Cũng vì thế mà Kammal, mouktar của làng Abou Yesha là bạn chung thủy của Barak Ben Canaan, đã trả giá bằng mạng sống của mình do các liên hệ láng giềng là ông đã duy trì với các nông trường Do-thái. Các tay sát nhân của mufti tìm thấy ông đang cầu nguyện trong giáo đường nhỏ ven giòng suối — Và chúng đã cắt cổ ông. May mắn thay người con trai là Taha lại trốn thoát được, chạy sang nhà Barak và sống tại đó trong an toàn.

Lần này sự khủng bố đã đưa tới tòng đình công bắt buộc cùng sự tầy chay tay người Do-thái : Tình hình toàn xứ lâm nguy. Không còn tìm thấy người mua, dân Ả-rập để các hoa màu của mình thổi úng ngoài đồng. Hải cảng Jaffa bị tê liệt, thương mại trong thành phố đình chỉ. Dĩ nhiên là trong các bài giảng, mufti đổ hết mọi trách nhiệm cho người Do-thái, và các dân Ả-rập, trước thảm họa mỗi ngày một lớn, đã buông thả cho cơn giận dữ của mình. Bây giờ họ tảo bạo đến độ tung ra các cuộc dọ kích chống các nông trường Do-thái, đốt phá nhà cửa, cướp thực phẩm mang đi. Khi các toán Ả-rập này bắt gặp một người Do-thái đi một mình, chúng giết ngay, chặt đầu chặt chân tay, moi mắt người đó.

Mặc dù các tàn bạo dã man này, Haganah, dưới quyền chỉ huy của Avidan, vẫn giữ được một thái độ hoàn toàn phòng thủ. Ngược lại, các Macchabée của Akiba cố gắng hòn đá ném đi thì hòn chì ném lại. Vị trí của họ rất khó khăn : Bị người Anh đặt ra ngoài vòng pháp luật, họ

bắt buộc phải rút lui về ba thành phố lớn Tel-Aviv, Jérusalem và Haïfa — nơi mà các đường phố ngõ hẻm cùng đám đông tạo thành những «bưng biển» rất tốt. Mặc dù «Trung ương» đã hoàn toàn phủ nhận các Macchabée, rất nhiều đoàn viên phục quốc lại tán đồng hoạt động của Akiba một cách bí mật.

Bây giờ toàn thể Hồi giáo vang lên những tên kêu gọi điên cuồng của mufti, hô hào thánh chiến chống lại đế quốc Anh và phục quốc Do-thái. Lời kêu gọi này có tiếng vang trong vương quốc Irak kề cận, nơi mà Kavouvkji, sĩ quan quân lực chính qui, đã chờ đợi đúng cơ hội này để chứng tỏ tài năng mà đương sự coi như là đặc biệt hiếm có. Mufti đã đặt dưới quyền xử dụng của sĩ quan này một phần số tiền bóc lột được của dân Ả-rập Palestine. Với tiền này Kavouvkji đi chiêu mộ các tay buôn thuốc phiện lậu và các tay buôn nô lệ ham mê viễn ảnh được hiệp hàng ngàn ngàn phụ nữ Do-thái và cướp hàng triệu sterling, đã rời các xóm ăn chơi du đãng của Bagdad và Mossoul để nhập ngũ. Rồi đứng đầu đạo quân này, Kavouvkji vượt qua Liban tiến vào Palestine để đến cứu giúp cái kẻ đang bị «hành hạ» là mufti Hadf Amine.

Không hề lo tới việc tạo chiến thắng, Kavouvkji chỉ giới hạn hành động trong các vụ hành quân nguy hiểm. Xét chung, hoạt động của hắn chỉ giới hạn trong việc phục kích các xe hàng và xe súc vật kéo, hoặc cùng lắm là tung các toán tuần tiểu nhỏ ở những nơi nào có thể rút lui nhanh chóng. Nhưng vậy là đủ mở rộng kinh hoàng trong toàn thể lãnh thổ.

Sau một vài vụ phản kích, người Anh đã mang ra áp dụng một chiến thuật không ai ngờ. Đáng lẽ phải tiêu diệt các toán cướp, họ lại đi xây chung quanh Palestine chừng năm mươi đồn bê-tông cốt sắt, mỗi đồn có thể chứa được từ vài trăm đến hàng ngàn người. Đêm tới, người Anh rút quân vào trong các đồn đó — được gọi là các «fort Taggart» theo tên viên kỹ sư đã đề ra kế hoạch xây cất đó—để mặc các vùng chung quanh không tuần phòng không bảo vệ. Ban ngày, các cuộc hành quân Anh đều chỉ đánh vào khoảng không. Ngay khi một đoàn quân rời đồn, hệ thống «điện thoại Ả-rập» hoạt động liền. Chưa kịp tới mục tiêu, địch đã tan biến đâu mất rồi.

Nhưng mặc dù áp lực mỗi lúc mỗi nặng, các di dân mới vẫn tiếp tục đổ vào Palestine và các nông trường mới tiếp tục xuất hiện. Ngày thiết lập nông trường mới, hàng trăm nông dân và thợ thuyền từ các kibboutz đổ xô đến từ sáng tinh sương tới địa điểm đã chọn lựa. Làm việc tận lực từ sáng tới tối, họ xây cất một tháp canh trang bị nhiều đèn pha do một máy phát điện cung cấp điện lực và bao quanh bằng một hàng rào công sự vững chắc. Đêm tới, họ lại ra đi, để những người mới tới ở lại trong vòng rào dưới sự che chở của một trung đội Haganah.

Trong khoảng thời gian vài tháng, Ari Ben Canaan đã trở thành một chuyên viên trong phương pháp thành lập nông trường kiểu này. Chàng thường thường chỉ huy trung đội bảo vệ, dạy cho các lính mới chiến thuật chống xâm nhập cùng dạ kích của người Ả-rập — Các cuộc xâm nhập và dạ kích này không nông trường mới lập nào thoát khỏi

được mặc dù lần nào địch cũng bị thất bại. Sau vài tuần. Ari cùng các chiến hữu lại ra đi đề trợ giúp một «tháp canh và công sự phòng vệ» khác, nói theo ngôn ngữ thông dụng lúc bấy giờ.

Chậm chạp, tiếm tiến, các người khai hoang vượt qua hàng rào đầu tiên, khai hoang thêm tới đâu lập hàng rào tới đó. Họ xây cất nhà cửa theo kiểu «công sự chiến đấu» đề rồi dần dần tạo lập thành một làng thực sự. Nếu nông trường mới này chấp nhận chế độ kibboutz, họ sẽ xây nhà Trẻ Em trước tiên nằm trong trung tâm chu vi phòng thủ đề khi địch có xâm nhập, cũng chỉ sau cùng mới tiến tới được.

Sự hỗn xược của người Ả-rập, sau cùng cũng làm người Anh phát chán, chịu không nổi, mufti và «ông trưởng» Kavouvkji làm cho họ trở thành lỗ bịch, người Anh ban hành sắc luật hủy bỏ Ủy ban Tối cao Ả-rập và tổng trát bắt giam mufti. Được báo trước kịp thời, ông này trốn vào thánh đường Omar, thánh đường chính của Hồi giáo ở Palestine. Vì người Anh không dám xâm nhập vào nơi tôn nghiêm này, nên sau một tuần lễ trốn tại đây ông cải trang làm đàn bà và trốn sang Liban.

Tất cả Palestine thốt lên một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Các rối loạn xẹp đi rất nhanh và người Anh đã có thể xét lại vấn đề : các ủy ban điều tra và du hành quan sát liên tiếp xảy ra Sau cùng người Anh đề ra một giải pháp : chia Palestine làm hai quốc gia khác nhau. Dĩ nhiên các

ông Ả-rập yêu quý và oai dũng của người Anh được hưởng phần sư tử, còn người Do-thái phải hài lòng với phần đất dọc duyên hải giữa Tel-Aviv và Haifa cùng một số vùng trong xứ Galilee.

Chán ngán, mệt mỏi, những người phục quốc Do thái ở Palestine quyết định chấp nhận giải pháp này. Chắc chắn là họ không quên rằng giải pháp nguyên thủy của người Anh là thành lập một Quê Nhà Do thái nằm hai bên bờ sông Jourdain. Nhưng họ mệt rồi — mệt vì máu đã chảy quá nhiều, mệt vì phải chiến đấu xoay sở quá nhiều giữa sự cuồng tín của người Ả rập và sự lừa dối của Luân đôn. Nhưng ngược lại mufti, tị nạn ở Beyrouth lại kêu ầm lên phản đối. Chia đôi Palestine ? Không bao giờ ! Người Ả rập chỉ hạ vũ khí khi nào người Do thái cuối cùng đã bị ném xuống biển thôi !

Kỹ sư Taggart lại khởi công làm việc. Ông cho dựng một hàng rào điện suốt dọc biên thù Liban để ngăn chặn các tay giết mướn của mufti cùng các đoàn chuyên chở vũ khí. Tăng cường thêm bằng nhiều pháo đài nữa, hàng rào này chỉ làm giảm bớt các xâm nhập chứ không ngăn chặn hẳn được.

Một trong các pháo đài loại này được đặt ở khoảng trên Abou Yesha và Yad El, xây cất ở một địa điểm mà theo truyền thuyết có mộ của hoàng hậu Esther. Dân cư trong vùng đó liền gọi pháo đài này là Fort Esther.

Trong cộng đồng Do thái, sau nhiều năm cố giữ một sự dè dặt vừa khó khăn vừa bấp bênh, đoàn Haganah bắt đầu sốt ruột. Liệu bây giờ «Trung ương» có chịu cho họ chủ

động trên bình diện quân sự chưa ? Sau cùng Ben Gourion nhượng bộ trước áp lực của Avidan và chấp thuận cho mua một khoảng đất nằm ở cực bắc xứ Galilée, dọc theo biên thùỳ Liban. Theo tin tức của cơ quan tình báo của Haganah, chỗ đó chính là điếm các đoàn Ả rập đi qua.

Một vài ngày sau khi việc mua bán đất xong xuôi, Ari Ben Canaan cùng hai cấp chỉ huy khác nữa của Haganah được lệnh gọi tới trình diện Bộ tư lệnh bí mật của Avidan.

— Các anh hãy nhìn bản đồ đây. Các anh hiểu dễ dàng tính cách quan trọng của vị trí này. Các anh sẽ chỉ huy một đơn vị đặc trách việc thành lập một kibboutz ở ngay chỗ đó. Không nói, các anh cũng thừa biết đây không phải là một vụ đi cắm trại thú vị. Tên mufti ấy sẽ cố gắng tối đa để trục xuất các anh. Và các anh phải tử thủ với bất cứ giá nào : đây là lần đầu tiên chúng ta chọn lựa một địa điếm làm nông trường hoàn toàn vì lý do chiến lược.

Sarah cố kìm nước mắt. Từ biết bao nhiêu năm, bà chỉ nhìn thấy con trai không roi da thì súng ở trong tầm tay. Nhiệm vụ mới mà thượng cấp trao phó cho Ari có vẻ nguy hiểm hơn tất cả các nhiệm vụ từ trước tới nay. Tám mươi thanh niên và hai mươi thanh nữ, tuyền chọn trong các phần tử ưu tú nhất của Haganah, sẽ hợp thành một đoàn quyết tử thực sự. Rất bình tĩnh, Ari hôn mẹ,

nói bà hãy lau nước mắt và cho rằng rằng mọi sự rồi sẽ tốt đẹp đâu vào đấy không việc gì phải lo. Rồi Ari, không nói một tiếng, xiết tay bố : Hai người đàn ông không cần phải lời nói cũng hiểu được nhau. Dafna gõ cửa vào già từ bố mẹ chòng tròng lại. Rồi cặp trai gái trẻ tuổi ra đi, vẫy tay chào các thân bằng quyến hữu tụ tập ở vòng rào. Barak thở dài, vòng tay ôm đôi vai run rẩy của vợ. Sarah nói nhỏ.

— Trong đời các con, chúng chỉ được biết mỗi một điều : Chiến tranh. Chúng ta còn phải dâng hiến con chúng ta cho chiến tranh đến bao giờ nữa ?

— Mình hãy chớ rằng Thượng đế đã yêu cầu Abraham hy sinh con trai cho Thượng đế. Những người phục quốc Do thái chúng ta sống trong truyền thống này. Chúng ta phải cho Ari đi ngày nào Thượng đế còn đòi hỏi như thế.

13

Mười xe vận tải chở một trăm đoàn viên nam nữ của Haganah cùng đồ trang bị chạy theo con lộ duyên hải, vượt qua kibboutz cuối cùng nằm ở cực bắc Galilée, tiến vào một vùng mà từ trước tới giờ chưa một người Do thái nào dám phiêu lưu đặt chân tới. Hàng ngàn ngàn cặp mắt Ả rập theo dõi đoàn xe bây giờ đã tiến vào vùng núi biên thù Liban.

Đến địa điểm đã được chọn lựa thành lập *Ha Mischmar*

(Người lính gác giấc), các xe dừng lại. Mọi người đặt lính canh phòng, mang mọi thứ xuống xe. Rồi đoàn xe ra đi ngay để có thể đến kịp nông trường Do thái đầu tiên trước khi trời đổ tối. Đoàn người nhỏ bé ở lại cô đơn giữa các ngọn đồi đầy rẫy các tay khủng bố Ả rập.

Họ dựng lên một hàng rào, bố trí bên trong và chờ đợi suốt đêm.

— Tụi Do thái đã tới cư ngụ trong vùng đồi !

Điên lên vì tức giận, mufti thề với Thượng đế của hắn là sẽ rửa mối nhục này trong máu và sẽ không để một đứa nào trong cái tụi hỗn láo này trốn thoát.

Trong ba ngày liền, đoàn người làm việc tới kiệt lực, tăng cường hệ thống phòng thủ của căn cứ. Đêm đến, Dafna và Ari sau khi mãn phiên canh, tìm nhau ngủ trong vòng tay nhau.

Đêm thứ tư, địch tấn công.

Chưa bao giờ người Do thái phải đương đầu với cơn bão tố lớn như vậy. Trong năm giờ liền, vài ngàn Ả rập trang bị vũ khí cá nhân và được liên thanh yểm trợ trút cả cơn mưa đạn vào vòng hàng rào, bên Do thái chờ đợi cuộc xung phong. Sau cùng, các tờ báo động báo hiệu địch tấn công đợt đầu : hàng ngàn bóng đen bò sát đất tiến tới, răng ngậm chặt dao găm.

Đột nhiên sáu đèn pha bùng bật sáng trên tháp canh, quét sáng tứ bề. Bị quáng mắt vì đèn, quân Ả rập khựng lại. Đoàn Haganah khai hỏa. Trong vài giây đồng hồ, bên tấn công đã bị thiệt chừng năm mươi người. Sợ hãi, quân Ả rập bắt đầu lùi lại. Nhưng Ari đã cầm đầu một nửa

lực lượng Do thái mở vòng rào xông ra phản công, biến cuộc rút lui của Ả-rập thành thảm bại. Các Ả-rập sống sót bỏ chạy vào đồi núi chung quanh, kinh sợ la hét.

Trong trận giao tranh đầu tiên này, Haganah có bốn người chết, một cô gái và ba thanh niên. Nhưng cả những lời hò hét của mufti lẫn các lời thúc dục của Kavoukji cũng không làm sao quân Ả-rập tiến lên lần thứ hai. Bài học đã có nhiều hiệu quả : trong suốt một tuần lễ, quân Ả-rập không nhúc nhích. Nhưng bên Do-thái viên đơn vị trưởng đã tử trận trong trận giao tranh đầu và Ari lên thay.

Mỗi ngày, Haganah tiến từ mười đến hai mươi thước về phía đỉnh đồi, củng cố vị trí mới và cố thủ qua đêm. Quân Ả-rập quan sát sự tiến quân này, nhưng không can thiệp. Sau một tuần lễ, Ari quyết định bỏ trại căn cứ để lập một trại khác ở lưng chừng đồi.

Khi ấy, Ả-rập lại tấn công. Nhưng lần này họ không dám xung phong, chỉ nỏ súng từ phía xa. Ari chờ đợi thêm một tuần nữa, rồi đột nhiên cho lệnh tấn công. Một sáng tinh sương, dẫn đầu hai mươi thanh niên và mười thanh nữ, chàng lao lên đánh bật tung các quân Ả-rập bắt đầu thiếp ngủ sau một đêm quấy phá, rồi chiếm luôn đỉnh đồi. Địch phản công nhưng bị đẩy lui. Dĩ nhiên là Ari thiệt thêm năm người nữa nhưng ngược lại, chàng đã chiếm được một vị trí không chế được toàn vùng. Và bên Ả-rập ý thức rất nhanh rằng chàng sẽ không để cho họ trực xuất ra khỏi vị trí ấy.

Nếu họ không tung ra một nỗ lực quan trọng nào để

chiếm lại quả đồi, họ lại quấy phá Do-thái suốt ngày đêm. Tình hình của Ha Mishmar vẫn còn bấp bênh. Nông trường hoàn toàn bị cô lập : kibboutz gần nhất cũng cách đó cả mấy chục cây số. Lương thực cạn kiệt và ngay đến cả nước uống đều phải mang đến bằng xe vận tải qua một vùng thù nghịch đến trại căn cứ đầu tiên, rồi sau đó chuyển bằng sức người lên đỉnh đồi.

Tuy vậy Ha Mishmar vẫn giữ vững. Đạo quân đồn trú xây cất vài căn nhà ở phía trong vòng rào, vạch cả một con đường dẫn xuống chân đồi nữa. Ari bắt đầu tung ra các toán tuần tiễu dọc theo tuyến Taggart để ngăn chặn các tay khủng bố Ả-rập. Dần dần Haganah ngăn chặn được đường chuyển quân của các toán khủng bố Ả-rập giữa Liban và Palestine.

Một ngày nọ, phép màu thực hiện : Ha Mishmar gieo thừa ruộng đầu tiên ! họ tới đây để xây dựng một Kibboutz mà, có đúng thế không ? Vậy thì, mặc dù gió to bão lớn Kibboutz sẽ được thực hiện. Đất dốc ? thì ta làm ruộng theo từng nấc thang. Không có nước sao ? Chỉ việc đào giếng. Thiếu nông cụ ? Thì Quĩ Lập Nghiệp Do-thái cứ việc dốc hầu bao đi mua.

Ari đang ngủ say sưa trong lều thì một bàn tay lạnh.

— Dậy anh ! Nhanh lên :

Chàng tung chăn, nắm lấy súng và chạy theo người đánh thức mình chạy về cánh đồng phía nam, nơi mà mọi người bắt đầu trồng nho. Một đám đông đã tụ tập. Khi

thấy Ari tới, mọi người im lặng. Chàng vượt qua vòng người, đứng lại nhìn chăm chú mặt đất. Dưới ánh sáng của đèn pin, mọi người nhận thấy các mảnh vải rách nát của một chiếc áo xanh lẫn lộn với các đất vụn máu bám tung tóe. Máu nhỏ giọt thành vệt tiến xa dần về phía vùng đồi chung quanh. Ngơ ngác, Ari dò hỏi nhìn mọi người chung quanh, mọi người đều tránh không nhìn mặt chàng. Ari chợt hiểu, thì thào :

— Dafna ! Dafna . . .

Hai ngày sau, các tên sát nhân đặt xác thiếu nữ trẻ gần trại. Nàng đã bị cắt tay, cắt mũi, cắt chân, moi mắt và bị hiệp ít nhất là năm mươi lần.

Không ai nghe thấy Ari thốt lên một tiếng kêu rên, không ai trông thấy chàng nhỏ một giọt nước mắt.

Nhưng thỉnh thoảng chàng biến đi đâu mất trong nhiều giờ và khi chàng trở về, mọi người đều thấy mặt chàng tái ngắt, môi run run. Không bao giờ chàng đề cho thất vọng xâm chiếm, không bao giờ chàng đề cho cơn giận bùng nổ. Chàng cũng không nhắc đến tên cả vị hôn thê nữa. Tất cả làng Ả-rập trong vùng Ha Mishmar đều run rẩy chờ đợi cuộc trả thù. Nhưng cuộc báo thù không xảy ra.

Không những không hài lòng với việc giữ chắc được Ha Mishmar, phục quốc Do-thái còn thành lập thêm khoảng mười nông trường tương tự, cũng tại những địa điểm được lựa chọn vì giá trị chiến lược. Chiến thuật này làm giảm bớt và gây khó khăn cho các toán khủng bố của mufti, nhưng không diệt được hẳn.

Trong tình hình hỗn độn và gay cấn này, đột nhiên xuất hiện vóc dáng cao gầy của Ngài P.P. Malcolm, thiếu tá trong quân lực Anh hoàng.

Thiếu tá Malcolm được chuyển chuyên sang Palestine và bổ nhiệm vào ngành tinh báo Anh ngay từ khởi đầu cuộc khởi loạn của mufti. Đó là một con người cô đơn và độc đáo. Ông ăn mặc lè phè coi thường cả các truyền thống lẫn thủ tục của quân đội, diễn tả các ý nghĩ của mình một cách minh xác và nếu cần, dữ dội nữa. Đôi khi ông trầm tư cả ngày liền — trầm tư sâu xa đến độ quên cả cạo râu lẫn chải đầu. Và ngoài ra vì ông còn rất cao rất gầy và đi hơi khập khểnh nữa, nên các bạn bè coi ông như một "típ không chịu nổi".

Khi mới tới Palestine, ông thân Á-rập chỉ vì lý do là một sĩ quan Anh phải thân Á-rập. Thứ cảm tình «thời trang» này không đứng vững được lâu khi phải va chạm với thực tại. Trong khoảng thời gian vài tuần lễ, P.P. Malcolm đã trở thành một người ủng hộ phong trào phục quốc Do-thái nhiệt thành.

Cũng như hầu hết những người Ki-tô giáo khác bị chủ nghĩa phục quốc Do-thái chinh phục, ông tỏ ra đam mê hăng hái, cuồng nhiệt với phong trào hơn chính người Do-thái nữa. Ông học tiếng hébreu với một rabbin để có thể đọc được Kinh Thánh trong những giờ rảnh rỗi. Tin chắc rằng sự phục sinh Do-thái phù hợp với ý muốn của thần thánh, ông nghiên cứu tỉ mỉ các chiến trận trong Cựu Ước. Và cứ đồng hóa mình với Josué, David và Gédéon, ông đâm ra tin chắc rằng sự kiện ông tới Palestine

là do ý chí của Đấng Tối Cao. Ngài, với khôn ngoan vô tận của Ngài, đã chọn thiếu tá P.P. Malcolm để dẫn đầu đoàn thập tự quân của các con dân Israel.

Trên một chiếc xe mua lại, chiếc xe ngày xưa chắc cũng có thời trông được, ông đi khắp Palestine. Khi đường xá xe đi không nổi nữa, ông tiếp tục đi bộ, cà rịch cà tang, vừa đi vừa hát vang một bài thánh ca ông ưa thích nhất. Với phong thái như vậy, một chiều nọ trên đường tới Yad El, hai bánh xe bị nò, ông tiến vào chu vi phòng vệ của nông trường, các lính canh đã đổ xô lại. Tươi cười, ông vẫy tay chào :

— Tốt lắm ! Ít nhất các chú đã không ngủ gục khi canh ! Bây giờ các chú hãy từ từ dẫn tôi đến gặp Barak Ben Canaan.

Trong văn phòng của Barak, ông mở đầu câu chuyện bằng cách đọc một bài diễn văn dài ca tụng sự đẹp đẽ của chủ nghĩa phục quốc Do thái cùng vận mệnh huy hoàng của quốc gia Do thái. Tuy vậy, sau chừng một tiếng đồng hồ, ông cũng hạ cố bàn đến một vấn đề loại thực tế hơn.

— Theo tôi, người lính Do thái là một trong những người lính ưu tú của thế gian này, nếu không phải là giỏi nhất. Họ chiến đấu cho một lý tưởng luôn luôn hiện hữu và sống với lý tưởng này. Chất liệu nhân sự của Haganah hoàn toàn đặc biệt. Nay đây, tôi có ý định lấy chất liệu nhân sự để tạo ra một tổ chức chiến đấu chưa có bao giờ trên thế gian. Chính vì mục đích này, tôi đã tới đây.

Barak mở to mắt ra nhìn. Malcolm cũng không thềm đề ý. Quay mặt về phía cửa sổ, ông nhìn, qua các cánh

đồng xanh tươi dưới làn nước như mưa phát từ các máy tưới, về phía các quả đồi khổng lồ bởi hình dáng cục mịch của Fort Esther. Ông nói tiếp :

— Coi đây này, nhìn cái đôn trên cao kia... lại thêm một bằng chứng nữa về sự ngu xuẩn của người Anh. Dân Ả rập chỉ việc đi vòng quanh là xong, một đứa bé cũng thừa biết như thế.

Ông vụt quay lại nhìn Barak bằng cái nhìn đột nhiên bốc lửa, cũng vẫn thứ nhìn mà Barak thường thấy trong mắt Akiba.

— Các anh chiến đấu đi chứ, trời đất thánh thần ơi, đợi gì nữa ! Giải pháp duy nhất ! Chiến đấu. Thiên mệnh của dân Do thái là chiến đấu để trở thành một quốc gia.

— Về điểm này, ông thuyết phục một kẻ đã tin theo từ lâu rồi. Ông khỏi cần nhắc lại là chúng tôi phải chiến đấu.

— Phải nhắc chứ ! Phải nhắc đi nhắc lại hoài cho các anh ngày nào các anh còn thu hình trong bốn bức tường rào, của các nông trường. Tin ở tôi đi, đã đến lúc các anh xông ra ngoài, trừng phạt các tội khốn nạn ấy. Mỗi khi một tên Ả rập ra khỏi một quán cà phê và vác súng bắn các anh cách cả ngàn thước, hẳn đã cho hẳn là anh hùng rồi. Được, chúng ta sẽ cho tội vô đạo ấy biết tay ! Tôi tin cậy ở anh xin cho tôi hội kiến với Avidan ngay lập tức. Người Anh thiên cận quá khó để hiểu các phương pháp của tôi.

Tới đây, Malcolm đột nhiên ra đi cũng như bất ngờ

đến đây tới, để lại cho một Barak ngồi phân vân, gãi đầu.

Sau đó Barak quyết định gọi điện thoại cho Avidan. Hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Yeddish để phòng có người Ả rập nghe trộm. Barak hỏi :

— Cái anh chàng thiếu tá Anh đó là ai vậy ? Hắn rơi từ trên trời xuống như một đấng cứu thế vậy và thuyết cho tôi một bài về chủ nghĩa phục quốc Do thái...

Avidan nói :

— Chúng tôi có nhiều báo cáo về hắn. Thành thật mà nói, hắn có vẻ kỳ dị đến độ tôi cũng không biết nghĩ ra sao nữa.

— Có thể tin được hắn không ?

— Tôi cũng không biết.

Bây giờ thiếu tá P.P. Malcolm đề hết các thì giờ rảnh của mình để sống với người Do-thái, tuyên bố công khai là các sĩ quan Anh gốc lăm và chán chết. Sau chừng vài tháng, tất cả dân Do-thái ở Palestine đều biết tới ông. Mới đầu, mọi người coi Malcolm như một kẻ lập dị dở hơi vô hại. «Anh chàng Anh tởc của chúng ta» như mọi người thường nhắc đến một cách mỉa mai đượm tình thương mến. Tuy thế, dần dần mọi người nhận ra nhân vật này không hề tởc tí nào. Ông có khả năng thuyết phục đến nỗi có thể bán được cả thập tự giá cho qui.

Các cấp chỉ đạo của «Trung ương» bị hết cơ này đến cơ khác đề không tiếp Malcolm. Cho đến một hôm, không thêm báo trước, ông xông thẳng vào văn phòng Ben Gourion, lớn tiếng :

— Ông nghe đây ! Ông chỉ là một người ngu ! Ông

đề mắt thì giờ bàn cãi với kẻ địch mà lại không có được năm phút đề bàn luận với một người bạn !

Ben Gourion không có dịp tìm câu trả lời. Viên thiếu tá đã ra đi rồi; đóng sầm cửa lại.

Cuộc vận động kế tiếp của Malcolm đề có một buổi được tướng Chasles, tổng trấn Palestine tiếp kiến. Malcolm xin phép được thí nghiệm các lý thuyết du kích chiến của mình bằng cách xử dụng quân sĩ Do-thái. Chắc chắn là tướng Charles thân Ả-rập rồi, cũng như đa số sĩ quan trong bộ tham mưu của ông, nhưng cuộc khởi loạn của muftidā bắt đầu làm ông bị mọi người chế riễu. Đến nỗi rằng ông đã bí mật cho thành lập, trang bị và huấn luyện một đoàn cảnh sát Do-thái cùng nhắm mắt bỏ qua mọi vụ buôn lậu vũ khí của Haganah, Sau khi do dự một lần chót, và trước sự thất bại hoàn toàn của các cố gắng của mình, tướng Charles báo cho thiếu tá Malcolm biết là chấp thuận cho toàn quyền hành động.

Vài ngày sau, chiếc xe của Malcolm hục hặc dừng lại trước công nông trường Ha Mishmar. Một lính canh đưa ông vào Bộ chỉ huy của Ari lập trên đỉnh đồi. Không thềm phật ý vì thái độ ngạc nhiên châm chọc của người thanh niên to lớn này, Malcolm đưa tay vỗ má Ari như vỗ má con.

— Chú có vẻ khá đấy. Chú chỉ việc nghe tôi, quan sát tôi và thi hành lệnh tôi, là tôi sẽ làm cho chú trở thành một quân nhân ưu tú. Bây giờ, chú có bản đồ chứ ? Tốt. Chú hãy chỉ cho tôi căn cứ xuất phát của tụi Ả-rập.

Nửa bắt măn, nửa bị khuất phục, Ari chỉ một làng

cách đó chừng mười lăm cây số, trong lãnh thổ Liban. Malcolm phớt lạnh nói :

— Gần thế thôi hả ? Được, tối nay chúng ta sẽ phá tan căn cứ đó.

Đêm tới, Malcolm cầm đầu một toán quân gồm tám thanh niên hai thanh nữ, băng qua biên giới. Các người Do-thái kinh ngạc khi thấy cái ông già năm mươi khập khễnh và gầy lêu kêu này băng qua các sườn dốc một cách dễ dàng. Trước khi khởi hành, ông đã đe ròi : Kẻ nào theo không kịp, sẽ biết tay ông. Thật là kỳ lạ khi nghe lời đe dọa này, không ai dám cười cả.

Khi tới gần mục tiêu, Malcolm tiến lên trước đề thám sát địa hình địa vật. Một nửa giờ sau ông trở lại.

— Đúng như tôi đoán, chúng không thêm đặt lính canh. Đây, chúng ta làm ăn như sau . . .

Bằng vài nét bút chì, ông vẽ phác một sơ đồ.

— Tôi sẽ lấy theo ba chú tiến vào tận giữa làng. Bọn tôi sẽ bắn vào các nhà, ném dăm ba trái lựu đạn để đánh thức bọn chúng dậy. Họ sẽ chuồn lẹ và khi đó chúng tôi sẽ xua họ về điếm này, đầu làng, nơi Ben Canaan đã dăng sẵn một ồ phục kích. À ! Tôi quên : Ben Canaan, chú làm ơn bắt cho tôi một hay hai tù binh. Tôi sẽ thăm vấn chúng : Chắc chắn các vùng quanh đây đầy chỗ dấu vũ khí.

Ari phản đối :

— Làm thế thật là điên. Kế hoạch của ông không thực hiện được đâu.

— Nếu chú tin vậy, tôi chỉ yêu cầu chú một việc là chú lên đường về nhà đi.

Ari không bao giờ còn nghi ngờ tính cách khôn ngoan các lệnh của Malcolm nữa. Niềm tự tin người Anh này lan truyền nhanh như dùng thuật thôi miên vậy.

Vậy kế hoạch đã được thi hành và mọi sự đã diễn ra đúng như tiên liệu. Trong mười phút, tất cả mọi sự xong xuôi. Bên Ả-rập bị mất chừng ba chục người chết, chưa kể số bị thương đã nhờ bóng tối chạy thoát. Bên Do-thái bắt được hai tù binh, áp tải tới trước thiếu tá Malcolm. Ông này hỏi người thứ nhất bằng tiếng Ả-cập.

— Vũ khí của các anh đâu đâu ?

Người tù binh nhún vai. Một cái tát không làm cho hắn nhận định rõ hơn tình hình. Malcolm rút súng lục ra và lạnh lùng bắn cho hắn một phát vào đầu. Kế đó, ông quay lại người tù binh thứ hai và nhắc lại câu hỏi. Áp úng vì sợ, hắn thú luôn cả loạt địa điểm chôn dấu vũ khí.

Cuộc tấn công đầu tiên của Haganah đã làm giảm bớt hăng hái của các toán quân mufti. Ngược lại, nó lại gây ra cả một vụ ồn ào phản đối trong Bộ Tổng tư lệnh Anh. Rất nhiều sĩ quan cao cấp đòi triệu hồi ngay thiếu tá Malcolm. Tuy vậy tướng Charles vẫn phớt lạnh. Cho tới giờ, các phương pháp của người Anh đã thất bại một cách thảm bại trong việc chống lại các tay khủng bố Ả-rập nên ông thích để mặc cho sĩ quan thuộc cấp đặc biệt ấy hành động, kể mà ông tin có lẽ đủ sức giải quyết vấn đề.

Malcolm lợi dụng tình trạng trên để thực hiện một kế hoạch đã soạn thảo xong từ lâu : Thành lập một đơn

vị lưu động. Ông điều đình được với Hagana «cho mượn» một trăm năm chục người chọn lựa hết sức cẩn thận cùng Ari Ben Canaan, kẻ mà ông cho là có tài chỉ huy đặc biệt. Vài tuần lễ sau, các «Raider» bắt đầu lâm chiến.

Đây cả là một vụ khám phá mới lạ và hàng loạt thành công chớp nhoáng. Các toán khủng bố Ả rập không biết khi nào, nơi nào các «Raider» sẽ tung ra trận đánh kế tiếp. Lần đầu tiên, hệ thống «điện thoại Ả rập» tỏ ra vô hiệu. Khi thì Malcolm chia quân làm ba đoàn tiến về ba hướng khác nhau, khi thì cho quân đi qua một làng khả nghi, đi vòng năm cây số ngược lại rồi ào tới tấn công. Hoặc ông cho một đoàn xe lên đường sau khi đã huấn luyện cho quân sĩ cách nhảy xuống từng người một trong khi xe đang chạy, nấp vào trong bờ bụi đợi tới tối mới tập hợp lại để tấn công địch hoàn toàn bất ngờ. Rất nhanh chóng, cuộc khởi loạn bị dẹp, bị truy lùng, mất dần khí thế đề rồi sau cùng tắt hẳn. Với một trăm năm chục người, Malcolm đã thành công trong việc quét sạch khỏi Palestine những toán quân của «Quân lực Giải phóng», tàn quân rải rác còn lại vượt biên thù trở lại Liban. Nếu mufti là một người yêu nước, dù sai lầm nhưng thành thật, khi tổng kết thành tích hoạt động của ông cũng làm ông kinh hãi: Trong ba năm trời đẫm máu, ông chỉ đẩy người Ả rập ở Palestine vào một tình trạng nghèo khổ cùng cực mà không chiếm nổi một nông trường nào, và cũng chẳng cần được người Do thái thành lập thêm chừng năm chục nông trường mới.

Yên tĩnh đã trở lại, Whitehall xét lại toàn diện chính

sách của mình trong lãnh thổ ủy trị.

Đề bắt đầu, người Anh cho triệu hồi thiếu tá Malcolm. Kế đó, tướng Charles bị thay thế vì bị coi là quá mềm yếu, và tướng Haven-Hurst sang thay. Đề thay đổi tới nơi tới chốn, tất cả những nhân vật cao cấp trong hệ thống cai trị quân sự cũng bị thay thế nốt. Các chủ nhân ông mới khai trương triều đại của họ bằng cách nhốt tất cả các quân sĩ trong « Raider ». Một tòa án quân sự kết án họ từ sáu tháng đến năm năm tù — vì tội mang vũ khí bất hợp pháp !

Bị giam cùng các bạn trong nhà tù vĩ đại Acre, đầy chấy rận, chuột, bùn lầy và không khí hôi thối. Ari, được phóng thích vào mùa xuân 1939. Xanh xao, gầy đi, chàng trở về Yad El kịp thời để được biết rằng người Anh, trong một cuốn Bạch thư mới, cấm tất cả mọi sự di nhập vào Palestine cùng mua đất tại xứ này. Sự kiện này có nghĩa là, ngay trước khi đệ nhị thế chiến bùng nổ, Neville Chamberlain, kẻ ủng hộ chính sách hòa dịu với bất cứ giá nào, đã không thèm chú trọng, không biết đến bao nhiêu ngàn ngàn Do-thái Đức đang bị Quốc Xã đe dọa diệt chủng. Xét cho cùng, ông là chính khách chuyên che đậy, cũng đã có thói quen bỏ rơi thiên hạ rồi : ông cũng đã từng bỏ rơi phe cộng hòa Tây-ban-nha và dân tộc Tiệp khắc trong những năm về trước đó sao ?

14

Cuốn Bạch thư của người Anh có hậu quả đầu tiên là khơi dậy phong trào đã bắt đầu im ngủ của các Macchabée. Rất nhiều người Do-thái từ trước cho tới giờ vẫn phản đối các phương sách bạo động dữ dội của nhóm này, bây giờ cũng ủng hộ hoàn toàn. Ngay lập tức, các Macchabée lâm chiến, tung ra nhiều cuộc xung kích vào các làng Ả-rập, làm nổ một trái bom trong một câu lạc bộ sĩ quan Anh ở Jérusalem, cướp một kho vũ khí Anh và tấn công nhiều đoàn xe nhà binh.

Tướng Haven-Hurst phản ứng ngay lập tức : giải tán cảnh sát Do-thái, cấm đoán đoàn Haganah làm hại đoàn này bắt buộc phải biến thành tổ chức bí mật. Sự điều tề nhất sẽ xảy ra, Avidan phải dùng hết uy tín của mình để kìm giữ quân mình đang tức giận, nghĩ tới chuyện dàn trận đánh nhau với người Anh một trận sống mái. Một chuyện điên rồ như vậy chắc chắn sẽ đưa đến chỗ tiêu diệt lực lượng quân sự duy nhất người Do-thái hiện có ở Palestine.

Trong thời gian này tình thế những người Do-thái Đức, sau khi đã ở tình trạng báo động trong sáu năm, đã tới lúc hoàn toàn tuyệt vọng. Văn phòng của phục quốc Do thái ở Berlin bị hàng ngàn ngàn đàn ông đàn bà bao vây, họ sẵn lòng hi sinh tất cả những gì họ có để đòi lấy quyền được rời bỏ nước Đức. Khi những viên chức của phục quốc Do thái bị công việc quá tràn ngập, yêu cầu tăng viện, «Trung ương» ở Jérusalem quyết định

gửi Ari Ben Canaan sang. Cuộc viễn hành thật khó khăn. Người Anh nghi ngờ một kẻ mà họ biết rõ các liên hệ chặt chẽ với Haganah. Ari phải rời xứ một cách bí mật qua vùng biên thùy Liban mà chàng biết rõ, tiếp tục đi bộ đến tận Beyrouth để từ nơi đó, nhờ sò thông hành của một người Do thái mới tới với tư cách «du khách», chàng đã có thể lên một chiếc tàu đi Marseille. Một tuần lễ sau, chàng đã đến được văn phòng của phục quốc Do thái tại Bá linh bình yên vô sự.

Các chỉ thị Ari nhận được rất giản dị : «Hãy cố đưa tối đa người Do thái ra khỏi nước Đức». Nhưng thực hiện các chỉ thị này lại vấp vào các trở ngại ghê gớm. Tất cả vấn đề xoay quanh việc xin chiếu khán vào một quốc gia khác — bất luận quốc gia nào. Một chiếu khán, là một mạng người, do đó người ta tìm cách mua, ăn cắp, giả mạo. Thế mà đa số các quốc gia đã bộc lộ sự «hăng hái» khá hạn chế với ý nghĩ tiếp nhận những người Do thái Đức vào lãnh thổ mình — Quốc gia này ngại vì đó là những người Do thái, quốc gia khác ngại vì đó là những người Đức. Ari phải xoay xở đêm ngày mới kiếm được một phần nhỏ số chiếu khán cần có. Trong suốt mùa hè thế thảm 1939, hầu như chàng làm việc hai mươi bốn trên hai mươi bốn mỗi ngày, vì tin tưởng rằng các biển cớ sẽ không đề cho chàng nhiều thì giờ nữa.

Vào khoảng giữa tháng tám, một điện văn khẩn của Mossad ở Pháp ra lệnh cho chàng rời Đức quốc ngay lập tức. Chàng coi điện văn này như không có và tiếp tục cuộc chạy đua với giòng Lịch sử. Một điện văn thứ hai, lần

này phát xuất từ Haganah, ra lệnh cho chàng phải lên đường tức khắc. Ari liệu bất tuân trong bảy mươi hai giờ nữa đề đủ thì giờ phân phối xong năm trăm chiếc khăn cho phép gửi một đoàn tàu trẻ em sang Đan mạch. Và cũng là đủ thì giờ nhận thêm một điện văn thứ ba và thứ tư nữa.

Vào giờ khắc mà đoàn tàu vượt biên giới Đan mạch vô sự, Ari mới nghĩ tới việc thoát thân cho chính mình. Chàng thoát ra khỏi được nước Đức đúng hai ngày trước khi quân Đức Quốc xã xâm lăng Ba lan.

Đệ nhị thế chiến vừa bùng nổ, «Trung ương» Do thái ở Jérusalem đã triệu tập phiên họp bất thường. Trong vòng chưa đến mười phút, các lãnh tụ Do thái ở Palestine đã đồng ý quyết nghị xong về đường lối của mình: tất cả thanh niên Do thái sẽ tình nguyện nhập ngũ vào quân lực Anh để chiến đấu chống kẻ thù chung.

Quyết định trên được Haganah tán thành toàn diện vì thấy đây là một cơ hội ngàn năm một thừa để huấn luyện quân sĩ xử dụng các vũ khí tối tân một cách chính thức và hợp pháp nữa.

Tướng Haven-Hurst cũng nhìn thấy cơ hội đó, nhưng ông lại nhận định dưới một khía cạnh khác. Ông viết trong một báo cáo gửi War Office như sau:

« Khi huấn luyện các quân sĩ Do thái bằng cách mang lại cho họ kinh nghiệm chiến đấu, chúng ta sẽ đi ngược với quyền lợi của chúng ta. Bởi vì sớm hay muộn, chúng ta cũng phải chiến đấu chống lại chính những người Do thái này.»

Xét cho cùng, có lẽ tướng Haven- Hurst ít thiên cận hơn nhiều người đã tưởng...

Trong khoảng thời gian một tuần lễ, một trăm ba mươi ngàn nam nữ— một phần ba tổng số dân Do-thái ở Palestine— đã ghi tên ở «trung ương» để xin tình nguyện chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Anh.

War Office (1) không thể lờ đi không nhận một đề nghị thành thực có lợi cho Anh như vậy, nhưng cũng không thể bỏ qua lời cảnh cáo của Haven- Hust. Bộ Quốc phòng sau cùng đã chấp-thuận một giải pháp trung dung : Các chức quyền quân sự sẽ thu nhận những người Do-thái tình nguyện đầu quân, nhưng từ chối dùng họ vào các đơn vị chiến đấu, sung họ vào ngành Quân vận và Công binh, các dân Do-thái Palestine thấy mình mất cơ hội để học cách xử dụng vũ khí tối tân cùng chiến thuật tại chiến trường. Dĩ nhiên là «trung ương» phản đối, đòi hỏi các chức quyền Anh cho quân Do-thái có dịp chiến đấu trực tiếp chống Đức, nhưng một lần nữa các đòi hỏi của Do-thái không đi đến đâu.

Tuy vậy mặt trận thống nhất của phong trào phục quốc có một khe hở : Nhóm ly khai Maccabee. Avidan quyết định dẹp tự ái sang một bên, nhờ trung gian của nhiều người, báo cho Akiba biết là ông muốn gặp.

Buổi hội-kiến xảy ra ở Jéusalem, trong hầm của một tiệm ăn lớn, giữa các két đồ hộp và thùng rượu. Đến

1. War office bộ Quốc Phòng Anh.

trước, Avidan cố tình không bắt tay vị thủ lĩnh của đoàn Macchabeé. Avidan nói thẳng ngay vào đề :

— Tôi muốn gặp anh chỉ vì một lý do. Tôi muốn anh tuyên bố đình chiến với người Anh cho tới khi chiến tranh chấm dứt.

Đúng như ông đã chờ đợi, Akiba lên tiếng thuyết một hồi dài trong đó lòng căm thù người Anh lẫn lộn với niềm căm tức của ông đối với thái độ thụ động của « trung ương ». Sau cùng Avidan ngắt lời

— Tôi xin anh. Anh không cho tôi biết thêm điều gì mới cả. Tôi biết các tình cảm của anh, tôi biết rất chính xác cái gì ràng buộc, cái gì chia rẽ chúng ta. Nhưng mặc dù thế, Đức vẫn là một kẻ thù nguy hiểm hơn người Anh rất nhiều.

— Có thể. Nhưng dấu sao đây chính là lúc đòi hỏi Luân-đôn phải thâu hồi Bạch thư lại, phải công bố thành lập Quốc gia Do-thái nằm hai bên bờ sông Jourdain ! Chính lúc này đây, hoặc chẳng bao giờ có nữa ! Anh quốc đang lung lay, đây là lúc nắm ngay lấy cơ hội !

— Theo ý anh, việc đưa Quê Nhà Do-thái trở thành Quốc gia đã quan trọng đến nỗi chúng ta phải góp công cho Đức chiến thắng hay sao ?

Akiba đi đi lại lại trong hầm. Nóng này, tức giận, ông lâu nhàu những lời buộc tội hăng hái.

— Như vậy là dù quân Anh phong tỏa bờ biển Palestine... dù rằng trong quân lực của họ, họ duy trì quân sĩ ta trong một thứ ghetto... dù họ đánh lừa chúng ta không thương tiếc,.. chúng ta vẫn cứ phải hợp tác với họ.

Đột nhiên Akiba đứng lại, nói bằng một giọng run run :

— Được rồi ! Đồng ý, anh Avidan. Các Macchabée tuyên bố đình chiến.

Hai người nghiêm trọng bắt tay nhau. Akiba hỏi một cách rụt rè :

— Anh tôi dạo này ra sao ?

— Barak vừa mới về. Anh đi dự một hội nghị ở Luân-Đôn.

— Chắc chắn thế rồi, lại một hội nghị nữa. Ông ấy chỉ thích có vậy. Còn chị Sarah và các cháu ?

— Mọi người mạnh khoẻ cả. Anh có thể tự hào về cháu Ari của anh.

— Phải. Đó là một thanh niên rất khá. Tôi muốn gặp lại nó...

Không trả lời, Avidan tiến về phía cầu thang. Khi ông nâng nắp hàm lên, ông nghe thấy Akiba đọc lớn tiếng trong bóng tối :

— *Những kẻ ác và tội lỗi sẽ bị tiêu diệt và những kẻ nào quên đảng Vinh cứu sẽ bị sét đánh.* Một ngày kia bọn Anh sẽ phải thanh toán ân oán với chúng ta !

Ari đã thay đổi nhiều. Buồn bã, ít nói, chàng hầu như lơ là với tất cả những gì không liên quan trực tiếp tới các cánh đồng, các cây ăn trái cùng vườn rau của chàng. Chiến tranh đã bùng nổ, nhưng chàng từ chối rời khỏi Yal El. Những lúc rảnh rỗi, chàng qua làng Abou Yesha

sống với bạn cố tri là Taha, bây giờ là mouktar của làng.

Một buổi tối vào đầu năm 1940, khi trở về nhà, chàng thấy Avidan đang đợi. Sau bữa cơm, Ari, Avidan và Barak ngồi bàn chuyện riêng với nhau ở phòng khách. Avidan mở đầu :

— Chắc cháu cũng đoán được lý do cuộc thăm viếng của bác.

— Vâng.

— Như vậy, chúng ta chẳng phải bàn quanh làm gì vô ích. Trong Haganah, theo ý bác, có vài chục thanh niên cần phải nhập ngũ. Nhiều lần người Anh tiếp xúc với chúng tôi và hỏi thăm về cháu. Họ chỉ mong được bổ nhiệm cháu là sĩ quan...

— Cháu không hề thiết việc đó.

— Nghĩa là họ rất cần có cháu. Chúng tôi có thể xin cho cháu bổ nhiệm — Theo bác nghĩ, vào ban phản tình báo Ả-rập — Nơi mà cháu có thể giúp nhiều cho Haganah nữa.

— Từ tế quá ! Cháu đã e rằng họ sẽ xếp cháu vào ban tạp dịch đi đổ rác cùng với những thanh niên Palestine khác. Cháu rất hãnh diện được thiên hạ coi cháu như một tên Do-thái hữu ích. . .

— Ari, đừng có bắt tôi phải biến đề nghị của tôi thành lệnh.

— Lệnh ? Thưa Tư lệnh, Tư lệnh chắc sẽ ngạc nhiên đấy.

Avidan giật mình. Là người hết sức trọng kỷ luật, ông không thể quan niệm một quân nhân tôn trọng hệ thống

quân giai như Ari Ben Canaan lại có thể đột nhiên bất phục tùng như vậy. Barak can thiệp :

— Tôi hài lòng đã trình bày một cách thẳng thắn, Ari ám ức hoài từ khi rời Tây-Bá-Linh.

Avidan lắc đầu.

— Coi nào, Ari... Bác không muốn nhấn mạnh hơn...

— Việc quái gì tôi lại phải mặc quân phục Anh nhỉ ? Đề cho qui vị đó nhốt tôi vô tù sao ? Bố muốn con cắt nghĩa ngay thẳng mọi sự phải không bố ? Bậy con xin nói : Từ năm năm rồi, chú Akiba đã có can đảm chỉ đích danh kẻ thù của chúng ta.

Barak gầm lên

— Bố muốn con không được nhắc tên chú ấy trong cái nhà này !

— Con rất tiếc là không nhắc tới tên chú Akiba sớm hơn. Chính chỉ vì không muốn đương đầu công khai với bố nên con đã không gia nhập hàng ngũ Maccoabée.

Avidan nói :

— Cháu chưa biết là Akiba cùng tất cả các Macchaée đã từ bỏ chiến đấu chống người Anh trong lúc này. Hậu quả là sự khước từ của cháu . . .

Ari đứng dậy và đi ra phía cửa :

— Con sang chơi domino bên nhà Taha. Ngày nào quân quốc xã xâm lăng Palestine, xin mọi người báo cho con biết.

Cộng đồng Do-thái dù có đóng góp hết sức mình vào

nỗ lực chiến tranh của Anh, Luân-đôn vẫn không vì thế mà chịu đổi thái độ thù nghịch. Một thái độ sẽ gây ra nhiều biến cố ghê khiếp đến nỗi làm một người Do-thái ôn hòa nhất cũng phải nổi nóng.

Trước hết là tấn thảm kịch tàu *Strouma*. Một chiếc tàu hơi chạy trên sông Danube, cồng kềnh, lợc xọc, mục nát, dài chưa tới hai mươi thước mà trên đó chèo chát tới tám trăm người Do-thái tuyệt vọng tìm cách chạy khỏi Âu châu. Không biết do phép màu nào, chiếc tàu xác này, nước ngập mấp mé vì chở nặng, cũng đã tới được Istamboul. «Trung ương» phục quốc Do-thái hầu như lạy người Anh xin ban cho các chiếu khản cần thiết. Nhưng người Anh không những từ chối không cho, còn gây áp lực mạnh với chính quyền Thổ để chính quyền này không cho phép tàu được tạm trú trong hải phận mình nữa. Sau cùng, các cảnh sát Thổ lên tàu. Chiếc *Strouma* bị kéo qua Bosphore rồi bỏ mặc cho trôi dạt ngoài Bắc hải, không nước uống, lương thực và không cả nhiên liệu nữa. Không chống nổi cơn mưa đầu tiên, chiếc tàu hơi chạy sông này đắm.

Chỉ có một người trên tàu sống sót.

Một thời gian sau, một thảm kịch thứ hai diễn ra ngay ngoài bờ biển Palestine. Hai chiếc tàu chở hàng kiệt quệ đã lết được tới Haija với khoảng chừng hai ngàn người Do-thái. Người Anh ra lệnh chuyển họ ngay lập tức sang chiếc *Patria* nhờ neo rồi bị đắm ngoài khơi hải cảng. Trong vụ này nữa, cũng có hàng trăm người mất tích.

Tất cả những điều đó đều được thực hiện tuân theo

Bạch thư, đề khởi làm thiệt hại, dù chỉ rất nhẹ; tới người Ả-rập !

Vào lúc đã làm chủ lục địa Âu châu, Wehrmacht sắp sửa tung ra một trận quyết định đánh vào tim của Đế quốc Anh — Nghĩa là vào kênh Suez, Ai cập và Palestine — Vị mufti ấy, sau cuộc nổi dậy thất bại ở Irak, đã sang Bá linh. Được Hitler tiếp đón nồng nhiệt vì lãnh tụ Đức thấy đó là một đồng minh hữu ích, mufti được xử dụng đài phát thanh Đức để lên tiếng hô hào với giọng điệu cũ rích :

« Hỡi dân Ả-rập, hãy đứng dậy, hãy trả thù những kẻ đã hành hạ đồng bào... Tôi, mufti Palestine, tuyên bố thánh chiến, nổi dậy chống lại áp bức gông cùm Anh cùng sự hỗn láo đã làm ô uế các nơi thờ phụng của chúng ta. Giết chết được một tên Do thái, là làm hài lòng đấng Allah, là cứu vãn danh dự của đồng bào. Cầu cho bọn Do thái tiêu diệt đến tận cuối cùng ! »

Trong thời gian này, lộ quân thứ VIII của Anh bị Afrika Korps của Rommel đẩy lui, đang chuẩn bị giao tranh trận chốt để giữ đồng bằng sông Nil. Đằng sau lưng đạo quân này, ở Alexandrie, dân Ả-rập đang chuẩn bị chờ xí để đón tiếp « các người giải phóng » một cách xứng đáng. Xa hơn về phía bắc, ở Syrie, quân Đức, dưới sự che chở của chính quyền Pháp phe Vichy, (1) đã dự trữ

1. Vichy : Sau khi đệ nhị thế chiến mở màn một thời gian ngắn, quân Pháp Anh thua nặng. Quân Anh phải rút về Anh quốc, chính phủ Pháp — lúc đó do thống chế Pétain lãnh đạo — phải xin hòa với Đức. Đức chiếm cứ miền Bắc nước Pháp, để

đủ vũ khí để chuẩn bị xông vào Palestine. Trong toàn thể Trung Đông, Anh quốc chỉ còn trông cậy ở một đồng minh duy nhất Các lực lượng phụng quốc Do thái.

Tình hình kết đến nỗi một ngày nọ người Anh cầu tới « Trung ương » và yêu cầu Do thái thành lập các đơn vị du kích : Các đơn vị này, trong trường hợp lộ quân VIII rút lui, sẽ tạo thành quân chặn hậu và tấn công quấy nhiễu các đạo quân đồn trú Đức. Do đó phát sinh Palmach, lực lượng sau này trở thành lực lượng xung kích chính của Haganah.

Ari Ben Canaan ngồi xuống bàn dùng bữa cơm, và điềm tỉnh nói

— Con vừa tình nguyện đầu quân vào quân lực Anh

Ngày hôm sau, chàng tới trình diện tại kibboutz Beth Alonime, Nhà Cây Sồi, nơi mà tất cả thanh niên Palestine khắp xứ đổ về để thành lập các đơn vị Palmach.

miền nam dưới quyền kiểm soát của chính phủ Pháp thân Đức đóng đô ở Vichy. Một thiếu tướng Pháp, DE GAULLE, không chịu nhận hòa ước ô nhục này, trốn sang Anh thành lập một chính phủ lưu vong và Quân lực Pháp tự do, sau này đã trở về giải phóng đất nước. Trong những năm đầu, phe DE GAULLE yếu thế vì đa số các tư lệnh các đạo quân Pháp ở các thuộc địa hải ngoại (trong đó có Syrie và Đông Dương) đều theo chính phủ Vichy. Sau khi bên Đồng Minh thắng trận, De Gaulle trở thành anh hùng dân tộc và từng lãnh đạo dân tộc Pháp nhiều lần — tới gần đây, ông tự ý từ chức về trí sĩ. Còn thống chế Pétain bị khổ sai chung thân và chết trong tù.

15

Ari, được bổ nhiệm chức trung úy, được trao phó trách các cuộc hành quân du kích. Đa số thanh niên thanh nữ dưới quyền chàng chưa đạt tới tuổi trưởng thành. Còn về các sĩ quan, đó là các tay "cựu trào" mà tuổi trung bình vào khoảng trên dưới hai mươi lăm. Đó là một đoàn quân rất đặc biệt, không đồng phục không phù hiệu, con trai cũng như con gái đều được huấn luyện y như nhau, một sự huấn luyện căn cứ trên một ý nghĩa sâu xa về định mệnh đã ghi trong thánh kinh về dân tộc họ.

Trong hàng quân, có hai người đã chứng tỏ có nhiều đức tính nên được bổ nhiệm làm các trưởng đoàn, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Ari. Người thứ nhất, Zev Gilboa, là một nông dân miền Gallée, thấp, khoẻ, nặng nề, có một bộ ria vĩ đại đen thẫm. Người thứ hai, David Ben Ami, một sinh viên ở Jérusalem, nhỏ bé và nóng nảy, có một khuôn mặt linh hoạt, các nét nhiệt thành và nhạy cảm. Cộng chung cả hai người, chưa được bốn mươi tuổi.

Một ngày kia, trại được tướng Haven-Hurst đến thăm. Trong khi đi thanh tra, viên tướng Anh đã có thể nhận thấy sự hiện diện của ông không hề gây ra một niềm phấn khởi nào. Không hề bối rối vì thế, ông cho gọi Ari đến bộ chỉ huy trại.

— Trung úy Ben Canaan, trung úy hãy ngồi xuống.

Trước hết, tôi muốn khen ngợi anh : anh đã làm được công việc rất tuyệt hảo với các lực lượng của Palmach.

— Xin cảm ơn đại tướng.

— Tôi đã nghiên cứu hồ sơ của anh, nói cho đúng hơn, các chặng trong đời sống của anh. Một đời sống rất phong phú.

— Những trường hợp bất hạnh cùng sự thù nghịch bao quanh chúng tôi đã bắt tôi phải sống một cuộc đời như thế. Thực ra thì tôi thích yên tĩnh hơn xáo trộn : tôi thích được sống như nông dân.

Haven-Hurst không đề ý đến lời chàng.

— Tôi tới thăm trại này chính ra để có dịp nói chuyện với anh. Tôi muốn anh tình nguyện nhận một nhiệm vụ đặc biệt. Tôi biết là anh đã chỉ nhập ngũ với điều kiện là để huấn luyện cho Palmach thôi, nhưng chúng tôi cho rằng vụ này khá khẩn cấp để biện minh cho một sự sửa đổi thái độ cần thiết.

— Thừa đại tướng, tôi là quân nhân trong quân lực Anh quốc. Vậy tôi sẽ nhận tất cả các nhiệm vụ mà thượng cấp sẽ trao phó cho tôi.

— Tốt lắm. Đây, tóm tắt vấn đề như sau. Kể từ một thời gian gần đây, quân Đức tích trữ quân cụ ở Syrie. Chúng tôi e rằng họ sẽ tấn công Palestine trong mùa xuân này. Vậy mà vì không có khai chiến với chính phủ Vichy, chính chúng tôi không thể nào tung ra một cuộc tấn công phòng ngừa chống lại Syrie được. Ngược lại chúng tôi có

đủ các lực lượng Pháp Tự do (1) cần thiết nhưng với điều kiện là chúng tôi có thể chuẩn bị cho họ can thiệp bằng cách cung cấp những tin tức thật chắc chắn và đầy đủ. Chính vì cuộc hành quân này mà chúng tôi đã nghĩ tới anh một mặt vì anh biết rõ Syrie và Liban, sự hiểu biết do từ thời kỳ anh còn ở Ha Mishmar, một mặt khác bởi vì anh nói thông thạo Ả-rập. Chúng tôi muốn anh sẽ thu thập các thanh niên đã từng ở Ha Mishmar với anh rồi trở lại miền đó, dùng kibboutz như căn cứ xuất phát. Một khi cuộc tấn công của chúng tôi đã được phát động, anh sẽ có các nhiệm vụ khác. Kể từ bây giờ, tôi có thể hứa thắng cấp đại úy cho anh.

— Tôi thấy có một trở ngại, thưa đại tướng.

— Trở ngại nào ?

— Đa số các bạn đồng đội của tôi ở Ha Mishmar đã bị cảnh sát của đại tướng bắt nốt.

Haven-Hurst đỏ bừng mặt.

— Tôi sẽ ra lệnh thả họ ngay lập tức.

— Xin cảm ơn đại tướng. Một điều khác : ở đây tôi có hai quân nhân hữu hạng. Tôi mong được đưa họ tới Ha Mishmar và xin cho họ được chuyển sang quân lực Anh.

— Chấp nhận hoàn toàn.

1. *Lực lượng Pháp tự do* : hợp bởi các đơn vị cùng các quân sĩ Pháp không nhận quyền binh của chính phủ Vichy. Lực lượng này cũng như phong trào kháng chiến tại nội địa Pháp, đều đặt dưới quyền lãnh đạo của De Gaulle,

Ari đứng dậy, chào và tiến ra cửa. Trên ngưỡng cửa, chàng quay lại :

— Nếu đại tướng cho phép tôi được góp ý kiến, thì bây giờ đúng là lúc tiến đánh Syrie. Cuộc hành quân này sẽ mang lại cho Lộ quân VIII khoảng thời gian cần thiết để rút lui sang Ấn-độ.

Haven-Hurst nhìn thẳng vào Ari bằng ánh mắt lạnh như thép.

— Ari Ben Canaan, không cần phải nói anh cũng biết rằng một ngày kia chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng mỗi người một bên chiến tuyến.

— Thừa đại tướng, chúng ta đang là như thế rồi.

Đi cùng Zev Gilboa và David Ben Ami, Ari lên đường đi Ha Mishmar, trái đồi cao đối với chàng đã ghi bao nhiêu là kỷ niệm thâm. Trong một thời gian ngắn, chàng đã đứng đầu năm mươi chiến binh lão luyện của Haganah, trong đó có nhiều kẻ đã từng phục vụ trong quân lực Anh ở các xứ xa xôi.

Các toán tuần thám Ari tung ra trong lãnh thổ Syrie đã liêu lĩnh tiến đến tận Damas. Vì chiến dịch tấn công cần phải bất ngờ hoàn toàn, chàng cần phải hành động hết sức thận trọng để địch khỏi nghi ngờ. Ari sử dụng phương pháp vừa gián điệp vừa hiệu lực. Đa số quân của chàng nói thạo tiếng Ả-rập cùng am tường địa thế, chàng cho họ ăn mặc như dân bản xứ để gửi họ lên đường công khai giữa ban ngày : Họ chỉ còn việc mở mắt trông và lắng tai nghe. Nhưng dẫu sao phương pháp này cũng có vẻ không đủ để khám phá đến nơi đến chốn những đô thị lớn như

Damas và Beyrouth. Đó là một công việc hết sức tế nhị cần đến một hành động cá nhân là một người có thể đến vào bất cứ nơi đâu mà không bị nghi ngờ. Ari tham khảo Haganah và thượng cấp ở đây đã tìm ra được một con chim hiếm, đó một chàng trai mười bảy tuổi, tên Joab Yarkoni.

Đó là một người Do thái Ma rốc, sinh quán tại Casablanca, vóc người nhỏ bé, can đảm, táo bạo, có bộ óc khôi hài « cao độ » trong bất cứ hoàn cảnh nào. Với da mặt xạm nắng và đôi mắt đen lớn, hẳn có thể nguy trang bất cứ người Ả rập nào. Joab nói :

— Đi coi xem có những gì trong các đô thị đó hả ? Không có gì dễ hơn. Tôi sẽ mang về tất cả những tin tức gì anh muốn.

Joab Yarconi đã giữ lời. Đi từ biên giới tới Damas, từ Damas tới Beyrouth, từ Beyrouth đến Tyr, chàng trở về Ha Mishmar sau ba tuần lễ. Những tin tức hẳn thu thập được cho phép mọi người biết rõ quân lực Vichy đến nỗi chỉ sai chừng nửa đại đội là cùng.

Một cách kín đáo, các Lực Lượng Pháp Tự do tiến vào Galilée rồi dàn ra dọc biên thù Syria.

Một nhóm người của Palmach— tổng cộng chừng năm chục— bị sát nhập vào một đoàn đặc công được Úc tuyển lựa kỹ càng, gồm toàn các tay chuyên viên về mìn và chất nổ. Lực lượng này, chia làm ba nhóm xung kích, được trao phó nhiệm vụ tiến vào lãnh thổ Syria và Liban trước khi có trận đánh để chiếm cứ một số trục giao thông

cùng các cây cầu chiến lược; tử thủ tại đó cho tới khi quân lực đồng minh tiến tới nơi.

Nhiệm vụ nguy hiểm nhất được trao phó cho toán của Ari. Chàng phải dẫn ba mươi người của chàng đi dọc theo duyên hải Liban, tiến đến gần một đạo quân của chính quyền Vichy và ngăn cản đạo quân này tổ chức phòng thủ chừng sáu cây cầu trong vùng núi, một sự phòng thủ có thể làm quân Pháp Tự do phải ngừng tiến quân. Ari mang theo Joab, Zev và David. Ngoài ba trung sĩ này, chàng còn có mười sáu người Do-thái và mười người Úc nữa.

Khởi hành hai mươi bốn giờ trước ngày N, họ đi ngược bờ biển rất nhanh nhờ am tường địa thế, liền tiếp vượt qua sáu cây cầu, chiếm một hẻm núi gần đạo quân của Vichy đồn trú ở Fort Henried. Rồi sau khi chôn mìn trên đường, chọn vị trí đặt các khẩu liên thanh, họ chờ quân đồng minh tiến đến.

Nhưng, như thường thấy xảy ra trong một cuộc hành quân loại này, đã có một kẻ nào đó đả vi phạm lỗi lầm. Cách quân phía đông, đã phát xuất từ Transjordanie mười hai tiếng đồng hồ quá sớm, tiến thẳng về Damas, làm mất luôn yếu tố bất ngờ.

Đối với Ari, sự kiện đó có nghĩa là chàng bắt buộc phải tử thủ hẻm núi đó không những trong ba hay bốn tiếng cần thiết để đại quân đồng minh tiến đến, mà còn phải giữ thêm mười hai giờ nữa.

Viên chỉ huy quân sự Vichy ở Fort Henried không hề mất thì giờ. Vừa được báo động, ông đã tập trung hai

tiêu đoàn có thiết giáp và pháo binh yểm trợ, khởi hành dọc duyên hải để đi phá các cầu trong miền núi. Khám phá ra tiền quân địch, Ari hiểu là đã có gì trục trặc xảy ra. Ngay lập tức, chàng gửi ngay Zev và David về biên thùy Palestine để cầu viện.

Tiến vào hẻm núi không nghi ngờ gì, đạo quân của Vichy bị thiệt hại khá nặng vì các liên thanh bắn từ cạnh sườn và các trái mìn nổ tung dưới chân. Họ lùi lại, tập trung lại rồi cho pháo binh bắn như mưa.

Sáu giờ ghe góm trôi qua trước khi một tiêu đoàn Pháp Tự do tới tăng viện kịp. Hẻm núi vẫn giữ được. Tất cả các cuộc xung phong đều đã bị đẩy lui, và trên đèo nằm rải rác hơn bốn trăm xác quân sĩ của quân lực chính phủ Vichy.

Trong đoàn đặc công của Ari, chỉ còn có năm người sống sót. Chính Ari cũng hầu như hấp hối. Lưng chàng đầy mảnh đạn, hai viên đạn nữa nằm trong người, một chân và mũi bị gãy. Đối với chàng, chiến tranh chấm dứt ở đây.

Một xe tải thương đưa chàng về Palestine. Trong khi quân lực Pháp Tự do hoàn tất công cuộc chiếm cứ Syrie Ari phải chịu cực hình gập từng mảnh đạn ra, rồi sau đó là một thời kỳ dưỡng bệnh rất dài. Đề tuyên dương công trạng của chàng, người Anh thăng chức thiếu tá và ban một huân chương cho chàng đề tưởng thưởng chiến công ở hẻm núi.

Ari Ben Canaan đã tỏ ra xứng đáng với chính nghĩa của Đồng minh, như tất cả hàng ngàn đoàn viên phục quốc Do thái khác.

Người ta thấy các Do-thái Palertine hiện diện trong các toán xung kích chuẩn bị chiếm Tobrouk và Bardia. Sau này, một trong những tiểu đoàn của Do-thái này đã tham dự vào cuộc tử thủ Tobrouk oai hùng. Họ chiến đấu ở Ý, ở Hi-lạp, đảo Crète, Hòa-lan.

Hàng trăm người trong họ thuộc vào các phi hành đoàn oai hùng của không lực Hoàng gia Anh. Trong một cuộc đột kích táo bạo, một đơn vị quyết tử của Do thái đã phá hủy xưởng lọc dầu Tripoli, và sau đó không một người nào sống sót trở về. Có những người Do thái Đức, mặc quân phục Đức, làm việc ở Tổng hành dinh của Rommel. Nhiều quân nhảy dù Do thái được thả xuống các nước Trung Âu để sưu tầm tin tức và tổ chức phá hoại. Tại những nơi đây nữa, nhiều kẻ đã ra đi không về. Một thiếu nữ tên là Hanna Senesh, được thả xuống Hung Gia Lợi, bị cơ quan Gestapo bắt, đã trở thành một bậc anh thư của kháng chiến bởi vì mặc dù bị tra tấn tàn bạo vẫn không khai (những nơi nàng tiếp xúc).

Các đoàn viên phục quốc Do-thái lập không biết bao nhiêu chiến công oai hùng, nhưng chính quyền Anh không hề muốn họ sau này sẽ dựa vào đó để đưa ra những nguyện vọng yêu nước. Do đó hậu quả là Luân-đôn cố tránh không nói gì đến các nỗ lực quân sự của Do-thái cả. Đến nỗi những nỗ lực này trở thành một trong những bí mật được giữ kín nhất trong chiến tranh.

Điều chờ đợi xảy ra đã xảy ra : chiến tranh chấm dứt, kẻ thù chung bị đánh bại, Anh quốc từ chối thu hồi lại Bạch thư. Mặc dù cả ngàn vụ phản bội của Ả-rập và đã không giơ đến ngọn ngón tay lên để góp phần vào chiến thắng, mặc dù các đóng góp anh hùng của các đoàn viên phục quốc Do-thái mặc dù sáu triệu người Do-thái, đã bị Quốc xã giết chết, người Anh vẫn giữ nguyên lập trường — không cho người Do-thái về Palestine.

Haganah, với một lực lượng bây giờ gồm nhiều chiến binh kinh nghiệm, đã bắt đầu bắt măn, xôn sao. Nhưng dù thế nào chính các Macchabée, là những kẻ đầu tiên tuyên chiến lại với người Anh. Một loạt tấn công bằng chất nổ làm rung động cả xứ. Trong khi người Anh rút quân đóng vững trong các đồn Taggart, các Macchabée lần lượt cho nổ hết các cơ sở quân sự này đến cơ sở quân sự khác của người Anh.

Việc trả đũa thật tàn bạo. Tỏ ra một nghị lực không ai có thể ngờ được là có, tướng Haven-Hurst cho bắt giam và đẩy sang Soudan cả trăm đoàn viên Macchabée. Tuy vậy, cơ quan an ninh không sao khám phá ra các nơi ẩn trú của các cán bộ của Akiba. Sau đó, Haven-Hurst cho đánh đòn bằng roi da tất cả những đoàn viên nào bị bắt về sau này, tại nơi công cộng. Đoàn Macchabée đáp lễ bằng cách bắt cóc quân sĩ Anh để rồi cũng đem ra đánh bằng roi da ở nơi công cộng.

Người Anh cho treo cổ các đoàn viên Macchabée và đoàn này cũng treo cổ những quân lính Anh bắt được. Rất nhiều viên đạn Do-thái đã bắn hạ sát các sĩ quan

Anh đã tuyên bố công khai chống lại phục quốc Do-thái. Về phía người Ả-rập, họ cũng thực hiện nhiều vụ ám sát ghê tởm để đáp lễ các hành động của Do-thái. Từ bắc tới nam, Palestine sống run sợ dưới chế độ khủng bố.

Trong chuyến ngao du Âu châu, mufti đã có cái đại là tuyên bố mình là lãnh đạo tinh thần của các dân Nam-tur theo Hồi giáo đang chiến đấu trong hàng ngũ quân lực Đức. Khi chiến tranh chấm dứt, chính phủ Belgrade ghi tên ông vào danh sách những tội nhân chiến tranh. Mufti chạy trốn sang Pháp và bị chánh quyền nơi này bắt giữ. Tuy vậy người Anh vẫn muốn duy trì ông để sau này có thể cần tới như một tay xách động ở Trung Đông. Bởi thế họ giúp cho mufti trốn thoát được sang Ai-cập, nơi đây ông được tiếp đón như một anh hùng của Hồi giáo. Trong thời gian này, ở Palestine, cháu ông là Jammal đã nắm lấy guồng máy chỉ huy cộng đồng Ả-rập.

Dẫu thế nào, dọ sự suy yếu của Anh quốc, phần đất này của thế giới không còn, chỉ ở dưới quyền kiểm soát của Anh nữa mà thôi. Mỹ đã đứng ra chuẩn bị thay thế, và dưới áp lực của Hoa-thịnh-đốn, Luân-đôn phải chấp nhận thành lập một ủy ban Mỹ-Anh đặc trách việc cứu xét vấn đề Palestine. Ủy ban này, sau khi điều nghiên tại chỗ và đã đi thăm tất cả các trại tập trung di dân Do-thái ở Âu châu đã đi đến một kết luận khả dĩ chấp nhận được : «Phải cho phép nhập nội ngay một trăm ngàn người Do-thái».

Người Anh phản đối. Họ tuyên bố rằng một biện pháp như vậy chỉ có thể áp dụng được nếu người Do-thái phải

giải tán vĩnh viễn luôn cả Haganah lẫn đoàn Macchabée. Ngoài điều kiện vô lý này, người Anh còn đưa thêm cả chục điều kiện nữa, điều nào cũng kỳ cục, được tưởng tượng ra cốt để khỏi phải chấp nhận đề nghị của ủy ban.

Bây giờ, chính «Trung ương» cũng không nhận được nữa. Chính cơ quan đầu não này đã ra lệnh cho Haganah cùng Palmach thực hiện cả loạt đột kích vào các cơ sở vị trí của Anh. Áp lực căng thẳng mỗi lúc một tăng. Mang hàng mấy chục ngàn quân sĩ ưu tú tới, người Anh thiết lập một chế độ cảnh sát trị không thua kém gì các chế độ chuyên chế đã có từ xưa đến nay. Trong một cuộc bố ráp không lồ, họ bắt hàng mấy trăm nhân vật của phục quốc Do-thái, đem an trí ở ngục Latrun. Để trả thù vụ bắt giam không lồ này, Haganah cho nổ tung tất cả những cây cầu dọc theo biên thù Palestine.

Sau cùng, trong một bài diễn văn chống Do-thái rõ ràng, Ngoại trưởng của Anh hoàng tuyên bố đình chỉ toàn diện việc nhập nội Palestine của người Do-thái.

Câu trả lời của các Macchabée làm vỡ tai nhiều người. Vài hôm sau đó, khoảng một chục người ăn mặc như người Ả rập, trao rất nhiều thùng sữa cho «Khách sạn Đức vua David», một dinh thự lớn cánh trái được dùng làm Bộ Tư Lệnh quân lực Anh. Các lính gác, không thề ngờ được đó là các thùng thuốc nổ, đã để cho họ đi qua. Các Macchabée mang các thùng xuống các hầm phía dưới cánh trái tòa nhà, điều chỉnh ngòi nổ theo thời hiệu đã định rồi ra về. Rồi một người trong bọn họ điện thoại cho Bộ Tư Lệnh, khuyến cáo người Anh nên di tản cấp tốc ra

khỏi tòa nhà đó. Dĩ nhiên là lời khuyến cáo trước này không được coi là đúng đắn. Hiên nhiên đây là một trò đùa nhằm làm cho quân lực Anh bị lỗ bịch. Đoàn Macchabée đầu dám hỗn láo đến độ cho làm nò tung Bộ Tư Lệnh Anh...

Mười lăm phút sau, một tiếng nổ lớn làm rung động cả đô thị. Khi những tiếng dội vào đồi núi chung quanh đã yếu bớt, mọi người nghe thấy một tiếng nổ rền. Đó là cả cánh trái của «Đức vua David» đã sụp đổ.

16

Sau khi được xét lại, tân trang, tiếp tế đủ thực phẩm nhiên liệu, tàu *Exodus* đã sẵn sàng nhờ neo đi Palestine.

Ari đã ấn định ngày khởi hành vào hôm sau lễ *Chanoukah*. mà cộng đồng Do thái ở Chypre đã mở ra đề khoản đãi các trẻ em trên sân thượng «Khách sạn Dôme».

Các quan khách và thủy thủ đoàn đã được mời ngồi vào các bàn danh dự. Ba trăm trẻ em, mặc quần áo mới, vui vẻ ào vào các đồng quà do lòng hảo tâm của dân đảo Chypre và của nhiều quân sĩ Anh tặng đã xếp đồng sẵn từ nhiều ngày. Việc phân phát quà thực hiện rất nhanh : mỗi trẻ chỉ nhận một món quà thôi, phần còn lại dành cho các người còn bị giam giữ ở trại Caralos. Sau đó là bữa ăn với các dĩa bàn dài đầy thực phẩm ngon lành. Đó quả là một giờ phút thần tiên của các đứa bé trại gái dã cương

quyết tuyệt thực như người lớn và bây giờ đã lại có thể được làm trẻ con.

Lo lắng đưa mắt tìm bà bạn Kitty trong đám thực khách, Karen sau cùng sung sướng đã tìm ra nàng đang đứng tựa vào bao lớn cùng với Mark Parker.

— Cô Kitty, lại đây cô. Chỗ này còn chỗ cho cô.

Kitty lắc đầu.

— Không được đâu em. Hôm nay là ngày vui của các em chứ. Chúng tôi chỉ nhìn các em cũng đủ thích rồi.

Trên bàn danh dự, David Beu Ami đứng dậy và xin cử tọa im lặng. Chàng bắt đầu nói :

— Chiều hôm nay chúng ta cử hành lễ Chasoukoh ngày đầu đề tưởng niệm Judas Macchabée cùng sáu em và một nhóm người can đảm đã từ vùng đồi Judée tiến xuống để chiến đấu chống lại kẻ áp bức Hi-lạp. Đó là một đoàn quân thiếu trang bị, ít ỏi đến mức khô hải trước đạo quân Hi-lạp lúc đó đang thống trị thế giới, nhưng đó là một đoàn quân có một niềm tin sâu xa mãnh liệt ở Thượng đế cùng sự Trợ giúp của Ngài. Họ đã tấn công Jérusalem, chiếm đô thị này, tiến vào đền thờ lật đổ tượng Zeus và trả lại đền cho đảng Vĩnh cửu duy nhất và toàn năng. Chính đảng Vĩnh cửu này đã đang giúp đỡ chúng ta chống lại người Anh.

Chàng phải đợi các tràng vỗ tay tán thưởng chấm dứt mới tiếp tục thuật tiếp câu chuyện phục sinh của Do-thái. Kitty Fremont mê say lắng nghe. Nàng nhìn Karen, nàng nhìn Dov Landau. Nàng quay lại nhìn Mark— để nhận ra là tướng Sutherland đang đứng gần nàng. Mắt

nàng hướng về phía đầu bàn danh dự — nhìn Zev Gilboa, người nông dân xứ Galilée, nhìn Joab Yarconi, người xứ Ma-rốc bé nhỏ, David Ben Ami, người trí thức thành Jérusalem. Sau cùng mắt nàng dừng lại ở Ari Ben Canaan. Người thanh niên Palestine to lớn này, bây giờ mới có dịp để buông xả, có vẻ như sắp muốn gục xuống vì mệt. Lần đầu tiên từ nhiều tuần lễ

David lớn tiếng đọc :

— . . . *Hãy ghi nhớ điều này. Kẻ nào bảo vệ Israël không được lơ là, không được thiếp ngủ . . .*

Kitty cảm thấy rùng mình lạnh lẽo từ đầu đến chân. Nàng không sao rời mắt khỏi khuôn mặt hốc hác của Ari Ben Canaan . . .

«*Kẻ nào bảo vệ Israël*» không được lơ là, không được thiếp ngủ . . .

Các động cơ tàu Exodus bắt đầu lịch kịch nồ máy chạy. Tàu rời ke, chậm chạp quay mũi vượt qua lối ra hải cảng, hướng về Palestine.

Rạng đông ngày thứ hai, tất cả, không ngoại trừ một ai, đều chờ đợi xuất hiện bờ biển đã ao ước biết bao lâu.

— Nhìn kia ! . . . Đất Israël !

Sau đó là một tiếng kêu đồng loạt tiếng hét, vui mừng, tiếng khóc nức nở, tiếng cười và nước mắt.

Ở Haifa, tàu Exodus cập bến là cả một biển cờ. Cần phải thiết đãi những đứa trẻ đã từng làm xiêu cả Đế quốc Anh. Exodus tiến vào hải cảng giữa những tiếng còi hú

liên hồi, tiếng còi huýt đến như điên cuồng. Trên các ke, hai mươi lăm ngàn người hoan hô hết mình sự can trường của chiếc tàu nhỏ bé cùng các hành khách trên tàu. Người ta hầu như không nghe thấy bài ca chính thức của phong trào phục quốc *Hatikvah* (Hi vọng), do ban nhạc hòa tấu của Palestine cử hành.

Tàu Exodus đã hoàn tất chuyến viễn hành !.

PHẦN BA

1

Mắt đổi mắt

Một đoàn xe chở hành khách sơn màu bạc và xanh da trời chờ đợi sẵn đám trẻ ở cổng ra khỏi bến tàu. Các nghi lễ chính thức giảm thiểu đến mức tối đa. Các trẻ em gần như bị đẩy lên các xe mở máy chạy ngay lập tức, có các xe thiết giáp nhẹ của quân lực Anh hộ tống. Mười lăm phút sau, hải cảng lại vắng lặng như cũ, ngoại trừ các toán phu rở hàng và vài người lính gác Anh.

Trên boong trước tàu Exodus, Kitty vẫn còn cố gắng trấn tĩnh. Tì mình vào lan can, nàng ngắm nhìn thành phố, xúc động vì vẻ đẹp — một vẻ riêng của thành phố riêng của các đô thị xây trên một vòng đồi bao quanh một cái vịnh. Ở tiền diện là khu Ả-rập với các ngõ nhỏ chạy ngoằn ngoèo giữa các nhà xúm xít vào nhau. Xa hơn, là thành phố Do-thái trải dọc theo sườn ngọn Carmel.

Về phía trái, ngay sát biên của Haïfa, là các hình dáng kỳ hà của các thùng chứa dầu và các ống khói của xưởng lọc dầu vĩ đại, nơi tận cùng của các ống dẫn dầu từ Mossoul tới. Phía bên phải, tận cùng hải cảng, một chục cái tàu cũ kỹ đang neo — những chiếc tàu đáng thương của Mossad, tương tự như chiếc Exodus, đã từng thành công trong công cuộc về được Palestine.

Zev, David và Joad đến làm ngắt ngang cơn mơ mộng của thiếu phụ trẻ tuổi. Họ tới đề từ già, cảm ơn sự giúp đỡ của nàng cùng bày tỏ niềm hy vọng sẽ được gặp lại nàng. Rồi họ cũng ra đi nốt và Kitty lại cô đơn.

— Một thành phố xinh đẹp phải không ?

Nàng quay người lại để thấy Ari đã tới sát nàng từ lúc nào. Chàng mỉm cười nói tiếp :

— Chúng tôi bao giờ cũng thu xếp đề các quý khách của chúng tôi đến đây qua ngã Haifa này. Như vậy đề thời gian lưu trú của họ ở nơi này bắt đầu bằng một cảm tưởng tốt.

Nàng hỏi

— Mọi người đưa các trẻ em tới đâu ?

— Chúng sẽ được phân phối trong năm hay sáu trung tâm thanh niên. Một số trung tâm này nằm trong các kibboutz, một số khác có các làng riêng. Trong vài ngày nữa tôi sẽ có thể cho cô biết Karen ở đâu.

— Cảm ơn anh nhiều.

— Còn chính cô... các dự định của cô ra sao ?

Nàng cười mỉa mai.

— Chính tôi cũng đang đặt ra câu hỏi đó, cùng cả

chục câu hỏi khác nữa. Tôi là một kẻ xa lạ đối với thành phố này, và nói cho thật, tôi thấy tôi hơi lố bịch khi đề mình bị lôi cuốn đến đây. Nhưng mà... tôi có một nghề tốt, nhiều chứng nhận tốt, và bao giờ thiên hạ cũng thiếu các nữ điều dưỡng ở bất cứ đâu trên thế giới. Tôi chắc chắn sẽ kiếm ra một chỗ làm.

— Nếu cô cho phép, tôi xin giúp cô...

— Tôi tưởng anh là một người rất bận chứ. Sau cùng, bao giờ tôi cũng tự giải quyết được công chuyện riêng hết.

— Thưa bà Fremout, tôi cũng tin như vậy. Nhưng nếu bà cho phép tôi được đề nghị... Tôi nghĩ rằng tổ chức thanh niên của Mossad sẽ mang lại cho bà một môi trường hoạt động tuyệt hảo. Người điều khiển tổ chức này lại là đúng ông bạn thân của tôi. Tôi rất dễ dàng đề xin một buổi gặp gỡ giữa bà và ông ta ở Jérusalem.

— Tôi không muốn quấy nhiễu anh...

— Thôi đừng nói những điều làm cảm nữa ! Sau những gì cô đã làm cho chúng tôi, thì đó là điều ít nhất chúng tôi có thể đền đáp lại. Bây giờ... nếu cô nghĩ là có thể chịu đựng sự hiện diện của tôi trong vài ngày, tôi sẽ rất thú vị được đưa cô đến Jérusalem. Trước đó, tôi phải tạt qua Tel-Aviv, nhưng như thế cũng hay vì như vậy tôi có đủ thì giờ đề hẹn với người bạn đó đợi gặp cô...

— Anh không nên cho rằng anh bắt buộc phải mất thì giờ về tôi như vậy.

— Không bắt buộc đâu, cô cứ tin như thế cho.

Kitty mỉm cười, vừa cố dấu niềm vui đang muốn bộc lộ. Quả thực là nàng đang sợ cái cảnh sẽ phải đương đầu một mình với cái xứ mà nàng hoàn toàn không biết gì hết này. Ari nói tiếp :

— Tối nay, bắt buộc phải ở lại Haifa vì lý do có giới nghiêm trên các con đường ngoài thành phố. Vậy cô hãy chuẩn bị một chiếc va li nhỏ với những gì tối cần thiết cho cô trong ba hay bốn ngày tới. Nếu cô mang theo tất cả hành lý, người Anh cứ năm phút sẽ vờ lấy cô một lần để khám xét. Tôi sẽ thu xếp với quan thuế để họ giữ dùm cô hành lý.

Một chiếc taxi đưa hai người lên ngọn Carmel, tới một ngôi nhà nhỏ nằm giữa một khóm thông. Ari cắt nghĩa :

— Chúng ta nên xuống đây hơn. Ở trung tâm, chúng ta sẽ không được hưởng một phút yên tĩnh nào hết : tôi quen biết quá nhiều ở Haifa. Cô hãy đi nghỉ đi trong khi tôi đi một vòng các ga-ra : tôi sẽ cố kiếm một chiếc xe bán lại nào không quá cũ. Tôi sẽ trở lại đón cô đi ăn tối.

Họ sống buổi tối với nhau trong một nhà hàng ăn nằm tít trên đỉnh Carmel, từ đó có thể nhìn thấy khắp vùng. Kitty tự hỏi điều gì đang làm nàng ngạc nhiên nhất : thái độ của Ari, thật âu yếm ân cần khác với trước đây cau có và cứng cỏi ; hay cái vẻ hoàn toàn Tây phương của thành phố Do-thái này, còn tối tân hơn cả Nhã-điện hay salonique.

Bữa cơm chấm dứt, người Quản lý dọn rượu tiêu vị. Một ban nhạc nhỏ chơi nhạc nhẹ và dịu, hàng trăm ngàn đóm sáng lấp lánh trên sườn ngọn Carmel và hai người cụng ly nhau một cách thân hữu mỗi khi uống, và có lẽ đầy thương mến nữa.

Đột nhiên nhạc ngừng. Tiếng rì rào nói chuyện đột nhiên im bật.

Một chiếc xe chở lính Anh vừa lên khỏi dốc, thẳng két lại trước nhà hàng. Các quân sĩ bố trí quanh nhà, ngoại trừ sáu người tiến vào phòng ăn dưới sự điều động của một đại úy. Họ bắt đầu đi len lỏi giữa các thực khách, đôi khi dừng lại để hỏi giấy tờ, Ben Canaan thì thào :

— Biện pháp kiểm soát thường lệ thôi. Mọi người quen rồi !

Viên đại úy chăm chú nhìn bàn hai người rồi tiến thẳng đến.

— Á à ! Tưởng ai hóa ra ông bạn quý Ari Ben Canaan ! Một thời gian gần đây không thấy cái bản mặt anh trên danh sách những người bị tầm nã. Hình như lúc này ông bạn đang thực hiện các chiến công hiển hách ở nơi khác phải không ?

Ari, hoàn toàn điềm tĩnh, trả lời :

— Xin chào trung sĩ. Tôi rất sẵn lòng trình diện trung sĩ nếu tôi nhớ lại tên tuổi trung sĩ.

Viên sĩ quan cười vẽ giận dữ :

— Dầu thế nào, tôi cũng rất nhớ tên anh. Ben Canaan, chúng tôi đang theo dõi anh đây. Xà-lim của anh trong nhà tù Acre đang mọi mặt trông chờ anh. Không ai

biết được điều gì sẽ xảy ra đâu... Lần này, Cao Ủy chắc sẽ có ý kiến hay là biểu anh một mẫu giấy thờng.

Viên đại úy giơ tay chào kiểu chế riều rồi đi ra. Kitty nhận xét :

— Con người thật tửm !

Ari nghiêng người để nói nhỏ vào tai nàng.

— Đại úy Allan Breidges là một trong những người bạn thân nhất của chúng tôi. Anh báo cho chúng tôi biết đều đều những gì người Anh và Ả-rập định làm trong vùng Haifa. Dĩ nhiên bề ngoài anh phải làm như thể để đánh lừa mọi người.

Hoàn toàn sững sốt, Kitty không biết nói gì hơn là gật đầu. Toán quân bắt đầu rời phòng, mang theo hai người Do-thái giấy tờ không hợp lệ. Để quấy phá lính Anh, ban nhạc cử bài *God Save the King*.

Chiếc xe nhà binh vừa chuyển bánh... một vài phút sau, mọi người có thể tưởng là như chưa có gì xảy ra trong căn phòng này. Ari nói :

— Mọi người học biết khá nhanh cách sống trong bầu không khí căng thẳng liên tục này. Cô, rồi cô cũng sẽ quen. Ở xứ này, đàn ông đàn bà thần kinh lúc nào cũng căng thẳng tới mức tối đa. Đến nỗi mọi người không còn biết làm gì nữa một đôi khi họ được một thời kỳ yên tĩnh một tuần hay hai tuần. Rồi cô sẽ hối tiếc đã đặt chân vào xứ này...

Một luồng hơi mạnh cắt ngang lời chàng. Luồng ba động làm rung chuyển căn nhà, rung các cửa kính, làm rơi loảng xoảng vài cái đĩa. Một lúc sau, họ trông thấy một

khối lửa vọt tung lên bầu trời. Nhiều tiếng nổ lớn nữa kế tiếp và hai người cảm thấy tòa nhà như rung chuyển đến tận nền móng.

Trong phòng, nhiều tiếng kêu lên :

— Xưởng lọc dầu ! Họ đã phá được xưởng lọc dầu !
Một cuộc đột kích của Macchabée !

Ari nắm lấy cánh tay Kitty.

— Chúng ta đi lẹ thôi ! Trong mười phút nữa, tất cả đỉnh Carmel này sẽ đầy lúc nhúc những lính là lính.

Căn phòng ăn vắng hết người trong vòng có vài giây. Ở chân núi, những ngọn lửa đỏ hừng hực của các bình xăng tạo thành một hồ lửa nóng bỏng. Trong khắp thành phố, các tiếng còi hú điên cuồng vạch đường đi các xe cứu hỏa và thiết giáp.

Nằm dài, trong bóng tối căn phòng, Kitty không làm sao tìm thấy giấc ngủ. Dù nàng đã hài lòng đã được sống một buổi tối với Ari, nàng vẫn tự hỏi liệu nàng có thể quen được với đời sống đầy tàn bạo, hận thù, mưu kế kéo dài bất tận này không. Chưa làm sao xếp đặt, lại được các ý tưởng cho trật tự trong đầu, nhưng nàng đã có cảm tưởng mình đã lầm lẫn một cách thảm thương khi đến Palestine.

Sáng ngày hôm sau, xưởng lọc dầu vẫn bốc cháy. Một làn khói đen dày đặc bao phủ toàn vùng. Kitty cũng được biết thêm rằng đồng thời các Macchabée còn tấn công phi trường Lydia gần Tel-Aviv, phá hủy nhiều khu trục cơ trị giá lên sáu triệu đô-la. Hành động song hành

này có lẽ là các Macchabée chúc mừng các hành khách của tàu Exodus.

Ari đã mua một chiếc xe Fiat nhỏ, kiểu ở thời tiền chiến. Trong thời kỳ bình thường, quãng đường từ đây đến Tel-Aviv chỉ mất chừng vài giờ, nhưng vì Ari không sao nhớ được từ xưa đến nay đã có lúc nào bình thường ở xứ này chưa, nên chàng đề nghị rời Haifa ngay từ buổi trưa. Họ đi theo con lộ dọc bờ biển chạy suốt từ đồng bằng Samarie. Kitty ngạc nhiên thích thú với vẻ xanh tươi của các cánh đồng và vườn tược của các kibboutz chạy dài xuống tận biển, tạo một tương phản rõ rệt với vẻ trần trụi thô thảm của các quả đồi. Rời Haifa được ít phút, họ gặp trạm kiểm soát đầu tiên. Trước sự ngạc nhiên của Kitty, Ari không hề tỏ ra khó chịu, dù rằng nhiều binh sĩ Anh, nhận diện ra Ari, họ đều tế nhị nhắc nhở chàng chỉ được hưởng tình trạng miễn truy tố một cách tạm thời.

Khi họ đi qua một làng Ả-rập, Kitty có thể nhận thấy sự khác biệt quá xa giữa các nông trường Do-thái và các xóm làng lụp xụp chật chội chìm đắm trong nghèo khó và nhu nhược. Tại các khu Ả-rập, chỉ có phụ nữ làm việc ngoài cánh đồng, và các cánh đồng này chỉ là những ô vuông sỏi đá. Còn về đàn ông họ lười biếng sống qua ngày ở quán cà-phê, nằm dài luôn cả xuống đất hay ngồi chồm hồm chơi domino.

Đến phía nam Zichron Yacov, Ari chỉ cho nàng coi đồn Taggart đầu tiên, một kiến trúc man rợ thu hình sau các hàng rào kẽm gai. Xa hơn chút nữa, con đường

đi vào dưới vòm lá các cây khuyneh diệp Úc-đại-lợi. Ari bình phẩm :

— Cách đây hai mươi lăm năm, tất cả những cánh đồng những lối đi những sở trồng tía này bỏ hoang cả.

Đến xế chiều, hai người tiến vào Tel-Aviv. Một đô thị trắng xóa, thủ đô Do-thái nhìn từ xa trông giống như một chiếc bánh ngọt lớn ướp đường.

Xe họ lăn trên các đại lộ rất rộng có hai hàng cây hai bên, phía sau là các khối nhà tối tân hết sức. Kitty không dấu được ý mê say : Tel-Aviv đã chính phục nàng ngay từ phút đầu tiên.

Ari dừng chiếc Fiat trước khách sạn « Gat Rimon », cách biên vài bước. Chàng nói :

— Cô hãy lên nằm nghỉ một chút. Dầu thế nào các cửa hàng cũng chỉ mở cửa lại vào lúc mặt trời lặn vì ban ngày nóng quá.

Một giờ sau, họ đi lang thang trên đường Allenby. Kitty muốn đòi vài đô-la, mua những đồ linh tinh, để thỏa mãn lòng tò mò vô tận. Tất cả các cửa hàng đều quyến rũ nàng, tất cả mọi tiệm buôn nhỏ đều làm nàng chú ý, và còn nhiều rất nhiều cửa hàng, tiệm buôn khác nữa. Họ đi qua đại lộ Rothchild, vượt qua trung tâm thương mại, tiến vào một khu cổ hơn, nơi mà Tel-Aviv đã phát sinh chỉ như một ngoại ô kéo dài của Jaffa. Họ càng tiến gần đến thành phố Ả-rập, các nhà cửa và tiệm buôn càng có vẻ cũ kỹ, tồi tàn hơn. Qua các con đường phố nhỏ nối liền hai thành phố, Kitty có cảm tưởng nàng đang đi ngược thời gian. Sau đó, hai người quay lại, tìm

lại không khí náo nhiệt an toàn của đường Allenby, quẹo ở một ngã tư đề rỗi tiến sang một đại lộ khác, cũng rộng cũng đầy ánh sáng với hai hàng cây đẹp đẽ hai bên lề. Yehouda Street là con đường của các quán cà phê, quán nào cũng có thềm riêng, bảng hiệu riêng và thực khách riêng. Có quán của các luật sư thường hội họp, có quán dành cho đảng viên xã hội hay lui tới, lại có quán khác cho các nhà trí thức hay vào, làm ta nhớ tới quán «Dôme» hay «La Rotonde» ở khu Montparnasse, Ba lê. Trên các vỉa hè, cả làn sóng người di tản. Kitty nhận thấy những người Đông phương y phục còn theo các truyền thống của Trung Đông, những phụ nữ thanh lịch ăn mặc theo thời trang mới nhất của Ba lê hay La mã. Dẫu sao, đa số những người tản bộ mang rõ dấu vết của tuổi trẻ Palestine. Đàn ông, quần kaki, áo sơ mi trắng để hở ngực đeo một ngôi sao David, trên mặt có một bộ ria đen, bây giờ đã trở thành một dấu hiệu riêng biệt của những người Do thái sinh trưởng trong xứ. Đàn bà, cao lớn, dáng điệu như con trai, vú cao thẳng, mặc một chiếc áo rất giản dị, một chiếc quần đen dài hay quần sọt. Tất cả đều có một thái độ kiêu hãnh, gần như gậy hấn, và dáng điệu của họ biểu lộ một niềm tự tin hoàn toàn.

Đột nhiên sự im lặng rơi xuống Ben Yehouda Street. Một xe bọc sắt có trang bị máy phóng thanh, xuất hiện trên đường, tiến một cách chậm chạp. Trên mui xe, hai người lính Anh, mặt không tình cảm, đứng sau một khẩu trung liên.

“Thông báo cho tất cả những người Do thái : Đại

tướng Tổng Tư Lệnh đã ban hành lệnh giới nghiêm. Không một người Do thái nào được phép lưu thông ngoài đường sau khi trời tối. Thông báo cho tất cả những người Do thái : Đại tướng Tổng Tư Lệnh đã ban hành lệnh giới nghiêm... »

Có tiếng cười, tiếng vỗ tay. Một người la lớn :

— Cần thận nhé, các Tommies ! Ngã tư tới có gài mìn đó.

Chiếc xe bọc thép đi qua. Một phút sau, đời sống lại tiếp diễn bình thường như cũ.

Kitty không ngăn nổi rùng mình. Nàng nói nhỏ :

— Chúng ta trở về khách sạn đi anh.

— Rồi cô sẽ thấy cô quen dần với đời sống này đến nỗi sau này cô sẽ thấy một đời sống yên tĩnh sẽ thành tẻ nhạt.

— Chắc là không rồi. Tôi chẳng bao giờ quen nổi hết.

Sau khi uống một ly rượu ở quầy khách sạn, hai người lên sân thượng ăn cơm tối. Dưới chân họ, đường cong bờ biển của đô thị trẻ trung Tel Aviv lần dần vào thành phố Jaffa cổ kính, hải cảng xưa nhất trong những hải cảng lúc nào cũng hoạt động đều trên thế giới.

— Cám ơn anh nhiều, anh Ari. Tôi đã sống một ngày tuyệt đẹp mặc dù các toán tuần tiễu và các trạm kiểm soát của quân Anh quấy nhiễu.

— Tôi thích được sống trọn buổi tối nay với cô, nhưng tôi bắt buộc phải rời cô trong chừng một hay hai giờ.

— Anh ra phố ? Mặc dù giới nghiêm ?

Ari nhún vai khinh khi

— Ồ, giới nghiêm hả... Đó chỉ là một biện pháp áp dụng cho người... Do thái (1).

Cầm tay lái chiếc Fiat, chàng tiến về vùng ngoại ô Ramat Dan. Khác với Tel-Aviv gồm đa số là các tòa nhà lớn, Ramat Gan gồm toàn những nhà cá nhân, đi từ bungalow giản dị đến biệt thự đồ sộ, trong một khung cảnh toàn thảm cỏ và vườn tược. Ari đậu xe vào một công viên rồi đi bộ. Sau chừng nửa giờ, khi đã tin chắc không có bóng đen nào theo dõi, chàng bỏ kiệu đi lang thang, và sau một lần quẹo thật gấp nữa, chàng tiến vào đường Montefiore. Số 22 là một ngôi nhà đẹp. Trên một cột ngoài công có gắn một tấm bảng đề Bác sĩ Y. Tamir. Ari bấm chuông rồi đợi.

Chính bác sĩ mở cửa. Hai người bắt tay nhau trước khi xuống hầm.

Biệt thự Tamir chính là tổng hành dinh của Haganah.

Một phần hầm được dùng làm kho vũ khí và đạn dược. Trong một phòng khác, một máy in đang in những truyền đơn bằng tiếng Ả-rập khuyến khích dân chúng Hồi giáo hãy tránh mọi hành động khiêu khích. Cách đó một

1. Mối lỗi dùng chữ không thể dịch được. Lệnh giới nghiêm ban hành đối với người «Do-thái», trong khi Ari chỉ nhận mình là người *Israel*. Tương tự như một người Việt dưới thời Pháp thuộc không nhận mình là «Annamite», chỉ nhận làm người Việt-nam.

chút, một thiếu nữ đang cùng đọc bản văn đó trước một máy ghi âm. Băng ghi âm này sẽ được một đài phát bị mất và lưu động mang tên *Kol Israel* : Tiếng nói Israel, phổ biến trên các làn sóng. Tại các chỗ khác, mọi người đang làm lựu đạn, ráp các khâu tiêu liên với các cơ phận do các cơ xưởng phục quốc chế tạo.

Ari xuất hiện làm ngưng hết tất cả các hoạt động đó. Các thanh niên nam nữ đều muốn khen ngợi chàng về chiến thắng của *Exodus*. Trong một vài phút, chàng phải bắt cả loạt bàn tay giơ ra và trả lời cả trăm câu hỏi. Vị bác sĩ nhắc đi nhắc lại :

— Đợi chốc nữa... tha hồ các cô các chú nói chuyện, chốc nữa kia.

Ben Canaan nói :

— Tôi phải vào trình diện Avidan.

Lách giữa các thùng súng carbine, chàng tiến tới một cánh cửa ần dẫu, giơ tay gõ.

— Cứ vào !

Đằng sau một chiếc bàn bằng gỗ trắng chông chát những hồ sơ, vị Tư lệnh thấp người và sỏi trán của quân lực bí mật đang xem một tờ trình. Ông đứng dậy, và một nụ cười làm soi sáng khuôn mặt nhăn nheo như trạm khác.

— *Shalom*, Ari !

Ông chồm dậy ôm Ari vào lòng rồi sau khi đẩy chàng ngồi vào một ghế bành, lấy tay vỗ vào lưng chàng một cái mạnh tương xứng với chàng thanh niên đồ sộ này.

— Rất mừng được gặp lại cậu nhỏ. Cậu đã thực

hiện một công tác tuyệt đẹp. Các phụ tá của cậu đâu ?

— Cháu đã cho họ về nhà cả rồi.

— Tốt lắm. Họ xứng đáng hưởng vài ba ngày nghỉ ngơi. Cháu nữa, cháu cũng cần tháo yên cỡi giáp một chút.

Đây là — Ari ý thức rõ lắm — một phần thưởng rất quý của Avidan, kể từ hai mươi lăm năm nay không bao giờ cho phép mình nghỉ ngơi tới một ngày.

— Này cháu, cô gái cháu mang đến Tel-Aviv là ai vậy ?

— Một nữ gián điệp Ả-rập mà bác. . . Bác gì mà tò mò quá vậy . . .

— Nàng có là bạn chúng ta không ?

— Không. Cảm tình cũng không nữa.

— Vậy hả ? Thật đáng tiếc : Một người Mỹ Ki-tô giáo sẽ rất hữu ích cho chúng ta.

— Đáng tiếc Kitty Fremont chỉ là một thiếu phụ xinh đẹp nhìn người Do-thái gần như là nhìn một con vật lạ kỳ trong sở thú. Ngày mai cháu sẽ đưa nàng đến Jérusalem để gặp Henriette Salzman lo một công việc làm trong trung tâm thanh niên của Mossad

— Có vậy thôi sao ? Không có gì riêng tư giữa hai người ?

— Không có gì hết. Bây giờ cháu xin bác đưa trí tò mò của bác vào một đề tài khác đi.

Không khí trong căn phòng nhỏ rất nặng nề, ngọt ngào. Avidan rút một chiếc khăn tay màu xanh ra lau trán.

Ari nói

— Các Macchabée hôm qua đã nỗ lực hết sức để chúc mừng ngày chúng cháu về đây. Mọi người nói là xương lọc dầu còn cháy cả tuần nữa. Một lỗ thủng lớn trong mức sản xuất dầu của Anh quốc.

Avidan nhún vai.

— Các Macchabée đã thực hiện một chương đẹp hôm qua, bác đồng ý — nhưng ngày hôm trước nữa họ đã được gì, và ngày mai đây họ sẽ thành công được gì? Cứ một hành động thành công, phải ba hành động thất bại. Và mỗi lần họ dùng tới bạo lực, ám sát một vài kẻ khốn khổ nào không may đi qua đó, là cả cộng đồng Do-thái lại lãnh đủ. Thiên hạ cứ chúng ta mà hỏi về các tội họ làm. Ngày mai đây, tướng Haven-Hurst và cao Ủy sẽ đến «Trung ương». Họ sẽ đập thình lình lên bàn của Ben Gourion, họ sẽ đòi chúng ta động viên Haganah để lùng bắt các Macchabée. Cháu có thể tin chắc rằng lắm lúc bác cũng không biết làm thế nào nữa. Cho tới giờ, hầu như người Anh đề kệ cho chúng ta yên thân, nhưng nếu các Macchabée cứ tiếp tục chiến thuật khủng bố tấn công luôn các nhà ngân hàng để tài trợ cho các cuộc hành quân của họ...

— Chắc là các nhà ngân hàng Anh...

Châm một điếu thuốc lá, Ari đứng dậy đi đi lại lại trong phòng.

— Cháu nghĩ rằng đã đến lúc chúng ta nhập cuộc cho rồi. Bằng cách tổ chức vài cuộc đột kích cho chính chúng ta...

Avidan ngắt lời.

— Không được. Chúng ta không có quyền khinh xuất đối với Haganah. Chúng ta có một trách nhiệm nặng nề: Bảo vệ tất cả những người Do thái. Ngược lại, bác cho rằng nhập nội bất hợp pháp là một chiến thuật đấu tranh tuyệt hảo. Chỉ một thành công như thành công của Exodus còn làm Anh quốc xính vính hơn mười xưởng lọc dầu bị đốt nữa.

— Có thể như vậy, nhưng sớm hay muộn rồi chúng ta cũng phải lao toàn diện vào cuộc. Chúng ta phải chọn lựa một trong hai điều : hoặc chúng ta có một quân lực, hoặc là chúng ta không có.

Không trả lời, Avid lấy trong ngăn kéo ra vài tờ giấy đánh máy, đẩy về phía Ari. Ở đầu trang nhất, một hàng chữ lớn : LỆNH HÀNH QUÂN — SƯ ĐOÀN 6 KHÔNG VẬN. Ari nói

— Bây giờ họ đã có tới ba lữ đoàn nhảy dù rồi hả ?

— Ồ ! Không phải chỉ có thế. Cứ tiếp tục đọc đi đã.

“ Royal Armored Corps with King's own Hussars, 53rd Worcestershire, 249th Airborne Park, Dragoon Guards, Royal Lancers, Queen's Royal, East Surrey, Middlesex, Gordon Highlanders, Ulster Rifles, Hertfordshire Regiment.. ”

Danh sách còn dài. Bực bội, Ari ném trả những tờ giấy trên bàn.

— Họ muốn chống ai đây ? Hồng quân chăng ?

— Bây giờ cháu hiểu rồi chứ ? Mỗi ngày, bác đưa danh sách này cho các “chú điền cái đầu” của Palmach đọc, những người muốn đập phá tất cả. Tại sao chúng ta không

tung ra một hành động nào? Tại sao chúng ta khước từ chiến đấu dàn trận công khai? Lý do rất giản dị: Làm vậy, chúng ta sẽ phải đương đầu với hơn một phần năm sức mạnh quân lực của Đế quốc Anh — Hơn một trăm ngàn người, chưa kể Lữ đoàn Ả-rập.

Ông đập mạnh tay trên bàn:

— Mẹ kiếp! Tưởng cháu loạn trí rồi chứ! Chỉ có Trời biết cho bác là bác đã làm những nỗ lực tuyệt vọng để tạo ra một quân lực. Nhưng lúc này đây, chúng ta không có tới mười ngàn khẩu súng. Và cháu đừng có quên điều này: Nếu Haganah bị tiêu diệt, chúng ta cũng bị tiêu diệt theo hết — Hết tất cả, đến tận người cuối cùng.

— Vâng, cháu hiểu.

Bằng một cử chỉ giận dữ, Ari dụi tắt điếu thuốc.

— Các lệnh của bác cho cháu bây giờ là gì?

— Bác chưa thể trao cho cháu chức vụ mà cháu xứng đáng nhận lãnh. Trước hết, hãy trở về nhà nghỉ ngơi đã. Sau đó cháu trình diện Bộ Chỉ Huy của Palmach ở Ein Or. Nhiệm vụ như sau: Kiểm kê thật chính xác lực lượng của chúng ta trong tất cả các nông trường ở Galilée. Chúng ta muốn biết có thể hy vọng giữ được những gì... Và phải chờ đợi mất đi những gì...

— Bác chưa bao giờ tỏ ra bi quan đến như vậy.

— Lý do bởi vì tình hình chưa bao giờ đen tối đến như vậy. Người Ả-rập từ chối ngay đến cả việc tham dự vào một hội nghị với chúng ta.

Ari đã ra đến cửa, chàng quay lại.

— Ngày mai cháu sẽ đến Jérusalem. Bác có việc gì

giao phó ở đó không ?

— Có chứ, Hãy kiểm cho bác mười ngàn quân sĩ ưu tú cùng với các vũ khí tương xứng.

— *Shalom*, Avidan.

— *Shalom*, Ari. Rất hài lòng thấy cháu đã trở về đây.

Khi lái xe về Tel-Aviv, Ari buông thả mình vào niềm chán nản mơ hồ. Khi xưa, ở Chypre, chàng đã cắt nghĩa cho người bạn trẻ tuổi David Ben Ami rằng Haganah, Palmach và Mossad mang ra thí nghiệm tất cả các phương pháp. Một số thành công, một số khác thất bại. Một chiến sĩ chuyên nghiệp phải thực hiện các công tác của mình một cách chuyên nghiệp, không được để một tình cảm nào dính dấp vào. Chính chàng, Ari Ben Canaaa, cũng chỉ là một cái máy do một bộ óc hiệu lực và táo bạo điều khiển. Trong trò chơi chiến tranh, không phải ván nào người ta cũng thắng. . .

Dẫu vậy, có những lúc chàng nhận định tình hình một cách hoàn toàn thực tế. Như tối nay chẳng hạn có lúc chàng có cảm tưởng đang mấp mé bên bờ thảm bại. Một thảm bại không thể tránh được.

Vụ Exodus, xưởng lọc dầu Haifa, một cuộc đột kích chỗ này, một trận đánh chỗ kia. Nhiều người đã chết để nhập nội bất hợp pháp năm mươi khẩu súng, những người khác bị treo cổ vì đã phá sự phong tỏa với một trăm người sống sót của các trại tập trung. Phục quốc Do-thái, như một anh chàng tí hon chống lại một người khổng lồ. Ari sẵn lòng trả giá rất đắt để có thể như David Ben Ami tin tưởng có sự can thiệp của Thượng đế.

Nhưng một người thực tế không thể nào tin ở các phép màu được.

Kitty Fremont chờ chàng ở quầy rượu mặt tiền của khách sạn. Nàng trông thấy chàng đẩy cánh cửa xoay và tiến về quầy tiếp khách để lấy chìa khóa phòng. Nàng gọi :

— Anh Ari !

Khuôn mặt chàng lại có cái vẻ hướng hoàn toàn vào nội tâm mà nàng đã trông thấy trong lần gặp gỡ đầu tiên ở đảo Chypre. Nàng lại gọi chàng, nàng ra dấu mời chàng rõ ràng, nhưng chàng hình như không trông thấy không nghe thấy nàng. Trong khoảng thời gian vài giây, mắt họ gặp nhau. Rồi chàng quay đi và chậm chạp bước lên thang lầu,

2

Hai chiếc xe ca mỗi chiếc chở hai mươi lăm đứa trẻ của tàu Exodus tiến vào thung lũng Houleh. Con lộ lều cao, quanh co, theo sườn núi, sau mỗi khúc quanh, mọi người lại nhìn rõ hơn những cánh đồng xanh tươi của các kibboutz và moshav, các khoảng vuông chói sáng của các ao nhân tạo dùng cho việc chăn nuôi dọc theo bờ lũy lợi của những hồ nước.

Xe chạy chậm lại để băng qua làng Abou Yesha. Ở đây, các trẻ em trên xe không hề nhận thấy vẻ thù nghịch, chúng đã nhận thấy trong tất cả các làng Ả-rập khác. Khi

xe chạy qua, dân làng giơ tay vẫy, cười và la những lời chúc mừng thân hữu.

Con đường vẫn tiếp tục leo lên cao nữa. Khi đến một tấm bảng chỉ dẫn ghi cao độ sáu trăm thước, con đường chạy thẳng đến tận trung tâm thanh niên Dafna. Hai chiếc xe dừng lại trước một thảm cỏ rộng ở giữa trại. Trại nằm trên một khoảng phẳng lớn có hai con đường chạy ngang chia ra làm bốn khu. Chỗ nào cũng đầy những cây hoa và một thảm cỏ. Chính giữa thảm cỏ có dựng tượng Dafna to bằng thật, thiếu nữ trẻ tuổi đã chết thảm cho chính nghĩa mà tên nàng đã được chọn đặt cho trung tâm thanh niên này. Dong dỏng cao, kiêu hãnh, súng carbine cầm tay, nàng đứng nhìn xuống thung lũng trong dáng điệu hẳn nàng đã có ở Ha Mishmar ngày mà quân Ả-rập ám sát nàng.

Các trẻ em được người sáng lập trung tâm ra đón tiếp, đó là một người nhỏ bé, hơi gù, hút một ống điếu cong và to. Qua một vài lời, bác sĩ Liebermann kể lại các trẻ nghe, sau khi rời Đức quốc năm 1934, ông đã làm thế nào để đến Gan Dafna năm 1940, trên khoảng đất do Kammal, vị cố moutak làng Abou Yesha, đã hảo tâm tặng cho. Rồi ông trà trộn vào trong đám trẻ, nói với từng em một bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Karen, đang quan sát ông, có cảm tưởng mơ hồ là hình như đã được gặp ông ở đâu rồi. Ông giống như các giáo sư đại học thường đến chơi nhà bà má nàng ở Cologne. Nhưng chuyện này quá xa trong quá khứ, cách không biết bao nhiêu năm tháng,

qua biết bao biến cố nên nàng không thể nhớ lại nổi một cách chính xác.

Mỗi trẻ em có một nhân viên trại chờ đợi sẵn. Karen được một cô gái gốc Ai-cập nhiều tuổi hơn nàng một chút đón tiếp.

— Karen Clement phải không ? Tôi là Iona. Hai đứa chúng mình sẽ ở chung. Lại đây tôi chỉ cho phòng của bọn mình.

Karen la lớn báo cho Dov biết nàng sẽ gặp chàng sau rồi theo Iona đưa nàng qua khu hành chánh, trường học đến một khu nhà nằm hai bên một con đường có trồng cây nhỏ. Iona cắt nghĩa :

— Chúng ta gặp may đấy. Khu nhà này dành cho lớp tráng niên.

Căn buồng giản dị đơn sơ, nhưng đối với Karen, quả là truyện thần tiên : một chiếc giường trải ra trắng tinh, một bàn làm việc, một ngăn tủ, một ghế bành — tất cả dành cho nàng !

Mãi đến tối nàng mới gặp lại Dov. Sau cơm chiều, các trẻ em dự một buổi trình diễn trên cỏ. Karen lảng vạ đề gặp Dov trước tượng của Dafna. Lần đầu tiên từ nhiều tuần, từ nhiều tháng nay, nàng mới thấy thềm được khiêu vũ, ca hát. Không khí miền núi lạnh mạnh và trong lành, và trại quả thật là một thiên đàng trên thế gian ! Chưa kể tới thú vị về phương diện y phục Karen tự thấy mình rất đẹp trong một chiếc quần màu xanh ô-liu, một chiếc áo trắng kiểu thộn nữ và đôi dép da hoàn toàn mới,

— Ôi anh Dov ! Một ngày thần tiên ! Tôi chưa bao giờ sung sướng đến như thế !

Trong cơn vui lộ ra ngoài, nàng lặn ra cỏ. Nhăn nhó, Dov vẫn đứng như cây cột. Nàng nắm tay Dov kéo xuống ngồi cạnh. Dov lâu nhàu !

— Thôi, để mặc tôi.

Nhưng nàng cứ năn nỉ, và sau cùng Dov cũng nhượng bộ. Nhưng khi Karen định ngã đầu vào vai chàng, Dov tránh sang một bên.

— Anh Dov, xin anh... hãy cố sung sướng, cả anh nữa.

— Không ai thêm lo tới tôi có sung sướng hay là không...

— Anh nhầm rồi. Tôi, tôi thắc mắc lo lắng về anh.

— Nếu thế thì em nghe đây : em cứ lo cho em thôi

— Tôi không có quên tôi đâu, đừng có vội...

Nàng quì trước chàng, hai tay nắm lấy vai chàng.

— Anh đã thấy phòng của anh, giường, ghế của anh chưa ? Đã bao năm rồi anh không có một căn phòng như vậy ?

Ngượng nghịu vì tay nàng chạm đến thân thể mình, Dov cúi đầu, Karen nói tiếp :

— Anh không chịu hiểu gì hết sao ? Bây giờ là hết trại tạm cư, hết tàu phá phong tỏa. Giờ đây chúng ta đã được ở quê hương chúng ta, một xứ sở còn đẹp hơn tôi thường tưởng nữa,

Dov gỡ tay Karen ra, đứng dậy, quay lưng lại phía nàng, lâu nhàu.

— Nếu chỗ này làm em thích, càng tốt. Còn tôi, tôi có các dự định khác.

— Xin anh quên các dự định đó đi. Anh nghe này ! Ban nhạc bắt đầu chơi rồi. Chúng ta hãy lại coi trình diễn đi anh.

Chiếc Fiat vừa rời Tel-Aviv, Kitty đã cảm thấy tâm trí nàng lại căng thẳng như bầu không khí của Palestine. Khi đi qua thành phố hoàn toàn Ả-rập Ramlé, nàng cảm thấy hàng trăm cặp mắt hận thù đang nhìn theo chiếc xe. Còn Ari chàng có vẻ như không biết tới những người Ả-rập cũng như sự hiện diện của Kitty bên cạnh mình. Từ lúc khởi hành, chàng không nói với nàng một lời.

Tuy vậy nỗi khó chịu của nàng giảm dần. Ngay sau các khúc quanh co của các quả đồi vùng Judeé, sự quyến rũ thần diệu của Jérusalem đã xâm chiếm nàng trọn vẹn. Trong cái khung cảnh nặng nề đè nén một sự im lặng hư ảo, nàng bắt đầu hiểu cái nghĩa được sống ở Đất Thánh là như thế nào. Và khi từ trên một đèo cao, nàng trông thấy ở phía xa bức tường thành đô thị của Dalid, nàng không còn chống cự nổi nữa với một niềm hân hoan thánh thiện đã dâng lên trong mình.

Họ đi qua Tân thành do người Do-thái xây cất, xuống con đường huyết mạch thương mại mới của khu vực Jaffa Road, dọc theo trường thành của Cồ thành đến (Khách sạn đức vua David). Tòa nhà này có các kích thước lớn lao đáng chú ý — Kiến trúc theo kiểu nặng nề

của những năm 1900 — Nhưng sự đổi xứng đã bị hỏng vì cánh bên trái đã bị sập — Cựu Bộ Tư lệnh của Anh — Mà bây giờ người ta mới bắt đầu dọn những đống gạch đổ nát đi.

Đến giờ cơm trưa. Kitty là người đầu tiên xuống phòng ăn. Nàng đi thơ thẩn trên thềm từ đó ta nhìn thấy được Tháp David, và bên kia một thung lũng nhỏ, một phần của dãy tường thành. Từ phòng ăn ra, Ari đứng sừng lại trên ngưỡng cửa : «Nàng thực đẹp !». Dầu sao trong chiếc áo mỏng nhẹ kiểu mặc trong buổi chiều, với chiếc mũ kiểu Florentine và đôi bao tay dài trắng, nàng có vẻ xa cách quá với vũ trụ của chàng — Nàng, cô gái phù hoa đóm dáng của La-mã hay Ba-lê, sống trong một thế giới mà các người phụ nữ thường hành động một cách khó hiểu, ít nhất cho một người như chàng. Cả một năm ánh sáng chia cách giữa Kitty và Dafna.. Nhưng trời ơi, nàng đẹp làm sao !

Hai người ngồi xuống một chiếc bàn.

Ari nói :

— Tôi vừa điện thoại cho Harriet Salzman. Ăn xong, chúng ta sẽ đi gặp bà ta liền. Bà ấy sẽ làm cô cảm thấy dễ chịu ngay. Trước hết, đó là một đồng hương của cô, thứ hai là tại bà là người rất đặc biệt. Chắc bà hiện giờ cũng tới hơn tám mươi tuổi rồi. Nếu Do-thái giáo có truyền phong thánh, chắc bà sẽ là vị nữ thánh đầu tiên của chúng tôi. Cô nhìn đây, ngọn đồi ấy ? Đó là ngọn Scopus. Các tòa nhà chạy bao quanh đỉnh là trung tâm y khoa tối tân nhất Trung Đông. Tài chính thì do các phục quốc Hoa-kỳ

tài trợ, trong một tổ chức do Harriet thành lập theo đệ nhất thế chiến.

— Như vậy bà quả là người đáng chú ý.

— Đó là chỉ là phần công cuộc của bà. Khi Hitler lên cầm quyền, chính bà đã đứng ra thành lập các trung tâm thanh niên của Mossad Aliya Bet. Nhờ có bà, hàng ngàn thanh thiếu niên nam nữ đã được sống một cuộc đời đáng sống.

Trong khi nói chàng đã liếc mắt nhận thấy một người nhỏ bé, nước da xám xanh, vừa xuất hiện trước lối vào. Chàng đã nhận ra hẳn là ai : Bar Israel là một đoàn viên của Macchabée. Nhận thấy Ari đã nhận ra mình, Bar Israel gật đầu rồi đi ra. Ari nói :

— Xin lỗi cô một chút:

Chàng tiến ra tiền sảnh, mua thuốc lá, và đứng trước gian hàng báo, chàng lấy một tạp chí lật ra coi. Bar Israel uể oải tiến lại gần và giả vờ chú ý đến các bưu ảnh, rồi thì thào.

— Chú Akiba của anh hiện đang ở Jérusalem. Ông muốn gặp anh.

— Tôi có một cái hẹn ở Quý Lập nghiệp Do-thái. Sau đó tôi hoàn toàn rảnh.

— Hãy đến kiếm tôi ở khu Nga.

Bar Israel nói xong, rời xa.

Khu nhà của Quý Lập nghiệp nằm trong đại lộ King George. Một lối đi dài dẫn vào cửa chính.

— *Shalom*, Ari !

Harriet Salzman, với một vẻ linh hoạt trái với tuổi

minh, đứng lên ra tiếp đón khách. Bà nhón chân, vòng tay ôm cổ Ari và hôn lên má chàng.

— Đề thương cho công tác tốt đẹp chú đã làm ở đảo Chypre ! Chú khá lắm.

Nhận thấy Kitty đang đứng chờ bên cửa, bà nói

— Như vậy chắc cô là Katherine Fremont. Con ạ, con thật đẹp và duyên dáng.

— Xin cảm ơn bà Salzman...

— À, không được ! Không có «bà Salzman» gì hết, lối xưng hô ấy chỉ tốt cho người Anh và người Ả rập thôi. Cô gọi tôi như thế làm tôi già đi quá ! Mời hai cô chú ngồi. Tôi sẽ gọi mang trà hay là cô chú thích ly cà phê hơn ?

— Cháu xin bà ly trà.

— Tốt lắm.

Tình nghịch, bà Harriet Salzman quay lại phía Ari :

— Chú thấy không, các cô gái Mỹ như vậy đó.

— Cháu tin chắc rằng không phải tất cả các cô gái Mỹ đều xinh đẹp như Kitty. Bây giờ, chắc là bà không cần đến cháu' cháu xin rút lui. Kitty ạ, nếu tôi, trở lại không kịp để đón, cô vui lòng lấy taxi về nhé ?

Bà già nói :

— Đi đi chú. Bọn tôi không cần chú đâu. Tôi và Kitty sẽ ăn cơm tối với nhau.

Ari mỉm cười rồi đi ra. Harriet Salzman nhận xét

— Một thanh niên ưu tú. May mắn thay chúng tôi có được một số người như vậy. Họ làm việc nhiều quá, và chết quá trẻ.

Bà châm một liều thuốc và đưa bao mời Kitty.

— Cô người vùng nào ở Hoa kỳ ?

— Indiana.

— Tôi, tôi người San Francisco.

— Thành phố đó đẹp lắm bà. Cháu đã tới thăm một lần cùng chồng cháu xưa kia. Cháu vẫn hi vọng được trở lại đó.

— Tôi cũng vậy. Tôi có cảm tưởng càng ngày càng nhớ không khí Hoa kỳ. Từ mười lăm năm nay, tôi không ngừng thề với tôi rằng ngay khi nào có cơ hội đầu tiên đưa tới, tôi sẽ về Hoa kỳ nghỉ một thời gian, nhưng khổ một nỗi ở đây công việc không lúc nào hết. Chắc tôi già yếu hẳn rồi !

Kitty cãi :

—Ồ chắc chắn là không rồi !

— Tôi cũng chẳng hiểu rõ tôi nữa. Cô nghĩ coi, được làm người Do thái và đóng góp vào công cuộc phục sinh quốc gia Do thái là điều hay, nhưng làm người Hoa kỳ cũng tốt nữa. Cô bé ạ, đừng có bao giờ quên điều ấy nhé. Kể từ vụ Exodus, tôi sốt ruột mong được biết cô, và tôi phải nói thẳng rằng tôi cảm thấy ngạc nhiên ghê lắm. Thế mà tôi cứ tưởng trên đời không còn gì làm tôi ngạc nhiên được nữa...

Mặc dù bị quyến rũ vì vẻ tử tế dễ mến của bà lão, Kitty cũng ý thức được rằng bà lão đang cân nhắc xét

đoán mình. Và lại, sau vài phút trao đổi các kỷ niệm về Hoa kỳ, bà đã bàn thẳng đến vấn đề sự hiện diện của Kitty ở Palestine.

— Nếu tôi không lầm, cô thích cộng tác với chúng tôi ?

— Vâng. Đáng tiếc hôm nay cháu không mang các chứng chỉ đến...

— Cô chẳng cần chứng nhận chứng chỉ nào cả. Chúng tôi đã được biết rõ cô, chúng tôi đã có năm hay sáu báo cáo về cô trong hồ sơ của chúng tôi. Xin cô đừng đề ý tới chuyện đó : trong hoàn cảnh của chúng tôi, chúng tôi bắt buộc phải biết rõ đang phải đối diện với ai. Tôi cũng xin thú thật là tôi đã đọc lại các báo cáo đó trước khi tiếp cô hôm nay. Nhưng đọc đi đọc lại các giấy tờ đó cũng không làm tôi hiểu tại sao cô đến với chúng tôi.

— Cháu tưởng không có gì khó hiểu cả : cháu là nữ điều dưỡng và bà thì đang cần... điều dưỡng.

Harriet lắc đầu.

— Đó không phải là một lý do đầy đủ cho một người Ki tô giáo. Chắc cô phải có một động lực khác. Phải chăng cô tới Palestine vì Ari Ben Canaan ?

— Không đâu bà. Dù rằng cháu thấy rất có cảm tình với anh...

— Đó cũng là ý kiến mà nhiều phụ nữ khác cũng đồng ý. Chỉ khác mỗi một điểm là cô là người đàn bà duy nhất Ari có cảm tình thôi.

— Thế thì cháu ngạc nhiên đấy.

— Thế hả... tôi hi vọng là đối với cô mọi sự là như

thế. Có cả một thế giới cách biệt giữa các kibboutz của chúng tôi và tiểu bang Indiana. Ari là một *sabra*, đều đó có nghĩa là chỉ một nữ *sabra* mới hiểu được Ari mà thôi.

— Một *sabra* ?

— Đó là một từ ngữ dùng để chỉ những người Do thái sinh trưởng trong xứ Palestine. *Sabra* là tên trái cây Cactus (xương rồng) dại ở Palestine đâu cũng có. Dưới một vỏ ngoài rất cứng, bên trong là múi rất mềm rất dịu. Ari, cũng như tất cả các *sabra* khác, hoàn toàn không có ý niệm nào về quan niệm của cuộc sống Hoa-kỳ — cũng như cháu không thể hiểu được cuộc sống của Ari. Cháu thấy không, cháu không phải là Do-thái, cháu cũng chẳng cảm tình gì với phong trào phục quốc của Do-thái. Cháu chỉ là một cô gái Hoa-kỳ duyên dáng ngơ ngẩn phân vân trước xử sự của dân Do-thái, tương tự nhà du lịch phân vân ngơ ngẩn trước cách xử sự của các bộ lạc man rợ vùng Amazone. Bởi thế tôi hỏi lại cháu lần nữa : Tại sao cháu lại đến xứ này ?

— Vì một lý do chẳng có gì bí mật cả : cháu thương mến một cô gái đã về xứ này bằng tàu Exoduss. Cháu quen biết em ở đảo Chypre, trong trại Caraolos. Em hi vọng kiếm lại được người cha nhưng cháu e rằng nó sẽ thất vọng. Nếu người cha còn sống, cháu sẽ rút lui. Nhưng nếu ông ta đã chết hay mất tích, cháu muốn nhận em đó làm con nuôi để có thể cùng cháu về Hoa-Kỳ.

— Bây giờ mọi sự mới rõ ràng sáng tỏ. Giải quyết điềm này rồi, bây giờ hai ta bàn đến công việc. Tôi có thể dành cho cháu một chân nữ điều dưỡng tại Gan Dafna,

một trong các trung tâm thanh niên của chúng tôi ở phía bắc Galilée. Một chỗ có cảnh đẹp. Giám đốc trung tâm, bác sĩ Lieberman là một trong những bạn thân nhất của tôi. Trung tâm chứa chừng bốn trăm trẻ, đa số là những đứa sống sót khỏi các trại tập trung. Tôi không dấu cháu là công việc ở đó sẽ nhiều lắm. Ngược lại, cháu sẽ được ăn ở tiện nghi và lương bổng cao...

— Cháu mong được biết... Cháu muốn hỏi thăm về...

— Về Karen Hansen phải không ?

— Bà biết cả tên cô bé đó sao ?

— Chúng tôi là một cộng đồng nhỏ nên sau cùng rồi cái gì ai cũng biết. Karen Hansen lại đang ở Gan Dafna.

— Cháu không biết cảm ơn bà ra sao...

— Cháu phải cảm ơn Ari mới đúng. Chính chú ấy đã dàn xếp tất cả. Ari sẽ đưa cháu đến đó. Trung tâm chỉ cách kibboutz của Ari có vài cây số thôi. Bây giờ cháu cho tôi khuyên cháu một điều chót nhé ?

— Xin bà cứ nói.

— Cháu ạ, tôi lo săn sóc trẻ mồ côi từ 1933 đến giờ. Lòng quyến luyến của các trẻ này đối với xứ sở này sâu đậm đến nỗi cháu khó có thể hiểu nổi. Một khi chúng đã được thờ không khí tự do nơi đây, một lòng ái quốc xâm chiếm lấy chúng, chúng sẽ rất khó mà từ bỏ được Palestine. Đa số những đứa đã rời xứ này không bao giờ thích ứng được với môi trường mới. Ở Hoa-kỳ, người công dân coi khung cảnh hiện tại của cuộc đời mình như vĩnh cửu. Còn ở đây, mỗi buổi sáng khi thức dậy, chúng tôi lại tự hỏi kết quả của

những nỗ lực của chúng tôi liệu có bị mất hết trong ngày hôm nay không nữa. Người Do-thái Palestine bắt buộc phải nghỉ đến xứ sở mình từ sáng đến tối. Đó là niềm hội tụ của toàn thể cuộc đời họ, đó là ý nghĩa sống của họ.

— Như vậy có phải bà muốn nói rằng cháu sẽ không thể thuyết phục nổi Karen về Hoa-kỳ với cháu ?

— Tôi chỉ nói rằng cháu phải đo lường những trở ngại lớn lao mà cháu sẽ phải gặp.

Có tiếng gõ cửa, và David Ben Ami tiến vào văn phòng.

— *Shalom*, Harriet, *Shalom* Kitty. Anh Ari gửi tôi tới đây. Tôi hi vọng là không làm phiền hai bà chứ ?

— Không có chi. Chúng tôi đã giải quyết xong công việc rồi. Tôi sẽ gửi Kitty tới Gan Dafna.

— Tôi nghĩ là, chị Kitty sẽ thích lúc khởi đầu của ngày sabbat. Tôi có thể đưa chị tới coi đường Mea Shearim.

Bà Harriet tán đồng :

— Ý kiến hay đó ! Sau đó chú nhớ đưa Kitty trở lại dùng cơm tối với tôi. Rồi, chúng ta sẽ gặp lại . . .

Ra đến đường, Kitty nắm lấy tay người thanh niên.

— Chắc gia đình anh hận tôi vì đã giữ anh ở đây.

David cãi

— Chị không hề làm phiền gia đình tôi chút nào hết. Gia đình tôi khá phân tán vào lúc này. Tôi có sáu anh em thì bốn đã ở trong Palmach. Dĩ nhiên là tất cả chúng tôi

sẽ hội họp nhau một bận để mừng tôi trở về . . . Tất cả, trừ một người . . .

— Anh đó đau sao ?

— Không, anh ấy là đặc công. Nói cho chính xác hơn, anh thuộc đoàn Macchabée. Ông bố tôi cấm anh không được về nhà nữa. Anh ở dưới quyền Ben Moshe, cựu giáo sư của tôi ở đại học đường Do-thái.

David đưa tay chỉ ngọn Scopus.

— Ở trên kia kia, đằng sau là Trung tâm Y khoa. Những khối nhà trắng đó.

— Anh nhớ học hành lắm phải không ?

— Vâng. Mong rằng một ngày kia tôi sẽ có dịp đi học lại.

Một âm thanh trầm nổi lên, nghe như một tiếng kèn ở xa. Các tiếng người gọi nhau dọc theo các đường phố đang chìm dần vào hoàng hôn :

— Sabbat ! Lễ sabbat !

David đội lên đầu một chiếc mũ tròn màu đen bao phía trên đầu. Rồi bỏ đại lộ Các Bậc Tiên tri, chàng đưa Kitty về đường Mea Shearim, Bách Môn của những người Do thái chính thống.

— Tôi không thể đưa chị vào các giáo đường, bởi ở khu này các giáo đường chỉ dành cho đàn ông thôi. Nhưng chị có thể nhìn thấy bên trong qua các cửa sò. Chị sẽ nhận thấy các cách cầu nguyện khác nhau. Thí dụ như người Yemen lắc lư đều đều như ngồi trên lưng lạc đà. Đó là cách họ thực hiện bình đẳng vào các thời kỳ những người Do thái không có quyền được cưỡi lạc đà,

làm như thế đầu họ sẽ cao hơn đầu những người Hồi giáo.

Kitty nói nhỏ :

— Thật kỳ lạ.

— Hay như những người Do thái gốc Tây ban Nha. Giáo hình đã bắt họ cải sang đạo Ki tô, nếu không sẽ bị xử tử. Được rửa tội theo Ki tô rồi, họ cầu nguyện lớn tiếng bằng la tinh, nhưng thêm vào cuối mỗi câu một lời cầu nguyện bằng hébreu nói nhỏ như hơi thở. Ngày hôm nay họ vẫn còn chấm dứt cầu kinh bằng một tưởng niệm tới Thượng đế trong im lặng.

Ngày khi họ rẽ vào đường Mea Shearim, Kitty có cảm tưởng bước vào một thế giới khác. Giữa hai dãy nhà thấp có bao lơn sắt uốn, một đám đông đủ màu sắc đang vội vã đi. Do thái Trung Âu râu rậm, đội những chiếc mũ tròn có viền lông thú, mặc những chiếc áo khoác dài bằng sa tanh đen. Do thái Yémen quấn khăn trắng, Do thái Kurdistan, Boukharie, Ba tư, mặc áo lụa màu thật chói mắt. Phố phường vắng người rất nhanh trong khi các giáo đường đầy chật các tín đồ. Qua các cửa sò nhỏ có chấn song. Kitty thấy những người gần như điên cuồng xúm xít trước cuốn kinh Torah, vừa khóc vừa rên la, những người già người trẻ lắc lư đằng trước ra đằng sau, đọc bằng một giọng đều đều các bài kinh bằng tiếng hébreu. Họ thật khác xa với những người đàn ông khoẻ mạnh, lực sĩ mà nàng đã gặp ở Tel-Aviv. David cắt nghĩa :

— Ở Palestine chúng tôi có đủ loại người Do-thái. Tôi đưa chị đến đây bởi vì tôi biết Ari sẽ không làm thế.

Anh Ari cũng như đa số các sabra đều khinh bỉ những di tích của một thời đại này, những kẻ ăn hại không chịu cày cấy, từ chối mang vũ khí. Dầu vậy, khi người ta sống ở Jérusalem, như tôi, người ta sẽ học biết khoan dung với họ hơn, đoán hiểu được những sự khùng khiếp xưa kia đã làm giam họ trong lòng cuồng tín như thế.

Ari đứng đợi ở lối vào khu Nga, gần nhà thờ Hi-lạp. Chàng bắt đầu sốt rột thì Bar Israel xuất hiện, như ở dưới đất chui lên. Ari theo Bar đến một xe taxi đậu trong một ngõ hẻm. Khi chiếc xe mở máy, Bar lấy trong túi ra một chiếc khăn tay lớn. Ari có một cử chỉ lảng tránh.

— Quả thực tôi có phải chịu cái trò trẻ em đó không ?

— Cá nhân tôi thì tôi tin anh, nhưng lệnh là lệnh.

Mắt bị bịt, Ari phải nằm dài xuống sàn xe, đầu gối một cái chần. Chiếc xe chạy trong hơn hai mươi phút, quẹo cả trăm vòng trước khi dừng lại trước một nhà ở khu Katamon. Bar Israel đẩy người bạn đồng hành vào trong nhà, đưa vào một căn phòng rồi tháo khăn bịt mắt.

Ánh sáng chập chờn của một ngọn nến chò phép Ari nhận ra một chiếc ghế, một chiếc bàn trên có đặt một chai rượu mạnh và hai cái ly, và sát tường là hình dáng ốm yếu của chú là Akiba. Vị chỉ huy của các Macchabée đã già đi rất nhiều. Râu và tóc đã bạc trắng như tuyết, vai đã còng, mặt đầy nếp nhăn. Với một cử chỉ chậm chạp cố tình, Ari tiến về ông.

— Chào chú.

— Cháu Ari !

Hai người ôm nhau. Rõ rệt là Akiba cố nén một xúc

động mạnh. Ông cầm nển đưa lại gần mặt cháu.

— Cháu có vẻ đương phong độ lắm, Ari. Chú có lời khen cháu về công tác tốt đẹp cháu đã hoàn tất được ở Chypre.

— Cảm ơn chú. Thế còn chú, chú khoẻ chứ ?

Akiba nhún vai.

— Khoẻ đến mức tối đa có thể khoẻ được khi phải sống trong vòng bí mật. Thế mà chú không gặp cháu tới hai năm rồi đấy ! Hồi trước khi em Jordana còn học ở đại học, chú ít nhất mỗi tuần gặp nó một lần. Nếu chú không nhầm, chắc con bé giờ hai mươi tuổi rồi chứ ? Nó vẫn yêu cái anh chàng... chú không nhớ nổi tên là gì nữa...

— David Ben Ami. Vâng, họ vẫn yêu nhau say mê như ngày đầu gặp gỡ. David đã có bên cạnh cháu ở Chypre. Đó là một trong những hi vọng tương lai của chúng ta.

— Cháu có biết một đứa anh của nó là Macchabée không ? Hắn thuộc khu của Ben Moshe. Jordana gia nhập Palmach rồi phải không ?

— Vâng. Em cháu đặc trách các thiếu nhi ở Gan Dafna. Đôi khi đài phát thanh lưu động di chuyển tới vùng này, Jordana cũng cộng tác với các chương trình phát thanh.

— Ở Gan Dafna ? Chỗ này rất gần Ein Or, kibboutz cũ của chú. Thế con bé có nói với cháu về kibboutz này không ?

— Chắc chắn là có chứ chú. Ein Or vẫn là một thiên đàng nhỏ.

— Có lẽ một ngày kia chú sẽ có thể trở về đó.

Akiba ngồi xuống, và bằng bàn tay run run, rót rượu vào đầy ly.

— Uống với chú ly rượu chứ...

— Xin vâng thưa chú. Hôm qua cháu có được gặp Avidan. Ông đã cho cháu coi lệnh hành quân của người Anh. Chú có biết không ?

— Biết chứ. Chú cũng có các bạn ở trong Cơ quan Tình báo Anh.

Akiba đứng dậy đề đi đi lại lại trong buồng.

— Haven — Hurst đã quyết định thanh toán một lần cho xong các Macchabée. Hẳn cho tra tấn những người của chú mà hẳn bắt được, treo cò họ và đã lưu đầy toàn thể bộ chỉ huy của các Macchabée luôn. Các Macchabée một mình chống lại người Anh đã rồi, đảng này còn trăm trọng hơn nữa là còn phải khó khăn chống lại với những kẻ phản bội trong chính hàng ngũ chúng ta nữa. Than ôi, đúng vậy ! Chú biết là Haganah đang bán các Macchabée cho người Anh...

— Sai, chú !

— Đó là sự thực !

— Không ! Mới ngay sáng nay thôi, ở trụ sở của « Trung ương », Haven — Hurst đã yêu cầu chính người Do thái tiêu diệt hệ thống Machabée, và một lần nữa các cấp lãnh đạo của chúng ta đã không chịu,

— Từ chối cao thượng nhĩ ! Vậy người Anh từ nguồn tin nào đã kiếm được những tin tức của họ ? Các tên gà chết ở « Trung ương » đã đề mặc bọn chú làm tất cả

các công việc bần thiêu này, chúng đề bọn chú hy sinh tính mạng, đồng thời còn phản bội bọn chú nữa. Ồ, chắc chắn là mấy ông nội đó tự cho mình là thông minh, kín đáo... Nhưng họ phản bội bọn chú :

Đột nhiên Akiba ngừng nói, ý thức được sự vô lý cơn giận của mình. Ông hạ giọng :

— Bây giờ nói về bố cháu đi. Bố cháu có biết đôi khi cháu, Jordana và cả Sarah gặp chú không ?

— Có thể lắm.

— Thế... Có bao giờ bố cháu hỏi thăm về chú không ?

— Thưa không.

Akiba nở một nụ cười không vui, buông mình ngồi xuống chiếc ghế, rót thêm một ly rượu nữa, nói nhỏ :

— Thật là một nghịch cảnh. ! Bao giờ chú cũng là người giận hờn và Barak là người tha thứ. Cháu Ari ạ, chú cảm thấy mệt, rất mệt. Chắc chú chỉ còn sống được một năm, hai năm nữa là cùng. Barak phải tìm sự ước muốn cùng sức lực để phá vỡ sự im lặng này. Cháu hãy nói với bố cháu . . . nói với bố cháu là phải tha thứ cho chú, dù rằng chỉ làm thế vì nhớ đến linh hồn ông nội mà thôi.

3

Buổi sáng ngày hôm sau Ari và Kitty rời Jérusalem trên con đường đi Galilée. Trước hết họ đi qua vùng thảm xanh của thung lũng Jezreel, một vùng xưa kia là đầm lầy

nay đã thành vùng trù phú nhất Trung Đông nhờ ở các nỗ lực của phục quốc Do-thái. Rồi càng lại gần Nazareth, họ như trở lui lại mười chín thế kỷ. Trong một khung cảnh đồng ruộng điển hình Á-rập, khô cằn và sỏi đá, đô thị Nazareth không thay đổi bao nhiêu kể từ ngày Chúa Ki-tô còn là thanh niên.

Họ dừng xe ở trung tâm thành phố, và Ari phải đẩy lui cuộc xung phong của cả một bầy trẻ con rách rưới. Một đứa hầu như bám chắc lấy cánh tay chàng.

— Thầy cần một người hướng dẫn, thầy hai . . .

— Không.

— Thầy hãy mua một kỷ vật cho cô hai nè. Tôi có thứ làm bằng gỗ lấy từ Thập tự giá ra, một mảnh vải hệt . . .

— Chú cút đi xéo lẹ cho tôi nhờ !

Hơi ngạc nhiên. Ari ném cho thằng nhỏ một đồng tiền.

— Giữ xe nghe. Xảy ra cái gì tôi đập chú bẻ sọ đấy, hiểu chứ.

Nazareth như ngủ im dưới một đám mây đầy mùi hôi thối và ruồi nhặng. Trong các đường đầy rác rưởi, những kẻ ăn mày mù cầu khẩn lòng thương của những khách qua đường. Kitty nép sát vào Ari đang lôi nàng qua khu hàng tạp hóa để đến một địa điểm, theo truyền thuyết, nơi đây Đức Mẹ Maria đã đặt nhà bếp và Joseph đặt xưởng thợ mộc của họ.

Họ lại ra đi ngay. Kitty không dấu ngạc nhiên của mình.

— Ch^ả gì mà ghê quá ! Tôi t^ệ không thể ngờ nổi.

— Nhưng ít ra dân Ả rập ở đây cũng không thù ngh^ị chúng ta. Quả thật họ là những tín đồ Ki tô
áo.

Kitty g^ữn giọng :

— Những thứ giáo dân cần mang t^{ắm} cho đỡ d^ơ.

Họ dừng lại một lần nữa ở Kafr Kanan, trước giáo đường mà đ^{ấng} Ki tô đã thực hiện phép màu đầu tiên bằng cách biến nước thành rượu vang. Thành tích này nằm ở giữa một làng Ả rập khung cảnh đẹp và chìm đắm trong một thứ thanh tĩnh ngoài thời gian.

Im lặng, Kitty cố gắng xác định những ấn tượng nàng đã tiếp nhận trong vài ngày gần đây. Chắc chắn Palestine là một quốc gia bé x^{iu} rồi, nhưng mỗi phân đất đều gọi lại những kỷ niệm máu lửa và huy hoàng. Khi thì tình cách thần thánh của một địa điểm làm ta xúc động, khi thì lòng sùng kính biến thành kính t^ởm. Các người Do thái kêu than trong các giáo đường ở Mea Shearim, các ngọn lửa rực trời của xưởng lọc dầu bị tiêu hủy, các Sabra kiêu h^{ãnh} của Tel-Aviv và các nông dân thung lũng Jezreel, đâu đâu quá khứ và hiện tại cũng trộn lẫn vào nhau, tạo ra cả ngàn tương phản và nghịch cảnh,

Chiều xuống khi chiếc Fiat vượt qua cổng Yad El đề dừng lại trước một bungalow ẩn dưới những cây cối đầy hoa lá. Cửa nhà bật mở và Sarah Ben Canaan chạy về phía chiếc xe,

— Ari ! Con tôi, con tôi !

Ari bế mẹ lên, hôn và đu đưa bà trong tay như một đứa trẻ.

— Đừng khóc, mẹ... Đừng khóc nữa, con đã về rồi mà...

Barak, hình dạng như một con gấu về già xuất hiện trên bậc cửa, sải bước nhanh tiến tới đề ôm «cậu con trai» của mình, Barka nhắc đi nhắc lại bằng một giọng trầm.

— Con khá lắm, khá lắm. Con có vẻ khoẻ mạnh sung sức lắm, Ari !

Sarah phản đối :

— Tôi không đồng ý. Mình không thấy con nó mệt mỏi như vậy sao ?

— Không đâu mẹ, con khoẻ như voi. Con xin giới thiệu với bố mẹ một người bạn thân, Katherine Fremont, y tá trưởng mới của Gan Dafna.

Bà mẹ than :

— Con bao giờ cũng ngu hết. Đáng lẽ phải gọi điện thoại báo trước cho bố mẹ... Cô Fremont, xin mời cô vào. Cô hãy tắm một cái cho mát, thay đổi y phục cho dễ chịu trong khi tôi chuẩn bị cơm tối. Ông Barak ! Mình đợi gì nữa mà không mang hành lý cho cô ấy vào.

Jordana Ben Canaan cho tập hợp các thiếu nhi của tàu Exodus ở rạp hát ngoài trời. Mười chín tuổi, cao lớn, nàng vừa mảnh dẻ vừa khoẻ mạnh, làn tóc hung

buông thả xuống đôi vai của một thiếu nữ ham thể thao. Được Palmach giao phó cho việc huấn luyện quân sự cho các trẻ em dưới mười bốn tuổi, Jordana đã cho đặt chiếc ghế bô của nàng trong văn phòng mình. Nàng bắt đầu nói :

— Tên tôi là Jordana Ben Canaan. Tôi là thượng cấp, là người chỉ huy của các em. Trong những tuần lễ sắp tới, các em sẽ học quân sự sơ đẳng, nói cách khác nghĩa là sẽ học dạy thám, truyền tin, sử dụng và bảo trì vũ khí, chiến đấu bằng đoản côn. Chúng ta cũng làm nhiều cuộc di hành để tạo bền bỉ dai sức cho các em. Ở Palestine, các em không còn xấu hổ vì là người Do thái nữa. Các em phải nỗ lực hết sức vì nước (Israël) của chúng ta rất cần tới các em. Ngày mai, trong cuộc di hành thứ nhất, tôi sẽ chỉ cho các em thấy bia của ngôi mộ Joseph Irumpledor ở Tệp Hai vị anh hùng của dân tộc chúng ta. Trên bia của mộ này có khắc hàng chữ sau : «Chết cho tổ quốc là một điều tốt đẹp». Tôi muốn thêm vào đó lời như sau : «Tốt đẹp thay khi ta có được một tổ quốc để hy sinh thân ta».

Một lúc sau, khi nàng tiến vào khu hành chánh, có điện thoại gọi nàng.

— Jordana ? Mẹ đây :Ari về rồi !

— Anh Ari ? Con về ngay bây giờ.

Chạy một mạch ra tận chuồng ngựa, nàng nhảy lên con ngựa bạch của ông bố và phóng như bay trên con đường về Yad El, làn tóc dài bay phất phới trước gió. Nàng quả là hiện thân cho cả một gương xấu đối với những người già cả Á-rập của làng Abou Yesha khi nàng phi nước đại qua. Thật là xấu hổ cái cô gái cưỡi ngựa không

yên và đề hồ đui với chiếc quần cụt ngùn ! Nhưng hiền nhiên người là ta phải tha thứ rất nhiều điều cho con gái của Barak, em gái của Ari Ben Canaan.

Ari nắm lấy tay Kitty.

— Lại đây, tôi đưa cô đi một vòng quanh trại trước khi trời tối hẳn.

Sarah nói :

— Cố về đúng giờ cơm nhé. Mẹ đã điện thoại cho Jordana, chắc nó về ngay bây giờ.

Sau khi đi dạo trong khu vườn của Sarah, Ari và Kitty dừng lại ở hàng rào đơn sơ làm bằng gỗ cao chừng nửa thước. Một chân gác lên, Ari im lặng ngắm các cánh đồng : Làn bụi nước của các máy tưới làm mát đất, gió nhẹ buổi chiều tung mùi thơm của loài hoa hồng mà Sarah thích nhất trong các loại hoa. Kitty ngắm chăm chú và hơi ngạc nhiên người thanh niên đứng cạnh mình. Lần đầu tiên kể từ khi quen biết chàng, Ari có vẻ tìm thấy bình an với chính mình và thế giới chung quanh. Vậy chàng cũng có thể tìm thấy hạnh phúc sao ?

Ari nói

— Tôi sợ rằng khung cảnh này không giống với Indiana bao nhiêu.

— Như thế này tôi cũng bằng lòng lắm rồi.

— Dĩ nhiên rồi. Các cánh đồng và vườn tược xứ cô đâu có phải tạo ra từ bùn lầy ở các đầm ao.

Chàng muốn nói nhiều hơn nữa, cắt nghĩa cho Kitty

hiều chàng mong ước biết bao được ở lại nhà, canh tác đất đai. Nhìn nàng, chàng thấy nàng đẹp, tươi vui, chàng ôm nàng trong tay, xiết nàng thật chặt vào lòng. Nhưng thứ kỷ luật thép chàng đã tự khép mình vào và một thứ dục dè kỳ lạ đã ngăn cản chàng làm cử chỉ mà có lẽ nàng cũng đang chờ đợi, Chàng đột ngột nói :

— Chúng ta đi thăm chuồng gà vịt đi.

Sau khi ngắm nghía gà, vịt và ngỗng, hai người dừng lại trước một khu đất quây kín, trong đó một con heo nái to tướng đang điềm tỉnh chịu đựng cuộc xung phong bú mẹ của mười hai con heo con đang đói. Ari nói :

— Đây là những con ngựa rằn của chúng tôi.

— Vậy hả ! Nếu tôi không có nhiều kinh nghiệm về loại ngựa rằn thì tôi sẽ thề với anh đây là đàn heo.

— Suyt ! Đừng nói lớn thế, nếu một viên chức của Quý Lập Nghiệp Do-thái nghe thấy . . . Chúng tôi không có quyền nuôi những con . . . những con ngựa rằn trên các đất đai của Quý đã bỏ tiền ra mua. Dĩ nhiên là chúng tôi vẫn cứ nuôi — sau khi đề phòng cẩn thận. Cũng vì thế ở Gan Dafna, trẻ con gọi chúng là chim bồ nông. Và trong một số kibboutz thực tế hết sức, họ gọi chúng là «thân hữu» Cô nhìn kia, chỗ góc cánh đồng ấy, cô sẽ trông thấy Gan Dafna, Phía trên ấy, trong các quả đồi đó.

— Những ngôi nhà trắng kia phải không ?

— Không phải. Đó là Abou Yesha, một làng Ả-rập. Gan Dafna ở phía bên phải và cao hơn nhiều. Cô có trông thấy cây cối trên vùng cao kia không ?

— Thật như tờ chim ưng ấy ! Còn cái khối nhà lớn trên đỉnh đồi ?

— Đồn Esther, một đồn biên giới của người Anh. Nhưng thôi lại đây, tôi muốn cho cô coi nhiều điều khác.

Đi dọc theo các cánh đồng, hai người đến một khu rừng nhỏ ven một con sông nước chảy xiết.

— Ở Hoa-kỳ, người da đen ca những bài *spirituals* rất hay ca tụng giòng sông này.

— Sông Jourdain phải không ?

— Đúng.

Chàng tiến lại gần nàng và mắt hai người gặp nhau.

— Cô có tin là cô có thể yêu xứ này không ? Cô có thể thương mến bố mẹ tôi không, Kitty ?

Cờ họng khô lại, Kitty chỉ có thể gật đầu. Sau hết, cũng đã tới lúc Ari sắp ôm nàng vào lòng. Hai bàn tay chàng mạnh mẽ đã xiết chặt lấy hai vai nàng . . . Một giọng con gái vang lên :

— Anh Ari, Ari !

Chàng buông nàng ra, quay vụt lại. Một người kỵ mã đang lao thẳng tới phía hai người, hình dạng nổi đen thẫm trên ráng chiều. Kitty chỉ đủ thì giờ để nhận ra một khuôn mặt táo bạo với mái tóc hung đỏ bao quanh. Kéo cương một cái mạnh, người nữ kỵ mã dừng con ngựa sùi bọt mép lại. Rồi giờ hai tay lên trời, hét lên một tiếng la vui mừng, nàng chồm vào Ari mạnh đến nỗi hai người té ngã lăn ra đất. Mềm dẻo và khoẻ mạnh, Jordana ngồi lên người anh như cưỡi ngựa đề hôn như mưa. Ari kêu lên :

— Thôi em, thôi đi em nào !

Nhưng chàng phải đề ngựa Jordana, dùng vai chặn xuống mới gỡ được ra khỏi vòng tay em gái. Đột nhiên Jordana, đang vùng vẫy, nhận thấy có Kitty. Ngay lập tức, mặt nàng nghiêm chỉnh lại. Mím cười ngượng ngịu, Ari đỡ em đứng dậy.

— Kitty, xin giới thiệu với cô cô em gái quý sừ của tôi. Chắc cô nàng đã tưởng nhầm tôi là David Ben Ami.

Kitty giơ tay ra bắt :

— Chào Jordana ! Tôi có cảm tưởng là đã được biết cô rồi. Anh David đã nói rất nhiều về cô...

— Chị là Katherine Fremont phải không ? Tôi, tôi cũng được nghe nói về chị.

Kitty ngạc nhiên khi thấy Jordana bắt tay mình lạnh nhạt rõ ràng. Jordana quay đi, tay dắt ngựa đi trước hai người về phía nhà. Sau một phút, nàng hỏi anh :

— Anh có gặp David không ?

— Có chứ. Chú ấy nói với tôi là chiều nay sẽ điện thoại, và sẽ tới đây nghỉ cuối tuần, ngoại trừ khi em thích tới gặp chú ấy ở Jérusalem.

— Em không đi được đâu với lũ trẻ vừa mới tới trại.

Ari lấy tay hích Kitty một cái trước khi tiếp tục nói :

— Anh cũng gặp cả bác Avidan ở Tel-Aviv. Bác có nhắc... xem nào bác nói ra sao nhỉ... à, nhớ rồi, bác nói là David được thuyền chèo đến lữ đoàn Galilée ở Ein Or.

Jordana quay lại, mắt mở hết cỡ.

— Anh nói thật chứ ? Anh không định trêu em đấy chứ ?

— Đòi nào !

— Em thù anh quá ! Sao anh không nói ngay cho em biết ?

— Anh làm sao đoán được chuyện đó lại quan trọng đến vậy nhỉ.

Nếu không có sự hiện diện của Kitty, chắc Jordana dám chồm lên Ari vật lộn lẫn nữa. Nàng đành chỉ giờ nằm đấm lên dọa anh, nói nhỏ :

— Em sung sướng ghê đi !

Bữa cơm quá hoàn toàn dù rằng Kitty phải cố gắng hết sức để khỏi làm thất vọng bà chủ nhà. Sau món tráng miệng, bà Sarah vội vã xếp ra vườn những bàn ghế để tiếp đón khách khứa sắp ào ào kéo đến.

Một giờ sau quả thực là đông quan khách. Hầu như toàn thể dân cư Yad El đều muốn đến để chúc mừng con trai của Barak và Sarah, và cũng để thỏa mãn lòng tò mò về cô gái Mỹ xinh đẹp. Hoàn toàn tự nhiên, ngoài ra còn tin cậy ở sự hiện diện của Ari, Kitty đã khôn khéo trả lời hàng trăm câu hỏi. Dần dần, nàng cũng ý thức được rằng cả sự khéo léo lẫn lòng tử tế tự nhiên của nàng cũng không sao thắng được ác cảm của Jordana. Kitty hầu như có thể đọc rõ được tư tưởng của thiếu nữ Palestine này : « Cô là loại người nào mà dám tới đây chinh phục anh tôi ? »

Rất khuya sau nửa đêm, khi những khách sau cùng đã chịu ra về, Barak và Ari mới có thể nói chuyện riêng với nhau. Trong đồng chai lọ lộn xộn của tử rượu, Barak tìm ra được một chai rượu cognac chưa cạn hết. Ly cầm tay, hai người ngồi thoải mái — bình thản. Barak nói trước :

— Nói cho bố về cô Fremont đi. Bố mẹ cũng như mọi người đều hết sức tò mò muốn hiểu rõ về cô ta.

— Rất tiếc sẽ làm bố thất vọng. Kitty đến Palestine chỉ vì nàng chú trọng tới một cô bé của tàu Exodus. Con tin rằng nàng có ý định nhận cô bé đó làm con nuôi. Chúng con có cảm tình với nhau...

— Không có gì hơn sao ?

— Hoàn toàn không, bố.

— Bố ưa cô ta lắm; ưa nhiều lắm. Nhưng đáng tiếc là cô khác chúng ta. Nhưng một khi giữa cô ta và con chưa có gì... Thôi nói chuyện khác, bố muốn con xuống Abou Yesha nói chuyện với Taha.

— Con cũng định hỏi bố xem có chuyện gì rắc rối. Tối nay con ngạc nhiên khi không thấy Taha tới.

— Có rắc rối thật con ạ... như hầu hết mọi nơi khác trong cái xứ này. Từ hai mươi năm chúng ta sống hòa thuận với dân Abou Yesha. Ông già Kammal đã là bạn thân của bố cả nửa thế kỷ. Bây giờ hai bên lạnh nhạt với nhau. Chúng ta đã gọi dân làng đó bằng tên tục, chúng ta đã được họ tiếp đãi ở nhà họ, họ đã từng cấp sách đến trường học của chúng ta, và hai bên đã cùng nhau cử hành không biết bao nhiêu là đám cưới nữa. Đó là những bạn thân của chúng ta. Nếu có một sự hiểu lầm nào giữa hai bên, chúng ta phải cố dẹp bỏ bằng bất cứ giá nào,

— Con sẽ tới thăm Taha ngày mai, sau khi đưa cô Fremont tới Gan Dafna.

Một khoảnh khắc im lặng. Ari đứng dậy, lại gần tủ sách, lơ đãng vuốt ve những tác phẩm cổ điển hi-bá-lai,

Anh, Pháp, Đức, Nga, Sau một do dự chót, chàng quay lại đối diện với bố.

— Con đã gặp chú Akiba ở Jérusalem.

Barak cứng người lại, la con

— Không được nhắc tới tên con người ấy ở dưới mái nhà này.

— Chú đã già đi nhiều lắm. Con e chú chỉ còn sống được vài năm nữa thôi. Chú xin bố hòa giải với chú để tương-nhớ tới ông nội.

Barak kêu lên bằng một giọng run run.

— Bố không muốn nghe nói tới chuyện này nữa !

— Mười lăm năm im lặng, bố không thấy là đã quá đủ rồi sao ?

Đứng vươn thân hình cao lớn dậy, Barak nhìn thẳng vào mắt con.

— Chú ấy đã xúi dục người Do thái chống lại người Do thái. Lúc này đây các Macchabée của chú ấy đang làm dân làng Abou Yesha chống lại chúng ta. Cầu Thượng đế tha thứ cho chú ấy — còn bố, bố không bao giờ tha thứ hết. Không bao giờ :

— Con xin bố, hãy nghe con..

— Chúc cơn ngủ ngon, Ari.

Sáng ngày hôm sau, Kitty từ già gia đình Ben Canaan đề lên đường tới Gan Dafna bằng chiếc xe Fiat. Khi đi qua Abou Yesha, Ari dừng xe lại, nhờ một đứa bé báo cho Taha là chàng sẽ trở lại thăm trong một giờ nữa.

Họ càng tiến lên cao trong vùng đồi, Kitty càng thấy sốt ruột muốn gặp lại Karen và cũng cảm thấy lo ngại gia tăng về sự tiếp đón sắp dành cho nàng. Jordana Ben Canaan chỉ xử sự như một cô em gái ganh với người tình tương lai của anh mình, hay nàng là một thứ tiền phong của một loại người hoàn toàn thù nghịch với "người ngoài" ?

Ari nói

— Tôi sẽ phải rời cô ngay lập tức.

— Chúng ta sẽ gặp lại nhau không anh ?

— Gặp chứ, đôi khi. Cô có thành thực muốn chúng ta gặp lại nhau không Kitty ?

— Có chứ anh.

— Trong trường hợp như vậy, tôi sẽ cố gắng trở lại.

Một khúc quanh sau cùng đưa họ lên tới bình nguyên nhỏ của Gan Dafna. Bác sĩ Tieberman, ban nhạc của trung tâm, tất cả nhân viên và năm mươi trẻ em *Exodus* đã tụ tập sẵn trước tượng của Dafna trên bãi cỏ chính của trại. Trước sự tiếp đón nồng nhiệt, tự nhiên này, các em ngại của Kitty tan biến hết. Được Karen ôm hôn và bị các trẻ em bao vây, nàng hầu như không còn ngoái đầu lại được để nhìn Ari ra đi.

Buổi lễ đón tiếp nhỏ chấm dứt, bác sĩ Lieberman và Karen đưa Kitty đến một căn nhà trắng xung quanh có nhiều hoa. Phòng chính là một phòng khách rộng cũng dùng làm phòng ngủ, đồ đạc giản dị nhưng mỹ thuật. Karen chạy ra cửa sổ để vén bức màn làm bằng voan Négev. Bên ngoài cửa sổ là thung lũng, quang cảnh tuyệt

vòi dưới thấp, sáu trăm thước Phòng thứ hai được dùng làm nơi làm việc, bên kia hành lang là một căn bếp nhỏ và một phòng tắm. Đâu đâu cũng là hoa lá, cây kiền. Kitty nở một nụ cười làm rạng rỡ khuôn mặt nàng, Bác sĩ Lieberman nói

— Thôi, thôi, thôi ! Ông giờ tay chỉ cửa ra cho Karen. Chốc nữa Em sẽ gặp bà Fremont.

Ông chờ cho cô gái đã bước ra mới nói tiếp :

— Thế nào, bà bằng lòng về nơi ở chứ ?

— Rất bằng lòng, bác sĩ.

Ông ngồi xuống một góc đi-văng.

— Khi những trẻ em của Exodus biết bà sắp đến, chúng liền chuẩn bị. Chính chúng đã sơn lại nhà, làm màn cửa. Chúng đã làm cả một cuộc bố ráp hoa và cây cảnh của chúng tôi, nghĩa là nói tóm tắt chúng đã vất vả lắm để có thể tiếp đón bà một cách long trọng.

Kitty nói nhỏ :

— Tôi cảm động lắm. Tôi không hiểu tại sao tôi lại được đối đãi tử tế quá như vậy.

— Trẻ con chúng có một bản năng chắc chắn để biết ai là bạn chúng. Bà có muốn tôi đưa bà đi một vòng quanh trung tâm không.

Hai người trở lại nhà hành chánh. Bác sĩ, thấp hơn Kitty một đầu, nóng nảy vỗ túi tìm hộp quẹt để hút píp. Ông kể

— Tôi từ Đức đến đây năm 1933. Tôi có cái may mắn là đã tiên đoán được rất sớm những gì sẽ xảy ra tại Âu châu. Vợ tôi mất trước khi tôi đến đây. Cho

tới 1940, tôi làm giáo sư văn học tại đại học đường Jérusalem. Rồi bà Harriit Salzman đã yêu cầu tôi giúp đỡ bà thành lập trung tâm thanh niên này. Ngày hôm nay tôi chỉ còn một ước vọng : được ở lại đây trong nhiều năm nữa. Bình nguyên này do vị cố mouktar của Abou Yesha tặng, một con người rộng rãi và thông minh. Nếu sự giao thiệp của chúng tôi với các dân làng này được dùng làm gương cho tất cả những người Do-thái và Ả-rập khác... Bà có một que diêm không ?

— Rất tiếc tôi không mang theo.

— Không quan trọng ! Dầu sao tôi cũng hút nhiều quá.

Họ ngừng lại ở bãi cỏ trung tâm từ đó nhìn xuống thung lũng Houleh đẹp nhất. Viên bác sĩ nói tiếp :

— Những đồng ruộng của chúng tôi ở phía dưới. Bà hãy nhìn bức tượng này : đó là Dafna, một thiếu nữ của Yad chết trong khi phục vụ cho Haganah. Vị hôn thê của Ari Ben Canaan. Trung tâm của chúng ta mang tên nàng...

Đột nhiên Kitty cảm thấy đau đớn. Không còn nghi ngờ gì nữa : nàng đang ghen. Quyền lực của Dafna vẫn còn tồn tại công khai ở nơi đây, trong bức tượng đồng bất diệt này, mẫu người điển hình cho một Jordana Ben Canaan và nhiều thiếu nữ tiền khu khác mà nàng đã gặp tối hôm qua ở nhà Ari.

Viên bác sĩ đã nắm lấy tay nàng đề dẫn đi xa hơn

— Người Do-thái chúng tôi đã tạo ra một nền văn minh khác thường ở Palestine. Ở khắp mọi nơi trên thế

giới, sự phát triển của các dân tộc đều phát xuất từ các thành phố. Ở đây điều đó xảy ra ngược hẳn lại. Nỗi tiếc nuối ngàn năm một xứ sở trước đã thuộc về chúng tôi lớn đến nỗi ngày nay sự phục sinh của chúng tôi lại bắt đầu từ nông thôn. Âm nhạc, văn chương, nghệ thuật tượng hình, các nhà trí thức và thậm chí đến cả các quân sĩ của chúng tôi nữa đều xuất phát từ các kibboutz và các moshav. Bà trông thấy đây nhà dành cho trẻ ở chứ ?

— Vâng, tôi thấy.

— Bà đề ý thấy tất cả các cửa sổ đều mở ra phía đồng dưới thung lũng. Như vậy cái nhìn đầu tiên và cuối cùng mỗi ngày của chúng tôi đều hướng về đồng ruộng. Một nửa chương trình giáo dục của chúng tôi dành cho canh tác. Chưa chi nhiều nhóm do chúng tôi đào tạo đã thành lập được bốn kibboutz mới nữa rồi. Chúng tôi sản xuất tất cả thực phẩm chúng tôi cần, chúng tôi có đàn bò sữa, sân nuôi gà vịt và dệt được đa số lượng vải cần dùng nơi đây. Chúng tôi chế lấy đồ đạc có các xưởng sửa chữa riêng cho các nông cụ cơ giới. Vậy mà tất cả đều là công trình của lũ trẻ. Chúng tự quản trị lấy và nói cho thật, nhiều quốc gia phải lấy chúng làm gương.

Khi họ đi tới đầu bãi cỏ rộng, Kitty đề ý tới một địa đạo hình như chạy vòng quanh trung tâm. Viên bác sĩ thờ dài :

— Than ôi, đúng đấy bà ! Địa đạo này, những công sự bê-tông này đều xấu xí vô kè. Tôi cũng biết là các trẻ quá tôn thờ chủ nghĩa anh hùng quân đội. Tôi e rằng tình trạng này còn kéo dài cho tới khi chúng tôi dành được

độc lập. Đến lúc đó hẳn chúng tôi sẽ có thể mang lại cho cuộc sống một căn bản xứng đáng hơn, nhân bản hơn là căn bản dựa trên sức mạnh vũ trang.

Ari đứng trong phòng tiếp khách của Taha, mouktar của Abou Yesha. Người thanh niên Ả rập, bạn từ thiếu thời của chàng, đang vừa nhấm nháp ăn một trái cây vừa nhìn khách đang bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Ari nói

— Chúng ta hãy đề những lời đạo đức giả và các lời quả quyết nọ kia cho các nhà ngoại giao của chúng ta đang họp ở Luân đôn. Giữa anh và tôi, tôi nghĩ là chúng ta có thể nói thẳng với nhau không ngoắt ngoéo gì hết.

Taha cãi :

— Tôi làm sao cắt nghĩa cho anh được những gì đã xảy ra ? Nhiều áp lực mạnh ghê gớm đã bắt tôi... tôi đã chống cự lại...

— Chống cự ? Anh quên anh đang nói với bạn anh, Ari Ben Canaan sao ?

— Tôi không có quên, nhưng chỉ vì... thời thế đã thay đổi...

— Sao mà nhanh thế được. Sự hòa hợp giữa các dân ở Abou Yesba và Yad El đã sống thoát được hai đợt khủng bố. Còn chính anh, anh đã cắp sách đến học trường của Yad El, anh đã sống trong nhà của bố tôi, dưới sự che chở bảo vệ của người.

— Đúng. Tôi đã sống sót được là nhờ lòng tốt của các anh. Bây giờ các anh cũng đòi hỏi dân tôi chấp

nhận cùng thứ sinh tồn kiêu ấy. Thế mà các anh đang vũ trang. Chúng tôi cũng có quyền làm như vậy chứ ? Chúng tôi đã tin cậy các anh khi các anh mới có súng. Bây giờ chỉ vì đến lượt chúng tôi cũng có súng, các anh lại khước từ không tin chúng tôi sao ?

— Chỉ có anh nghĩ thế đấy chứ !

Thanh niên Ả rập nhún vai chịu đựng.

— Tôi hi vọng sẽ không bao giờ có cái ngày chúng ta, anh và tôi, hai đứa chúng ta phải đối diện nhau với vũ khí cầm tay. Nhưng anh phải ý thức rằng, đối với tất cả chúng ta, thời kỳ thụ động đã qua mất rồi.

Bực tức, Ari đến đứng trước mặt bạn.

— Quả thực tôi không còn nhận ra anh nữa đấy, Taha. Tôi muốn tránh nhắc lại với anh một số bằng chứng, nhưng tôi có cảm tưởng là tôi đã lầm. Mặc kệ anh và lòng kiêu hãnh của anh. Những ngôi nhà bằng đá thay thế cho những nhà ò chuột của làng anh trước kia, ai đã vẽ kiêu và xây cất lên ? Chúng tôi. Ai đã cho phép con trẻ của các anh được học đọc học viết ? Chúng tôi. Chính cũng nhờ chúng tôi các anh mới có hệ thống cống rãnh tối tân, cũng vẫn nhờ chúng tôi mà trẻ em của các anh mới không chết trước khi lên tám lên chín. Chúng tôi đã dạy các anh cách gia tăng canh tác, đã mang lại cho các anh một đời sống dễ chịu tối thiểu. Chúng tôi đã mang lại cho các anh những gì mà các effendi của các anh chưa chắc đã chịu ban ra trong cả ngàn năm nữa. Thân phụ anh đã hiểu thế, và ông đã khá khoan dung để chấp nhận rằng chẳng có ai khinh ghét và khai thác bóc lột người Ả rập. Và

ông đã chết chỉ vì tin tưởng rằng sự giải thoát của các anh là ở nơi sự hợp tác với chúng tôi, những người Do thái.

Taha đứng dậy.

— Tất cả những điều đó, tôi công nhận là đúng. Nhưng anh có thể bảo đảm rằng đêm nay các Macchabée không tàn sát chúng tôi không ?

— Anh biết thừa rằng tôi không thể mang lại một bảo đảm nào loại này cả. Nhưng anh cũng biết là các Macchabée cũng chiến đấu cho chính nghĩa của chúng tôi, anh thừa biết các ý định thật sự của mufti rồi đó.

— Dẫu sao, dù dưới bất cứ trường hợp nào, tôi cũng không bao giờ tấn công Yad El. Tôi hứa danh dự như vậy, Ari.

Sau khi bạn đã về khá lâu, Taha còn đứng im lặng giữa phòng. Mỗi ngày, thiên hạ càng gây áp lực mạnh hơn đối với chàng và ngay trong làng nữa, nhiều em thật khó cưỡng nổi tiếng nói đe dọa đã cất lên đòi hỏi chàng, với tư cách làm người Ả rập và Hồi giáo, chàng phải chọn lựa. Biết làm gì bây giờ ? Đứng lên chống tại Barak Ben Canaan, người đã tiếp đón nuôi dưỡng chàng trong lúc lâm nguy tới tính mạng, chống lại Ari, người chàng coi thân hơn cả anh ruột nữa ? Không thể tưởng tượng được !

Dẫu vậy... Chàng quả thực là một người em của Ari không, hay chỉ là một thứ bà con nghèo ? Câu hỏi này, Taha đặt đi đặt lại mỗi ngày, và mỗi ngày qua, chàng càng cảm thấy rõ câu trả lời là thế nào. Chàng chỉ là em ngoài miệng của Ari mà thôi.

Cái thứ bình đẳng người Do thái thường rao giảng

ấy, trên thực tế ra sao ? Liệu chàng có thề, chàng, một người Ả-rập thú nhận chàng yêu Jordana từ nhiều năm rồi — Trong im lặng, một thứ im lặng làm chàng đau đớn đến muốn hét lên. Gia đình Ben Canaan liệu có chịu nhận người Ả-rập Taha làm con rể không ? Các đoàn viên của moshav liệu có đến dự đám cưới của chàng không ? Cái gì sẽ xảy ra nếu chàng tìm đến Jordana xin cưới nàng làm vợ ? Chắc chắn là nàng sẽ nhờ vào mặt chàng rồi, chắc chắn thế.

Chàng không thề chống lại Ari, chàng lại càng không thề thú nhận tình yêu của chàng đối với Jordana. Chàng không thề chiến đấu chống lại các bạn bè Ả-rập, chàng lại càng không thề chống lại biết bao năm trường với những kẻ tuyên bố rằng Do-thái là kẻ thù của Ả-rập, và chàng, xã trưởng của một làng Ả-rập, chàng phải ủng hộ các đồng bào của mình. Và chàng phải làm như vậy dù tiếng nói của lương tâm chàng có như thế nào chăng nữa.

4

Các đứa trẻ mà bác sĩ Lieberman yêu thương biết bao ấy đều phát xuất từ các chỗ cặn bã trên thế gian : các ghetto và các trại tập trung. Dầu thế, ở Gan Dafna, hầu như mọi người không biết đến vấn đề kỷ luật. Sự bất tuân hầu như không có, và mọi người chưa hề nghe thấy nói tới một vụ trộm. hay vụ gian dân nào. Trong trung tâm này, biểu tượng của đời sống ngay cho cả

những kẻ sống thoát khỏi các phòng hơi ngạt, các trẻ em tự cai trị lấy mình với một vẻ trang trọng, kiêu hãnh biểu lộ niềm tin tưởng là chúng được mọi người thương yêu.

Ban giảng huấn của Gan Dafna gồm những đàn ông đàn bà đến từ hai mươi hai nước khác nhau. Kitty, người Hoa kỳ và cũng là người Ki-tô giáo duy nhất, đã được mọi người tiếp nhận với một sự dè dặt thương mến. Nhưng niềm sợ hãi một sự thù nghịch với nàng, đã tiêu tan nhanh chóng. Ở Gan Dafna ngự trị một không khí trí thức làm ta nhớ tới một viện đại học hơn là một cô nhi viện. Nàng được coi một cách giản dị như là thuộc thành phần có mục tiêu chính yếu là đem lại hạnh phúc cho các trẻ. Cũng như vấn đề do tính cách hoàn toàn Do thái của cộng đồng này mang lại cũng được đơn giản đến mức độ chẳng còn gì nhiều. Do thái ở Gan Dafna được xây dựng trên một lòng ái quốc nồng nhiệt trong đó yếu tố tôn giáo ít liên quan tới. Và lại trung tâm cũng chẳng có tới một giáo đường nữa.

Cơ sở y tế gồm một phòng chẩn bệnh, một bệnh viện trang bị đầy đủ với hai mươi giường và một phòng giải phẫu. Gan Dafna và Yad El chung nhau một y sĩ : ngoài ra còn có một nha sĩ, bốn y tá có bằng cấp đầy đủ đặt dưới quyền của Kitty và một nhà tâm bệnh học tại gia nữa.

Sau khi cải tổ lại hoàn toàn tổ chức đã có, Kitty điều khiển phòng chẩn bệnh và bệnh viện với một hiệu năng hoàn toàn Hoa-kỳ. Kể từ giờ, việc khám bệnh, thăm bệnh viện, giờ mở phòng chẩn bệnh đều phải tuân theo một thời dụng biểu cứng rắn. Đồng thời nàng đòi hỏi — và đòi

được — mọi người kính trọng nàng theo đúng địa vị của nàng, đến nỗi rằng chuyện này trở thành đề tài cười cợt cho mọi người trong trung tâm. Đối với các điều dưỡng dưới quyền, nàng giữ một lễ độ xa cách, và khước từ điều khiển công việc thiếu thủ tục, đó là đặc điểm của trung tâm, chống lại các kiểu biểu lộ thân mật mà đa số các nhân viên ưa thích. Thái độ này làm nàng được mọi người dành cho nàng một kính nể miễn cưỡng chấp nhận : trong tất cả công việc trong trung tâm, trung tâm y tế là hoạt động tốt hơn cả. Các người Do thái Palestine, vì quá ước muốn tự do, thường hay xa rời thứ kỷ luật mà Hoa kỳ đã giáo huấn cho Katherine Fremont.

Nàng càng cứng rắn trong công việc bao nhiêu, nàng lại càng khoan dung bấy nhiêu đối với các đứa trẻ « của nàng ». Quả thật năm mươi em từ tàu Exodus hợp thành một nhóm riêng biệt và rõ ràng là Kitty thuộc về nhóm này. Đến nỗi rằng, một cách hết sức tự nhiên, sau cùng nàng quan niệm như việc riêng một vài trường hợp xáo trộn tâm lý nghiêm trọng trong các đứa trẻ thuộc Exodus. Sau khi đã đưa ra đề nghị hợp tác mà nhà chuyên chữa tâm bệnh nhận lời ngay, đối với các bệnh nhân này nàng tỏ ra một tận tâm như của một bà mẹ. Chắc chắn là Gan Dafna và Palestine có các đặc tính trị liệu tốt, nhưng các kinh hoàng quá khứ vẫn còn tiếp tục gây ra các cơn ác mộng, duy trì cảm tưởng bất an, một thái độ thù nghịch mà chỉ một lòng kiên nhẫn vô tận và một tình yêu kia hiểu biết mới làm dịu bớt đi được.

Mỗi tuần lễ một lần, nàng xuống Abou Yesha để giúp viên y sĩ dành một buổi chữa trị cho dân Ả rập. Hình ảnh những trẻ em Ả rập không được săn sóc, gầy ốm, làm nàng đau lòng. Quang cảnh trong các nhà mà gà chó và lừa sống chung với người trong cùng một căn phòng làm nàng gần như muốn nôn. Dầu vậy nàng không thể khinh khi những con người giản dị, hiếu khách và duyên dáng ấy. Họ cũng mơ tới một tương lai tốt đẹp hơn, họ cũng đang chờ đợi được giải thoát khỏi thân phận khốn cùng từ bao năm rồi. Rất nhanh, nàng lấy được cảm tình của Taha, thường bao giờ cũng dự khán những buổi chữa trị này. Hơn một lần, nàng cảm thấy vị Mouktar trẻ tuổi này muốn bàn với nàng những vấn đề vượt quá tình trạng vệ sinh của làng. Nhưng Taha vẫn còn là một người Ả rập : người Ả rập chỉ có thể nói chuyện với đàn bà về bếp núc được thôi — chần chẫn không thể bàn tới những gì đang làm chàng bần khổ khờ sớ.

Mọi sự cứ như thế tiếp diễn và đã đến những ngày cuối đông của năm 1947.

Kitty và Karen trở thành bất khả phân ly. Karen, cô gái đã từng biết khám phá ra tia sáng mặt trời ngay ở những nơi khốn cùng nhất ấy, bây giờ này nở trông thấy trong một bầu khí hoạt động lành mạnh ở Gan Dafna. Kitty ý thức rằng mỗi một ngày qua ở nơi này lại càng làm giảm bớt hi vọng thuyết phục được Karen theo nàng về Mỹ. Bởi thế nàng cố gắng tối đa nói về Hoa kỳ với Karen và chờ đợi trong lo lắng công cuộc tìm kiếm lại cha của Karen.

Tuy vậy vấn đề chính là vấn đề Dov Landau. Đã hơn một lần Kitty định xen vào can thiệp giữa Karen và Dov, nhưng nàng đã kim lại được vào phút chót sự can thiệp của nàng dám làm cho đôi trẻ gần nhau hơn nữa. Dầu vậy, sự tận tâm tuyệt đối của Karen đối với Dov thật khó mà hiểu nổi : âu sâu, khép kín, Dov không làm gì để đáp lại mọi ân cần của Karen cả. Nếu Dov có tỏ ra bớt ít nói, thì đó chỉ là công của Karen.

Sự kiện đáng ngạc nhiên là Dov hình như lại ham học hành. Có thể nói là chàng như muốn đền bù lại những năm không được ngồi trên ghế nhà trường mà lại phải sống dưới các đường cống Varsovie và các căn nhà thê thảm của Auschwitz. Đọc nghiêng ngấu tất cả những sách vở nào kiếm được, Dov học ngày học đêm. Sử dụng các năng khiếu tự nhiên, chàng chú trọng đặc biệt đến cơ thể học, hội họa và kiến trúc. Đôi khi, một bức tranh sơn dầu vẽ xong trong cơn sốt đã mang lại cho chàng một lỗ thoát hơi an toàn, và đó cũng là dịp chứng tỏ tài năng cùng lòng hăng hái của chàng. Khi ấy, chiếc vỏ cứng chàng vẫn thu hình vào ấy hình như sắp vỡ tung — nhưng ngay ngày hôm sau, Dov lại trở về vỏ ốc của mình, khép kín hơn bao giờ hết.

Các tuần lễ kế tiếp nhau qua, mỗi ngày làm Kitty thêm thất vọng Ari vẫn không trở lại và cũng không gửi cho nàng một bức thư nữa. Tỉnh thoàng, khi đi qua Yad El, nàng dừng lại để nói chuyện với bà Sarah Ben Canaan — những cuộc viếng thăm ngắn ngủi nhưng làm hai người đàn bà hiểu rõ nhau hơn. Ngược lại, Jordana

không thêm dấu điểm thái độ thù nghịch của mình đối với «cô gái Mỹ». Có thể nói là Jordana tìm cách tỏ ra khó chịu với Kitty.

Một ngày nọ, khi trở về nhà, Kitty thấy Jordana đang đứng trước gương trong phòng khách, cầm một chiếc áo dự tiệc rượu chiều lấy từ trong tủ ra,ướm vào người. Jordana không hề ngượng, đem áo treo lại vào móc và nói :

— Đẹp lắm khi người ta yêu thích những thứ như thế này.

Kitty lạnh lùng hỏi

— Xin cô cho biết tại sao tôi được hân hạnh cô tới thăm viếng như vậy ?

— Hiện giờ ở kibboutz Ein Or đang có nhiều đơn vị của Palmach đang theo học một khóa huấn luyện. Họ thiếu huấn luyện viên. Do đó mọi người yêu cầu tôi tới gặp chị để xem chị có bằng lòng tới huấn luyện họ về cứu thương mỗi tuần một lần không.

Kitty lật tẩm phủ giường, tháo giày rồi ngồi thoải mái trên di-văng.

— Nói cho thẳng thân, tôi không muốn đâu. Tôi muốn tránh dẫn thân. .

Jordana cười mỉa mai :

— Đúng như tôi đã nói với mọi người ở Ein Or. Việc tôi đi vận động này quả là mất toi thì giờ.

— Tôi thấy cô quả thật không sao tôn trọng được quan điểm của tôi.

— Bà Fremont ạ, bà có thể làm việc ở bất cứ nơi nào

trên thế gian với tư cách trung lập. Ngoại trừ ở Palestine

Đối với những kẻ không muốn dính dấp gì tới thời cuộc, không hiểu tại sao họ lại có cái ý kiến kỳ cục là tới nơi này ! Nay, xét cho cùng, tại sao bà tới xứ này ?

Tức giận, Kitty ngồi dậy :

— Điều đó không có liên quan gì tới cô cả !

Jordana châm chọc :

— Chị tức giận vô ích. Tôi biết tại sao chị đến đây chị muốn anh tôi. Tôi biết thừa : Chị nhìn anh Ari hau háu.

— Cứ cho thế là đúng đi thì cô sẽ là người sau cùng tôi phải chú tâm tới.

— Tôi biết đúng như thế. Nhưng tôi cũng biết chị sinh ra không phải để hợp với một người như anh Ari chị không đứng về phía chúng tôi, chính nghĩa của chúng tôi đâu thêm để ý tới.

Kitty quay đi, châm một điếu thuốc. Jordana đến đứng ngay sau lưng nàng.

— Chị Dafna, chị ấy hợp với anh Ari. Chị ấy hiểu anh Ari trong khi một phụ nữ Hoa-kỳ như chị làm sao hiểu anh cho nổi.

Kitty quay lại đối diện với Jordana :

— Chắc tại tôi không mặc quần sọt đi dạo cùng khắp, chắc tại tôi không làm những chuyến leo núi đồi mờ hôi, không biết bắn trọng pháo, không thích ngủ trong bất cứ một cái hố nào ! Cô tưởng rằng sống một cách văn minh làm tôi ít nữ tính hơn cô chứ gì. Cô với cái bức tượng

đẹp đẽ của cô ngoài kia kia, trên bãi cỏ ấy. Tôi sẽ nói tại sao cô ghét tôi như vậy tôi làm cô sợ.

— Ý kiến gì nghe khôì hài quá.

— Không khôì hài như cô tưởng đâu. Cô không phải là người có thể dạy tôi làm đàn bà đâu — Cô chẳng có ý niệm gì về vụ này hết.

Cô không phải là đàn bà, bất quá cô chỉ là một con cái đi kiếm một chàng Tarzan chúa tể rừng xanh thuộc địa hạt của cô. Tốt hơn, cô nên bắt đầu lại bằng cách đi mua một cái bàn chải tóc và một cái lược.

Đi qua thiếu nữ, nàng lại mở rộng cửa tủ chứa quần áo :

— Cô nhìn kỹ đây : Đây là những gì một người đàn bà xứng được đàn ông yêu thương mặc.

Kitty khoan khoái khi thấy nước mắt tức giận ứa ra từ mắt Jordana. Nàng nói tiếp

— Kể từ giờ, có việc gì, xin mời cô lại văn phòng làm việc của tôi. Tôi không phải là một kibboutzic, tôi muốn có một đời sống riêng.

Jordana đi ra, đóng sầm cánh cửa lại thật mạnh.

Karen đợi cho buổi chầu bệnh chiều chấm dứt mới lên vào phòng làm việc của Kitty. Kitty nói :

— Chào cưng. Ngày hôm nay vui chứ ?

Ngồi bịch xuống một ghế bành, Karen giơ tay làm

như nắm lấy vú một con bò cái tưởng tượng, than thở với một vẻ tuyệt vọng khôi hài.

— Có lẽ tại tay em yếu quá. Chẳng bao giờ em học được vắt sữa bò một cách đến nơi đến chốn quá. Em khóc uất lên được, cô. Em phải nói với cô một chuyện, cô Kitty.

— Em nói đi, cô nghe đây.

— Không nói bây giờ đâu. Trung đội của em sắp phải lau một loạt súng mới từ Hung gia lợi tới. Cô không biết súng dơ đến thế nào đâu !

— Súng ống Hung gia lợi có thể chờ thêm một phút được. Bây giờ em nói cho cô em đang thắc mắc cái gì.

— Tại Iona, cô gái ở cùng buồng với em. Chúng em đã trở thành bạn thân, thì đừng một cái Iona lại đầu quân vào Palmach.

Kitty đột nhiên thấy lo ngại. Trong chừng bao lâu nữa, Karen sẽ lại đây loan báo là nàng sẽ đi thi hành bổn phận của một thánh nữ Palestine ? Suy nghĩ, Kitty đầy một xấp giấy tờ sang một bên.

— Từ một thời gian gần đây cô nhận thấy mọi người thiếu nữ điều dưỡng giỏi, trong các nông trường cũng như trong Palmach. Thế mà trong khi săn sóc các trẻ em ở các trại trước kia, em đã có được một kinh nghiệm đáng kể. Cô, về phía cô, đã phải phụ trách một số trẻ em tâm tính bất thường. Cô có thể yêu cầu bác sĩ Lieberman cho em làm việc với cô, và như vậy em có cơ hội để trở thành một điều dưỡng giỏi. Em nghĩ sao ?

Karen cười tươi tắn.

— Em nghĩ như vậy là tuyệt lắm cô. Lý do bởi vì — cô đừng nói lại với ai nghe cô ! — em chắc chắn sẽ là một thôn nữ dở nhất đời cô ơi. Em thích điên được trở thành điều dưỡng, cô.

Kitty đứng dậy. Vòng tay ôm vai thiếu nữ, nàng kéo lại sát mình.

— Karen này... sau khi Ionia ra đi, em có thích lại ở với cô không ?

Vẻ mặt biến đổi của Karen đủ là một câu trả lời hùng hồn.

Bác sĩ trưởng trung tâm chấp thuận ngay lời yêu cầu của Kitty : trung tâm sẵn lòng mất đi một thôn nữ tập sự vựng về đề đòi lấy một nữ điều dưỡng tương lai. Sau khi cảm ơn bác sĩ, Kitty ra đi dạo trên bãi cỏ trung tâm, trước tượng Dafna. Trong vài ngày nữa, Karen sẽ đến ở gần nàng, và như vậy thoát khỏi một phần nào ảnh hưởng của các sabra hung hăng ấy... của một Jordana chẳng hạn... Tội nghiệp Jordana thêm muốn có được vẻ lịch thiệp và duyên dáng của mình !

Nàng giật mình khi nghe thấy một giọng cất lên gọi tên nàng trong bóng tối. Giọng Ari...

— Kitty ! Tôi không làm cô giật mình chứ, Kitty ?

Khi chàng lại gần, nàng lại cảm thấy mình mất hết sức lực, vô phương tự vệ.

— Tôi rất tiếc là đã không lại thăm cô sớm hơn được, Jordana chắc đã chuyển hộ thư tôi ?

Nàng ngạc nhiên nhưng đầu đi :

— Jordana ? Có, có chứ !

— Tôi muốn hỏi xem cô có thể rảnh ngày mai không. Một nhóm Palmach sẽ leo lên đỉnh ngọn Tabor. Đó là một cuộc du hành mà cô không nên bỏ qua. Cô có muốn đi cùng tôi không, Kitty ?

— Có chứ anh.

5

Ngọn Tabor, không đủ cao để đáng gọi là núi, nhưng cũng lại quá cao để có thể gọi là đồi, là một khối thẳng đứng một mạch bảy trăm thước nằm giữa một đồng bằng phẳng đều.

Sau một bữa điếm tâm đến nơi đến chốn ở kibboutz Beth Alonim dọn ra ở chân núi, Ari và Kitty lên đường trước tất cả mọi người để tận hưởng khí mát buổi sớm mai. Con đường mòn bám theo sườn núi, mỗi quãng lại cho ta nhìn thấy một thung lũng. Đột nhiên, sau chừng một giờ leo dốc, Ari đứng sững lại, lắng nghe, rồi nói nhỏ :

— Có đàn dê. Cô nghĩ thấy mùi chúng không ?

Kitty hít không khí một cách cẩn thận.

— Không. Tôi chẳng nghĩ thấy gì hết.

— Dân Bédouin, chắc thế. Ở kibboutz hôm qua mọi người đã báo cho tôi biết là có họ. Lại đây, Kitty.

Quả đúng vậy, ở khúc quẹo sau, hai người thấy chừng mười cái lều cắm dọc theo sườn đồi và chung quanh là các con dê đang gặm cỏ. Hai người dân du mục cầm súng tiến lại. Ari nói vài câu bằng tiếng Ả rập rồi nắm lấy cánh tay Kitty đưa nàng theo hai người kia đến chiếc lều lớn nhất, chắc hẳn là lều của Cheik. Kitty muốn bịt mũi lại luôn. Nếu nàng vẫn không ngửi thấy mùi dê, nàng nhận thấy mùi đàn bà ăn mặc rách rưới, đen cáu ghét, và mùi những trẻ con cời truồng, trông da thì đủ biết là chúng không hề biết đến nước và xà phòng là gì kể từ khi ra đời.

Một người râu tóc tiêu muối tiến ra và trao đổi với Ari những cái chào đầy nghi lễ. Sau vài phút trò chuyện náo nhiệt, Ari quay lại Kitty :

— Ngoại trừ khi muốn làm hẳn cảm thấy bị xúc phạm nghiêm trọng, chúng ta phải nhận lời mời. Và cũng phải ăn luôn những cái gì hẳn mời nữa. Sau đó cô vẫn có cách nôn những gì đã ăn ra.

Trong lều, mùi còn kinh khiếp hơn nữa. Họ ngồi xuống những tấm da dê và thảm len. Ari làm thông ngôn. Rất xúc động khi biết Kitty từ Mỹ châu tới, vị cheik nói một cách kiêu hãnh rằng trước kia ông đã từng có một tấm hình của phu nhân tổng thống Roosevelt.

Sau đó mọi người dọn bữa ăn. Kitty thấy mình một tay cầm một miếng đùi cừu lầy nhầy những mỡ, tay kia cầm một nắm cơm trộn tủy. Nàng đủ sức gặm gặm miếng thịt, rồi khi thấy chủ nhân quan sát, nàng cố nở một nụ cười tán thưởng miếng thịt. Tráng miệng gồm có những

trái cây chưa rửa và cà phê cho nhiều đường đến lợm giọng lên được, rót vào những chiếc ly bảm đầy đất. Về khăn ăn, mọi người dùng quần để chùi tay và dùng tay áo để chùi miệng.

Một thời gian sau, vẫn trình trọng, Ari từ giả chủ nhân. Khi họ đã rời trại Bédouin được vài bước, Kitty dừng lại và thở hắt ra :

— Chúa ơi ! Những con người đáng thương !

— Cô đừng có thương cho họ. Họ tin họ là những con người tự do nhất trên thế gian này. Cô có nhớ phim "Tiếng hát sa mạc" không, phim mà cô coi vào hồi còn nhỏ ấy ?

— Nhớ chứ. Nhưng bây giờ thì tôi biết rằng nhà đạo diễn phim này chưa từng bao giờ trông thấy một trại của người Bédouin cả. Anh nói gì với vị cheik vậy ? Hai người nói chuyện có vẻ hăng lắm

— Tôi nói với hắn là đừng có rắc rối tối nay, và đừng có tìm cách tịch thu các nhân và đồng hồ của các thanh niên Palmach.

— Còn ông ta, ông ta nói những gì với anh ?

— Hắn đề nghị mua cô. Hắn trả giá cho tôi là sáu con lạc đà.

— A, tên cướp ! Thế anh trả lời hắn ra sao ?

— Tôi trả lời là hắn đã nhìn cô không kỹ đấy, cô đáng giá ít nhất là mười con lạc đà, ai cũng biết là thế...

Ari đưa mắt nhìn trời quan sát : mặt trời đã lên tới đỉnh.

— Trời sắp nóng bỏng đến nơi rồi. Tốt nhất chúng ta nên cởi bỏ quần áo ngoài đi.

Khi thấy Kitty mặc chiếc quần sọc xanh cò điền do ban tiếp liệu của Gan Dafna cấp phát, chàng nở một nụ cười tán thưởng.

— Có lời khen cô ! Bây giờ cô hoàn toàn có vẻ là một Sabra.

Con đường mòn leo lên sườn phía nam ngọn Tabor. Mới sáng trời đã nóng bức. Và hơn nữa, con đường thỉnh thoảng lại biến đâu mất, và lúc đó hai người bắt buộc phải trèo bằng tay và đầu gối. Gần xế chiều hai người mới lên tới khoảng phẳng trên đỉnh núi.

Họ chậm chạp đi vòng quanh, khám phá ra cả một khung cảnh bao la kỳ diệu. Về phía nam, thung lũng Jazreel với ô vuông của các cánh đồng chung quanh kibboutz và những chấm trắng của các làng Ả rập xa dần đến tận ngọn Carmel và Địa trung hải. Phía bắc, hồ Tibériade. Theo lời chỉ dẫn của Ari, Kitty có thể nhìn thấy bằng ống dòm địa điểm Ein Or, nơi Saül đã gặp nhà nữ phù thủy, cùng đỉnh trơ trụi của núi Gilboa, nơi mà Saül và Jonathan đã chết khi chiến đấu chống lại quân Philistins.

Ari cất tiếng đọc :

— *Ôi các ngọn Gilboa, các cánh đồng của mi sẽ không được mưa không được sương thấm xuống nữa. Vì chính trên các sườn của mi tấm mộc của Saül đã bị vỡ . . .*

Kitty ngạc nhiên nói

— Tôi không ngờ là anh lại có thể ~~thể~~ sĩ như vậy.

— Chắc là tại hậu quả của cao độ và cảm tưởng mình

đang ở xa, rất xa các làng xóm thị thành. Và cũng vì tôi đang ở trên ngọn Tabor, chiến trường thường xuyên kể từ khi con người phát minh ra chiếc riu đá, vị trí đã nhìn thấy trận đánh sau cùng của người Do-thái chống lại các binh đoàn La Mã, vị trí mà các Thập tự quân và quân Ả-rập đã chiếm được và đè mắt cả năm chục lần. Mỗi một phân vuông của núi này đều đầm máu — cũng như nhiều địa điểm khác ở xứ này. Chắc cô chưa biết câu nói đùa cợt này «Giá Moïse đưa các bộ tộc của Israël lang thang thêm bốn mươi năm nữa và kiếm cho họ một xứ ít xáo trộn thì có lẽ tốt hơn ! »

Ở giữa vùng đất phẳng trên đỉnh núi, họ đi qua một rừng tùng mà người La-mã, Byzance, thập tự quân và Ả-rập đều để lại các di tích. Những mảnh chén lọ vỡ, các mảng tường, cột đá sụp đổ. Xa hơn một chút là hai tu viện, một của chính thống giáo, một của Ki-tô giáo, bao quanh lấy nơi mà đấng Christ đã biến hình để nói với Moïse và Elie.

Bên kia rừng là một gò cao tạo thành điểm cao nhất của ngọn Tabor, một pháo đài của Thập tự quân mà di tích lẫn lộn với di tích của một lâu đài của dân Sarrasin. Phía đông là một bức tường xây thẳng đứng sát bờ vực dốc thẳng, từ đó có thể nhìn thấy toàn thể hồ Tibériade, đến tận Cornes Hattin nơi Saladin đã đánh tan lực lượng của Thập tự quân.

Sau khi đã ngắm cảnh, hai người trở lại lâu đài Sarrasin và mặc lại quần áo ngoài. Ari trải tấm chăn ra và Kitty nằm dài lên trên khoan khoái,

— Nhờ anh mà tôi có được một ngày tuyệt vời, anh Ari. Nhưng rồi tôi sẽ đau mỗi cả tuần cho mà xem.

Tì cầm lên khuỷu tay, Ari nhìn nàng chăm chú trong im lặng. Nàng liệu có biết rằng chàng phải kiếm chế hết sức mới khỏi đưa tay ôm nàng hay không ?

Đến khi chiều xuống, nhóm người leo núi đầu tiên mới lên tới đỉnh. Do thái Đông phương da nám nắng, Do thái phi châu da đen như gỗ mun. Do thái Bắc Âu cao lớn tóc vàng mắt xanh. Và dĩ nhiên đó là các sabra, con gái khỏe mạnh vú cao thẳng, con trai lực sĩ để ria lớn, dáng điệu kiêu hãnh. Kitty thích thú được gặp lại cả Joab Yarconi lẫn Zev Gilboa. Trong một nhóm khác, nàng nhận ra hình dáng cao và mái tóc hung đỏ của Jordana đứng cạnh David Ben Ami.

Lúc đêm xuống, chừng hai trăm thanh niên nam nữ của Palmach đã tập hợp đủ trên đỉnh. Người ta đào một cái hố để quay ba con cừu. Rồi mọi người ngồi vòng tròn quanh một đống lửa trại lớn. Chưa chi những tiếng hát đầu tiên đã cất lên ca tụng màu nhiệm của nước đã làm phục sinh những đất đai khô cằn, ca tụng vẻ đẹp của miền Galilée và Judée, sự quyến rũ huyền bí của sa mạc Négee.

Rồi Joab, ngồi theo kiểu Thổ-nhĩ-Kỳ, bắt đầu đập trống cầm nhịp cho một bài ca cổ Do-thái. Một tiếng tiêu cất lên theo điệu đó và một vài thiếu nữ gốc Đông phương bắt đầu khiêu vũ cùng với những cử động chậm, lắc lư, dâm tình mà các vũ nữ thời xưa đã trình diễn cho vua Salomon. Dần dần, các ngón tay và mu bàn tay của Joab đánh

nhánh hơn, các thiếu nữ nhảy nhịp nhanh theo đề rồi sau cùng gục xuống với một điệu quay tròn. Một nhóm chừng mười trai và gái khác ra thay thế, nhẩy *hora*, điệu vũ của các nông dân Do-thái. Một tay Ari nắm, một tay Joab cầm, Kitty cũng nhẩy vòng tròn theo một chiều này, rồi đột ngột đổi sang chiều kia.

Không ai đề ý là David và Jordana đã biến đâu mất Tay nắm tay, họ chạy băng qua lâu đài đồ nát đề dừng lại trong một chỗ giống như một căn phòng nhỏ đào sâu vào trong tường. David trải chiếc chăn ra và hai người nằm xuống hôn nhau và xiết chặt lấy nhau. Các ngón tay David hổi hả trên một nút khuy áo, một núm kéo phéc mơ tua mà thiếu nữ giúp chàng cởi hộ, và sau cùng, khi cả hai đã trần truồng, các thân thể của họ hòa lẫn trong nhau. Và khi đã thỏa mãn họ đã chìm đắm vào trong giấc ngủ, tiếng trống đã im đi cho tiếng gió từ thung lũng lên như đề ru họ.

Vào lúc bốn giờ sáng mọi người dọn ra món cừu quay vừa chín tới và cả phé nóng bỏng. Vì là khách danh dự, Kitty phải nhận miếng thịt đầu tiên. Khi cắn miếng thịt ngon lành, với hàm răng đẹp nàng nhìn dò xét những khuôn mặt chung quanh. Phải chăng đúng đây là đạo quân mà thành phần chiến đấu ưu tú là lớp người trẻ này? Một đạo quân không quân phục, không phân biệt cấp bậc, trong đó đàn bà chiến đấu cạnh đàn ông, cùng trải qua những thử thách, sử dụng cùng thứ vũ khí?

Một đạo quân tân tiến? Chắc chắn là không rồi. Nói cho đúng, đây chỉ là sự tái hiện thân của những người Hébreux ngày xưa, một đạo quân đầy rẫy những Samson

những Deborah, Sairil, một lực lượng vô địch vì sức mạnh của Chúa ở trong họ !

6

Chatham House

Viện Giao tế Quốc tế

Luân-đôn

Nhà chuyên viên của chính phủ Đức Vua về những vấn đề Trung Đông, Cecil Bradshaw từ ba ngày nay đang cố gắng tổng kết rất nhiều bá cáo đang về tràn ngập văn phòng ông. Trong ba mươi bảy năm phục vụ, tin tưởng chắc chắn ở sự cần thiết phải hòa hợp với người Ả-rập, đã gỡ rối nhiều vụ rắc rối, và kết thúc biết bao là âm mưu, bôi xóa che dấu rất nhiều vụ bội phản và xằng-ta của các bạn đồng minh yêu quý phương đông ấy của ông. Tuy vậy, lần này, các rắc rối đó đã vượt mức. Các hội nghị bàn cãi bất tận ở Luân-đôn đã chấm dứt bằng một thảm bại toàn diện. Đáp ứng với thái độ tiêu cực, điên khùng của những người Ả-rập là hành động khủng bố của các Macchabée, các tay liều mạng đáng sợ nhất mà người Anh phải chống lại từ xưa đến nay.

Mặc dù các lời yêu cầu khẩn cấp và nhắc đi nhắc lại nhiều lần, (Trung ương) Phục quốc Do-thái vẫn khước từ không chịu trợ giúp chức quyền Anh chiến đấu chống lại các phần tử sát nhân kết hợp dưới danh xưng là các Macchabée (Trung ương) quả quyết là họ không có quyền hành gì đối với

bè lũ mà họ tuyên bố kết án công khai này. Vậy mà một phần khá lớn cộng đồng Do-thái lại tán đồng bí mật đường lối khủng bố của các Macchabée mà hoạt động đã lan rộng đến tỉ lệ mà chúng tôi xin khuyến cáo tán cư tất cả những người Anh nào mà sự hiện diện không là tối tân cần thiết ở Palesttne.

Hay đây nữa :

Cuộc đột kích vào xưởng lọc dầu ở Haifa đã làm chúng ta thiệt hại mất hai tuần lễ sản xuất. Cuộc tấn công phi trường Lydda đã cho phép tụi khủng bố phá hủy một phi đội khu trục cơ đang đậu dưới đất. Ngoài ra chúng tôi còn ghi nhận mười trận phục kích qui mô cùng mười lăm trận đột kích quan trọng vào các cơ sở của chúng ta. Theo các tin tức đã phối kiểm, Haganah cùng đoàn xung kích của họ là Palmach, cũng đã bắt đầu hoạt động mạnh. Có thể chính họ cũng đã tham dự vào các trận đánh đã liệt kê trên.

Ở một đoạn khác :

Mặc dù đã tăng cường cho các đơn vị hải quân tuần duyên, hoạt động của Mossad Aliya Bet đã gia tăng rất nhiều kể từ vụ Exodus. Sáu tàu đã thành công trong công việc phá phong tỏa và chở bộ chừng tám ngàn di dân nhập nội bất hợp pháp. Theo các báo cáo của các sứ quán và lãnh sự quán của chúng ta ở các quốc gia ven Địa trung hải, Mossad đang trang bị ít nhất là năm tàu nữa.

Và đề bỏ tức cho đủ bằng tình hình đen tối trên :

Kể từ khi chúng ta khước từ không chịu nhận các khuyến cáo của ủy ban Anh — Pháp đề nghị cho nhập nội thêm một trăm ngàn người Do thái nữa vào Palestine, uy tín của Anh quốc đối với các bạn đồng minh đã suy giảm rất nhiều, nhất là vì các thất bại tủi nhục mà một số hành động do các Macchabée đã gây ra cho chúng ta Cũng vì thế vụ bắt cóc mới đây là một thảm phán Anh vừa kết án một tay khủng bố Do thái, đã làm suy sụp thêm những gì còn lại của uy tín chúng ta.

Bradshaw đây hồ sơ sang một bên, tháo kính và lấy khăn lau trán. Quả là một vụ lộn xộn thảm hại ! Quả thực vụ ủy trị xứ Palestine dăm chấm dứt bằng một thảm họa. Dầu thế... Vị trí chiến lược của cái xứ bé nhỏ này, trên cả phương diện quân sự lẫn chính trị, có một sự quan trọng chính yếu. Với căn cứ hải quân Haifa ở ngay kề cận kênh đào Suez, Palestine là trụ của cả Đế quốc. Do đó, cần phải giữ, cần phải bảo vệ xứ này với bất cứ giá nào.

Điện thoại nội bộ reo. Bradshaw cầm máy lên.

— Thưa Ngài Đại Tướng Tevor-Browne đã đến.

-- Mời ông ấy vào.

Hai người chào nhau với vẻ lạnh lùng rõ rệt. Tevor-Browne chưa bao giờ dấu diếm cảm tình thân Do thái của mình. Khác với Bradshaw và gần như toàn thể Thuộc địa vụ, ông cho rằng Anh quốc phải nương tựa ở Trung

Đông, không phải thứ thiện chí vì tiền và hay thay đổi của người Ả rập, mà vào một liên minh chắc chắn với những người phục quốc Do thái, bạn trung thành và đáng kính. Ông còn đề nghị tới cả việc biến ủy trị palestine thành một Quốc gia Do thái nằm trong Khối Thịnh Vượng Chung.

Bradshaw nói :

— Tôi vừa đọc lại bản tóm tắt các tờ trình mới nhất.

Tevor Browne châm một điếu xì gà, nhận xét :

— Sự đọc rất là hữu ích. Nếu những người Do thái muốn làm chúng ta vui lòng, họ sẽ lùi thẳng xuống biển. Nhưng đáng tiếc thay là họ không hề muốn làm như thế.

Bực dọc, Bradshaw lấy ngón tay gõ nhịp xuống bàn.

— Sir Clarence, tôi xin đại tướng miễn cho những lời ám chỉ. Tôi yêu cầu đại tướng đến đây đề cùng xét xem có nên duy trì Haven Hurst hay thay thế ông ta bằng một người khác cương quyết hơn. Theo ý tôi, đã tới lúc thay đổi thái độ của chúng ta đối với người Do thái.

— Đối với tôi, Haven Hurst hoàn toàn thích hợp với công cuộc ngài dự trù — ngoại trừ khi ngài thích dùng tới một vài tướng lãnh S.S. Nhưng cũng xin ngài đừng quên cho rằng chúng ta vẫn còn có một chính quyền dân sự ở Palestine, dưới quyền của một cao ủy đại nhân.

Đỏ bừng mặt, Bradshaw phải hết sức cố gắng mới trấn áp được mình. Những ngày gần đây đã làm thần kinh ông phải trải qua một thử thách khó nhọc. Ông nói :

— Tôi có ý định cho tặng thêm quyền hành cho

tướng Haven Hurst. Tôi đã chuẩn bị một dự án...

Ông đưa một tờ giấy cho Tevor Browne. Đó là một bức thư gửi cho Tư Lệnh các Lực Lượng Anh quốc đồn trú tại Palestine, trong đó Luân đôn trao phó cho tướng Haven Hurst chuẩn bị toàn thể các biện pháp «có thể mang lại ngay lập tức trật tự tại Palestine». Tevor Browne lắc đầu.

— Công thức nghe hay lắm. Tôi chắc chắn rằng ngài sẽ thấy những đề nghị của Haven Hurst hết sức là đáng chú ý — nếu ngài là người thích đọc những truyện kinh khủng toát mồ hôi lạnh.

Safed (palestine)

Sau khi tàu Exodus nhổ neo vài ngày, việc cho Sutherland hồi hưu được thực hiện rất là kín đáo. Sutherland lập tức đi ngay Palestine để đến ở trong một biệt thự đẹp đẽ trên sườn ngọn Canaan cách Safed năm cây số, thành phố thánh nằm ở đường vào thung lũng Houleh.

Lần đầu tiên kể từ nhiều năm nay — nói cho đúng hơn, kể từ khi bà mẹ chết — Sutherland được biết tới thứ hạnh phúc của một tâm hồn thanh thản toàn diện. Lần đầu tiên ông có thể đi ngủ mà không sợ bị giật mình thức tỉnh vì một cơn ác mộng. Biệt thự của ông quả là một tiêu thiên đường. Một cơn gió nhẹ mát thường xuyên thổi vào nhà, ngôi nhà trắng mái ngói đỏ, nền lát đá đen,

và sau hàng hiên nhà, là một khoảng đất rộng bốn sào trải ra như một thềm cao. Ông định biến khu đất thành vườn cảnh, bao quanh bằng bốn trăm cây hoa hồng xứ Galilée.

Ngày ngày ông cuốc vườn, đi thăm rất nhiều thánh địa trong vùng, học tiếng Ả-rập và tiếng hébreu, hay lang thang trong muôn ngàn con đường hẻm nhỏ của thành phố Safed. Khu Do-thái, chiếm chừng một phần mười thành phố này, chứa đựng một cộng đồng toàn đàn ông rất sùng đạo và rất nghèo, sống tản tiện qua ngày bằng các khoản tiền phước thiện do các đồng đạo giàu hơn gửi tặng. Trong trung tâm của *Kabbalah* này, một giáo phái thần bí của Do-thái giáo, mọi người chỉ sống để cầu nguyện và nghiên cứu kinh thánh. Trong một xứ mà nội chiến đang bùng nổ dữ dội từ bắc chí nam, các tính đồ của *Kabbalah* ở Safed vẫn cương quyết sống một cuộc đời bình an, như ở ngoài thế gian, dù rằng lối sống này đặc biệt làm họ dễ hứng chịu những cơn cuồng nộ sát nhân của đám quần chúng do mufti xúi dục.

Thành phố Ả-rập thì bao gồm những nhà lụp xụp thường thấy trong bất cứ nơi thị tứ nào của thế giới Hồi giáo Trung Đông. Tuy vậy khí hậu đặc biệt và cảnh đẹp đã làm cho nhiều effendi xây cất ở đây nhiều nhà ở rộng rãi và sang trọng. Sutherland biết cách kết bạn với cả người Ả-rập lẫn Do thái.

Ngoài các cổ tích, như giáo đường các Nữ tử của Jacob xây cất trên di tích hoang tàn của một tu viện của các Thập tự quân Hung-gia-lợi, Safed còn có cả một bảo ngọc nữa : đó là *acropole*. Các con đường nhỏ leo lên đồi chạy qua một Kraal của các hiệp sĩ giáo phái Temple và các di tích của một chiến lũy của người Hébreu. Đỉnh cao nhất nhô lên khỏi một rừng tùng, từ đó cho ta một quang cảnh duy nhất, đi từ hồ Tibériade phía nam đến tận giòng Jourdain. Rất xa ở chân trời là hình dáng cô đơn của ngọn Hébron. Trong khung cảnh của một vẻ đẹp toàn thiện này, chỉ có mỗi một nét thô kệch đó là khối hình đáng ghê tởm của một đồn Taggart nằm trên đường dẫn lên đỉnh Canaan.

Một buổi chiều, sau khi đi dạo thăm Gan Dafna về, Sutherland ngạc nhiên khi nhận thấy viên sĩ quan tùy viên cũ của mình, thiếu tá Caldwell, đang ngồi đợi ở thềm hiên.

— A, anh Fred ! Anh sang Palestine từ bao giờ vậy ?

— Dạ, được vài hôm rồi. Thượng cấp đã bổ nhiệm tôi vào ngành phản tình báo thuộc bộ Tư Lệnh. Tôi được trao phó nhiệm vụ liên lạc với An ninh. Họ vừa bị một vụ nặng : hình như một số sĩ quan đã mật báo các tin tức cho Haganah, và cho cả Macchabée nữa. Ngài có thể tưởng tượng nổi một điều như vậy không ?

Sutherland tưởng tượng nổi điều đó dễ dàng lắm, nhưng ông thích giữ im lặng hơn là nói ra. Caldwell nói tiếp :

— Chiều nay, việc tôi đến thăm ngài có một tính cách hơi chính thức một chút. Nhưng cũng xin

ngài ghi nhận cho là dù không có là thế, tôi cũng vẫn cứ tới đây đề vấn an ngài. Nhưng vì trước đây tôi đã có vinh dự được phục vụ dưới quyền ngài... Nói tóm tắt, đại tướng Haven-Hurst đã trao phó cho tôi nhiệm vụ tới đây. Chắc ngài cũng đã được biết chúng tôi đang chuẩn bị chiến dịch Polly : di tản tất cả những người Anh không là tối cần thiết cho Palestine...

Sutherland ngắt lời :

— Tôi đã nghe thấy mọi người gọi cuộc hành quân này là Diên đi.

Caldwell nở một nụ cười lễ độ trước khi nói tiếp :

— Đại tướng Haven-Hurst mong được biết dự tính của ngài :

— Tôi chẳng có dự tính nào cả. Tôi đang ở nơi đây, nhà tôi, và tôi dự tính tiếp tục ở nhà của tôi.

Caldwell năn nì :

— Đại tướng Haven-Hurst muốn nhấn mạnh với ngài là một khi cuộc di tản đã hoàn tất, đại tướng sẽ không còn đủ sức bảo vệ an ninh cho ngài nữa. Việc ngài cư ngụ tại Safed đã tạo ra một vấn đề... một vấn đề tế nhị... .

Sutherland gật đầu : hiển nhiên là Haven-Hurst đã hay biết các cảm tình của ông đối với phục quốc Do-thái và sợ ông sẽ mang kinh nghiệm quân sự ra giúp cho Haganah.

— Thiếu tá nói hộ với đại tướng là tôi xin cảm ơn lòng ân cần của đại tướng đối với tôi, và tôi rất thông cảm với địa vị của đại tướng.

Caldwell bĩu môi và định thử nhắc lại vấn đề. Nhưng chàng không có thì giờ để khai triển các luận cứ của mình. Sutherland đã đứng dậy, chờ chàng chuyển lời hỏi thăm đại tướng và tiễn chàng đến tận đường, nơi một chiếc xe tham mưu đang đợi dưới sự canh gác của một trung sĩ. Dựa vào cột ngoài cổng, Sutherland nhìn chiếc xe đi xa dần về phía đồn Taggart. Một lần nữa anh chàng Fred đáng thương này lại «hư sự» nhiệm vụ mình.

Đi từng bước nhỏ chậm rãi trở về biệt thự, Sutherland suy nghĩ. Về một đêm nào đó, Haven-Hurst chắc chắn là có lý mạng sống của ông đang lâm nguy. Nếu Haganah hoàn toàn thích thú trong việc giao thiệp với ông, thì các Macchabée lại rất dễ nghĩ đến việc thanh toán một tướng lãnh Anh hồi hưu thường hay giao thiệp với người Ả rập. Cũng như bất cứ một tay giết người nào của mufti cũng có thể bực tức khi thấy ông giao thiệp với người Do thái. Chưa kể đến chuyện có thể rằng trong những người Do thái ông giao thiệp, có trà trộn vài đoàn viên của Macchabée, và như vậy sẽ là cả một hoàn cảnh hết sức rắc rối...

Ông xống vườn. Những bông hồng đầu tiên đã nở, đêm vừa xuống bao phủ thung lũng. Sutherland cảm thấy những lo ngại của ông tiêu tan trước bao vẻ đẹp và an bình. Không, ông sẽ không ra đi, dầu là ngày mai hay một ngày xa hơn.

Vừa tới đồn. Caldwell đã được mời lên phòng An ninh Quân đội.

— Thiếu tá có về ngay Jérusalem bây giờ không ?
Caldwell coi đồng hồ.

— Có. Khởi hành ngay bây giờ, tôi có thể về kịp đó trước khi trời tối hẳn.

— Tốt lắm. Ở đây chúng tôi có một tên Do thái cần phải đưa về trụ sở An ninh. Một Macchabée — một tên rất nguy hiểm. Thế mà các bạn của hắn biết chúng tôi đang giữ hắn và trong trường hợp đúng như vậy, bọn chúng có thể tổ chức một cuộc phục kích đoàn xe chở tên này về. Chính vì thế áp tải hắn về trụ sở bằng một xe thường có lẽ tốt hơn.

— Rất vui lòng được giúp các ông ở đây.

— Viên thanh tra mở cửa và ra lệnh. Hai binh sĩ tiến vào, lôi theo một anh chàng bé con chừng mười bốn mười lăm tuổi. Tay chân đều bị xiềng xích, mặt đầy vết đấm đá thâm tím, một băng keo dán kín miệng, rõ ràng là hắn đã bị thẩm vấn đứng mức. Viên thanh tra tiến đến trước mặt kẻ bị trói, nói :

— Thiếu tá đừng để hắn đánh lừa bởi cái vẻ thiên thần tuấn nạm. Chúng tôi bắt được hắn đêm hôm qua. Tên nhóc khốn kiếp này đã tham dự vào toán tấn công đồn cảnh sát Safed. Chính hắn đã giết chết hai cảnh binh bằng lựu đạn. Mi đúng là một tên Do-thái dơ dáy khốn kiếp, Ben Salomon !

Im lặng, kẻ bị bắt nhìn viên thanh tra bằng một con mắt khinh bỉ.

— Thiếu tá đừng có tháo băng dính ra nghe, hắn sẽ lợi dụng ngay để ca kinh thánh cho thiếu tá nghe ngay.

Tụi nhóc này cuồng tín lắm ! Bao giờ mày mới thôi nhìn tao cái kiêu này hả thằng khốn !

Viên thanh tra vả cho cậu bé một cái vào miệng thật mạnh làm đương sự ngã lãn ra đất.

— Tổng cái tên khốn này ra cho khuất mắt tôi !

Mọi người ném Ben Salomon vào xe, cho nằm trên sàn giữa hai hàng ghế. Caldwell lên ngồi cạnh tài xế, đề một bình sĩ võ trang cạnh người tù. Cửa đồn mở ra, chiếc xe vọt nhanh.

Khi họ tới gần thị trấn hoàn toàn Ả-rập Naplus, Caldwell tự dưng có một ý kiến. Chàng quay lại người lính đang chặn một chân lên đầu tù nhân cười khẩy:

— Đây, chúng ta sẽ làm như sau. Chờng một hai cây số nữa, chúng ta sẽ đến một làng Ả-rập căn cứ của mufti. Khi đi qua, chúng ta sẽ chạy chậm lại và ném tên nhóc này ra khỏi xe.

— Nhưng thưa thiếu tá, tụi Ả-rập sẽ giết chết hẳn mất !

Người lính cũng tiếp lời người tài xế :

— Tôi, tôi thú thật là cũng ghét tụi Do-thái lắm. Nhưng khi người ta trao phó cho mình một tù nhân, chúng ta bắt buộc phải áp tải tới nơi . . .

Caldwell hét lên :

— Các anh im cái mồm ! Tôi đã nói là ném thằng khốn này ra khỏi xe. Các anh chỉ việc thề là chúng ta bị tụi Macchahée chặn lại và cứu thoát hẳn là xong. Nếu anh nào sau này phản tôi, anh đó sẽ chấm dứt cuộc đời trong một cái hố với một viên đạn trong đầu. Hiểu rõ rồi chứ ?

Hai người lính sợ hãi, ưng thuận.

Khi qua làng, ngang qua quán cà-phê xe chạy chậm lại một khoảng thời gian đủ để mở cửa xe và ném tù nhân xuống. Rồi xe lại rồ ga chạy về hướng Jérusalem.

Mọi sự đã xảy ra đúng như Caldwell đã dự đoán. Trong khoảng thời gian một giờ, Ben Salomon đã bị tra tấn, xẻo tai mũi rồi chặt đầu. Chừng hai mươi tên Ả-rập tươi cười hí hờn đứng quanh tên chỉ huy để chụp hình, đầu nạn nhân giơ cao. Sau đó, hình này được phổ biến thành hàng trăm bản để cảnh cáo cho dân Do-thái biết số phận sẽ được dành cho họ.

Tuy thế, thiếu tá Fred Caldwell đã vi phạm một lỗi lầm tai hại. Trong những người Ả-rập đứng cửa quán cà-phê nhìn thấy tù nhân bị ném ra khỏi xe, có một đoàn viên của Macchabée.

Đại tướng Haven-Hurst giựt mình vừa đi đi lại lại trong văn phòng, ông vừa đọc đi đọc lại bức thư của Cecil Bradshaw.

« . . . các biện pháp có thể mang lại ngay trật tự... »

Nếu các quý ông ở Luân-đôn cứ để mặc cho ông làm, thì tình hình hẳn không đến nỗi như thế này. Ông đã chẳng báo trước cho họ cả mười, cả trăm lần rằng cho các tên Do-thái khốn kiếp ấy gia nhập quân lực Anh là nhằm sao ? Nhưng Bộ Quốc Phòng không thêm biết tới ý kiến ông. Thế mà bây giờ ở Luân-đôn mọi người còn bàn tới bàn lui ! Quả là một sự điếm nhục, ô nhục thực sự !

Mỗi lúc thêm tức giận, đại tướng ngồi vào bàn, viết văn thư phúc đáp.

« Tôi kính đề nghị chấp thuận cho thi hành các điều sau, những điều mà tôi tin chắc khi đưa ra áp dụng sẽ mang lại an ninh trật tự trong xứ :

1. Hủy bỏ tạm thời các toà án dân sự. Kể từ giờ, tất cả vụ xử án đều do vị tư lệnh quân sự quyết định.

2. Giải tán «Trung ương» Do-thái, Qũy Lập Nghiệp, cùng tất cả các cơ cấu tổ chức Do-thái khác.

3. Thủ tiêu nhanh chóng và bí mật từ năm mươi tới sáu mươi nhân vật quan trọng của phục quốc Do-thái, phương pháp mà hiệu lực đã được chứng tỏ qua vụ mufti tiêu diệt phe đối lập trong Hồi giáo. Việc thi hành biện pháp này có thể giao phó cho một nhóm Ả-rập.

4. Cấm chỉ hoàn toàn báo chí Do-thái.

5. Sử dụng ào ạt Lữ đoàn Ả-rập võ trang của Trans-Jordanie.

6. Bắt giữ chừng vài trăm cấp chỉ huy địa phương của tổ chức Do-thái, cùng đẩy họ sang một thuộc địa cô lập bên Phi châu.

7. Chấp nhận trao quyền cho cấp chỉ huy quân sự được tiêu hủy tất cả các kibboutz, moshav, làng hay khu trong thành phố nào mà ta khám phá ra vũ khí. Bỏ rập đại qui mô để khám phá ra những di dân nhập nội bất hợp pháp, kể đó cho họ đi đây.

8. Đề trả thù tất cả các hành động khủng bố, phạt toàn thể cộng đồng Do-thái ở Palestine một số tiền lớn đến nỗi họ phải thôi hợp tác với Macchabée.

9. Xử tử ngay (nên xử giảo) tất cả các Macchabée nào bị bắt quả tang khủng bố.

10. Tờ chức những ngày tầy chay thương mại và nông phạm Do-thái. Tờ chức kiểm soát gặt gao sự di chuyển của tất cả các xe cộ nào thuộc người Do-thái.

II. — Tiêu diệt Palmach bằng cách cho quân đội tấn công các kibboutz mà ai cũng biết là nơi trú ngụ của các đơn vị Palmach này.»

Chathom Hobse

Viện Giao tế Quốc tế

Luân đôn.

Mặt của Cecil Bradshaw đã xám lại. Tướng Trevor Browne nhận thấy ngay điều đó và đoán được lý do.

— Ngài Bradshaw, ngài đã yêu cầu Haven Hurst đưa ra các đề nghị. Chắc hẳn là các điều trong thư trả lời của đương sự đã làm ngài khó chịu chăng ?

Bradshaw không còn đủ sức để trả đũa giọng mỉa mai của viên tướng nữa. Ông nói bằng một giọng khò sở.

— Tôi tự hỏi không biết Haven Hurst có mắt trí không. Trời, đọc thư của hẳn, tưởng như hẳn đã sao chép nguyên văn lại "giải pháp sau cùng" của Hitler. Dĩ nhiên là chúng ta muốn giữ Palestine rồi, nhưng không phải với giá như thế : ám sát, đốt phá làng mạc, xử giảo... toàn những điều kinh tởm. Sir Clarence, Trời làm chứng cho tôi, cả đời tôi đã chiến đấu để cứu vãn Đế Quốc, và đã

hơn một lần tôi đã phải dùng tới những biện pháp bất công và hà khắc. Nhưng tôi thành thực tin ở Chúa và Luật của ngài. Nếu chúng ta phải trả giá như thế để giữ được Palestine, thì này, tôi thích chúng ta mất xứ đó còn hơn. Ngoại trừ khi có một kẻ nào khác có cái can đảm thâm nhận lãnh trách nhiệm về những cơn khát máu của Haven Hurst... Còn tôi, tôi xin khước từ.

Ông vò nát bức thư của Haven Hurst, bỏ vào gạt tàn thuốc rồi châm lửa đốt. Ông nói nhỏ

— May mắn thay là chúng ta còn đủ can đảm trả lời cho những tội lỗi của chúng ta.

Vấn đề ủy trị xứ Palestine được mang ra trước Liên Hiệp Quốc.

7

Vào cuối mùa xuân năm 1947, Ari biến mất hoàn toàn khỏi cuộc đời của Kitty Fremont. Nàng không gặp lại chàng từ chuyến đi leo ngọn Tabor. Và nếu chàng có gửi thư cho nàng qua Jordana, thì cô em gái này cũng chẳng chuyển lại.

Liên Hiệp Quốc cố gắng thành lập một ủy ban gồm đại diện của các nước nhỏ và trung lập để tới điều tra tại chỗ với mục đích đề rồi đưa ra khuyến cáo. Các tổ chức Do-thái đã chấp nhận sự điều giải cùng các quyết nghị sau chót của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Còn về các quốc gia Ả-rập, họ xử dụng các phương sách thường

lệ — tầy chay, xăng ta — đề nghiên cán cân về phía lợi cho họ.

Ở Gan Dafna, mọi người tăng cường việc huấn luyện quân sự. Trại thanh niên trở thành một kho vũ khí. Mỗi khi Karen sung vào một đoàn lo việc chuyên chở lậu vũ khí, Kitty lại run sợ cho nàng. Nhưng nàng cảm thấy nàng không thể nào phản đối được. Hơn nữa càng ngày Karen càng thuộc vào chính nghĩa phục quốc Do-thái hơn.

Nếu trong khi hành sự chức vụ y tá trưởng, Kitty đã lấy được lòng kính trọng thương mến của tất cả mọi người— đặc biệt của bác sĩ Lieberman bây giờ đã hoàn toàn tin cậy vào nàng — thì vẫn còn một bức rào ngăn sau chót tồn tại giữa nàng và các dân khác trong trại. Một bức rào một phần lớn do nàng cố ý dựng lên bằng các xử sự của mình. Nàng chỉ thực sự cảm thấy hoàn toàn thoải mái với tướng Sutherland, bây giờ là khách thường xuyên của trung tâm. Với ông, nàng cảm thấy mình sống trong môi trường thực sự của mình, cảm tưởng mà nàng không bao giờ tìm thấy khi sống với người Do-thái. Đến nỗi bây giờ nàng sốt ruột chờ đợi một vài kỳ nghỉ để thỉnh thoảng tới sống trong biệt thự của viên cựu tướng già.

Đối với Karen, địa vị của nàng là địa vị của một người chị cả thay thế cho cha mẹ đối với cô em út, Kitty sung sướng khi biết mình là tối cần thiết cho Karen : mặc dù trao đổi rất nhiều thư từ với gia đình Hansen, Karen không thể tưởng tượng tới việc có thể một ngày kia trở về Copenhagen, và các công cuộc tìm kiếm người cha vẫn chưa đưa kết quả nào. Còn về Dov, bao giờ cũng ú ề, luôn

luôn bị những cơn lãnh đạm và tuyệt vọng, và vẫn nhận sự ân cần của thiếu nữ mà không bao giờ đền đáp lại gì. Thành thử càng ngày Karen càng bám vào người bạn gái lớn tuổi của mình. Đối với Kitty, sự quyến luyến này là yếu tố hay nhất : có lẽ rằng một ngày kia lòng quyến luyến này sẽ thắng được địch thủ ghê gớm là sự quyến rũ mạnh mẽ của xứ Israël.

Khi mùa mưa chấm dứt và tháng năm tới, thung lũng và đồi núi đều bao phủ bằng một tấm thảm xanh diềm hoa rừng, Gan Dafna chuẩn bị ăn mừng hoa lợi đầu mùa.

Ngay từ buổi sáng, hàng dãy xe vận tải chở đầy quan khách đã tiến lên Gan Dafna. Họ đến từ Yad El, từ các kibboutz biên thùy Liban, từ phía bên kia hồ và các nơi xa tiếp giáp với Syrie. Tuy vậy chính bác sĩ Licherman đã đưa ra nhận xét này bằng một giọng e ngại — phía đoàn Ả rập của làng Abou Yesha đã ít người hơn năm ngoái, và moukar Taha thì cho rằng mình không cần đến dự. Ngược lại, có rất nhiều quân sĩ của đồn Esther, những bạn thân bao giờ cũng báo trước cho trại biết mỗi khi có toán quân nào tới lục soát trung tâm, kiểm vũ khí.

Trình diễn súc vật, thi điền kinh, vũ điệu bình dân — ngày lễ trôi qua trong một bầu không khí vui vẻ và cuồng nhiệt. Đêm xuống, tất cả xa dự đêm kịch nhạc trình diễn ngoài trời. Trên sân khấu, các đèn rọi đang chiếu sáng một vũ điệu *ballet* thiếu nhi, diễn tả lại cuộc đời của Ruth, người thiếu nữ Moabite đã lấy người Do thái Booz.

Vai Ruth do Keren đóng. Cờ hòng thắt lại, Kitty

nghe nàng nói những lời nổi danh của một lòng chung thủy không gì bôi xóa được.

Chàng đi đâu, thiếp theo đó, nơi nào chàng ở là nơi thiếp ở. Dân tộc chàng sẽ là dân tộc của thiếp, và Thượng đế của chàng là Thượng đế của thiếp.

Kitty nhắm mắt lại. Một ngày kia liệu nàng có đủ sức nói với thiếu nữ : « Dân tộc của em là dân tộc của tôi, Chúa của em là Chúa của tôi » ? Và nếu nàng không đủ sức, liệu nàng có cam chịu mất Karen hay không ?

Nàng giật mình khi cảm thấy có người đặt tay lên vai mình. Viên thư ký của bác sĩ Lieberman nói nhỏ :

— Xin mời lại ngay văn phòng bác sĩ cho.

Lo ngại mơ hồ, nàng đi theo người đó. Vừa mở cửa văn phòng nàng đã thốt lên sợ hãi :

— Trời ơi ! chuyện gì vậy ? Bác sĩ có vẻ như vừa trông thấy...

— Mọi người đã tìm thấy cha của Karen.

8

Ngày hôm sau Kitty và Karen đến Tel Aviv bằng xe của tướng hồi hưu Sutherland. Kitty chỉ nói cho cô gái biết là nàng cần đi mua bán nhiều thứ nên lợi dụng dịp này để đưa Karen đi thăm thành phố luôn. Đến nơi vào khoảng buổi trưa, hai người thuê một phòng ở Khách sạn Gat Rimon ven biển. Ngay sau khi tướng Sutherland đã cáo từ ra về, hai người ra bãi biển tắm, thật là

thoải mái sau cơn nóng nực khi đi đường.

Vào xế chiều, một chiếc taxi đưa hai người đến Chợ Trời Jaffa : Một dãy cửa hàng dài bất tận đào sâu ở trong một bức tường thành xây từ thời các Thập tự quân. Hai người chọn một cửa hiệu đầy kín bát chén bằng đồng : Lọ, chảo, đĩa, lọ nhiều hàng trăm cái, đủ hình dạng, kích thước. Chủ nhân, một dân Ả rập mập bệu đang ngủ gà ngủ gật thấy khách vào vội cười tươi, chào hỏi rối rít, Hắt ra lệnh cho con trai mang cà phê tới, và Kitty cùng Karen vừa nhấm nháp cà phê, vừa cố gắng bắt chuyện — Một cách vô ích — Cả hai người cộng lại nói được bảy thứ tiếng khác nhau, nhưng chủ tiệm lại chỉ biết tiếng thứ tám : Tiếng của ông ta. May mắn thay đứa con trai sau cùng khám phá ra trong đường bên cạnh nhà thông ngôn chính thức của khu chợ này, kẻ biết nói thứ tiếng Anh, dĩ nhiên không phải tiếng Anh của Shakespeare, nhưng cũng còn gần như hiểu được.

Bây giờ mọi người có thể bắt đầu vào chuyện đứng đắn. Kitty và Karen lục soát cẩn thận cửa tiệm, làm tung cả đám mây bụi, cao từng lớp đất bần cẩu ngoài các đồ vật để xác định mức độ đồ cở. Sau bốn mươi lăm phút, hai người đã thu thập được một lô gồm hai cái bình, ba bình pha cà phê Ả rập rất đẹp và dễ thương, một cái mâm Ba tư vĩ đại mà các hình khắc thuật lại cuộc diễn biến của một huyền thoại. Kitty quay lại người thông ngôn :

— Anh hỏi xem ông chủ tính bao nhiêu, sau khi đã lau chùi đánh bóng kỹ và trao tại khách sạn.

Ngay lập tức thông ngôn và chủ tiệm lao vào một cuộc tranh luận hết sức hăng hái. Cứ nhìn các cử chỉ, các khoa chân múa tay, có thể tưởng là hai người sắp túm lấy tóc nhau đến nơi. Sau cùng, người thông ngôn lắc đầu, thở dài :

— Ông Akhim đáng thương này. Ông tan nát cõi lòng. Thấy các báu vật ra đi, ông buồn, rất buồn. Cái đĩa Ba tư — Ông thì có Allah — Đã cò đến ba trăm năm. Nhưng đối với Phu nhân đây cùng tiêu thư, ông Akhim cũng xin đưa một giá. Mười sáu *livre sterling* tất cả.

Kitty thì thào vào tai Karen.

— Hẳn tự ăn cắp của chính hẳn, tội nghiệp chưa. Rẻ quá sức.

Karen phản đối

— Cô không trả giá hẳn đòi chứ ! Nếu cô không muốn làm hẳn mất vui buổi chiều nay, cô phải mặc cả đi cô !

— Không có dại mà mặc cả. Tôi lấy tất và ôm đi luôn thật lẹ. Ở Hoa-Kỳ, riêng cái khay thôi cũng giá ba trăm đô-la rồi.

— Cô đừng làm thế cô !

Karen cương quyết bước lại trước chủ nhân Akhim làm nụ cười đang nở trên môi ông tắt hẳn. Karen nói bằng một giọng chắc nịch

— Chín *livre*, không thêm một *penny* nào.

Viên thông ngôn dịch. Akhim giơ tay lên trời. Sau nhiều than vãn như khóc và nhiều nghiêng răng bứt tóc, ông bằng lòng hạ giá xuống mười ba *livre*. Quả thực ông không thể hạ hơn được nữa, ông có một gia đình phải nuôi,

chưa kể đến nỗi buồn của ông khi phải rời xa những cò vật vô giá này...

Đến mười hai *livre* mười *shilling*, ông đành chịu. Kitty cho địa chỉ khách sạn và hứa sẽ thanh toán khi đồ vật mua đã được mang đến nơi « sau khi đã được lau chùi và đánh bóng đến mức coi được ». Viên thông ngôn được thưởng một nụ cười và một món tiền hậu hĩnh. Sau cùng hai người ra đi để tiếp tục thám hiểm con đường đầy rác rưởi và các đồ vật thần tiên của Đông phương.

Đột nhiên một người đàn ông có vẻ một *sabra* lại gần Karen, nói nhỏ vài câu vào tai rồi đi xa.

— Hẳn muốn gì em đó ?

— Chắc hẳn nhìn bộ đồng phục biết em là người Do thái. Hẳn khuyên chúng ta nên lập tức trở về Tel-Aviv. Sắp có lộn xộn ở đây. Chắc đó là một đoàn viên Macchabée

Kitty lo cuống, thì thào :

— Chúng ta về, lẹ lên.

Kitty chỉ yên tâm khi về đến đại lộ Rothchild với vỉa hè rộng trước những căn nhà kiêu tối tân nhất, các dãy xe chạy dài, các bộ hành rào bước như trong các đô thị lớn. Karen nhận xét ,

— Trái ngược hẳn với Jaffa ! Một khi nghĩ rằng tất cả những gì ở đây đều được nghĩ ra, làm ra, tạo ra bởi người Do-thái. Cô không thể biết được điều này có nghĩa như thế nào với người Do-thái chúng em đâu — một thành phố mà tất cả, toàn tất cả, đều thuộc về người Do-thái.

Bực dọc, Kitty nói :

— Cô chẳng thấy gì là kỳ lạ hết. Ở Hoa-Kỳ, rất nhiều người Do-thái giữ những địa vị quan trọng, họ đều rất sung sướng và tự coi mình như người Hoa-Kỳ...

— Nhưng đó là truyện khác. Ít nhất là ở đây chúng em chắc chắn là đang ở trên đất nước mình, nơi chúng em có quyền thờ hít, làm việc và sung sướng theo cách thể của mình.

Kitty thích lảng tránh câu chuyện hơn. Nàng lấy trong ví ra một màu giấy đưa cho Karen.

— Em có biết địa chỉ này ở đâu không ? Một người đã cho tôi địa chỉ này...

Đó là một địa điểm cách đó hai con đường, một cửa hàng bán y phục phụ nữ đủ loại. Kitty nói :

— Vào đây đi. Cô định mua cho em một loạt quần áo tối thiểu. Đây là một ngạc nhiên mà cô cùng tướng Sutherland định dành cho em từ lâu rồi.

Karen đứng sững lại.

— Không được đâu cô... em biết nói sao với các bạn em ở Gan Dafna, và em thấy y phục do trại cấp cũng không có gì đáng chê...

— Y phục này rất hợp với Gan Dafna, nhưng...

Karen bước bình trả lời

— Em có đủ quần áo dư dưng rồi cô.

Kitty suýt nữa phát cáu : Đôi khi Karen ăn nói y hệt như Jordana.

— Thôi, Karen, em đừng quên em đã là một cô gái lớn rồi, một tiểu thư rồi. Thỉnh thoảng em có mặc một

chiếc áo đẹp thì cũng không phải vì thế em đã phản bội chính nghĩa đâu.

— Em rất kiêu hãnh về...

Kitty ngắt lời :

— Thôi, xin em. Cả tôi lẫn tướng Sutherland đều kiêu hãnh về em. Như vậy khi em đi chơi với chúng tôi ngoài Gan Dafna, em hãy làm vui lòng bọn tôi bằng cách ăn mặc cho thích hợp, chứ không ăn mặc như một cô sabra man rợ.

Karen vừa tìm cách rút lui, vừa liếc nhìn những quần áo trưng bày trong tủ kính. Nàng thì thào không mấy tin tưởng :

— Như vậy không mấy tử tế so với các bạn gái của em, cô.

— Nếu em muốn an lòng, cô không cấm em dấu những quần áo mới trong một thùng đựng súng.

Karen không chiến đấu nữa. Năm phút sau, nàng lượn lờ trước gương trong phòng thử quần áo, điên lên vì vui sướng. Những hàng vải này mới êm ái làm sao. những áo này sang trọng làm sao ! Trong lúc kích thích này, nàng không để ý đến vẻ ngây ngất của Kitty khi nhìn thấy một thôn nữ biến hình thành một thiếu nữ Tây phương.

Sau cùng hai người rời nhà hàng, hai tay ôm đầy các hộp quần áo. Sau khi dí mũi vào nhiều cửa kính đại lộ Allenby, họ ngồi phịch xuống thềm hiên quán cà-phê đầu tiên của đường Yehoudan Street. Kitty gọi kem. Karen nói, miệng còn dính đầy kem

— Một ngày tuyệt đẹp ! Đáng tiếc là anh Ari và Dov

không đi cùng với chúng ta ! Cô Kitty, cô biết không đôi khi em tự hỏi không biết có phải chúng ta đã lạc vào những bến không thích hợp hay không ?

— Chúng ta ?

— Vâng. Cô với anh Ari, em với Dov.

— Cô chẳng thấy có cái gì có thể mang lại cho em cảm tưởng là giữa tôi và ông Ben Canaan có một liên hệ gì. Dầu thế nào, em cũng nhầm hoàn toàn rồi . . . cô có thể đoán chắc với em...

Karen cười.

— Em thì em tin chắc đấy cô. Chắc chắn có lẽ tại không hề có liên hệ giữa cô và anh Ari nên cô mới ngoái nhìn đến suýt sái cò mỗi khi có tiếng xe tiến vào cồng trại.

Kitty cầu nhau, vội vã cầm thìa xúc ăn :

— Im đi cái cô này, cô nói ngu không chịu được :

— Vạy hả cô ? Nếu đúng thế thì tất cả mọi người ở Gan Dafan đều ngu như em hết cô ơi. Bởi vì tất cả mọi người ở đó đều biết cô có cảm tình nặng với anh Ari. Còn em, em biết hơn mọi người một điều. Anh Ari, anh ấy cần cô lắm.

Cảm động, Kitty đưa tay vỗ nhẹ vào Karen :

— Tôi muốn được trẻ lại, mười sáu tuổi như em quá ! Ở tuổi này, cuộc đời có vẻ giản dị biết bao. Em biết đó, anh Ari đâu có phải là một người như trăm ngàn người khác. Anh thuộc loại siêu nhân mà đức tính tốt nhất và cũng là nhược điểm xấu nhất là hoàn toàn tự tin. Anh chẳng cần bất cứ ai trên đời kể từ khi anh biết sử dụng

ngọn roi da của ông bố anh. Còn về huyết thống, trong máu anh pha trộn thép với nước đá lạnh băng, còn về con tim, tim anh sử dụng không hao mòn và không biết xúc động là gì hết. Ông Ben Canaan vươn lên trên các xúc động thường tình của nhân loại. Nói tóm lại; em có lý đấy, hai chúng ta đã làm thân con gái trôi nhăm bển nước rồi. Thôi, về khách sạn đi. Em sẽ thay đổi xiêm y, trang điểm cho đẹp, như một nàng công chúa, nhất là em cần phải thanh toán hai cái bìn kỳ cục này đi — bởi vì ông Sutherland và tôi còn dành cho em một ngạc nhiên nữa. Bọn tôi sẽ đưa em đi dự trình diện vũ bộ Pháp, vở *Lac des Cygnes*, tại Viện Kịch trường Quốc gia.

Quả là một buổi tối thần tiên. Karen, hầu như đã quên luôn là còn có các ban vũ *ballet*, đã ngồi coi say mê, nét mặt biến đổi. Kitty quan sát nàng chăm chú và có cảm tưởng đã khơi dậy trong lòng thiếu nữ những xúc động đã im ngủ từ nhiều năm qua. Rõ ràng là Karen đã khám phá lại được thứ hạnh phúc sâu xa đã được biết từ ngày xưa, một niềm thỏa mãn cũng quan trọng như các cánh đồng và vườn cây vùng Galilée. Kitty quyết định để Karen chỉ bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa phục quốc Do thái mà thôi : dĩ nhiên chính nghĩa Do thái đã chinh phục Karen một phần lớn, nhưng trong nàng, vẫn còn tiềm tàng một cái gì mà Israël không bao giờ chiếm nổi.

Rất khuya, sau nửa đêm. họ mới trở về khách sạn. Kitty bắt Karen đi ngủ rồi xuống quày rượu uống một ly chót với Sutherland. Viên cựu tướng hỏi

— Cô đã nói với cô bé là đã tìm thấy ông cụ của cô bé chưa ?

— Chưa.

— Cô có muốn tôi đi cùng với cô sáng mai không ?

— Không cần đâu. Nhưng nếu ông muốn có mặt tại đó... sau khi...

— Cô cứ tin cậy ở tôi.

Kitty đứng dậy, và do một xúc động đột ngột, hôn lên má ông bạn già :

— Chúc bác ngủ ngon, bác Bruce.

Nàng đã tắm rửa xong và nằm xuống khi nghe tiếng chân đi nhẹ làm nàng mở mắt. Karen vừa lại quì gối bên giường và đặt đầu lên ngực nàng, nói nhỏ :

— Em yêu cô lắm, em yêu cô biết bao. Nếu cô có là mẹ em, em cũng không thể yêu cô hơn thế được.

Kitty vuốt tóc nàng.

— Đi ngủ đi cưng. Ngày mai hai ta sẽ có một ngày vất vả lắm.

Nhưng chính nàng lại không sao ngủ được. Hút hết điều này đến điều khác, sau cùng nàng ngồi dậy ra ngồi bên cửa sổ. Và khi đã hết sức mệt mỏi vào lúc bốn giờ sáng, nàng thiếp đi, giấc ngủ của nàng khó khăn và đầy ác mộng.

Sau khi ăn điểm tâm, và nàng trả lời rất mơ hồ những câu hỏi của Karen về chương trình dự trừ cho ngày, thiếu nữ đột nhiên có một linh cảm.

— Cô Kitty... chắc vụ ba của em phải không cô ?

— Cô không định dấu em... cô chỉ định tìm cách...

— Em van cô, cô nói cho em biết sự thực đi.

— Ba em đau, hết sức nặng.

Karen đưa một bàn tay run rẩy lên che miệng, thì thào :

— Em muốn gặp ba.

— Chắc ông không nhận ra em đâu.

— Dù thế em cũng vẫn muốn gặp... Em chờ đợi biết bao nhiêu lâu nay rồi... Mỗi tối, khi đi nằm, em tưởng tượng như có ba đứng gần... Ở trại Carallos, hầu như đêm nào em cũng mơ tới ba. Em xin cô, cô dẫn em tới gặp ba đi, ngay bây giờ.

Ra tới đường, Kitty nắm lấy cánh tay nàng

— Dù xảy ra việc gì, em cũng đừng quên là có cô bên cạnh em. Nhớ không...

Viên y sĩ tiếp hai người cõ vè nghiêm trọng.

— Cô Karen, thân phụ cô đã bị Gestapo tra tấn. Truyện này xảy ra vào lúc đầu chiến tranh : Tội quốc xã muốn cưỡng ép ông cụ làm việc cho bọn chúng. Nhưng vì ông kháng cự, chúng cũng đành chịu. Thân phụ cô không thể hợp tác với quốc xã, với Hitler, ngay khi chúng đe dọa giết thân mẫu cùng các em của cô.

Karen thì thào :

— Bây giờ tôi nhớ được rồi, Ở Đan mạch, đột nhiên chúng tôi không nhận được thư nhà nữa... Tôi sợ không dám hỏi ông bà Hansen tại sao gia đình tôi không gửi thư sang nữa.

Viên y sĩ nói tiếp :

— Họ gửi thân phụ cô đến trại Theresienstadt, trong khi bà cụ và các em thì...

— Tôi biết.

— Tại Quốc xã hy vọng là ở Theresienstadt, “trại kiều mẫu”, sau cùng ông cụ sẽ đòi ý kiến. Sau chiến tranh, ông cụ biết tin bà cụ và các con đã chết. Ông cảm thấy mình có lỗi: chính tại ông đã chần chừ, tìm cách rời nước Đức quá trễ nên vợ con mới chết như thế. Cảm thấy phạm tội này, cộng với các hậu quả của tra tấn, đã làm ông mất trí. Tôi có thể diễn tả như thế này: dù ông còn sống, ông cũng không còn là ở thế gian này nữa.

— Tình trạng của ông liệu có thể khá hơn sau này không?

Viện y sĩ quay về phía Kitty

— Suy sụp tinh thần... Một trường hợp bệnh buồn cực độ...

Karen ngắt lời:

— Những chữ đó đúng ra có nghĩa là gì?

— Là thân phụ cô không bao giờ tỉnh trí được nữa.

— Tôi không tin. Tôi muốn gặp ba tôi.

— Liệu cô còn nhớ được ông cụ không?

— Mơ hồ thôi.

— Tốt hơn, cô nên giữ một cách cẩn trọng những kỷ niệm mơ hồ ấy còn hơn nhìn thấy ông cụ trong tình trạng hiện giờ.

Kitty can thiệp:

— Không được, bác sĩ. Phải để cho nàng gặp ông ấy,

dù cuộc gặp gỡ này có làm đau đớn hết sức. Không thể nào đề vấn đề lơ lửng không giải quyết.

Viên y sĩ đưa hai người qua một hành lang rồi ngừng trước một cách cửa khép kín. Ông mở cửa cho hai người rồi lảng ra.

Karen tiến vào một căn phòng nhỏ, chỉ có một ghế bành, một lavabo, một giường. Nàng tiến một hai bước, nhìn quanh quẩn rồi đột nhiên sững sờ. Trong một góc phòng, một ông già đang ngồi bệt dưới đất. Chân không, tóc bù xù, ông vòng tay ôm đầu gối, nhìn lơ đãng thất thần vào khoảng tường đối diện.

Karen tiến lại, nàng thấy người này râu không cạo, mặt đầy sẹo. Đột nhiên Karen cảm thấy tim nàng bót đập mạnh. Nàng nghĩ: «Chắc lầm rồi, lầm một cách thảm hại... Người này này không phải bố mình... mình không hề nhận ra...». Nàng nghiêng người để dò xét cặp mắt vẫn nhìn vào tường đối diện. Xa quá, xa xôi quá sức, nàng không sao nhớ lại nổi... Nhưng chắc chắn kẻ này không phải là kẻ nàng vẫn gặp trong các giấc mộng.

Chập chạp, nàng quỳ gối xuống trước con người đang ngồi bất động, mặt trí.

Có một cái lò sưởi lớn, và căn phòng thơm mùi thuốc hút từ ống điếu của ba tỏa ra. Không giống như ở nhà ba, nơi bao giờ cũng thơm một mùi bánh ngọt.

Ô ba này, hãy nhìn lũ khỉ ! Chúng ngộ quá ta ! Có thật là ở Cologne chúng ta có một sở thú đẹp nhất thế giới không ba ?

Lo lắng, nàng dò xét cái xác người chân trần, trán đầy

những vết sẹo không đều này. Không có gì... không có một chi tiết nào làm cho nàng nhớ lại được ba nàng cả. Đưa tay ra, nàng vuốt nhẹ má người đang ngồi

— Ba, ba ơi !

Không có một phản ứng nào cả.

Có một đoàn tàu lớn và rất nhiều trẻ con phải khởi hành đi Đan-mạch . . . «Chào ba, ba cầm này, cầm con búp bê của con.» Nó sẽ coi sóc ba. Qua cửa kính toa tàu, nàng nhìn thấy ba, đứng trên sân ga, nhỏ dần và cứ nhỏ dần. »

Nàng nghênh mình xuống thấp hơn nữa.

— Ba ơi ba ! Con đây, Karen đây, con gái ba đây. Con đã lớn nhưng vẫn là con gái của ba. Ba cố nhớ lại đi, ba !

Ngoài hành lang, viên y sĩ đang nắm lấy tay Kitty đang run rẩy từ đầu đến chân.

— Đề tôi vào, tôi phải ở gần Karen, buông tôi ra, bác sĩ !

— Không được đâu, bà Fremont. Cần phải đề thăm kịch này diễn ra tới hết, nếu bà muốn cô bé thoát ra và quên đi được sau này.

Karen, nàng nhớ lại được những kỷ niệm đã tưởng quên đi vĩnh viễn rồi. Những cử chỉ, vài câu hỏi . . . Đứng rồi, nàng không còn ngờ gì nữa, đây chính là ba của nàng... Karen hét lên, vòng tay ôm quanh cổ ông :

Ba ! Ba ! Nói với con đi ba . . . nói với con một câu đi ba bất cứ câu gì . . . nhưng ba nói đi, nói với con đi !

Kẻ sống như chết rồi, xưa kia là giáo sư Johann Clement ấy, mấp máy cặp mắt như bị chói ánh sáng.

Khi nhận thấy có một người lạ đang ôm mình, ông tỏ ra hỏi tò mò. Về ngạc nhiên này xuất hiện trong vài giây. Hình như ông đang cố gắng ghi nhận một tia sáng chiếu vào khoảng trống rỗng tối đen đang bao quanh mình. Rồi đột nhiên, tia sáng lại tắt phụt. Karen hét lên :

— Ba ! Ba . . . đừng bỏ con, ba . . .

Viên bác sĩ phải cố gắng mới lôi được Karen ra khỏi ông già vẫn ngồi thù lù trong góc. Ông dịu dàng đưa nàng trở ra hành lang. Một nữ điều dưỡng đóng cửa phòng, khóa lại và Johann Clement đã mất con gái mình — có lẽ là cho mãi mãi. Khóc nức nở, Karen gục vào vòng tay Kitty.

— Ba không nhận cả ra em nữa .. Trời ơi, tại sao, tại sao lại có thể như vậy được

— Cố trấn tĩnh lại đi em. Cô có đây mà, ôm lấy cô đi.

— Cô đừng bỏ em nhé cô, hứa là đừng bao giờ bỏ em !

— Em biết rõ là không bao giờ cô rời em cả mà. . .

9

Tấm thảm kịch được tin về tới Gan Dafna trước khi Kitty và Karen về đến nơi. Đối với Dov Landau, đây là một xúc động mạnh cho chàng. Kể từ ngày rất xa xôi anh Mundek đã ôm chàng vào lòng trong một căn hầm ở Varsovie, Dov chỉ biết xót thương chính

thân mình. Bây giờ lòng thương xót cho Karen đã soi sáng cả vũ trụ tối tăm chàng đã thu hình vào.

Karen, người duy nhất trên đời chàng yêu... tại sao số mệnh lại độc ác với nàng như vậy ? Nhưng chắc chắn là nàng không cô đơn, nàng còn có bà Fremont. . . và chính chàng. Bây giờ cha nàng đã bị gạt bỏ hẳn vĩnh viễn, vùi sâu trong phòng nhỏ ở bệnh viện thần kinh, có lẽ nàng sẽ chấp nhận theo bà Fremont sang Mỹ.

Điều đó có nghĩa là chàng, Dov, là một trở ngại, một cái cùm xích mà chàng nhất định quấn vào chân. Karen sẽ không bao giờ rời chàng. Như vậy, chính chàng phải rời bỏ nàng.

Một trong những thanh niên trong trại, Mordechaï, là nhân viên tuyên mộ người bí mật của Maccabée, Dov đã thành công trong việc làm Mordechaï chịu đưa đủ tin tức chỉ dẫn để chàng liên lạc được với tổ chức Macchabée. Chặng đường còn lại rất dễ dàng : Các nhà của giáo sư cùng huấn luyện viên không bao giờ khóa. Một đêm, khi tất cả mọi người đang ăn cơm, Dov lên vào trong ba bungalow và vợ vét một số nữ trang.

Một giờ sau chàng lên ra khỏi trung tâm để trốn về Jérusalem.

Thề theo lời khấn khoản thân hữu của Sutherland. Kitty và Karen đến cư ngụ tại biệt thự của viên cựu tướng cho Karen có đủ thời gian và hoàn cảnh để dịu bớt nỗi đau khổ.

Karen chịu đựng nỗi buồn của mình với cùng thứ tâm trạng mà nàng đã có nhiều dịp chứng tỏ trong đời

— Một khoảng đời ngắn ngủi mà nàng đã quá nhiều thảm kịch và đau khổ. Kitty không rời nàng một bước. Đối với Kitty, sự mất trí của cha Karen và vụ Dov mất tích là cả một chiến thắng cay đắng đối với nàng. Bây giờ nàng tin chắc rằng một ngày kia, nàng sẽ đưa Karen về Hoa-kỳ. Nàng thù ghét mình vì thế nhưng cũng không thể đồng thời ngăn cản mình vui mừng vì tình trạng đã xảy ra. Kể từ khi gặp Karen lần đầu ở trại Carallos, cả cuộc sống của nàng quanh quẩn bên cạnh thiếu nữ này.

Một ngày nọ, sau buổi cơm trưa, hai người ngạc nhiên khi thấy Ari Ben Canaan. Ari ngồi chờ trong phòng làm việc cho tới khi Sutherland bước vào. Họ bàn chuyện với nhau trong một giờ. Khi Ari sắp cáo từ, Sutherland giữ chàng lại.

— Tôi hiện đang có một người bạn gái rất thân tới thăm viếng, đó là bà Fremont, một trong những phụ nữ đáng chú ý và đáng khen nhất tôi được gặp từ trước tới giờ. Ở Gan Dafna, bà ta đã thực hiện được nhiều vụ chữa trị như có phép màu đối với một số đứa trẻ bị rối loạn thần kinh. Một trong các bệnh nhân, một chú bé cách đây sáu tháng còn không nói được, bây giờ đã diễn tả được bằng lời như anh và tôi. Hơn nữa, chú bé đó bây giờ còn sắp chơi kèn đồng trong ban nhạc của trung tâm.

— Tôi cũng đã được nghe nói tới...

— Gần như là tôi đã đòi hỏi bà ta phải tới tạm thời ở đây cùng cô bé Karen. Cô bé đáng thương chỉ tìm lại được cha mình sau khi người cha đã mất trí.

Đĩ nhiên là cô bé xúc động mạnh lắm. Anh lại đây chào họ.

— Rất tiếc, nhưng quả thực tôi không có thì giờ.

— Không lẽ anh lại nói với tôi là anh lập thời dụng biểu tính sát tới từng năm phút một.

Nắm lấy tay Ari, Sutherland gần như kéo chàng ra hiên, nơi Kitty và Karen đang nằm dài dưới ánh sáng mặt trời. Kitty, không gặp lại Ari kể từ chuyến leo núi Tabor, thấy buồn khi thấy chàng thay đổi một cách rất lạ : mặt đề râu mấy ngày chưa cạo, quần áo nhàu nát, Ari có vẻ lơ là cầu thả một cách đặc biệt. Ngược lại, chàng tử tế với Karen đến độ làm cho nàng ngạc nhiên. Phải chăng con người thép này chỉ dành tình thương mến của mình cho người đồng chủng mà thôi chăng ? Bực tức, nàng ý thức rằng cứ xét từng lời nói, từng cử chỉ dưới khía cạnh duy nhất tương quan với Do thái giáo, nàng đã đi tới chỗ thường gán cho những lời ám chỉ đơn giản những ý nghĩa thường chỉ là do óc tưởng tượng của nàng.

Một lát sau, nàng đi dạo cùng chàng trong vườn hồng của Sutherland. Đến đầu con đường nhỏ, họ ngồi xuống một bức tường thấp, phía bên kia tường là thung lũng dốc thẳng xuống.

— Anh Ari, cho tới giờ tôi chưa bao giờ yêu cầu anh giúp cho tôi việc gì. Ngày hôm nay, tôi sẽ có việc nhờ anh giúp đỡ.

— Cô biết là tôi sẽ hết lòng.

— Tôi tin chắc là Karen sau cùng sẽ vượt qua được

nổi thống khổ vì biết cha nàng đã điên. Nhưng nàng vừa bị một xúc động thứ hai khó mà vượt qua được. Dov Landau đã trốn khỏi trại, chắc là để đi gia nhập vào đoàn Macchabée. Đối với Karen, Dov là một người cần được cứu giúp và chỉ có nàng mới làm nổi việc này mà thôi. Tôi biết là con bé lo cho Dov đêm ngày. Tôi xin anh kiểm Dov — Anh có những đường liên lạc cần thiết — Và đưa hẳn trở về Gan Dafna. Hẳn sẽ trở về nếu anh có thể thuyết phục hẳn tin là Karen đang cần tới hẳn.

Ari tò mò nhìn nàng.

— Quả thực cô làm tôi ngạc nhiên không hiểu. Ngày hôm nay cô bé này thuộc về cô. Trở ngại duy nhất cho cô là anh chàng Dov đã từ tế tự biến đi ấy. Cô còn muốn gì hơn nữa.

— Đáng lẽ ra tôi phải bất bình với những gì anh vừa nói. Nhưng tôi đã không thể bởi vì anh đã có lý. Đáng tiếc thay là tôi không thể, không bao giờ có thể xây dựng hạnh phúc của tôi trên bất hạnh khổ đau của kẻ khác. Điều đó nghĩa là tôi không thể đưa Karen về Mỹ ngày nào vấn đề Dov chưa được giải quyết.

— Quả là những luận cứ rất cao đẹp.

— Cứ cho là ích kỹ sáng suốt đi. Bình thường Karen có lương tri, trừ ra đối với những gì liên quan tới Dov. Ai trong chúng ta cũng có điểm yếu phải không anh? Con bé sẽ chóng quên buồn nếu biết Dov ở Gan Dafna. Trong khi nếu cứ biết Dov ở trong đoàn Macchabée, Karen sẽ gấn hào quang cho hẳn đến mức độ quá đáng.

— Mong cô tha lỗi cho tôi về câu nói này : Cô khôn

khéo lắm. Cô thu xếp sao cho Karen không thể còn một lựa chọn nào khác, ngoài một nơi ẩn trú duy nhất : Là ở gần cô.

— Tôi không thích tí nào vài chữ anh vừa nói. Thành thật mà nói, tôi có hành động xấu trong khi tìm cách đưa Karen về Mỹ ?

— Không. Chắc chắn là không rồi.

— Nếu như thế thì anh đưa Dov trở lại Gan Dafna đi.

Ari không trả lời ngay. Sau cùng, chàng nói :

— Điều cô nhờ, tôi không thể làm được.

— Với người khác kia, không phải anh. Dov rất kính trọng anh mà.

— Ô ! Chắc chắn là tôi có thể tìm thấy hắn. Tôi còn có thể bắt hắn trở về Gan Dafna nữa. Nhưng vấn đề không ở chỗ đó. Dov đã quyết định, như bất cứ một người Do-thái Palestine nào, sớm hay muộn, đã phải quyết định, tùy theo lương tâm của mình đòi hỏi. Về điểm này, các tình cảm cá nhân có một giá trị quan trọng ghê gớm. Chính vì đã có những quyết định trái ngược hẳn nhau mà cha tôi và chú tôi đã không thêm nói với nhau một lời từ mười lăm năm nay. Còn về Dov Landau, thái độ của hắn dễ hiểu lắm toàn thể con người hắn đều kêu gào báo thù. Thứ đam mê cuồng nộ thúc đẩy hắn lao về phía trước mạnh đến nỗi chỉ có Thượng đế, hay một viên đạn thôi, mới chặn hẳn lại được.

— Nghe anh nói, có thể tưởng là anh ủng hộ các tay khủng bố !

— Đôi khi tôi tán thành họ, đôi khi tôi kết án họ. Nhưng không phải vì thế mà tôi cho tôi cái quyền phán xét họ. Dov, hẳn đã chịu quá nhiều khổ đau để có thể thuộc thẩm quyền xét đoán của một tòa án thường. Và lại, tôi nghĩ là cô lầm : trở về Gan Dafna, Dov chỉ làm tăng thêm nỗi đau buồn của Karen mà thôi. Vậy chúng ta cứ để hẳn hành động theo chiều hướng hẳn cho là phải.

Kitty đứng dậy, đưa tay vuốt lại cho thẳng chiếc áo, nói nhỏ :

— Có lẽ anh có lý đấy.

Sutherland tiến ra gặp hai người ở vòng rào. Trước lời mời khẩn khoản thân hữu, Ari hứa sẽ trở lại dùng cơm tối. Hai người nhìn chàng lại ra đi trong chiếc Fiat cũ kỹ. Kitty nhân xét ;

— Anh ấy có vẻ kiệt lực rồi.

Sutherland cãi ;

— Tôi không thấy thế. Tôi còn thấy anh ta rất sung sức là khác, đối với một kẻ làm việc một trăm mười giờ một tuần lễ.

— Tôi chưa hề thấy ai tận tụy như thế bao giờ. Ngoại trừ trường hợp có lòng cuồng tín chẳng ? Tôi ngạc nhiên khi được gặp anh Ari ở đây, bác Bruce ạ. Tôi không biết là bác lại dính dấp vào loại công cuộc đó đấy.

Sutherland nhồi thuốc vào ống điếu một cách phương pháp :

— Cô nói dính dấp thì không đúng. Cách đây một thời gian, Haganah có yêu cầu tôi ước tính dùm lực lượng của các đạo quân Ả-rập quanh Palestine, đây là một công

việc của một chuyên viên, hoàn toàn khách quan. Nhân tiện đây, cô Kitty, cô không thấy là đã đến lúc cô thử thành thực đối với chính mình sao ?

— Tôi đã nói với bác là tôi khước từ việc dẫn thân, dù cho bất cứ phe nào.

— Nói tóm tắt thì đó là chính sách đã điều. Cô đứng giữa chiến trường mà cô vẫn cứ ngoan cố kêu lên : «Đừng bắn vào nhà tôi, quý vị không thấy là tôi đã đóng các cửa lại rồi sao !»

— Dầu thế nào tôi cũng sắp rút lui ra khỏi trận địa, bác ạ.

— Trong trường hợp như thế, tốt nhất cô nên rút lui gấp. Cô đừng có tin là cô có thể tiếp tục mãi mãi đứng trung lập đâu.

Kitty thốt lên một tiếng thờ dài.

— Tôi không thể nào ra đi ngay lập tức được. Chưa kể nỗi xúc động mạnh Karen đang chịu đựng tôi cũng chưa tin chắc nó có thể ra đi cùng tôi. bây giờ. Khi thì tôi có cảm tưởng là đã giải thoát được con bé ra khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa phục quốc, khi thì — như lúc này chẳng hạn — tôi run lên khi nghĩ tới việc phải đặt vấn đề đó ra với nó.

Trong bữa cơm chiều, Ari cho mọi người biết là ngày mai chàng định lên vùng ven hồ Tibériade.

— Cô đến đó bao giờ chưa Kitty ?

— Chưa. Cho tới giờ, tôi ít có dịp khám phá xứ này.

— Đó là một chuyến đi chơi rất đẹp. Cô nên thực hiện bây giờ đi. Vài tuần nữa, tiết trời sẽ quá nóng.

Karen đề nghị :

— Sao chú không đưa cô Kitty đi theo ?

Một im lặng ngưng ngưng bao trùm mọi người.

Ari cất tiếng

— Ý kiến hay đấy, Tôi có thể thu xếp để được nghỉ ít ngày. Hay chúng ta đi cả bốn người ?

Karen lắc đầu :

— Không có em rồi đó. Em tới đó hai lần rồi.

Sutherland vội vàng nói hàm theo :

— Tôi cũng không nổi anh bạn trẻ ạ. Có lẽ tôi đã ngấm hồ ầy tới cả chục lần.

Karen quay lại Kitty :

— Thôi, cô cứ việc đi với chú Ari đi.

— Cô không muốn rời xa em...

Sutherland can thiệp :

— Đó không phải là một lý do ! Karen và tôi hợp nhau hết sức, hai chúng tôi sẽ rất hài lòng khi không có hai ông bà đây. Còn về ông bạn trẻ Ben Cannan của tôi, rõ ràng là ông ta đang cần bỏ yên xếp giáp một thời gian.

Kitty bật cười :

— Anh Ari nghe mọi người nói không đấy ! Cứ như là hai nhân viên môi giới sở hôn nhân vậy. Ông Ari đáng thương ơi, tôi đang có cảm tưởng là mọi người đang dăng bẫy bọ mình đó.

Ari quả quyết

— Tôi không than phiền tí nào việc đó đâu, Kitty.

10

Hai người đến ven hồ qua thung lũng Genossar nằm dọc bờ phía bắc. Bên kia là mặt nước hồ như gương các đường vòng của ngọn đồi khô khan xứ Syrie như đang rung rinh trong không khí nóng bức.

Tại khoảng ven hồ cong về phía nam, Ari đưa Kitty tới viếng di tích của giáo đường Caphm. Thị trấn mà xưa kia đức Kitô giảng đạo, đã chữa khỏi những người bệnh kinh niên. Thiếu phụ ngạc nhiên khi thấy mình nhớ lại những lời kinh mà nàng tưởng mình đã quên mất rồi: *Đức Kitô, khi đi đạo ven hồ, thấy hai anh em một nhà kia, người anh tên là Simon, thường được gọi là Pierre, và người em là André, hai người đang tung lưới trên mặt hồ... Rồi hai người tiến vào Carpharnaum, và đứng vào ngày sabbat, đức Ki tô tiến vào giáo đường và bắt đầu thuyết pháp...*

Ta có thể nói là hình như Đức Chúa chưa bao giờ rời nơi chốn này. Ven bờ nước, các ngư phủ vẫn tung lưới, các con dê đen vẫn ngậm ngọn cỏ hiếm hoi, thời gian hầu như bị xóa nhòa.

Sau đó Ari đưa nàng đến giáo đường xây cất để đánh dấu chỗ đã xảy ra phép màu. Một miếng bánh hóa thành nhiều bánh. Những hình khảm trên đất tượng hình các con chim cốc, cò và vịt trời — cũng vẫn thứ chim hiện nay còn sinh sống ven bờ hồ này.

Sau đó hai người trèo lên ngọn Béatitudes, nơi đức Ki tô đã thuyết pháp Bài giảng Trên Núi :

Sung sướng thay cho những kẻ bị đọa đày vì công lý bởi vì vương quốc trên trời thuộc về họ. Sung sướng thay cho các con khi người ta mạ lị các con, truy lùng các con, người ta nói dối bằng đủ mọi cách để thóa mạ các con, vì Ta. Các con hãy vui đi vì thế, bởi vì phần thưởng của các con sẽ lớn ở trên trời. Người ta đã đọa đày các vị tiên tri tiên bối của các con như thế đấy.

Những lời của Ngài, đọc trên đỉnh ngọn đồi này... Khi đi thăm những thánh địa Kitô, Kitty nghĩ rằng Ari Ben Canaan, David Ben Ami, và cả Karen nữa sống trong một niềm thân cận với Chúa trong đó nàng bị loại trừ. Đó là một ý nghĩ làm nàng khờ sở đến nỗi nàng ít chú ý đến ngôi làng Ả rập Migdal, nơi Marie Madeleine đã sinh ra đời, cũng như chặng bôn ngoá kỹ Cornes de Hattine, nơi chôn Jethro, anh vợ của Moïse. Nàng chỉ ra khỏi sự trầm tư đau đớn khi thấy một vùng cỏ chói : một thảm hoa dại, cánh cỏ chói huy hoàng.

— Anh Ari, ngừng lại một chút đi.

Nàng xuống để hái một bông. Nàng đưa lên ngắm nghía gần hơn rồi đột nhiên ánh mắt e sợ, giọng run rầy :

— Tôi chưa bao giờ thấy một cái gì tương tự.

— Tất nhiên rồi : loài hoa này chỉ mọc lên ở đây, trong cách đồng này. Chúng tôi gọi chúng là «Máu của Macchabée» vì các Macchabée trong lịch sử đã sống trong các hang động vùng này.

Kitty vẫn nhìn đăm đăm bông hoa. Trông nó giống

như một chùm các giọt máu dính lại với nhau. Đột nhiên, nàng buông nó ra rồi chùi tay vào váy.

Xứ này, với vô vàn kỷ niệm xưa cũ, đang xâm chiếm nàng để đoạt hồn nàng, như cốt để làm nàng đau khổ hơn nữa. Đột nhiên nàng sợ. Ngoại trừ khi rời bỏ ngay Palestine, nếu không nàng sắp rời bỏ mình vào các cánh tay bạch tuộc vô hình đang tìm cách quấn chặt lấy để tiêu hủy nàng.

Sau khi đã đi qua thành cổ của Tibériade với những căn nhà làm bằng các khối đá *basalte* đen, họ dừng lại trước khách sạn Gallilée. Trong bữa cơm trưa, Kitty rất ít nói. Nàng hối tiếc là nàng đã tới đây. Ari nói :

— Tôi chưa dẫn cô đến coi thánh địa linh nhất trong những thánh địa.

— Cái gì vậy ?

— Kibboutz Shoshannah. Nơi tôi sinh ra đời.

Kitty đã cười được sau câu nói của Ari. Hiên nhiên là chàng đã đoán được tâm trạng rối loạn của nàng nên đã cố làm cho nàng vui lên. Nàng hỏi

— «Thánh địa» này nằm ở đâu vậy ?

— Cách đây vài cây số, đúng chỗ sông Jourdain đổ vào hồ Tibériade. Nói cho đúng, tôi suýt nữa ra đời ở Tibériade, trong đồn cảnh sát Thổ nhĩ kỳ.

Chàng đột nhiên đổi đề tài :

— Về mùa đông, thị trấn này tràn ngập du khách. Bây giờ còn quá nóng. Hay chúng ta ra lao xuống hồ tắm Kitty ?

— Ý kiến hay nhất thế kỷ !

Gần khách sạn, có một cầu tàu tiến ra hồ chừng bốn

mười thước đến tận chỗ nước sâu. Ari ra trước. Vài phút sau mới xuống, Kitty không ngăn được mình thán phục bộ ngực cứng, đầy bắp thịt mạnh mẽ của Ari, không có lấy một chút mỡ nào.

Chàng vui vẽ vẩy tay.

— Cô liệu có đủ sức ra tới cái bè ngoài kia không ?

Tinh nghịch, nàng nhận lời

— Thách xem ai tới trước.

Cởi áo khoác ngoài, nàng đội mũ bơi lên. Ari nhìn thẳng vào nàng. Thân thể Kitty không có vẻ khoẻ mạnh với những nét của các thiếu nữ sabra, thân hình của nàng dịu hơn, tròn trĩnh hơn, hoàn toàn hòa hợp đều đặn.

Mắt hai người gặp nhau đề rời vội vã rời nhau, ngưng ngưng mơ hồ. Kitty lấy đà rồi nhảy xuống nước. Ari bắt chước nhảy theo. Chàng ngạc nhiên khi thấy vớt vớ mới đuổi kịp nàng. Kitty bơi sải rất đều, không phí sức. Thở hồn hên, vui cười, hai người leo lên bè. Ari nói :

— Tôi đã tưởng cô sẽ thắng tôi lúc này.

— Đáng lẽ tôi phải báo cho anh biết trước . . .

— Tôi đoán ra rồi : chắc chắn trước kia cô ở trong đoàn bơi lội của nhà trường.

Nàng nằm ngửa ra bè, thốt lên một tiếng thở dài thoải mái. Nước mát tuyệt vời và trong vắt hầu như đã mang đi tất cả những lo âu thắc mắc của nàng.

Tối xế chiều họ mới trở về khách sạn. Sau khi đã uống với nhau một ly rượu pha ở quầy hàng trong khách sạn, họ lên phòng để nghỉ ngơi trước bữa ăn tối.

Kitty trang điểm xong, mở cửa tủ và do dự ngắm nhìn ba chiếc áo nàng đã mang theo. Sau cùng nàng chọn chiếc không cầu vai để hở những đường nét cong đầy của phần trên bộ ngực. Trong tiền sảnh, tất cả đàn ông đổ dồn mắt vào khi nàng xuất hiện. Sững sờ trước vẻ đẹp của nàng, Ari quên cả việc tiến ra đón nàng nữa. Sau cùng chàng ý thức được mình đang nhìn nàng như muốn nuốt chửng. Chàng vội vã nói :

— Tối nay có một buổi hòa nhạc ở kibboutz Ein Gev bên kia hồ. Ca-nô sẽ khởi hành ngay sau bữa cơm tối.

— Anh có thấy tôi nên thay áo khác không ?

— . . . Không, không . . . Đẹp lắm rồi.

Khi chiếc ca-nô rời cầu tàu, mặt trăng tròn nhô lên khỏi các quả đồi bên Syrie, trải một vệt bạc lớn trên mặt nước phẳng lặng. Vượt hồ chỉ mất chừng nửa giờ. Kibbontz Ein Gev do các di dân gốc Đức xây dựng trên một địa điểm trợ trợ một cách nguy hiểm, gần sông Yarmonk được dùng làm ranh giới giữa Syrie và Transjordanie Ban nhạc của Kibbontz này, nổi tiếng khắp Palestine, là một trong những gi quyến rũ du khách trong vùng. Trong khi chờ đợi xây cất được một thính đường, các buổi hòa nhạc được trình diễn ngoài trời tại một khoảng đất đào sâu vào sườn đồi, đối diện với hồ.

Ari trải một chiếc chăn ở tít phía ngoài các bậc thềm

đất sau cùng, hai người nằm dài ra giữa mặt nhìn trắng lên cao trên bầu trời lấp lánh muôn ngàn sao. Một điệu nhạc — một bản *concerto* của Beethoven — đã mang lại cho Kitty một niềm thoải mái bình an. Khi bản nhạc chấm dứt các tiếng vỗ tay nổi lên như pháo. Ari nắm lấy tay nàng đề kéo ra khỏi đám đông, tiến về một con đường nhỏ chạy dọc ven hồ. Hai người ngồi xuống một chiếc ghế dài làm bằng ba phiến đá lớn, di tích của một ngôi đền xưa cả mấy ngàn năm. Dù không muốn, nàng vẫn quay người về phía Ari. Chưa bao giờ nàng thấy chàng đẹp và quyến rũ như vậy. Nàng phải cố gắng cưỡng lại sự ước muốn đề ép sát người vào thân chàng, đưa tay vuốt ve mái tóc chàng. Nàng muốn nói là nàng cảm thấy rất gần chàng, muốn cầu xin chàng hãy tiến thêm bước nữa, thôi đừng làm người xa lạ nữa. Nhưng nàng nhớ lại được rằng Ari Ben Cananr là một người xa lạ mà chẳng bao giờ nàng dám thổ lộ tâm tình.

Một cơn gió làm nàng rùng mình. Bàn tay Ari chạm vai trần của nàng. Chàng nói nhỏ :

— Cô lạnh rồi, hãy quàng khăn vào đi.

Trong khoảng thời gian vài giây, mắt hai người gặp nhau, chan chứa hứa hẹn.

Đột nhiên Ari lui ra xa, đứng dậy.

— Ca-nô đã trở lại kia. Chúng ta nhanh lên thôi.

Một cơn gió mạnh đẩy nước mặt hồ lên và mũi ca-nô làm tung các làn nước rơi lá tả vào hành khách. Ari và Kitty là những người sau cùng bước lên bờ. Tay cầm tay, hai người chậm rãi trở về khách sạn. Thiểu phụ dừng lại trước

cồng vào vài thước, dưới một cây liễu cõ thụ cành mềm là ngọn chằm xuống mặt nước hồ. Với một cử chỉ dịu dàng ít khi có, Ari nắm lấy hai vai nàng kéo lại sát mình. Nhắm mắt lại, mặt ngửa lên dâng hiến. nàng thì thào :

— Hôn em. Hôn em đi anh...

Đám lửa nung nấu âm ỉ từ bao ngày tháng bùng cháy lên dữ dội. Chưa bao giờ Kitty cảm thấy xúc động dữ dội đến như thế, chưa bao giờ nàng muốn hiến dâng đến như vậy, Ari tách ra trước. Im lặng, hai người đi qua tiền sảnh, lên cầu thang. Đến trước cửa phòng mình, Kitty do dự, hết sức bối rối. Khi Ari sắp rời xa, nàng nắm lấy tay chàng. Lại đối diện nhìn nhau, họ xúc động quá không sao nói được. Sau cùng, nàng quay đi, vào phòng và đóng cửa lại.

Nàng cởi áo quần trong bóng tối, khoác áo ngủ lên người, tiến ra bao lơn có ánh đèn từ cửa sổ phòng Ari hắt sang soi sáng. Sau cùng, khi ánh sáng tắt đi, Kitty lùi lại, hồi hộp. Một vài giây trôi qua, một bóng người cao lớn leo qua thành bao lơn. Ari nói nhỏ

— Anh cần có em.

Một thoáng sau, nàng đã ở trong tay chàng, hôn trả từng chiếc hôn, vuốt ve lại từng vuốt ve. Chàng bồng nàng lên, đặt lên giường, quì gối xuống bên. Các ngón tay cào sâu vào vải giường, nàng cảm thấy từng cơn rung động chạy suốt người nàng từ đầu đến chân. Một bàn tay hời hả đặt lên vai nàng, kéo cầu vai áo ngủ tụt xuống rồi đặt lên vú nàng.

Nàng vùng dậy chàng ra, nhày ra khỏi giường, hôn hèn :

— Không, không đâu anh ! Em không muốn...

Ari sững sờ, nàng tới ngồi gục xuống ghế bành. Dần dần tiếng nức nở của nàng dịu dần, hơi thở điều hòa hơn. Đứng trước mặt nàng, Ari nhìn bằng cặp mắt cứng rắn. Kitty thì thào :

— Chắc anh ghét em lắm.

Ari không trả lời, nàng năn nỉ

— Anh nói anh ghét em đi. Nói một lời gì, bất cứ điều gì đi anh.

Nàng đứng dậy một cách khó khăn.

— Em không muốn chuyện đó. Em không muốn để mình bị quyến rũ một cách bé dại như thế. Chắc em vừa trải qua một lúc yếu lòng, xiêu lòng vì ánh trăng, vì vẻ thơ mộng của đêm trên hồ...

Ari ngắt lời nàng, nói bằng một giọng lạnh giá

— Tôi không bao giờ tin được là tôi đã theo đuổi một trinh nữ nhất sợ thẹn thò. Tôi không có mất thì giờ với các trò trẻ con những lời vô ích. Tôi đã là một người đàn ông trưởng thành và cô, một người đàn bà đã là đàn bà...

— Anh diễn tả chính xác quá !

Ari nhún vai :

— Nếu cô không thấy có gì bất tiện, tôi sẽ về phòng tôi bằng cửa chính.

Còn lại một mình, Kitty hãy còn choáng voảng, cố gắng một cách tuyệt vọng để tìm hiệu thái độ của mình.

Chưa bao giờ nàng thèm ước một người đàn ông mạnh mẽ đến như thế. Bây giờ, tình cảm sâu xa của nàng làm nàng hoảng sợ. Nàng nghĩ : « Có lẽ Ari chỉ nhìn thấy ở mình một cô gái đẹp mà thôi, một cô gái chàng thích được cùng sống qua một đêm. Nếu anh yêu mình thành thực sao anh lại cư xử đối với mình một cách sỗ sàng như vậy? »

Sau cùng, quá mệt mỏi, nàng ngủ thiếp đi. Khi thức giấc, những kỷ niệm về những gì đã xảy ra trong đêm qua làm nàng đỏ mặt. Vừa mặc được áo quần, nàng vừa tự hứa sẽ xin lỗi Ari, nói với chàng một cách hợp lý, khác với cách cư xử của nàng đêm qua, thứ cư xử mà chàng hẳn phải cho là ngô nghê và đần độn.

Trong phòng ăn khách sạn, nàng gọi một ly cà-phê và chờ đợi. Sau chừng nửa giờ, nàng tới hỏi quản lý.

— Ông có thấy ông Ben Canaan sáng nay không ?

— Dạ, ông ấy đã rời khách sạn chúng tôi lúc 6 giờ sáng nay.

— Ông có để thư từ gì lại cho tôi không ?

Người quản lý quay lại các ô đề chìa khóa, chỉ một ô rỗng không.

— Tôi hiểu... thôi... cảm ơn ông.

11

Sau khi quá gian xe đến Jéusalem, Dov Landau tìm thuê một căn phòng tồi tàn trong khu Cồ thành. Rồi tuân theo đúng lời chỉ dẫn, chàng đến quán cà-phê Saladin,

gần Cửa Damas, đề gửi chủ quán tên và địa chỉ của chàng cho Bar Israel.

Sau khi đem cầm ở một tiệm cầm đồ những nữ trang đã lấy cắp ở Gan Dafna, chàng đi thám hiểm thành phố. Đối với một tay cựu chuyên viên đi dưới ống cống như chàng, những đường phố ngõ hẻm nghèo của đô thị này không có gì là khó nhớ. Trong khoảng thời gian ba ngày, chàng biết rõ đến từng hẻm nhỏ trong khu buôn bán, kiến thức rất quý giá cho một kẻ phải sống còn bằng những gì ăn cắp được. Rồi sau khi đã mua chừng hai mươi cuốn sách về nghệ thuật, hội họa và kiến trúc cùng nhiều tờ giấy lớn và bút chì, chàng ở lì trong phòng.

Trong hai tuần lễ liền, chàng chỉ ra ngoài đề mua thực phẩm. Từ sáng tới chiều, chàng nghiên cứu học hỏi như điên, chỉ đôi khi ngừng lại khi hình ảnh Karen hiện ra làm chàng không sao tập trung vào công việc được. Khi chạy trốn khỏi Gan Dafna, chàng không ngờ mình đã mang theo biết bao nhiêu là kỷ niệm, kỷ niệm nào cũng liên hệ mật thiết với Karen đến nỗi bây giờ, không có nàng, chàng đau đớn từ tâm hồn đến tận thề xác. Đôi khi, niềm đau dâng lên đến mức độ không sao chịu nổi, chàng vẽ khuôn mặt của Karen, qua từng nét mặt vui buồn của nàng. Rồi tức giận, chàng vò nát tờ giấy, ném vào một góc, không bao giờ chàng vẽ nổi vẻ đẹp, duyên dáng của nàng.

Sau hết, sau hai tuần lễ, khi chàng ra ngoài đề đi cầm vài thứ đồ linh tinh ăn cắp được ở một cửa hàng, một người đàn ông đang chờ đợi chàng. Tay xiết chặt khẩu

súng bao giờ cũng để trong túi, chàng đi qua người lạ mặt, sẵn sàng quay phắt lại nếu có tiếng động nào khả nghi. Một tiếng nói cất lên, ra lệnh :

— Cấm động đây, không được quay lại :

Dov đứng lại bất động.

— Chú đã hỏi thăm về Bar Israel. Chú muốn gì ?

— Anh biết tôi muốn gì mà.

— Tên chú là gì ?

— Dov, Dov Landau. Tôi từ Gan Dafna tới.

— Ai gửi chú tới đây ?

— Mordéchai.

— Chú đã vào được Palestine như thế nào ?

— Bằng tàu Exodus.

— Tốt. Bây giờ chú tiếp tục đi thẳng, không được quay lại. Chúng tôi sẽ tiếp xúc với chú sau.

Ngày hôm sau, khi chàng vừa thiếp ngủ, có người tới gõ cửa. Ngay lập tức, chàng đứng dậy, súng lục cầm tay. Một giọng nói cất lên ngoài hành lang.

— Bọn tôi là bạn của chú đây.

Dov đã nhận ra tiếng nói đó là của người đã nói với chàng hôm trước ở cửa khách sạn. Chàng mở cửa nhưng không nhìn thấy ai.

Giọng nói lại cất lên

— Chú quay mặt vào tường đi.

Chàng tuân lời, ý thức được rằng sau mình có tới hai người. Một người bịt mắt chàng, cặp tay dẫn chàng ra đến tận xe. Chàng phải lên phía sau, nằm dài ra sàn xe, và phải chịu đè mọi người phủ lên một cái chăn. Xe

rồ máy chạy ngay lập tức. Tài xế có thể chẳng phải mất công chạy quanh co vòng vèo làm gì. Dov, tất cả giác quan vận dụng tối đa, từng quen thuộc với việc tìm đường trong các đường hầm cống tối đen, chàng xác định được lộ trình không khó khăn gì. Đường dốc lên này, hẳn là đường lên ngọn Oliviers. Đoạn đường êm và rộng này, chắc chỉ có thể nằm trên vùng phẳng ngọn Scopus, nơi có Viện Đại học Do-thái và Trung tâm Y khoa.

Sau cùng, xe dừng lại. Dov được dẫn vào một căn nhà và đẩy vào một căn phòng đầy những khối thuốc lá. Chắc phải có tới năm hay sáu người trong phòng. Mọi người cho chàng ngồi trên một chiếc ghế rồi thăm vấn gắt gao trong hai giờ liền. Vừa trả lời cả ngàn câu hỏi, Dov, vừa hiểu được vài điều nhờ ở các tình báo viên, các Macchabée đã biết được chàng là tay làm giấy tờ giả hữu hạng — tài năng mà họ lại đang cần nhất. Chắc những người đang thăm vấn chàng thuộc vào bộ chỉ huy của tổ chức.

Một giọng cất lên :

— Tôi nghĩ rằng như thế đủ rồi. Cho hắn thề đi.

— Dov Landau, có một tấm màn trước mặt chú. Giơ hai tay lên để chúng tôi có thể đưa qua tấm màn.

Dov thi hành. Có người cầm lấy tay chàng, đặt một tay lên cuốn kinh thánh, tay còn lại trên khẩu súng lục. Rồi nhắc lại những lời mọi người đọc cho chàng. Dov tuyên thệ :

— Tôi, Dov Landau, tôi hiến dâng thân xác tôi, tâm hồn tôi, ý chí tôi cho Macchabée, Chiến sĩ của Tự do, không một hạn chế dè dặt nào. Tôi sẽ thi hành lệnh nhận được,

lệnh sao thi hành vậy. Dù bị tra tấn hay bị giết chết, tôi cũng không khai tên các đồng chí cùng các bí mật tôi đã được biết. Tôi sẽ chiến đấu không ngừng chống lại các kẻ thù của dân tộc Do thái, cho tới khi nào thành lập được một Quốc gia Do thái nằm bên hai bờ sông Joudain. Tôi sẽ chiến đấu theo khẩu hiệu : mắt đổi mắt, răng đổi răng. Tất cả những điều trên, tôi xin thề sẽ tuân theo trước sự chứng giám của Abraham, Isaac và Jacob, Sarah, Rébecca và Rachél, các bậc tiên tri cùng anh hồn của tất cả các người Do thái đã bị giết chết.

Sau cùng, mọi người tháo khăn bịt mắt. Chàng nhìn thấy mình ở giữa sáu người đàn ông và hai người đàn bà đang nghiêm trọng đưa tay xiết chặt tay chàng. Ông già Akiba ngấm kẻ mới gia nhập với một nụ cười suy tư.

— Các kiến thức khá đặc biệt của chú rất quý giá cho chúng tôi. Chính vì thế chú mới được chấp nhận mặc dù chú chưa được huấn luyện theo thường lệ.

Dov phản đối :

— Cháu không gia nhập Macchabée đề ngời vẽ.

— Chú sẽ làm cái gì chúng tôi bảo chú làm. Chú lo thành lập một xưởng chế tạo mọi thứ giả mạo đủ loại. Nếu chú làm việc khá, thỉnh thoảng chú sẽ được tham dự vào một cuộc đột kích.

Thiếu tá Caldwell đang chơi *bridge* trong đại tiền sảnh của câu lạc bộ Sĩ quan Anh thì có người gọi điện thoại.

— Kính chào thiếu tá. Đây là văn phòng trung ương An ninh. Đưa con gái Do-thái mà chúng tôi thăm vấn bây giờ đã sẵn lòng khai. Thanh tra Parkington mong có

thiếu tá dự khán buổi lấy khẩu cung này. Chúng tôi đã cho một chiếc xe đến đón thiếu tá ở Cầu lạc bộ.

— Tốt lắm.

Năm phút sau, Caldwell lên một chiếc xe nhà binh do một trung sĩ lái. Sau khúc quanh đầu tiên, xe thẳng lại. Các cửa xe mở tung và ba người đàn ông nhảy vào trong xe. Sau đó, xe lại rờ máy chạy hết sức nhanh.

Ba ngày sau, một toán quân tuần tiễu tìm ra thi thể thiếu tá Caldwell gần tường thành của Cồ thành. Trên áo ông có gắn bức hình quân Ả-rập đang giơ thủ cấp của Ben Salomon lên cùng với bản sao chụp lại lời thú tội đã giết Ben Salomon cùng hai binh sĩ Anh. Bản tài liệu thứ nhì này có ghi thêm một câu bằng bút chì "Mắt đôi mắt, răng đôi răng."

Trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ, một sự kinh ngạc lan tràn toàn xứ Palestine. Rồi sau đó các Macchabée được biết là thiếu nữ bị An ninh Quân đội bắt đã chết vì băng huyết, hậu quả trực tiếp của một cuộc thẩm vấn gắt gao trong ba ngày ba đêm bằng dùi cui. Tin tức này là dấu hiệu làm phát sinh một chiến dịch trả thù dữ dội. Trong khoảng thời gian mà sau này những Do-thái Palestine phải gọi là «Mười lăm ngày Địa ngục» các cuộc đánh phá của Macchabée đã làm cho đạo quân đồn trú Anh chìm đắm trong máu lửa. Cuộc trả đũa của tướng Haven- Hurst cũng tàn nhẫn không kém : tuyên bố tình trạng giới nghiêm, bố ráp, khám xét, xử tử sau khi xét xử

sơ sài. Vì Ủy ban Điều tra của Liên Hiệp Quốc có thể đến vào bất cứ lúc nào, tướng Haven-Hurst muốn chấm dứt một lần cho xong hoạt động của «Trung ương» Do-thái. Ông thân chinh chọn hai sĩ quan và bốn binh sĩ nổi tiếng là bài Do-thái ghê gớm và bắt họ thề giữ bí mật tuyệt đối. Rồi sau đó, ông trình bày kế hoạch dự trữ.

Tới ngày ấn định, «sáu vị anh hùng» này ngụy trang làm người Ả-rập. Hai người trong bọn họ lái một chiếc xe cam nhông chở hai tấn chất nổ đến trước tòa nhà trụ sở của Quĩ Lập Nghiệp Do-thái. Tài xế cho xe dừng trước lối dẫn vào cổng, chặn cứng tay lái lại, cài số một rồi mở ga. Sau đó hai người nhẩy xuống đất, chạy biến vào trong đám đông.

Chiếc xe húc nhẹ lên bờ hè chỗ cửa vào rồi đâm sầm vào cột bên trái cổng. Một tiếng nổ dữ dội làm rung động cả khu phố. Khi khói đã tan, tòa nhà sụp đổ tan tành.

Cùng lúc ấy, một ê-kíp thứ hai hai người cũng thực hiện một công cuộc tương tự chống lại trụ sở của «Trung ương» đúng lúc tại đây đang có một phiên họp của các cấp lãnh đạo chính của phục quốc Do-thái. Nhưng lần này, chiếc xe cũng húc nào bờ hè nhưng mạnh hơn nên xe đâm lệch mục tiêu. Vụ nổ sau đó chỉ phá hủy tòa nhà bên cạnh.

Đến một chỗ đã định trước, bốn người này lên hai chiếc xe chạy nhanh do các sĩ quan của «đoàn đặc công đặc biệt» cầm lái. Họ chạy sang xứ Transjordanie. Quốc gia bù nhìn do người Anh kiểm soát.

Trong vài trăm người chết ở trụ sở Quĩ Lập Nghiệp,

có Harriet Salzman, bà già Hoa-kỳ tám mươi tuổi đã từng thành lập các Trung tâm Thanh niên của Mossad Aliya Bet.

Các Macchabée hoạt động ngay lập tức để trừng phạt những kẻ có tội. Chưa đến một ngày, họ đã xác định được rằng « sáu tên Ả-rập kia » thực ra là quân sĩ Anh và kẻ có trách nhiệm thực sự về cả hai vụ tấn công phá hoại bằng chất nổ này là chính đại tướng Haven-Hurst. Đánh bài liều xả láng, viên tư lệnh Anh đã đạt tới kết quả hoàn toàn trái ngược với những gì ông đã kỳ vọng tức giận, uất ức, Haganah và Macchabée chẳng những không sợ, lại còn đi tới chỗ liên kết với nhau nữa.

Cuộc gặp gỡ giữa hai bên được tổ chức vào lúc một giờ sáng, trong một cánh đồng dọc con đường đi Jérusalem. Một bên là Akiba và Moshé đại diện cho Macchabée một bên là Avidan, tư lệnh có thẩm quyền của Haganah, và Zev Gilboa chỉ huy lực lượng xung kích Palmach. Không có bắt tay, trao đổi các lời xã giao gì hết. Đối diện với nhau, trong đêm tối, hai bên vào cuộc bàn cãi trong một bầu khí nghi ngờ toàn diện.

Trục trặc ngay từ lúc đầu : các Macchabée nghi ngờ Avidan muốn đặt lực lượng của mình hoàn toàn dưới quyền chỉ huy của ông ta mà thôi. Có các lời trách cứ phóng ra từ hai phía, và tinh thần căng thẳng lên cao dần cho tới khi Avidan, cắt ngang những lời phàn nàn của Akiba, đặt ra ra một câu hỏi dứt khoát.

— Các anh có chấp nhận hợp tác với chúng tôi không, có hay không ?

Ben Moshé lâu nhâu :

— Chúng tôi sẽ cố thủ.

Mười lăm ngày sau, việc hợp tác này biểu lộ bằng một cuộc phát động hoạt động trên một tầm mức rộng lớn.

Trong nội một đêm, Haganah làm tê liệt toàn diện hệ thống hỏa xa ở Palestine. Đêm sau, các Macchabée xâm nhập vào sáu sứ quán và lãnh sự quán Anh vùng chung quanh Địa trung hải để phá hủy một khối lượng tài liệu vi đại người Anh sử dụng để chống lại sự nhập nội bất hợp pháp Palestine. Một đêm sau nữa, Palmach phá hoại các ống dẫn dầu từ Mossoul ra biển tại mười lăm địa điểm khác nhau.

Vấn đề còn lại là làm sao tiêu diệt được địch thủ chính của phong trào phục quốc Do thái là đại tướng Haven-Hurst. Mới nhìn qua, đây là một công cuộc không thể nào thực hiện được. Trại Schnellner, Tổng hành dinh của đại tướng này, là cả một pháo đài kiên cố do nhiều ngàn quân sĩ bảo vệ. Trong những chuyến xuất trại hiếm hoi, đại tướng được một đoàn hộ tống võ trang mạnh đến nỗi phải hi sinh hàng trăm Macchabée mới tấn công nổi.

Nhưng các trạm quan sát đặt chung quanh trại đã khám phá ra khe hở của bộ giáp sắt.

Những quan sát viên nhận thấy rằng cứ ba lần một tuần, một chiếc xe dân sự ra khỏi trại vào lúc giữa nửa đêm và một giờ sáng để rời tờ mờ sáng mới trở về. Một vụ kiểm soát nhanh chóng cho biết rằng chiếc xe này thuộc

một gia đình Ả-rập giàu có. Một mặt khác mọi người biết rằng bề ngoài, Haven-Hurst bao giờ cũng gentleman đến độ phát chán lên được, nhưng bên trong, bao giờ ông cũng có nhân tình. Thế mà không có một tin đồn đại nào là ông có liên hệ tình ái với một phụ nữ Âu-châu cả. Ngược lại, trong gia đình Ả-rập sở hữu của chiếc xe bí mật kia, có một thiếu phụ khá xinh và khá thông minh đề quyến rũ một người như Haven-Hurst. Từ đó đi đến một kết luận dễ dàng.

Người ta cho đặt thêm quan sát viên trước địa chỉ của gia đình Ả-rập. Những người này không mất công chờ đợi lâu. Ngày hôm sau, lúc nửa đêm, họ thấy thiếu phụ ra khỏi nhà để đến một căn nhà tọa lạc trong khu thượng lưu El Baqua. Nửa giờ sau, một chiếc xe dừng lại ngoài vòng rào căn nhà này và hình dạng rất dễ xác định là ai vội vã bước xuống, tiến vào nhà.

Ngay đêm hôm đó, vào lúc ba giờ sáng, Haven-Hurst bị đánh thức đột ngột bằng một giọng nói lớn đống dạc :
— (Hãy tán dương đức Vinh cửu đã báo thù cho Israël !).

Khi ông chồm ra khỏi giường, hàng tràng đạn tiêu liên quạt khắp phòng, cầm nhịp cho những tiếng thét kinh hoàng của thiếu phụ Ả-rập.

Vào buổi trưa, bộ TTL Anh được báo tin bằng điện thoại cho biết địa điểm đặt xác của vị Tư lệnh. Kẻ báo tin vô danh ấy còn thêm rằng mọi người đã cẩn thận chụp ảnh đại tướng vào lúc ông này qua đời, đang ra sao chụp y như vậy. Trong trường hợp người Anh báo thù bằng cách

đàn áp dân Do-thái, các bức hình bệ rạc này sẽ được trao lại cho các ký giả ngoại quốc.

Và các vụ báo thù đã không xảy ra.

12

Kitty và Karen đã trở về Gan Dafna. Kitty vẫn chờ đợi cơ hội để nói chuyện dứt khoát với Karen, nhưng đồng thời e ngại. Chính một bức thư của Dov đã làm nàng quyết định giải quyết dứt khoát ngay vấn đề.

Tối hôm đó, vừa bôi móng tay móng chân, Kitty đang tìm cách đưa câu chuyện về đề tài nàng thiết tha, thì chính Karen lại tạo ra cơ hội.

— Cô có vẻ buồn phải không? Không phải riêng ngày hôm nay đâu, mà từ ngày cô đi chơi hồ Tibéraide về. Chắc đã xảy ra chuyện gì giữa cô và chú Ari phải không cô?

— Quả cô có buồn lo thật, nhưng không phải về « một truyện gì » đó đâu. Nếu cô có lo âu, đó là về em, về cô, về tương lai chúng ta thôi. Em biết đó, từ ngày gặp gỡ đầu tiên ở trại Caraolos, cô hết sức mong muốn em là con gái của cô.

Thiếu nữ nói nhỏ

— Em cũng thế, em cũng muốn thế.

— Như vậy em phải hiểu là cô đã suy nghĩ từ lâu, và cô đã tính toán mọi việc thế nào để hữu ích cho em

thôi. Karen yêu, cô đã quyết định mang em theo cô trở về Mỹ. Em sẽ sống ở nhà cô, nghĩa là nhà chúng ta.

Sững sờ ngạc nhiên, Karen nhìn nàng bằng một vẻ không tin, nhắc lại lời Kitty một cách máy móc.

— Nhà chúng ta ? Nhưng cô Kitty, nhà của em là ở đây mà, Gan Dafna.

— Tạm thời thôi, cưng. Còn cô, cô muốn có em ở với cô mãi mãi.

— Em cũng muốn thế. Nhưng chỉ vì . . . em thấy kỳ dị quá đi . . . khi cô nói «nhà chúng ta» là ở bên Mỹ.

— Không có gì kỳ lạ hết : cô là người Mỹ và cô muốn trở về sống quê nhà.

Rõ ràng là Karen đang cố gắng cầm nước mắt.

— Thế mà em cứ tưởng là chúng ta ở xứ này, cô ở Gan Dafna, còn em ở . . .

— . . . Còn em ở trong Palmach, bổ nhiệm tới một kibboutz biên thùy nào đó chẳng biết nữa !

— Đúng là điều em đang nghĩ tới đó cô. Quả thật em đã ích kỷ quá em quên mất là cô có thể nhớ nhà, nhớ quê hương cô. Cô chưa bao giờ đòi hỏi cái gì cho cô . . .

— Lời em vừa nói quả là một lời khen đẹp nhất cô nhận được từ trước đến giờ.

Karen nỗ lực suy nghĩ một cách tuyệt vọng. Dĩ nhiên Kitty là tất cả đối với mình . . . Nhưng rời xứ này để ra đi nơi xa . . . Làm sao mình có thể làm nổi ?

— Cô Kitty, có lẽ em diễn tả ý em không rõ. Cô hiểu

cho rằng ở đây, em có một cái gì . . . Em không biết gọi tên ra sao. . . Một cái gì không ai tước đoạt được của em, ngày nào em còn ở Palestine.

— Em đâu mắt mát gì khi em đi với cô. Cái thứ tình tự cảm thấy mình thuộc về một cộng đồng, những người Do-thái ở Mỹ cũng có như em, và . . .

— Nhưng đó là những người bị lưu đày.

— Không đâu em. Vậy em không thể hiểu là người Do-thái Mỹ cũng yêu nước Mỹ sao ?

— Người Do-thái Đức cũng yêu nước Đức như thế cô !

Đột nhiên Kitty không thể nhịn được nữa.

— Thôi em ! Cô không có nghe những khẩu hiệu tuyên truyền dối trá mà thiên hạ đã nhồi nhét vào đầu em nữa đâu ! Cô và em, chúng ta chẳng có gì chung với mọi người ở đây cả. Có lẽ em cũng không hiểu một quyết định ra đi như thế đâu đờn biết bao nhiêu cho em hay sao !

Em tưởng cô tìm cách làm hại em hay sao ?

— Không, chắc chắn là không rồi . . . Nhưng . . .

Kitty lại qui gối trước Karen.

— Karen... em yêu ! Em chưa bao giờ được biết hòa bình là gì sao ? Em không ý thức được là chưa bao giờ em được hưởng thức hạnh phúc được đi dưới ánh sáng mặt trời, đầu cất cao mà không phải sợ một kẻ thù nào đang rình mò trong bóng tối sao ? Em cũng biết như cô là ở đây sẽ chẳng bao giờ có hòa bình hết. Tin ở cô đi em, cô không hề tìm cách đưa em ra khỏi Do-thái giáo hay

ngăn cản em yêu đất nước em, nhưng chỉ vì trên đời còn có nhiều điều khác... biết bao điều khác cô muốn mang lại cho em. Đi cùng cô đi em... Cô mơ tưởng một ngày kia sẽ được thấy em mặc *Jupe Plissée* và đi giày cao gót, ngày cô được nghe thấy em nói và cười qua điện thoại với cậu bạn trai đang tán tỉnh em. Cô muốn em đầu óc chỉ đầy nhóc muôn ngàn chuyện nhỏ mọn trẻ con, như trăm ngàn thiếu nữ khác ở tuổi em — Như thế còn là bình thường hơn rất nhiều chuyện em xử dụng một khẩu súng hay vận chuyển đạn dược. Em đã thiếu, không được hưởng biết bao niềm thú vui ở trên đời... Ít nhất em hãy nhận hưởng cho biết chúng trước khi đi đến một quyết định dứt khoát. Cô xin em, cưng, hãy nghe cô đi.

Mặt tái xanh như tàu lá, Karen cố gắng gỡ mình ra khỏi vòng tay của Kitty, thì thào :

— Còn anh Dov ? Nếu em ra đi, anh ấy sẽ ra sao ?

Kitty đứng dậy mở ví lấy ra bức thư nàng mới nhận được vài giờ trước đây.

— Đây, em có thể đọc nếu em muốn. Cô thấy bức thư này nằm trên bàn cô. Cô hiện còn đang tự hỏi làm thế nào thư lại tới chỗ đó được.

«Thư bà Fremont :

«Thư này do một người bạn biết tiếng Anh hơn tôi viết hộ, nhưng tôi đã chép lại đề bà nhận ra đó đúng là chữ viết của tôi. Lúc này, tôi rất bận. Tôi sống với các đồng chí, những người bạn — những người bạn đầu tiên tôi có được sau rất nhiều năm. Tôi viết thư này cho bà đề trình bày bà rõ tôi đã sung sướng khi rời được

Gan Dafna, nơi mà tất cả mọi người đều ghê tởm tôi. Tất cả mọi người đây bao hàm cả bà lẫn Karen luôn. Bà hãy nói dùm với Karen là nàng đừng hi vọng tôi trở về. Dù sao Karen mới chỉ là một cô bé con ! Ở đây tôi có một cô bạn, một người đàn bà hẳn hoi, sống cùng với tôi. Tại sao bà không cùng với Karen trở về Hoa-kỳ đi. Hai người phải sống ở Mỹ mới đúng, chứ không ở Palestine nơi mà muốn đời hai người dẫu sao cũng chỉ là những kẻ lạ mặt mà thôi.»

Kitty lấy lại bức thư để xé tan ra từng mảnh.

— Cô sẽ lại ngay thăm bác sĩ Lieberman để xin từ chức. Ngay khi nào mọi người kiếm được người thay thế cô sẽ giữ chỗ cho chúng ta đi Nừu-ước. Em có đồng ý không ?

— Xin vâng. Em sẽ đi với cô.

Kể từ lâu rồi, các Macchabée đã có thói quen là cứ hai hay ba tuần lễ lại di chuyển tổng hành dinh một lần. Sau «Nửa tháng Địa ngục» và vụ ám sát Haven Hurst, Akiba và Ben Moshé cho rằng thận trọng hơn, nên rời hẳn Jérusalem và chia nhóm chỉ huy đã thu hẹp lắm rồi thành nhiều nhóm phân tán hơn nữa. Vì vậy, chỉ có bốn người tới Tel Aviv : Akiba, Ben Moshé, Nahoum Ben David (anh của David) và Dov Landau — nhờ tài làm giả và lòng can trường đến mức điên rồ trong khi hoạt động đặc công, đã được chấp nhận cho vào nhóm chỉ huy thu hẹp này.

Họ trú ẩn trong một căn phòng tầng trệt trong một tòa nhà của một đoàn viên Macchabée nằm trong một khu buôn bán náo nhiệt. Nhiều người canh phòng được đặt ở chung quanh tòa nhà, và Nahoun đã lo sẵn một đường rút lui khi cần. Nói tóm lại, đó là một nơi trú ẩn lý tưởng.

Nhưng do một trùng hợp bất hạnh, cảnh sát Anh lại đang canh chừng một tòa nhà khác, cách đó vài thước, trong cùng đường. Các thanh tra đang tìm bắt quả tang một nhóm buôn lậu, theo như tin thu thập được, đang đề các hàng hóa trốn thuế đơan cảng Jaffa trong nhà này. Rất nhanh chóng, các cảnh sát chú ý tới sự hiện diện của nhiều người, không có lý do nào chính đáng, cứ đi đi lại lại không ngừng chung quanh tòa nhà bên cạnh. Các hình chụp bằng viễn kính cho phép người Anh xác định được ít nhất hai kẻ trong những người này là đoàn viên Macchabée. Rất dễ đưa ra một kết luận : đang đi rình săn sắt, họ cũng khám phá ra hạng cá rô. Và vì họ đã am hiểu từ lâu chiến thuật của Macchabée, người Anh quyết định xông tới ngay lập tức.

Ngày hôm đó chỉ có Akiba và Dov ở trong phòng. Nahoum Ben David và Ben Moshé đã đi ra ngoài để gặp Zev Gilhoa đang giữ vai trò liên lạc với Haganah và Palmach. Akiba đang ngủ chập chờn còn Dov đang hoàn tất một số thông hành của xứ Salvador, bắt chước rất khéo. Dov đang ngoảnh ngoèo ký tên một viên chức trưởng của Salvador thì có tiếng gõ cửa. Akiba mở mắt.

— Chắc Ben Moshé và Nahoum đó. Chú ra mở cửa cho họ.

Sau khi đã cẩn thận kiểm soát lại cẩn thận giây xích an toàn ở cửa, Dov hé mở cánh cửa. Ngay lập tức, một chiếc búa thợ rèn phang vào cửa, đập tan thứ gỗ. Dov kêu lớn :

— Tụi Anh ! Tụi Anh !

Tin truyền đi nhanh như một làn thuốc súng cháy. Akiba, chiến binh của huyện thoại, người đã trốn thoát khỏi tay quân Anh trong hơn mười năm, bây giờ vừa bị bắt sống.

Các Macchabée kêu ầm lên là bị phản bội. Bởi vì Ben Moshé và Nahoum đã đi gặp Zev Gilboa, và kẻ này hay một nhân viên nào khác của Haganah đã theo dõi hai nhân vật này trở về để khám phá nơi trú ẩn của họ rồi sau đó báo cho người Anh biết. Một lời kết tội vừa kỳ cục vừa khó kiểm chứng nhưng không thiếu gì người lan truyền đi.

Muốn làm tăng thêm hoang mang cho các Macchabée, Cao ủy Anh ra lệnh xét xử hai tù nhân trong một thời hạn ngắn nhất. Dĩ nhiên là dân chúng cùng báo chí đều không được dự khán phiên xử. Bởi thế, Akiba và Dov Landau đã bị kết án tử hình trong một phiên tòa xử kín. Viên chánh án (tên tuổi được giữ kín để khỏi bị các Macchabée trả thù) tuyên bố chính xác rằng bản án sẽ được thi hành trong một hạn kỳ không quá mười lăm ngày nữa.

Trong khi vội vã, cao ủy đã vi phạm một lỗi lầm nghiêm trọng. Khi cấm đoán các báo chí, ông đã quên mất rằng ở ngoại quốc, nhất là ở Hoa-kỳ, các Macchabée được nhiều thế lực ủng hộ. Thế là bùng ra một cơn tức giận dư luận làm đầy lui việc có tội hay vô tội của hai tù nhân

này xuống hàng thứ yếu. Các hãng thông tấn hay biết và cho đăng tải luôn cuộc đời của Dov Landau, anh hùng của ghetto Varsovie, kẻ sống sót của trại diệt chủng Auschwitz. Các bức hình của Akiba, ông già tám mươi trông như một bậc tiên tri, và Dov, đồ đệ trẻ tuổi của ông, đã gây ra cả một cơn giận dữ phản đối trên toàn thế giới.

Vừa mới tới Palestine với tư cách quan sát viên trọng Ủy ban Điều tra của Liên Hiệp Quốc, Cecil Bardshaw hiểu ngay mình phải can thiệp. Ông còn nhớ bài học cay đắng của *Exodus* để không thề đề mọi việc cứ thế mà diễn ra. Nhất là vào lúc mà Ủy ban Điều tra LHQ lại bắt đầu điều tra. Sau xin các chỉ thị của Luân-đôn, ông thỏa hiệp với cao ủy là sẽ nêu rõ tính cách cao thượng của công lý Anh quốc. Việc dẫn tuổi trẻ của Dov và tuổi già của Akiba ông loan báo rằng các tội nhân được phép nộp đơn xin ân xá và đơn này sẽ được cứu xét khoan hồng.

Trận bão phản đối lắng dịu rất nhanh. Nhưng cuộc thăm viếng hai tội nhân tại nhà tù của Bradshaw và vị cao ủy đã hoàn toàn thất bại. Cả ông già đến thiếu niên đều không buồn đọc tới bản văn xin ân xá đã soạn sẵn cho họ nữa. Còn ký các bản văn ấy à . . . Vị lãnh tụ già của các Macchabée tuyên bố

— Từ tội tử hình sang hai hay ba năm cầm cố? Tôi không hiểu đấy. Chúng tôi không hề có tội. Thử hỏi từ bao giờ, một chiến binh chiến đấu cho đất nước mình lại bị coi là có tội? Chúng tôi chỉ chiến đấu cho các quyền lịch sử và tự nhiên của chúng tôi mà thôi. Chúng tôi là các tù binh và sự kiện các ông đang chiếm đóng nước tôi không

phải là lý do cho phép các ông quyền phán xử chúng tôi.

Còn Dov thì chẳng nói năng gì cả, nhờ bệt ngay vào tài liệu do Bradshaw đưa ra.

Ngày hôm sau, tin khước từ của hai tù nhân này chạy tít lớn trên các đại nhật báo. Bradshaw tức điên lên : bây giờ, ngay cả những người Do-thái từ trước đến giờ vẫn phản đối hoạt động của các Macchabée, cũng coi hai tù nhân như biểu tượng kháng chiến của Do-thái. Chẳng những đã không đánh ra phía địch được chương nào, Anh quốc còn mang lại cho địch hai anh hùng hy sinh vì đại nghĩa. Trong những điều kiện như vậy, người Anh chỉ còn mỗi một cách : ấn định ngày xử tử. Dầu thế nào, xứ Palestine đã tạm vắng các vụ phá hoại và ám sát, cũng đang là một thùng thuốc súng rồi, một thùng thuốc súng sắp nổ tung đến nơi. Ngoại trừ khi đưa ra một vụ trừng trị nêu gương, khó mà ngăn được nó nổ.

Acre, thị trấn hoàn toàn Ả-rập, bao gồm những nhà cửa cũ kỹ nằm ở cực bắc vịnh còn Haïfa nằm ở phía nam. Nhà tù, một khối nhà xây cất trên những di tích của một pháo đài Thập tự quân, chạy dọc theo con đê cho tàu cập bến đến hàng trăm thước. Toàn thể những tường thành cổ cao ngất, pháo tháp, lối đi quanh co và tháp canh sắc cạnh, cộng với một bức tường giầy cộp nữa, pháo đài lớn này đã chống lại được cuộc tấn công của Napoléon trước kia. Bây giờ người Anh dùng chiến lũy này làm một nhà tù đáng sợ nhất trong toàn thể Đế quốc.

Dov và Akiba bị giam trong hai phòng giam nhỏ hẹp, tường trần và sàn đều bằng đá. Vì không có cửa sổ, không cả hệ thống cống, nên không khí nơi đây hầu như không thở nổi. Các cửa bọc thép chỉ có một cửa nhỏ xíu đục xuyên qua. Một khung nhỏ được đục vào tường từ bên ngoài để đưa cơm nước qua, chỉ có nhìn thoáng thấy ở phía xa một vài ngọn cây.

Hai hay ba lần một ngày, một viên chức cao cấp lại tới đề nghị một vụ dàn xếp vào phút chót để tránh vụ xử tử. Và đều đều họ gặp phải một sự im lặng đầy khinh bỉ, của Dov, còn Akiba thì đuổi họ bằng cách đọc lớn tiếng những đoạn thánh kinh. Sau cùng, chán quá, người Anh chuyển họ sang khu tử tội, gần phòng xử giáo. Cai tù lấy quần áo họ đi, bắt mặc quần áo đỏ tía thường lệ của các tội nhân xử giáo.

Hai người chỉ còn được phép sống sáu ngày nữa thôi...

13

Lúc đó là một giờ sáng. Bruce Sutherland vừa mới thiếp ngủ trong chiếc ghế bành ông thích nhất thì người làm vào đánh thức ông dậy, loan báo là có một «tiêu thư» tới thăm.

Thấy Karen tiến vào, Sutherland dụi mắt.

— A ! Cô bé. Cháu làm cái gì ở đây, vào giờ này ?
Cô Kitty có biết cháu tới đây không ?

Mặt xanh xao, căng thẳng, thiếu nữ lắc đầu. Sutherland đưa nàng tới đi- văng ngồi.

— Chắc cháu cũng phải ăn cơm tối rồi chứ ?

— Cháu không đói . . .

Sutherland ra lệnh cho người hầu :

— Mang một Sandwich và một ly sữa vào đây.

Rồi quay lại Karen, ông hỏi :

— Bây giờ cháu vui lòng cắt nghĩa cho vì có gì tiêu thụ lại tới đây.

— Cháu phải gặp anh Dov Landau. Trong tất cả những người cháu biết, chỉ có bác là giúp được cháu thôi.

— Hừm . . . được . . . chắc bác giúp được đấy, nhưng bác tự hỏi . . . một buổi gặp gỡ như vậy chỉ làm cháu khổ thêm thôi. Trong vài tuần nữa, cháu và cô Kitty sẽ rời xứ này rồi. Tại sao cháu không cố quên chàng trai đó đi ?

Karen cầu khẩn :

— Cháu van bác. Cháu biết cháu hiểu những điều bác nói. Nhưng kể từ khi anh Dov bị bắt, cháu không thể nghĩ tới ai khác được. Cháu phải gặp anh ấy. Hãy giúp cháu . . . cháu xin bác.

Sutherland cần nhậu.

— Được, được rồi. Đề bắt đầu, bác sẽ điện thoại cho Kitty đã : chắc cô ấy đang điên vì lo lắng. Cháu kỳ thật đó, nửa đêm dám đi bộ đến đây qua một vùng toàn Ả-rập.

Sáng ngày hôm sau, Sutherland gọi điện thoại tới Jérusalem. Vị cao ủy không đợi nói tới lần thứ hai, nhận

lời ngay. Biết đâu khi nói chuyện với Dov, Karen lại không thành công trong việc thuyết phục Dov chịu ký đơn xin ân xá. Vài giờ sau, sau khi ghé đón thêm Kitty, Sutherland và Karen đến đồn cảnh sát Naharya, nơi có một đoàn hộ tống võ trang đưa họ tới thẳng nhà tù Acre.

Sutherland và Kitty được mời ngồi đợi trong văn phòng quản ngục. Còn Karen, đi giữa hai người lính, vượt qua hàng loạt cửa bọc thép, băng qua một sân trong tường bao quanh có đục những ô nhỏ có chấn song. Nàng cảm thấy hàng trăm cặp mắt thèm khát của các tù nhân nhìn nàng đi qua, và nghe thấy những lời nói tục tĩu nữa. Nhìn thẳng về phía trước, đi như một người máy, nàng leo lên một cầu thang hẹp, đi qua một ụ đại liên đặt sau giây kềm gai rồi dừng lại trước cánh cửa sau cùng có hai người lính súng lấp lười lê đứng gác.

Mọi người đưa nàng vào một xà lim nhỏ cùng một người lính. Cánh cửa đóng lại sau lưng nàng. Người lính mở một cái khe nhỏ chừng vài phân trong tường đối diện, cời khây bảo :

— Nay cô nhỏ, cô có thể nói chuyện với hẳn qua cái khe này.

Karen nghiêng người xuống. Nhìn qua hành lang phía bên kia, nàng thấy hai xà lim : trong xà lim thứ nhất có một ông già, xà lim thứ nhì có Dov đang nằm ngửa nhìn lên trần. Một người lính gác đến mở cửa xà lim của Dov.

— Đứng dậy, Dov Landau. Mi có người tới thăm kia.

Đề thay cho câu trả lời, Dov lấy một cuốn sách và mở ra đọc.

— Mi điếc hả ? Có người tới thăm kia.

— Xin anh nói dùm với các nhà thương thuyết đầy lòng tử tế của các anh rằng tôi đi vắng.

— Không phải thăm viếng chính thức đâu. Đây là một cô gái mà.

Các ngón tay Dov vụt xiết chặt cuốn sách.

— Nói dùm với cô ta là tôi bận.

Khi người lính gác nhún vai quay đi, Karen ghé sát môi vào khe hở gọi :

— Anh Dov ! Anh Dov !... em đây, Karen đây mà.

Akiba :

— Này chú bé ! Ra nói chuyện với nàng đi. Chú muốn chết trong thứ cạm nín như anh của lão đã bắt lão phải chịu sao ? Ra nói chuyện với cô bé !

Chậm chạp, Dov đặt cuốn sách xuống, đứng dậy ra nhìn qua khe hở. Karen nhìn thấy rõ ràng đôi mắt xanh đầy giận dữ lạnh lùng của chàng. Dov trách cứ :

— Tôi chán ngấy mọi trò đạo đức giả rồi ! Nếu thiên hạ gửi cô tới đây để ăn mày chữ ký của tôi, thì cô có thể ra về ngay lập tức. Tôi không thêm cái lòng khoan hồng của tụi chúng đâu.

— Em thề với anh là không có ai gửi em tới đây hết. Em thề như vậy.

— Nếu đúng vậy em đến đây làm gì ?

— Em chỉ muốn nhìn thấy anh lần chót.

Bên này bức tường, Dov cứng người lại. Ước muốn

được chạm vào má nàng mạnh mẽ đến nỗi làm chàng đau đớn. Karen lại nói

— Có thật là anh đã nghĩ như anh đã viết trong bức thư anh gửi cô Kitty không... hay anh đã nói thế chỉ vì...

— Tôi nghĩ thế thật.

— Anh ! Anh hiểu chứ, em rất muốn biết...

— Bây giờ thì Karen biết rồi đó.

— Vâng, anh Dov... Em.. em sắp ra đi. Em sang sứ Mỹ.

Chàng có một cử chỉ biểu lộ lãnh đạm.

— Có lẽ em đã làm khi đến đây. Em làm phiền anh...

— Không đâu. Tôi biết là em muốn làm vui lòng tôi.

Đĩ nhiên tôi thích cô bạn kia hơn, nhưng nàng ở trong Macchabée nên nàng không thể đến đây... Em là một cô gái khá lắm, Karen... Em hãy yên tâm mà sang Hoa-kỳ và quên tất cả những gì đã xảy ra đi. Chúc em may mắn !

Nàng nói như một hơi thở

— Có lẽ bây giờ em về thì hơn.

Nàng đứng thẳng người dậy, quay ra phía cửa.

— Karen !

Nàng quay lại.

— Em nghe đây đã... để chúng tôi chứng tỏ chúng ta vẫn là bạn tốt với nhau.,. nếu lính gác cho phép, có lẽ ta nên xiết tay nhau một lần chót.

Người lính gác đang nhìn đi chỗ khác. Karen luôn tay qua khe, Dov nắm lấy xiết chặt giữa hai tay mình. Trán ti vào đá, chàng nhắm mắt lại. Đột nhiên chàng cảm thấy Karen đã nắm lấy một tay mình và đang kéo qua khe hở.

Chàng phản đối :

— Đứng. Đứng... không nên...

Nhưng chàng không còn đủ sức chống cự nữa. Karen hôn lên tay chàng nhiều lần, ép sát vào má và chàng cảm thấy những giọt nước mắt của nàng chảy trên các ngón tay. Rồi đột nhiên nàng rời xa.

Được đưa trở lại xà-lim, Dov nằm gục xuống giường. Trong đời, chưa bao giờ chàng yếu đuối đến độ để nước mắt phải tràn ra. Nhưng bây giờ, không nỗ lực nào của ý chí có thể ngăn cản nổi. Quay lưng lại để dấu Akiba và người canh gác, chàng khóc nức nở không kìm giữ.

Ủy ban Điều tra của Liên Hiệp quốc đã ra đi. Ủy ban đã trông thấy những thực hiện đẹp đẽ của các nhà tiên khu Do-thái, đã nhận thấy ác ý cùng thứ đạo đức giả đầy thù hận của người Ả-rập. Hiềm nhiên là không thể có một giải pháp trung gian nào. Nếu chỉ lấy lý lẽ của công bằng làm căn bản, Liên Hiệp Quốc phải khuyến cáo thành lập một Quê Nhà Do-thái. Bây giờ vấn đề chỉ còn là chờ xem các hội viên của LHQ sẽ chống lại các lời đe dọa hầu như công khai của các quốc gia Ả-rập như thế nào thôi.

Một lần nữa được trao phó nhiệm vụ đại diện cho «Trung ương» ở hội nghị Geneve, Barak Ben Canaan quyết định, trước khi ra đi, trở về Yad El để sống vài ngày với Sarah. Một bữa cơm gia đình mang lại cơ hội cho hai bậc cha mẹ — cơ hội mỗi ngày một hiếm có — gặp lại các con Ari và Jordana, và cả David Ben Ami nữa. Cuối bữa cơm, Jordana hỏi :

— Mọi người có biết tin là bà Fremont sắp rời Palastine chưa ?

Cố gắng dấu ngạc nhiên, Ari nói :

— Anh không biết gì cả.

— Bà ta cũng xin bác sĩ Lieberman cho từ chức. Bà mang theo đứa con cưng, Karen Clement. Về phần em, em không ngạc nhiên gì hết về chuyện này : em biết chắc từ lâu là bà ta sẽ chạy lẹ ngay khi tình hình mới nguy ngập một tí,

Ari cãi :

— Xét cho cùng, sao cô ta lại phải ở đây nhỉ ? Cô ta là người Hoa-kỳ, cô chỉ đến Palestine để theo đuổi cô bé Karen đó.

— Hơn nữa, bà ta còn không ưa gì chúng ta hết.

David can thiệp :

— Nói thế là sai !

— Quả thực lúc nào anh cũng chỉ bênh người đó không à !

Bà Sarah nói

— Mẹ thì mẹ thấy dễ thương lắm. Cô ấy đã làm được nhiều điều kỳ diệu cho các lũ trẻ đáng thương ở Gan Dafna và được mọi người ưa chuộng lắm.

Jordana vẫn chưa chịu

— Còn con thì con thấy bà ấy ra đi là điều hay. Dĩ nhiên là chúng ta có thể tiếc là bà mang theo Karen, nhưng một mặt khác, bà ấy đã nuông chiều cô bé này đến nỗi ta khó mà có thể cho nó là một người Do-thái phục quốc được nữa.

Ari đột nhiên đứng dậy và đi ra vườn. Sarah bắt mắt nói :

— Tại sao con lại cứ cố tìm cách làm cho anh buồn vậy ? Con biết rõ các cảm tình của anh Ari đối với cô ấy mà . . .

— Anh Ari sẽ cảm ơn thượng đế là đã loại bỏ được người đàn bà đó cho mà xem.

Barak nói

— Thực vậy hả ? Con lấy quyền gì mà phán xét tình yêu của một người đàn ông ?

Mọi người đều im lặng. David cầm lấy tay Jordana.

— Em đã hứa đi chơi bằng ngựa với anh. Bây giờ đi chứ ?

Giận dữ, nhưng rồi sau cùng Jordana cũng nhận lời. Hai người đứng dậy ra ngoài. Barak cầu nhậu :

— Đề hai đứa nhỏ ấy đi. Thằng David ấy biết cách xoa dịu cô Jordana của chúng ta. Tôi có cảm tưởng rõ ràng là nó ghen với bà Fremont. Có lẽ một ngày kia các cô gái của xứ ta cũng tìm được thì giờ để trở thành đàn bà hơn.

Ông im tiếng, lơ đãng quấy chiếc muống trong ly trà. Đi vòng ra sau ghế của ông, Sarah đặt má lên mái tóc hoa râm của chồng.

— Minh ra kiếm Ari đi. Hãy nói với con về cô ấy, và cũng hãy . . .

Barak vỗ nhẹ nhẹ lên tay vợ.

— Rồi, ta ra gặp nó.

Ông kiếm thấy con trai đứng gần vườn trồng cây ăn

trái, mắt nhìn đăm đăm về các quả đồi có Gan Dafna.

— Con yêu cô gái đó đến như thế sao, con ?

Ari cầu nhau

— Ích gì đâu ? Nàng từ một thế giới đầy lụa và hương thơm đến, bây giờ nàng lại trở về đó. Xét cho kỹ, chuyện đó là bình thường.

Barak cầm lấy cánh tay con, và qua cánh đồng, ông tiến về chỗ giồng Jourdain chảy dọc ven trại. Bên kia sông, hai người trông thấy David và Jordana đang phi ngựa như bay. Họ nghe thấy tiếng cười của cô gái.

— Con thấy không ? Jordana đã nguôi rồi. Này con, mọi việc của Palmach ra sao ở Ein Or ?

— Nhưng thường lệ, bố. Nhiều thanh niên khá, nhiều thiếu nữ tận tụy, nhưng họ quá ít trang bị quá thiếu thốn. Thật là điên khi hy vọng thắng trận chống lại bầy đạo quân Ả rập.

Chậm chạp, hai người trở về nhà. Đột nhiên Ari cảm thấy bàn tay mạnh mẽ của bố xiết chặt lấy vai mình. Chàng kinh ngạc khi thấy con người to lớn này đầu gục thấp xuống, như bị một nỗi buồn đè nặng chiu.

— Nghe đây con. Hai ngày nữa, bố sẽ lại lên đường đi Genève. Chưa bao giờ bố ra đi mà trong lòng buồn như vậy. Từ mười lăm năm nay rồi, đã có một người vắng mặt nơi bàn ăn của chúng ta. Bố đã là một con người kiêu ngạo, bướng bỉnh đến độ kinh khủng, nhưng có Trời chứng kiến bố đã trả giá cho lòng kiêu hãnh bướng

bình này. Ngày hôm nay, buồn bã hành hạ bố như bị đẩy xuống địa ngục. Ari con, bố chỉ còn biết trông cậy vào con thôi : con đừng để em Akiba của bố treo lủng lẳng ở đầu một sợi giây thừng của người Anh !

14

Từ khi Akiba và Dov Landau bị bắt, các Macchabée đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc với Haganah. Ari phải lùng mãi mới ra Bar Israel và thuyết phục được hắn — bằng cách nâng bổng hắn lên mà lắc như rung cây — dẫn chàng tới gặp Ben Moshé.

May mắn thay Ben Moshé, mặc dù hoàn toàn nghi ngờ Haganah là đã phản bội, cũng biết rõ lòng chính trực của Ari đề trình bày dự tính của Macchabée : họ định giải thoát hai tù nhân bằng một cuộc tấn công đại qui mô vào nhà tù Acre. Ben Moshé đưa Ari coi kế hoạch hành quân cả một hồ sơ đầy đủ trong đó khu vực phụ cận cũng như bên trong của nhà tù đều được vẽ đủ, ước tính đến từng thước (hầu hết là nhờ ở các tin tức do các Macchabée đã từng bị giam giữ trong đó cung cấp), mỗi bước đi của toán biệt kích đều được tính sát tới từng giây, các cơ sở phải hủy, các địa điểm cần phải chiếm, các chướng ngại phải phá bằng lựu đạn, mìn, chất nổ đều được ghi chính xác. Đó là một hồ sơ mà bất cứ một Bộ tham mưu hiện đại nào có được cũng lấy làm hãnh diện. Ari nghiên cứu tất cả rất lâu. Moshé hỏi :

— Anh nghĩ sao ?

— Tất cả đều hoàn toàn, trừ một điểm. Tôi hiểu các anh định làm thế nào để tiến vào nhà tù và rút ra. Nhưng sau đó, để rút lui ra khỏi thị trấn... (chàng lắc đầu...), không được đâu anh.

— Tôi biết hi vọng rút lui thoát của chúng tôi rất mỏng manh...

— Theo ý tôi thì không có tí hi vọng nào rút nổi cả. Các anh đều sẽ trở thành anh hùng, nhưng anh hùng tử trận. Quả thực rõ ràng là kế hoạch này sẽ mang lại cho các anh một trăm hay hai trăm anh hùng tuấn quốc nữa mà thôi. Trong khi nếu các anh đề tôi tính đường rút, chúng ta sẽ có may mắn là năm mươi phần trăm.

— Tôi cũng chẳng mong gì hơn, Anh cắt nghĩa ý kiến đi xem sao.

Ari suy nghĩ rất nhanh.

— Trước hết, tôi đề nghị một khi đã vào được nhà tù, các anh sẽ cố thủ trong đó từ mười lăm đến hai mươi phút để giải thoát tất cả các tù nhân. Những người này sẽ chạy tứ tán về mọi hướng, làm người Anh phải đuổi theo họ nghĩa là làm phân tán lực lượng của người Anh đi.

— Hoàn toàn đồng ý.

— Các toán xung kích của chúng ta cũng thế, sau khi hành động xong cũng chia làm một toán nhỏ, mỗi toán tự lực ra khỏi thị trấn bằng một lộ trình riêng. Tôi sẽ có thể mang theo chú Akiba của tôi, còn phía anh mang theo Dov.

— Vẫn đồng ý.

— Tôi chuẩn về phía Kfar Masaryk và sẽ đổi xe ở đó. Rồi qua các đường núi, tôi sẽ đến Carmel ở phía Haïfa để ẩn trú ở Daliyat, một làng của dân Druse mà tôi có nhiều bạn tin cậy được. Người Anh không bao giờ nghĩ tới việc lên kiểm tôi ở trên đó đâu,

Ben Moshé gật đầu. Ông biết rằng có tin cậy được ở người Druse, Ari nói tiếp :

— Còn anh, anh có thể chạy dọc duyên hải đến Nahariya. Đến đó, quân của anh sẽ chém về. Theo ý tôi, chỗ trốn tốt nhất cho Dov và Landau là kibboutz Mishmar trong vùng đồi biên thùỵ Syrie, một vùng đầy rẫy hang động. Dov sẽ an toàn ở đó.

Đứng bất động, Ben Moshé chăm chú nhìn các sơ đồ đang trải trên bàn. Không được sử dụng tự do các nơi ẩn trú này, cuộc tấn công nhà tù sẽ chỉ là một cuộc hành quân tự sát tuyệt đẹp mà thôi. Với sự trợ giúp của Ari, nhân vật nhiều thế lực của Haganah, cuộc tấn công này khả dĩ có thể thành công. Nhưng vấn đề chính ra lại là liệu ông có dám liều nhận sự hợp tác này hay không ? Sau cùng, ông tuyên bố ?

— Được rồi đồng ý. Tôi trao cho anh việc chuẩn bị các đường rút. Nhưng anh đừng quên điều này : tôi quyết định như vậy chỉ vì anh là Ben Canaan mà thôi.

Ngày N trừ 4

Không còn một vụ biểu tình nào của người Ả-rập, cũng không có một cuộc tấn công nào của các Macchabée. Thị trấn Acre đã có phong dáng của một pháo lũy trong

đó đi đi lại lại hàng trăm cảnh sát Anh mặc thường phục.

Ngày N trừ 3 :

Thủ tướng Anh quốc mời Akiba và Dov Landau ký đơn xin ân xá. Hai tù nhân đều khước từ.

Ngày N :

Đó cũng là ngày phiên chợ của Acre. Ngay từ sáng sớm, các nông dân của hai mươi làng Ả-rập chung quanh đều đổ xô về thị trấn. Công trường lớn chưa chi đã đầy ngồn ngồn những xe bò, xe lừa cùng hàng hóa.

Các Macchabée gốc từ các quốc gia phương Đông và Phi châu, đã ngụy trang thành những người Ả-rập, lợi dụng đám đông lộn xộn trà trộn len vào Acre. Mỗi người, đàn ông cũng như đàn bà đều giấu dưới quần áo vài thỏi chất nổ, ngòi nổ, các cuộn giấy điện, lựu đạn, vũ khí cá nhân. Họ trà trộn vào đám đông ngay trong vùng phụ cận của nhà tù.

11 giờ : giờ G trừ 2 :

Bây giờ đã có tới hai trăm năm mươi Macchabée đi lại trong Acre.

11 giờ 15 : giờ G trừ 1g45 ;

Ngoài thị trấn, trên đồi Napoléon, một đơn vị thứ hai của Macchabée tập trung lại ba cam nhông chở đầy các lính Anh giả tiến vào Acre và dừng lại dọc theo cầu tàu, gần ngay cạnh tường thành nhà ngục. Các " người

lính» xuống đất, từng toán bốn người một đi khắp các nẻo đường như đê tuần tiễu. Số quân nhân thực đông đến nỗi không ai đề ý tới việc một trăm người này tới.

Mười hai giờ trưa : giờ G kém 1 giờ.

Ari Ben Canaan, mặc quân phục thiếu tá quân lực Anh, cho lệnh tài xế xe mình, một chiếc xe kiệu tham mưu, tiến về cầu tàu. Chàng xuống đất đi bộ tới tận đầu đường kia. Đứng tựa vào một khẩu thần công cò của Thổ, chàng châm một điếu thuốc lá và ngắm dưới chân mình những làn sóng đập vỡ tan trên những tảng đá đầy rêu.

12 giờ 10 : giờ G kém 50 phút.

Các cửa hàng đã đóng cửa. Bị khí nóng ngột ngạt, các quân nhân Anh (thật) hoạt động thật uể oải. Từ trên tháp cầu kinh cao, vị muezzin kêu gọi các tín đồ cầu nguyện.

12 giờ 12 : giờ G kém 48 phút.

Từ từ, len lén, các Macchabée đến tập trung ở các điểm xuất phát.

Toán thứ nhất ở tiệm cà phê Abou Christos (cha của đảng Kì tô), ven bờ vịnh.

Toán thứ hai, quan trọng hơn, ở giáo đường Hồi giáo. Những người này trà trộn với những người Ả rập đang quì gối cầu kinh trong sân rộng.

Đơn vị thứ ba lần trong đám lạc đà, lừa, Ả rập đang thiếp ngủ trên đất bao phủ khoảng cát rộng của Khan.

công trường vĩ đại được dùng làm nơi nghỉ chân cho các đoàn lữ hành cũng như dùng làm nơi họp chợ.

Đơn vị thứ tư tập họp ở bến tàu, gần chỗ thả neo của các thuyền đánh cá.

Đơn vị thứ năm ở ngay ở trên cầu tàu.

Còn về một trăm lính Anh giả, họ lợi dụng khả năng tự do di chuyển do bộ quân phục Anh mang lại để chiếm cứ các mái nhà phẳng, chặn các đường hẻm, cản các đường lớn, như thế nào để kiểm soát tất cả các lối vào nhà tù.

12 g 45 : giờ G kém 15 phút.

Ben Moshé và Nahoum Ben Ami nhận thấy tất cả mọi người đã đến vị trí. Họ nhìn về phía nhà tù : một trong bốn «người đồng lõa bên trong» cho dấu hiệu là tất cả mọi sự đều đã sẵn sàng.

Trên vòng đai ngoài của Acre, một đơn vị chốt — những người không nguy trang gì hết — đã đặt mìn xong mọi con đường và bố trí xong các ô liên thanh. Đơn vị này sẽ chặn đứng, hay ít ra cũng làm chậm chễ các lực lượng Anh tăng viện nếu có.

Trên cầu tàu, Ari ném điều thuốc xuống nước. Đi rào bước. chiếc xe hơi lăn bánh theo sau, chàng hướng về điếm tấn công. Đồng thời cũng tiến tới điếm đó là nhiều toán nhỏ của hai trăm năm chục đàn ông đàn bà ăn mặc như Ả-rập của đơn vị xung kích.

Mọi người đã chọn điếm tấn công là một *hamman* ở sát tường thành phía nam của nhà tù. Ở cuối nhà tắm hơi

này, có một cái sân để khách hàng tắm nắng. Từ sân này, một cầu thang dẫn lên tới tận mái nhà chạm sát vào tường thành. Các Macchabée đã khám ra rằng quân Anh, từ các đài quan sát và trạm gác trong ngục, có thể coi chừng tất cả các đường tiến sát, từ tất cả mọi chiều hướng đến, ngoại trừ cái sân và mái nhà của hamman. Vậy đó sẽ là điểm tấn công.

Một giờ trưa : giờ G.

Ben Moshé, Ben Canaan, Nahoum Ben Ami ra lệnh. Cuộc tấn công vào nhà tù bắt đầu.

Dẫn đầu một toán tiên phong năm mươi người mang chất nổ, Ari lao vào hamman. Trước sự đột nhập này, các khách hàng Ả-rập đang ngồi xồm trong đám hơi nước dày đặc đã la hét sợ hãi. Đề cho đợt thứ hai lo nhất cái đám người trần truồng thô tục đang la hét này, Ari rảo bước dẫn quân tiến vào sân. Leo các bậc thang, họ băng qua mái nhà để đặt chất nổ vào tường nhà tù. Sau vài giây để gắn ngòi nổ, họ lui xuống sân rồi nằm bẹp xuống.

Đúng 1g15, một tiếng nổ làm rung chuyển cả thị trấn. Khi khói chậm chậm tan ra, một lỗ lớn đã thủng trong tường nhà tù.

Ngay khi có tiếng nổ, bốn (đồng lõa bên trong) hoạt động ngay. Người thứ nhất ném một trái lựu đạn vào trung tâm điện thoại để cắt đứt ngay liên lạc với bên ngoài. Người thứ hai, cũng bằng cách ấy, phá hủy khu kiểm soát phân phối điện lực chính không còn ánh sáng, không

còn hệ thống báo động nữa. Người thứ ba bắt sống quản ngục, trong văn phòng có sẵn chìa khóa tất cả các phòng giam. Còn người thứ tư lao về phía lỗ thủng để hướng dẫn các Macchabée trong các hành lang rắc rối của nhà tù.

Các lực lượng của Ari trước hết nhằm chiếm kho vũ khí và chặn cứng khu các lính gác tù để làm tê liệt hoàn toàn mọi kháng cự. Hai mục tiêu này đã đạt được trong vòng một phút.

Vượt qua lỗ hủng ở tường, các đơn vị khác kế tiếp nhau thực hiện những nhiệm vụ đã được chỉ định trước. Trong các hành lang và các lối đi vòm cong, tiếng người chạy rầm rập, điềm nhịp bằng những tiếng lựu đạn nổ và các tràng tiêu liên. Nhờ đã chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch hành quân, các Macchabée mất đúng sáu phút để làm chủ hoàn toàn nhà ngục. Trong thời gian này, các lực lượng yểm trợ bên ngoài kìm giữ các quân sĩ và cảnh sát Anh mà tiếng nổ lớn đã báo động, đang cố gắng tiến vào nhà tù.

Chưa chi các cửa nhà giam đã vỡ tan dưới các nhát rìu và báng súng. Các tù nhân được giải thoát, Do-thái và Ả-rập lẫn lộn, được hướng dẫn chạy thật nhanh về lỗ hủng ở tường để rồi chạy phân tán ra ngoài theo đủ mọi hướng.

Đi cùng năm người nữa và đầy quản ngục đang điên lên vì sợ, Ari lao về các xà-lim tử tội. Một trái mìn từ tính thanh toán luôn chiếc cửa bọc thép chặn lối vào hành lang. một trái lựu đạn nữa làm bốn lính gác các tội

nhân án treo cò bỏ chạy luôn. Bằng một tay run rẩy, quản ngục mở khóa các xà-lim. Akiba và Dov được diu, bẻ xóc đi thật nhanh, vượt qua lỗ hủng, băng qua hamman ra ngoài. Mọi người kéo Dov lên một cam-nhông đầy lính Anh giả, mở máy chạy ngay ra con đường đi Nahariya. Hai phút sau, trong chiếc xe tham mưu, Akika và Ari phóng hết tốc lực theo một hướng khác.

Đúng từ lúc khởi đầu trận đánh trên mái nhà tắm Thờ, gần lỗ hủng ở tường, Ben Moshé thổi một tiếng còi ra lệnh lui quân. Khi Macchabée sau cùng rời khỏi nhà tù, đó là phút thứ hai mươi một sau khi có tiếng nổ đã đục thủng lỗ nhà tù Acre.

Chiếc xe trên có Dov bị săn đuổi dọc duyên hải bởi một đoàn quân Anh. Chạy đến trung tâm thị trấn Nahariya hoàn toàn Do-thái, chiếc xe dừng lại. Nahoum Ben Ami và Dov bôn tẩu bằng chân về kibboutz Ha Mishmar, trong khi các Macchabée khác mở rộng ra hàng quân chặn hậu để làm trì hoãn các quân truy kích. Toán quân này thành công trong việc kìm quân Anh lại để cho Nahoum và Dov chạy thoát được vào vùng đồi, nhưng đó là một trận chiến tự sát. Toàn thể mười bảy thanh niên nam nữ của toán này, không có lấy một người nào sống sót.

Chiếc xe tham mưu chở Ari và Dov đã lao vào một con đường dẫn vào nội địa, hướng về kibboutz Kafar Masaryk. Khi leo lên dốc đồi Napoléon, một toán Macchabée chặn lại. Viên chỉ huy toán này cất nghĩa :

— Anh phải đi đường tắt. Cách đây một quãng, đường gài mìn rồi. Hơn nữa đại đội quân Anh đang định phá xuyên qua vị trí chúng tôi về hướng Acre.

Ari hỏi

— Đường tắt nào bây giờ ?

Viên chỉ huy Macchabée nhún vai

— Tôi cũng không biết nốt. Bản đồ không có ghi.

— Không cần. Anh tài xế ạ, anh thấy anh có đủ sức chạy bọc quân Anh bằng cách băng đồng không ?

— Ta cứ thử xem.

Họ tránh được chủ lực Anh, nhưng khi chiếc xe định leo lên mặt đường, chừng một tiểu đội trông thấy liền vừa nổ súng vừa rượt theo. Ari đẩy mạnh Akiba nằm xuống sàn xe. Chiếc xe bị lão đảo vì bị trúng đạn, suýt nữa lật. Bám chặt vào tay lái, tài xế phải chạy chậm lại để lấy lại thăng bằng rồi cài số de để leo lên mặt đường. Những giây phút bỏ mất vì việc này đã cho phép hai quân Anh trang bị tiểu liên tiến lại gần. Bắn qua cửa kính sau, Ari hạ được một người. Đồng thời, người lính thứ hai nổ súng.

Akiba hét lên một tiếng. Một loạt đạn thứ hai bắn xuyên vào xe. Rồi bánh xe đã lăn được trên mặt nhựa đường, xe chồm lên hất Ari ngã chúi vào Akiba.

Sau vài cây số, tài xế cho xe chạy chậm lại, lo lắng hỏi

— Không sao cả chứ ?

Ari lầu nhầu :

— Cả hai chúng tôi đều bị thương rồi.

Chàng ngấm nghĩa chân phải. Viên đạn đã lọt vào phía sau chân và không chui ra. Nhưng đầu sao, đau đớn còn ở mức chịu được.

Chàng qui xuống lật ngửa Akiba ra, xé chiếc áo dẫm máu của ông ra. Ngực ông già bị một vết thương lớn.

Akiba không bất tỉnh. Bằng một tay hầy còn cứng cỏi ông kéo đũa cháu lại gần.

— Nặng lắm phải không cháu ? Cháu có tin là chú có thể thoát chết được không ?

— Không, thưa chú.

— Nếu vậy cháu hãy đưa chú đến một nơi nào kín đáo... cháu hiểu chứ,..

— Cháu hiểu lắm...

Ở Kfar Masaryk, chừng mười người đã đợi sẵn. Mọi người dấu chiếc xe tham mưu và đưa hai kẻ đào tẩu lên một xe vận tải. Akiba đã ngất đi. Ari chỉ có đủ thì giờ rắc một ít bột sulfamide lên cẳng chân bị thương và băng bó sơ sài. Khi người tài xế đề nghị trao phó Akiba cho người trong kibboutz này đề cho một y sĩ sẵn sóc, Ari lắc đầu :

— Ông chỉ có hi vọng một phần ngàn là thoát chết. Nếu đề ông chết ở đây, tất cả Palestine đều hay. Chúng ta không được đề cho quân Anh biết là Akiba đã chết.

Họ lại ra đi, người tài xế và một Macchabée nữa ngồi trên ca-bin xe, Ari, và Akiba ngồi phía sau xe. Ari nghiêng chặt răng. Chân bắt đầu làm cho chàng đau đớn ghê gớm.

Cuộc hành trình hầu như bất tận. Sau cùng, qua

những dốc chót của ngọn Carmel, họ tới vùng cao nguyên cô độc của lãnh thổ sắc dân Druse.

Đứng ở lối vào khu rừng nhỏ cạnh một chiếc xe lừa kéo, Moussah, người Druse và cũng là đoàn viên của Haganah, ra dấu cho họ dừng lại. Ari bước xuống một cách vụng về, một tay xiết chặt lấy chân bị thương. Quần áo chàng đẫm máu Akiba. Moussah vội chạy lại đỡ đỡ chàng. Ari nói :

— Tôi không sao hết. Hãy giúp tôi đưa ông Akiba ra Ông chết rồi.

Họ mang xác người chiến sĩ già vào chiếc xe lừa. Ari quay lại hai đoàn viên Macchabée.

— Phải dấu kín cái chết của ông Akiba. Các anh chỉ được báo cho Ben Moshé hay Nahoum Ben Ami biết mà thôi. Bây giờ các anh mang chiếc cam nhông này đi, chùi rửa thật sạch không còn vết tích nào. Moussah sẽ giúp tôi chôn cất chú tôi.

Vào lúc hoàng hôn, chiếc xe leo tới đỉnh cao nhất của ngọn Carmel. Xe dừng lại gần một khu rừng nhỏ, gần đền thờ đấng tiên tri Elie từ hai ngàn năm trăm năm nay vẫn nhìn đến thung lũng Jezreel. Moussah và Ari xuống xe và bắt đầu đào một nấm mồ. Ari nói nhỏ :

— Phải cởi bộ quần áo đỏ khốn kiếp này ra cho ông.

Sau khi đã được lột bỏ y phục của tử tội, xác Akiba được hạ nguyệt rồi phủ đất và cành lá lên trên. Kín đáo, Moussah lảng ra xa.

Ari cầu nguyện rất lâu trước mộ của chú mình. Jacob Rabinsky đã sống trong phần mộ đề rồi tìm thấy cái chết

trong bi thảm. Bây giờ sau cùng ông đã được thứ bình an mà ông không bao giờ được hưởng trong cuộc đời. Ông sẽ an nghỉ ngàn thu trên ngọn núi mà từ đó con người có thể nhìn thấy vùng đất Chúa đã hứa cho người Hébreux.

— Vĩnh biệt chú Akiba... cháu cũng chưa kịp báo cho chú biết là bố của cháu đã tha lỗi cho chú rồi...

Chàng đứng dậy. Đột nhiên chàng loạng choạng. Mo-ussah chạy tới kịp thời để đỡ lấy Ari ngã xiêu trong tay mình.

15

Kitty ra khỏi văn phòng bác sĩ Lierbeman, người đã một lần nữa đã thử thuyết phục — một cách vô ích — nàng rút đơn từ chức lại. Buổi tối, ngay sau bữa cơm chiều, nàng phải dự một buổi lễ giã từ do thiếu niên trong trại tồ chức để tiễn nàng và Karen, buổi lễ mà nàng hơi e ngại — nhất là từ lúc loan báo tin Macchabée đã tấn công nhà tù Acre. Trong vụ này, các Macchabée đã mất ba mươi lăm thanh niên nam nữ — hai mươi người tử trận trong đó có Ben Moshé, mười lăm bị bắt làm tù binh. Không ai biết rõ số người bị thương mà các bạn đồng đội mang theo. Đó là một giá khá cao để cứu lấy hai mạng người... ngoại trừ khi quan niệm rằng Akiba và Dov là một cái gì khác hơn là hai mạng người. Nhìn dưới khía cạnh chính trị, dĩ nhiên trận tấn công cướp tù này là một thành công tuyệt đẹp.

Nàng bước lên các bậc thang của bệnh viện và tiến vào văn phòng của mình. Nàng có ý định xét lại một lần chót các phiếu y lý của các trẻ em đau thần kinh. Nhưng chưa chi nàng đã bỏ dỡ công việc. Những đứa trẻ đáng thương này, nàng có quyền từ bỏ chúng khi chúng đang cần đến nàng như vậy không? Muốn thoát ra khỏi những rắc rối lương tâm sẽ làm cho chuyến ra đi của nàng khó khăn hơn, Kitty mở ngăn kéo kiểm thuốc trị loại rắc rối đó : sổ thông hành của nàng và của Karen, hai vé máy bay Lydda — Nừu ưóc..:

Đột nhiên nàng cảm thấy sau lưng mình có một hiện diện kỳ lạ. Nàng quay lưng lại, cố gắng hét một tiếng kêu. Trên ngưỡng cửa, một người Ả rập bộ ria to bụi bóng loáng, mặc một y phục Tây phương kẻ sọc, đội một chiếc mũ fez đỏ có quấn một băng vải trắng. Hắn nói bằng một giọng thân hữu :

— Tôi xin lỗi. Tôi không hề muốn làm bà sợ. Tôi vào được không ?

Ngạc nhiên thấy người đó nói tiếng Anh. Kitty gạt đầu. Người Ả rập bước vào và đóng cửa lại.

— Chắc bà là bà Fremont. ?

— Vâng, tôi đây.

— Tôi là Moussah. Tôi là dân Druse. Chắc bà đã nghe thấy mọi người nói tới chúng tôi.

Kitty biết mơ hồ rằng dân Druse là một môn phái Hồi giáo sống ở phần phía trên ngọn Carmel. Nàng cũng nhớ rằng sắc dân này không hề chia xẻ sự hận thù của dân Ả-rập đối với người Do thái.

Người đàn ông nói thêm :

— Tôi là đoàn viên của Haganah.

Nàng thốt lên trong một hơi thở

— Anh Ari !

— Anh đang trốn ở Daliyat, làng tôi. Chính anh đã chỉ huy cuộc tấn công vào nhà tù Acre. Anh yêu cầu bà lại ngay. Tôi cũng phải nói bà hay là anh bị thương nặng. Bà có nhận đi cùng tôi không ?

— Chắc chắn có rồi.

— Bà đừng mang theo thuốc men. Chúng ta phải hết sức thận trọng. Người Anh đã lập rất nhiều chặng kiểm soát và nếu họ khám phá ra thuốc men, họ nghi ngờ ngay. Ari khuyên nên lấy một xe cam-nhông và mang theo chừng hai ba mươi em. Chúng tôi nói với người Anh là chúng tôi mời các em tới dự một đám cưới cử hành vào ngày mai ở làng tôi. Nếu bà các thề tập hợp các em...chúng nên mang theo túi ngủ...

Kitty ngắt lời :

— Chúng tôi sẽ sẵn sàng trong mười phút nữa.

Vừa đi ra như chạy, nàng bồ tới văn phòng bác sĩ Lieberman.

Chuyến đi dài : chừng tám mươi cây số qua những con đường núi mà xe chỉ leo được rất chậm. Giữa đám trẻ con đang vui mừng vô lý. Ngồi giữa Karen và Moussah cầm lái, nàng nghĩ tới những viên đạn đã tiến vào sâu trong bắp chân... Ari không thề nào đứng lên nổi. . . đau đớn ghê khiếp... mất máu nhiều. Đề sẵn sóc người bị thương nàng chỉ có vài thứ thuốc trong túi cứu thương

mà nàng mặc dù lời cảnh cáo của Moussah : vài cuộn băng, teinture d'iode, sulfamide, tất cả dẫu trong túi đựng bao tay.

Đến trạm kiểm soát thứ nhất, quân Anh bắt tất cả mọi người xuống xe. Các quân lính tháo tất cả các túi ngửa ra, đâm dăm ba nhát lưới lê , xét dưới gầm xe, tháo các bánh sơ-cua ra coi. Họ khám động cơ, lục soát từng trẻ em một. Kitty nghiêng răng chặt coi đồng hồ : mất thêm một tiếng rưỡi nữa rồi...

Các quân sĩ ở trạm kiểm soát thứ hai chân ngọn Carmel cũng không kém tỉ mỉ cẩn thận. Kitty gần như hết sức chịu đựng thì chiếc xe được phép ra đi để leo lên những đường núi hẹp ngoằn ngoèo đưa lên đỉnh. Moussah cắt nghĩa :

Tất cả những làng Druse đều ở trên cao hết. Chúng tôi là một sắc dân thiểu số nên bắt buộc phải chọn các cao địa để dễ chống cự với các cuộc tấn công của dân Ả rập.

Một giờ rưỡi sau họ tiến vào Daliyat, một tò phụng hoàng nằm tít trên một cao nguyên chung quanh dốc ngược.

So với các làng Ả rập ở dưới đồng bằng, Daliyat, với các ngôi nhà trắng xóa, có vẻ xinh xắn sạch sẽ đến độ đáng ngạc nhiên. Các dân đinh cũng khác và khá hơn các dân Hồi giáo khác ở Palestine. Nhiều đàn ông ăn mặc theo kiểu Tây phương. Phụ nữ xinh xắn, một số rất trẻ con đẹp, khỏe mạnh và linh hoạt.

Chiếc xe rẽ từ từ qua đám đông quan khách tụ tập nơi này để dự đám cưới sẽ cử hành vào ngày mai. Xe

dừng trước phòng chính lễ, các trẻ con nhày xuống đất, và mang theo túi ngủ, chúng chạy đến lập trại ở một khoảng đất kế cận. Kitty và Karen ngồi lại trong ca bin xe. Moussah lại cho xe chạy qua đường phố chính rồi quẹo vào một ngõ nhỏ dốc ngược. Moussah nói.

-- Còn trăm thước chót này chúng ta sẽ đi bộ. Đường này dốc quá thẳng tôi không đủ sức chịu.

Moussah đưa Kitry và Karen đến ngôi nhà cuối làng có chừng mười người Druse võ trang đứng gác. Phía trong, hai người nữa đứng canh trước một cánh cửa. Kitty quay lại Karen :

— Em đợi cô ở đây đi. Nếu cô cần, cô sẽ gọi. Anh Moussah, xin anh đi với tôi.

Trong phòng hầu như tối hoàn toàn. Kitty nghe thấy một tiếng rên. Nàng tiến về phía cửa sổ, mở tung các cánh.

Ari nằm dài trên một chiếc giường đồng lớn. Các thanh giường đã cong vì tay Ari níu vào, đủ cho biết chàng đã đau đớn đến mức nào. Kitty lật chăn. Quần áo Ari cùng chăn nệm đều đẫm máu.

— Anh Moussah giúp tôi cởi quần Anh Ari ra hộ.

Moussah không dấu nổi một cái giật mình. Kitty trách :

— Đây không phải lúc thẹn thò về những chuyện như thế. Thôi, tôi cũng cởi nổi một mình rồi. Bây giờ anh dang ra đừng đó làm vướng tôi thì có.

Sau khi cắt bỏ vải quần, Kitty xem xét vết thương. Máu da hầu như bình thường, mạch đập tương đối cao. So sánh hai chân, nàng nhận thấy chân bị thương chỉ

hơi sưng thối. Yên tâm, nàng tìm lại ngay được tính cứng rắn nghề nghiệp.

— Anh Moussah, mang ngay lại đây cho tôi xà-bông, nước, khăn sạch. Tôi sẽ thử thăm dò vết thương.

Khi nàng thận trọng đưa tay thăm dò quanh vết thương Ari mở mắt.

— Kitty ! Cám ơn Trời . . . cô đã đến được . . .

— Anh đã làm những gì để chữa trị ?

— Chiều qua, tôi đã rắc bột sulfamide. Tôi cũng quấn băng ép, nhưng vào lúc đó, máu không ra nhiều . . .

— Tốt. Tôi bắt buộc phải kiểm đạn trong chân anh— anh sẽ đau ghê lắm đó.

— Cô làm đi !

Nhưng khi nàng mới ấn mạng ngón tay trên vết thương, Ari đã rên lên. Mặt ướt đầm mồ hôi, chàng nằm lấy thành giường. Kitty vội rút tay lại. Nhưng Ari vẫn tiếp tục ru lên. Con đau chỉ dịu đi sau nhiều phút. Kitty cúi xuống lau trán cho chàng.

— Anh có đủ sức nói không ?

— Đủ. Bây giờ đỡ hơn rồi. Thứ đau đớn này— lúc nó xuất hiện, lúc nó biến đi . . . Bao nhiêu là rắc rối vì cái căng bì hư này ! Tôi thật là thảm hại. Cô có hiểu tại sao không ?

Nàng lo âu nói :

— Hiểu và không hiểu. Một viên đạn có thể rắc rối lắm. Không thể biết nó đi qua đâu hay nấp vào chỗ nào. Tình trạng chung của anh không có gì đáng lo : Mạch và nhịp thở bình thường, không bị *chọc*, chân chỉ sưng ở

phần chung quanh vết thương thôi. Như vậy là không có xuất huyết bên trong : Viên đạn không chạm tới động mạch. Cũng không bị nhiễm độc nữa. Nói chung, anh may mắn đó. Điều duy nhất làm tôi thắc mắc không hiểu là thứ đau đớn ghê gớm của anh thôi.

— Đúng thế. Cứ hai hay ba tiếng, tôi lại ngắt xiêu đi một lần.

— Anh nắm lấy các thành giường đi. Tôi phải xem xét lại vết thương.

Nhưng sau vài giây, nàng lại phải thôi. Thét lên một tiếng, Ari cong tung người lên rồi sụm xuống, không thở nổi. Lần này các co quắp run rẩy kéo dài tới mười phút mới hết. Ari rên rí :

— A, khổ nạn quá ! Kitty, cô hãy cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao một viên đạn tầm thường lại có thể làm đau đớn đến như thế được . . .

Kitty lắc đầu :

— Tôi không phải là y sĩ. Tôi có thể đoán lăm lăm. Tôi không dám đưa ra một định bệnh nào...

Ari hờn hèn :

— Thì cô cứ nói cô đã phỏng đoán ra sao cũng được.

— Nếu anh muốn, cũng xin vâng... Viên đạn đã chạm vào xương. Đạn không làm vỡ xương bởi vì anh còn đi được sau khi bị thương, nhưng chắc nó đã gây ra một vết rạn nứt hay làm sức một mảnh xương. Có lẽ như thế là đủ cắt nghĩa tại sao đau đớn như vậy. Nhưng tôi, tôi tin có lẽ là viên đạn trượt trên xương rồi nằm áp sát ngay vào một giây thần kinh.

— Trong trường hợp như thế, phải làm gì ?

— Lấy viên đạn ra với bất cứ giá nào. Nỗi đau đớn này sau cùng có thể làm anh chết hay ít nhất cũng có thể làm tê liệt. Nhưng không thể có vấn đề chờ anh xuống dưới đồng bằng. Chúng ta sẽ bị nguy hiểm hơn, nhất là sự xuất huyết bên trong. Do đó, phải tìm cách gọi y sĩ đến đây — trong nội vài giờ nữa thôi, nếu muốn tránh tình trạng trầm trọng hơn.

Ari ngừng đầu lên nhìn Moussah. Người dân Druse này giơ tay làm một cử chỉ biểu lộ bất lực.

Kitty đứng dậy. Bằng một bàn tay run rẩy, nàng châm một liều thuốc lá, nói :

— Trong trường hợp như thế này, tôi chỉ thấy còn một cách anh ra đầu hàng người Anh để được săn sóc đúng cách.

Ari ra dấu, Moussah đi ra.

— Lại gần tôi đi, Kitty.

Chàng cầm lấy tay nàng

— Cách giải quyết của Kitty không đi tới đâu hết. Người Anh sẽ treo cổ tôi. Chỉ có em là cứu được tôi thôi, Kitty.

Cờ họng khô lại, Kitty rút tay và lùi lại tựa người vào tường. Ari, bây giờ rất điềm tĩnh, nhìn nàng một cách nghiêm trang.

— Em không làm được đâu... em không phải là y sĩ...

— Em phải làm bằng được, còn cách nào nữa đâu.

— Em không có dụng cụ...

— Tôi nhắc với em lần nữa là đâu có cách nào khác.

— Nhưng em không làm được... đau đớn sẽ giết chết anh mất... Anh sẽ không chống lại nổi đâu... Anh Ari, em sợ lắm.

Nàng ngồi gục xuống ghế. Hiên nhiên là Ari có lý nếu người Anh nắm được kẻ đã điều khiển trận đánh cướp tù, họ sẽ treo cổ ngay. Nàng là hy vọng độc nhất của chàng : dầu sao, không làm gì hết, cũng là đưa chàng đến chỗ chết.

Nàng đã quyết định. Nhìn thấy một chai rượu mạnh trong phòng, nàng đưa lại cho Ari.

— Anh hãy bắt đầu bằng cách uống chai này. Khi cạn chai, em sẽ đưa cho anh chai khác. Anh hãy uống say thật cần thận, chúng ta chỉ có mỗi loại thuốc mê này thôi. Và em cũng phải nói anh sẽ đau đớn kinh khủng lên được.

— Cám ơn Kitty.

Nàng ra mở cửa.

— Anh Moussah ! Chúng ta có thể kiểm thuốc men ở đâu ?

— Ở kibboutz Yaggour.

— Một chuyến đi về sẽ mất bao nhiêu lâu ?

— Đi thì nhanh. Về, đường khác vì quân tuần tiễu Anh, không thể đi trên đường lộ được. Bắt buộc phải đi bộ và leo dốc núi thì lâu lắm. Cho dù đi ngay bây giờ, cũng phải quá nửa đêm mới về tới đây.

— Được. Tôi sẽ một lập danh sách những gì cần thiết. Anh lo sao cho người bạn anh lên đường ngay lập tức. Nói với anh ta là phải nhanh lên.

Khi sắp viết danh sách thuốc men, nàng do dự. Người

giao liên có thể trở về đây rất trẻ. Hơn nữa, phòng y tế của kibboutz sẽ không có những thuốc mê thuốc tê nàng cần. Điều có nghĩa là nàng không thể chần chừ chờ đợi lâu hơn được nữa. Bởi thế nàng chỉ biên vào giấy yêu cầu cung cấp hai lít máu, trụ sinh, morphine, băng và một nhiệt kế. Moussah trao tờ giấy cho một người đứng canh, người này lập tức lên đường.

— Karen, cô sẽ cần tới em. Nhưng cô báo trước cho em biết là vụ này sẽ khó khăn, hết sức khó khăn đấy.

— Em sẽ chịu đựng được bất cứ cái gì để giúp cô.

— Tốt lắm, cưng. Anh Moussah, vì anh chẳng có bao nhiêu thuốc men trong làng nên chúng tôi sẽ thử làm việc với những gì chúng tôi đã mang theo được. Nhưng tôi cần có một đèn pin và... coi nào... vài lưỡi dao cạo chưa dùng lần nào hay một con dao nhỏ mài thật sắc.

— Tôi có thể tìm kiếm được các thứ đó.

— Tốt, Anh đưa sôi những dao cạo và dao nhỏ đó trong nửa giờ cho tôi.

Moussah ra mở cửa ngoài, ra các chỉ thị Kitty dặn.

— Bây giờ anh trải chăn ra đất cho tôi. Giường nhún nhày quá không được, cần phải giữ người bị thương hoàn toàn bất động. Karen, ngay sau khi anh Ari đã được đưa xuống đất, em tháo những ra bần này đi. Chắc anh Moussah sẽ có thể đưa em ra mới thay thế.

Moussah nói :

— Dĩ nhiên rồi. Bà còn cần gì nữa không ?

— Có chứ tôi cần sáu hay bảy người để chuyển anh ấy xuống đất cùng để giữ chặn anh trong khi tôi mò vết thương.

Các lệnh của nàng được thi hành nhanh chóng. Sau khi uống hết nửa chai rượu thứ hai, Ari đã say không nói được nữa. Mọi người khiêng chàng xuống chần trải dưới đất. Kitty chèn thêm một cái gối dưới đầu và nhét một khăn tay vào giữa hai hàm răng. Rồi sau khi đã rửa tay, nàng rửa chỗ vết thương và bôi teinture d'iode. Nàng nói :

— Tôi sẵn sàng rồi. Cần nhất các anh phải giữ anh ấy thật chắc, không để nhúc nhích tới một phân nào.

Moussah đã mang vào tám người nữa : một người giữ đầu, hai người giữ hai tay, hai người nữa giữ chân lạnh hai người chót giữ chân bị thương. Karen thì đứng, cầm đèn pin, chai rượu và băng bông. Kitty quì gối xuống.

Rạch một nhát chính xác, nàng mở các bắp thịt ngay bên trên lỗ đạn một đường dài năm phân. Ari giật mình mạnh đến nỗi những người dân Druse phải dùng hết sức của mình để xuống.

Nhìn thấy môi Kitty tái đi và mắt lờ đờ, Karen vội nắm lấy tóc nàng và đưa ly rượu vào miệng. Kitty suýt sặc, nhưng nàng tỉnh trí lại được và uống thêm một ngụm rượu thứ hai nữa. Ari đã ngất đi. Một tay Kitty vạch vết thương, tay kia nàng thăm dò bên trong. Nàng cảm thấy một vật cứng thoáng chạm vào móng tay trở. Sau một nỗ lực chót, nàng nắm được viên đạn và kéo ra ngoài.

Ngồi phịch xuống đất, nàng ngơ ngẩn nhìn viên đạn.

Nàng nấc lên một tiếng rồi đột nhiên phá lên cười như điên rồi òa lên khóc. Nàng hầu như không nghe tiếng nói vững vàng của Karen :

— Nhanh lên, đưa chú Ari lên giường. Cần thận, đừng để bất cứ cái gì chạm vào vết thương hết.

Cũng vẫn chính Karen rắc bột sulfamide vào vết thương và băng bó lại. Ngồi xụp trong một góc, Kitty vẫn khóc nức nở. Karen yêu cầu tất cả đàn ông ra khỏi phòng, rót cho Kitty một ly rượu nữa rồi sau cùng, cũng mở cửa ra khỏi phòng.

Chậm chạp, Kitty đứng dậy. Lại gần giường, nàng xem mạch vạch các mí mắt lên coi, quan sát màu da.

Đúng . . . không còn nghi ngờ gì nữa, chàng sẽ qua khỏi.

Qui xuống, nàng đặt đầu mình lên bộ ngực rộng của Ari đang còn hôn mê, thì thào giữa hai tiếng nấc nức nở

— Anh Ari . . . anh Ari . . .

16

Tối sáng ngày hôm sau, thuốc men vẫn chưa về đến nơi. Bị đau đớn hành hạ, Ari không ngừng trần trở và rên xiết. Kitty không rời chàng lúc nào, đã kiệt lực.

Nàng gọi Moussah đang đứng chờ ở lối vào nhà.

— Anh sắp phải đưa các trẻ con trở về Gan Dafna. trong làng còn có ai biết nói tiếng Anh nữa không ?

— Có chứ. Tôi sẽ nói với hắn tức trực gần bà.

— Cám ơn. Bây giờ anh có thể kê thêm một chiếc giường khác hay một đi-văng không? Tôi ít nhất cũng một tuần nữa mới có thể rời bệnh nhân được.

— Tôi sẽ cho kê dọn ngay.

Trong phòng Karen ngồi trên một ghế dài, đã thiếp ngủ. Kitty dịu dàng đánh thức nàng dậy. Thiếu nữ hỏi :

— Anh ấy ra sao?

— Không được khá cho lắm. Anh đau đớn nhiều. Karen cương, em phải trở về Yad El ngay bây giờ cùng với các trẻ em. Cô xin em, đừng có cãi cô. Em cắt nghĩa cho bác sĩ Lieberman hiểu là cô phải ở lại đây . . .

— Nhưng cô ơi, mai chúng ta phải lên tàu rồi mà...

— Em hủy chỗ đi. Đòi lui lại một thời gian . . . Cô cũng chẳng biết bao giờ cô mới rời nỗi thương binh của chúng ta. Bây giờ một việc khác : Em ghé qua Safed báo cho bác Bruce Sutherland biết và yêu cầu bác đợi cô ở Haifa. Nhắc bác mang dùm cho cô ít quần áo.

Karen hôn nàng rồi ra đi.

Sau cùng, tới buổi chiều, thuốc men cũng lên tới nơi. Người giao liên đã phải nhiều lần lần trốn trong nhiều giờ để tránh các toán quân Anh đã được tung ra để lùng kiếm các Macchabée bị thương. Kitty tiếp cho Ari một lít huyết và rất nhiều liều trụ sinh để ngừa mọi nhiễm độc, chích một mũi morphine để làm dịu cơn đau ghê gớm.

Trong bốn mươi tám tiếng sau đó, nàng duy trì Ari trong tình trạng ù lì nhưng dễ chịu bằng morphine. Rồi nàng bắt đầu chích thưa dần đi. Bây giờ Ari, nhờ sức

mạnh sẵn có và thần kinh hữu hạn, đã bắt đầu bình phục dần dần. Sáng ngày thứ năm, Ari đột nhiên tỉnh táo, tuyên đòi ăn và xin ngay một con dao cạo và gương soi. Bằng một giọng nữ điều dưỡng, nàng nói :

— Tôi nghĩ là cuối tuần này, chúng ta có thể thôi dùng morphine. Đến khi đó, anh sẽ bắt đầu tập đi với chân bị thương — một cách cẩn thận bởi vì vết thương chưa liền, dăm lại toác ra nếu anh bắt bấp thối cố gắng quá sức.

— Khi nào thì tôi lại có thể đi được ?

— Khó biết lắm ngày nào chúng ta chưa chiếu điện được chân anh. Có thể xương chỉ bị rạn thôi : nếu có mảnh, anh sẽ đau đớn như cũ. Dầu thế nào, anh cũng không thể rời lạng này ít nhất là trong một tháng nữa.

Nàng cúi xuống để kéo lại chăn.

— Anh có vẻ khỏe hẳn rồi đó, tôi đi dạo một vòng. Nửa giờ nữa tôi sẽ trở lại...

— Đợi chút đã, Kitty. Tôi... tôi muốn nói... cô đã săn sóc tôi khéo léo như một nàng tiên. Thế rồi đột nhiên cô lại cáu giận. Tại sao vậy ? Tôi đã làm gì cô ?

— Không có gì hết. Tôi chỉ kiệt sức thôi. Tôi đã coi sóc anh trong năm ngày năm đêm liền...

Ari ngắt lời nàng :

— Không phải thế. Tôi cảm thấy có một cái gì khác. Hãy nói cho tôi biết đi... cô hối tiếc là đã tới đây phải không ?

Kitty nói nhỏ :

— Anh đã đoán đúng.

— Nhưng sao mới được chứ, Kitty ? Vậy cô ghét tôi sao ?

— Những điều tôi đã làm chưa đủ để chứng tỏ là tôi không ghét anh sao ? Nhưng.. thôi xin anh... tôi mệt thật rồi...

— Cắt nghĩa đi Kitty.

Nàng thở dài

— Được rồi, Nếu anh muốn thế. Tôi hận tôi, tôi khinh tôi vì đã lo lắng cho anh nhiều đến như thế. Rồi, nói vậy anh đã hài lòng chưa ?

Ari lắc đầu

— Đàn bà rắc rối ! Tại sao cứ gặp nhau là chúng ta kính nhau như hai địch thủ đấu boxe vậy, lúc nào cũng sẵn sàng đánh ra, né tránh ? Tại sao vậy ?

Kitty nhìn chàng rất lâu.

— Có lẽ tại tôi không chịu chấp nhận tuân theo các quan niệm quá đơn giản của các anh : “Anh thích tôi, tôi thích anh, vậy chúng ta hãy ngủ với nhau”. Trang 444 cầm nang của Palmach : Con trai và con gái phải tránh tất cả mọi thẹn thùng giả tạo. Hỡi phụ nữ Palestine, hãy thẳng thắn và trực tiếp : Khi nào gặp người đàn ông mình ưa, hãy vào giường hắn. Rất tiếc, nhưng tôi không thể là, không bao giờ có thể tân tiến như Jordana hay cái cô bất tử Dafna của anh . . .

— Cô im đi nào ! Tại sao cô lại dám quả quyết là phụ nữ chúng tôi lại lằng loàn như thế ? Jordana trước sau chỉ yêu có một người. Nàng có quyền khước từ hiến thân

cho người nàng yêu không, một khi chỉ đến cuối tuần lễ đó thôi, cả hai đều có thể đã chết cả rồi. ? Cô tin ở tôi đi, tôi thích sống trong bình an với Dafna giữa ruộng vườn hơn là trương mình ra cho quân Ả-rập ám sát.

Kitty nhún vai.

— Làm thế nào được. Tôi, tôi không quan niệm cuộc đời như một sứ mệnh cao cả bao giờ. Tôi cần được tin chắc rằng tôi là kẻ tối cần thiết cho người tôi yêu.

— Tôi đã không chứng tỏ tôi cần em đến mức nào sao ?

Nàng nở một nụ cười ngẩn ngui, chua chát.

— Ồ, có chứ ! Anh đã cần đến tôi ở đảo Chypre để đưa giấy tờ giả do Dov Landau chế tạo ra ngoài trại. Anh lại cần đến tôi ở Palestine này để lấy một viên đạn lạc vào chân ra. A ! Anh quả là người tài ba. Ngay cả lúc đau gần chết, anh còn nghĩ ra mưu kế khôn ngoan cho tôi đi du hành giữa một bầy trẻ trong một chiếc cam-nhông. Thực ra, anh đâu cần tôi, anh chỉ cần một y tá giỏi đủ khả năng vượt qua các trạm kiểm soát của quân Anh mà thôi. Tôi biết là tôi chỉ nên trách tôi mà thôi. Xét cho cùng, nếu tôi đã đi yêu một cái máy không hiểu đến nghĩa của chữ "yêu" nữa, thì lỗi chính là tại tôi mà thôi.

Nghiêng người xuống Ari, nàng không nghĩ tới việc giữ những giọt nước mắt tức giận đang lăn dài xuống má.

— Có thể rằng một ngày nào đó anh sẽ cần đến một người nào. Và lúc đó sẽ ghê khiếp cho anh bởi vì anh không thể nào yêu cầu nài người ta giúp anh một cách thành thật.

— Có phải cô lúc này nói là cô sắp đi dạo một vòng phải không ?

— Tôi có nói thế và tôi sắp làm bây giờ đây. Tôi còn sẽ đi dạo rất lâu, không hề muốn trở lại nữa. Điều dưỡng Katherine Fremont xin cáo từ ông Ben Canaan. Trong vài ngày nữa, Palmach sẽ đến đây lo cho ông. Từ giờ đến đó, ông không có chết đâu.

Nàng quay lưng và đi ra. Một giờ sau nàng rời làng.

Nàng chỉ trở lại Gan Dafna sau khi đã sống hai ngày ở Haifa cùng Bruce Sutherland. Khi nàng sắp mở cửa phòng làm việc, nàng ngạc nhiên thấy Jordana đang đứng đợi nàng, vẻ gương ngùng.

Kitty lạnh lùng hỏi :

— Cô muốn gì ? Sáng nay tôi bận lắm.

— Chúng tôi đã được biết chị đã làm những gì cho anh Ari. Tôi chỉ muốn nói là tôi rất biết ơn chị..

— Tôi thấy là các cơ quan tình báo của cô đã liên lạc được với các làng dân Druse. Về phần tôi, tôi rất tiếc là đã phải lui ngày khởi hành đi Mỹ của tôi lại quá nhiều ngày. Nhưng cô đừng cho là tại phía cô : nếu một con chó bị thương đi nữa, tôi cũng lo cho nó như thế.

Vào cuối tháng tám 1947, Ủy ban Điều tra của Liên Hiệp Quốc cho công bố hai khuyến cáo, một được đa số ủy ban ủng hộ, một là của nhóm thiểu số cũng trong ủy ban này. Cả hai dự án này đều chủ trương nên chia Palestine : sẽ có một Quốc gia hoàn toàn Do-thái, một Quốc

gia-hoàn toàn Ả-rập, và một vùng quốc tế bao gồm đô thị Jérusalem cùng các thánh địa.

Người Do-thái khẩn khoản xin ủy ban, ngoài các vùng đã có dân cư, phân phối cho thêm sa mạc Néguev nữa. Bên Ả-rập đã có cả triệu cây số vuông sa mạc mà chưa tìm cách khai thác bao giờ. Còn người Do thái, họ hi vọng sẽ mang lại được một hình thức sinh động nào đó cho mấy ngàn cây số vuông này, bằng cách tưới mồ hôi và nước mắt lên cát và sỏi đá. Ủy ban điều tra chấp nhận. Tuy thế, dù có được lớn thêm bằng sa mạc Néguev, phần lãnh thổ của Do-thái theo dự án thuận lợi cho họ nhất, cũng vẫn là một sự vô nghĩa lý trên cả ba bình diện chính trị, kinh tế và quân sự — ba dãy đất duyên hải nối liền với nhau bằng các hành lang hẹp — một vùng đất thành lập kỳ cục, khó khai thác, khó bảo vệ, một thứ thỏa hiệp không ra làm sao cả. Nhưng các đoàn thể phục quốc Do thái, đã thấm mệt vì đã chiến đấu trong nửa thế kỷ rồi, tuyên bố là họ sẽ chấp nhận dự án này.

Còn người Ả-rập, họ tuyên bố rằng chia Palestine, là có chiến tranh ngay.

Nghị quyết sau cùng sẽ được bàn cãi vào giữa tháng chín, khi có phiên họp của Đại hội đồng LHQ ở Nũ-u-róc

Thề theo sự nài nỉ thân hữu của bác sĩ Lieberman, Kitty đã lui ngày ra đi lại nhiều tuần nữa. Bây giờ, sắp đến lúc chia ly. Sáng ngày mai, Bruce Sutherland sẽ đưa nàng cùng Karen đến phi trường Lydda để lên máy bay đi

La-mả. Các hành lý công kênh đã được gửi đi theo đường biển.

Ngồi một mình trong văn phòng, Kitty đọc lại vài phiếu của những đứa trẻ mới tới trại trong những tháng gần đây...

(ROBERT DUBUAY, 16 tuổi. Quốc tịch gốc : Pháp. Tim thấy ở Bergan-Belsen. Lúc giải thoát, Robert mười ba tuổi, nặng 28 ký. Phải chứng kiến cảnh xử tử bố mẹ và một đứa em. Chị Robert (sau này tự tử) bị bắt phải làm điểm cho các quân S S. trong trại, Robert tỏ ra nhiều triệu chứng thù hận sâu xa. và e rằng sẽ bị...)

«SAMUEL KASNOWITZ, 12 tuổi, gốc Estonie. Theo như được biết tới giờ, không còn thân nhân nào sống sót. Sau khi trốn tránh trong hầm của một gia đình Ki-tô giáo, đã phải chạy vào rừng sống một mình trong vòng hai năm...»

Tất cả những phiếu này đều giống nhau. Ác mộng... các cơn khủng hoảng tinh thần... tính gâý hấn... Kitty xếp các phiếu trả lại hồ sơ. Bằng một cử chỉ đột ngột, nàng đứng dậy, tắt đèn, vừa ra khỏi phòng vừa chạy.

Dùng đèn pin soi đường, nàng đi qua bãi cỏ lớn. Mọi người đã đào thêm các địa đạo. Gần khu nhà ngủ của các trẻ em, mọi người đã tăng cường thêm bê-tông cho các hầm trú.

Nàng mở cửa nhà mình. Trong một góc, các va-li đã sẵn sàng cái nào cũng đã cột nhãn đầy đủ.

— Karen... em ở đâu, cưng ?

Có một màu giấy nhỏ để trên bàn bếp !

(Bạn bè tổ chức một châu nhảy nhót gia từ quanh lửa trại. Em sẽ về khá sớm. Hôn cô.

Karen,

Kitty châm một điều thuốc và đi đi lại lại trong phòng. Sau một vài phút, bị trời nóng khó chịu, nàng ra khỏi nhà. Trong không khí yên tĩnh, thoang thoảng một mùi hương hoa hồng. Nàng đi theo con đường nhỏ chạy giữa các ngôi nhà nhỏ, nhà nào cũng có thảm cỏ, hàng rào và cây cối. Lúc sắp quay trở lại, nàng nhận thấy có ánh sáng đèn sau cửa sổ nhà Lieberman.

Nàng nghĩ : «Chắc hẳn ông ấy đang khổ sở lắm». Hai đứa con của ông, một trai một gái, đã rời trường Đại học để nhập ngũ trong Lữ đoàn Néguev, một đơn vị mới thành lập của Palmach. Nàng đi tới tận cửa nhà, giơ tay gõ. Bà quản gia, cũng già và cũng dễ thương như ông trưởng trại, mời nàng vào phòng làm việc. Vị bác sĩ già đương tìm cách đọc một lời ghi bằng tiến hébreu trên một chiếc bình cổ xưa. Máy phát thanh đang chơi một điệu nhạc của Schumann. Khi Kitty bước vào, viên bác sĩ đặt chiếc kính phóng đại xuống. Nàng nói :

— *Shalom*.

Viên bác sĩ già mỉm cười. Đây là lần đầu tiên nàng chào ông bác sĩ bằng tiếng hébreu.

— *Shalom*, Kitty Đây là một tiếng rất dịu dàng từ người bạn cố tri...

— Và cũng là một tiếng rất dịu để đón chào một người bạn... để chúc bạn một ngày tốt đẹp..

— Kitty... coi kia...

— Vâng, bác sĩ ạ. *Shalom*... Tôi sẽ ở lại đây, Gan Dafna này. Chính nơi này mới là nơi tôi phải sống.

PHẦN BỐN

1

Mùa thu 1947.
Liên Hiệp Quốc
Flushing meadow (Nữ-u-U^oóc)

Vụ biên quyết chia xẻ xứ Palestine sẽ rất là gay go, thâm thẳm.

Muốn thắng, cần phải đạt được đa số hai phần ba. Vậy mà các quốc gia Ả - rập, nếu chính họ chỉ có mười một phiếu, lại có thể lợi dụng các vị trí chiến lược cùng tài nguyên dầu hỏa để gây một áp lực mạnh với rất nhiều quốc gia khác. Chưa kể đến sự họ có thể lợi dụng cuộc tranh chấp giữa Nga Sô và Hoa - kỳ, đồng minh chính của Anh quốc,

đề vận động thêm. Còn phía Do-thái, dĩ nhiên là họ có nhiều thân hữu trong các quốc gia trung lập, các quốc gia Bắc Âu và Mỹ-la-tanh. Họ cũng có thể trông cậy ở nước Pháp, dù rằng quốc gia này phải rất gượng nhẹ với các thuộc địa Hồi giáo Bắc Phi, cho tới giờ vẫn chưa mặc cả sự ủng hộ Do-thái bao giờ. Nhưng từ đó tới chỗ hội đủ hai phần ba tổng số phiếu, còn cả một khoảng cách ghê gớm nữa. Hơn nữa, chính Anh quốc cũng chống lại sự chia cắt bởi vì nước Anh hi vọng sẽ được LHQ trao quyền ủy trị xứ này một lần nữa. Anh quốc chắc sẽ không do dự trong việc gây áp lực tối đa với một số nước nhỏ ở Âu châu có nền kinh tế tùy thuộc ở đồng Anh kim.

Như vậy trận đánh mở ra vào ngày 29 tháng 9 có vẻ như bất trắc cho người Do-thái. Tuy vậy, sau chừng một tiếng đồng hồ, Chaim Weizmann và Barak Ben Canaan, các trưởng phái đoàn Do-thái, bắt đầu hi vọng. Mặc dù số phiếu trắng khá cao, các phiếu ủng hộ chia cắt Palestine thẳng thẽ rõ rệt. Các quốc gia của Khối Thịnh Vượng Chung, ngoài trừ nước Pakistan theo Hồi giáo, đều bỏ phiếu "thuận", chứng tỏ chính sách của Anh quốc đã thất bại. Cũng như trường hợp của đại diện Nga Xô — đây là một ngạc nhiên sung sướng bởi vì Weizmann đã dự trù Liên Xô sẽ bỏ phiếu trắng, căn cứ trên sự kiện tại quốc gia này, các chủ nhân ông của điện Cầm linh đã cấm chỉ tất cả mọi tuyên truyền của phục quốc Do thái. Không ai thêm muốn địa vị của đại diện Anh quốc, mặt tái xanh, loan báo rằng "chính phủ của Đức Vua mong muốn không bày

tỏ ý kiến». Các phiếu sau cùng, của Uruguay và Vénézuela, đã mang lại Cho Do thái đa số cần thiết.

Ở Tel Aviv, mọi người điên lên vì vui mừng. Ít nhất cho một thời gian ngắn. Ben Gourion và các lãnh tụ khác của «Trung ương» đều biết rằng cần có một phép màu lớn hơn nữa mới có thể dành được độc lập cho quốc gia Israél tương lai, cái quốc gia chung quanh chưa chi đã vang lên hàng triệu tiếng la hét của người Ả rập «Hãy giết chết bọn Do thái!».

Ở Caire, ở Damas, ở Arabie Séoudite, các tiếng nói căm thù cất lên hồ hào thánh chiến. Azzam Pacha, tổng thư ký của Liên đoàn Ả rập, tuyên bố công khai như sau:

«Chúng ta sẽ mở ra một cuộc chiến tranh diệt chủng, Mọi người sẽ được thấy những cuộc tàn sát như của dân Hung nô đã thực hiện trước đây».

Ngay hôm sau ngày biểu quyết của LHQ, một cuộc tổng đình công đã biến thành dấy loạn. Ở Jérusalem, dân chúng tàn phá trung tâm thương mại của khu Do thái trước con mắt lãnh đạm của quân lực Anh. Còn LHQ, chẳng những không nghĩ tới chuyện thành lập một lực lượng quốc tế để tới trám chỗ cho lực lượng Anh sắp sửa rút đi đến nơi, lại chỉ bàn cãi thảo luận không ngừng.

Còn những người Do thái, họ tỏ ra thực tế hơn. Bây giờ quốc gia tương lai của họ có một căn bản hoàn toàn hợp pháp. Nhưng nếu họ muốn tuyên bố độc lập sau khi quân Anh di tản khỏi Palestine, nửa triệu dân thiếu trang bị của họ sẽ phải cô độc đương đầu với chừng năm mươi triệu dân Ả rập cường tín

Người Ả rập không hề có ý định chờ đợi sự tuyên bố độc lập này của người Do thái. Tạm dành quân chính quy lại, người Ả rập cho thành lập nhiều «đạo quân giải phóng», gồm có những người được gọi là tình nguyện, để xâm chiếm Palestine. Đồng thời, một nhóm buôn lậu hoạt động tích cực để thành lập rất nhiều kho vũ khí tồn trữ trong nội địa xứ này.

Trong lúc đó «Trung ương» Do thái kiểm kê lại lực lượng bên mình. Bản tổng kê rất bi quan : về chiến binh trang bị và huấn luyện đầy đủ, họ chỉ có trước sau bốn ngàn người của Palmach. Các Macchabée chỉ chiêu tập được chừng một ngàn người, và còn xa mới kiếm được sự thỏa thuận hợp tác của họ. Tuy thế Avidan có thể trông cậy ở nhiều yếu tố phụ nữa. Trước hết là các nhân sự dự trữ của Haganah, gồm rất nhiều ngàn người đã được huấn luyện quân sự đầy đủ trong quân lực Anh thời đệ nhị thế chiến. Kế đó các dân vệ của các kibboutz mà ông đã kiên nhẫn và tỉ mỉ tổ chức suốt hai mươi năm trường. Và sau hết là một hệ thống tình báo tuyệt hảo. Ngược lại, các lực lượng Do thái rất thiếu hụt vũ khí : các cơ sở phục quốc Do thái rải rác khắp thế giới chỉ mua được một số lượng giới hạn, hạm đội Anh tiếp tục phong tỏa duyên hải Palestine, và tệ hơn nữa là Hoa kỳ lại vừa ra lệnh cấm gửi mọi loại vũ khí sang Trung Đông. Một biện pháp chỉ có nhắm vào người Do thái thôi. Còn các quốc gia Ả rập, họ có thể mua vũ khí ở nhiều nước và tùy ý chuyên chở về nước dưới hiệu kỳ quốc gia.

Nói tóm tắt về phía Ả rập có một ưu thế hết sức rõ

rệt về người cũng như vũ khí. Hơn nữa phía Ả rập lại có, đây là trường hợp kỳ lạ, một lãnh tụ quân sự xứng đáng với danh từ là Abdoul Kadar, cháu của vị mufti.

Nhưng sự kiện nghiêm trọng nhất là thái độ của người Anh. Luân đôn còn hy vọng rằng «Trung ương» Do thái sẽ cầu cứu tới họ, từ bỏ việc chia cắt và xin người Anh ở lại Palestine. Do đó phát xuất một chiến thuật hết sức lợi cho phía Ả rập. Trên lý thuyết, mỗi khi di tản khỏi một vùng nào, người Anh phải trao các đồn Taggart cho chức quyền nào đại diện cho đa số dân trong vùng liên hệ. Trên thực tế, các chỉ huy trưởng địa phương đã thích trao các pháo đài này cho người Ả rập hơn, ngay cả trong các khu vực hoàn toàn chỉ có người Do thái.

Chưa chi các cuộc chạm súng đầu tiên đã xảy ra chung quanh các nông trường có lập. Rồi Abdoul Kadar, được tấn phong làm «tư lệnh» vùng Jérusalem, đã cho áp dụng một chiến thuật kíp đề hi vọng đạt chiến thắng dễ dàng. Một mặt, không dám dàn trận tấn công các kibboutz phòng vệ kỹ lưỡng, ông bao vây tuyệt lương cho đói, một mặt khác, ông cho tăng cường các cuộc tấn công chống lại sự vận chuyển đường bộ của Do thái.

Bởi thế, ngay từ lúc đầu khởi chiến, người Do thái đã bắt buộc phải cố thủ trong các vị trí mà việc tiếp vận vũ khí đạn dược đã đặt ra những vấn đề không sao giải quyết nổi. Tình trạng này còn lâm nguy hơn nữa khi Kadar quyết định tuyệt lương của một trăm ngàn dân Do thái trong Jérusalem. Vậy mà con đường duy nhất nối liền khu Do thái mới này với Tel Aviv lại băng qua vùng núi

Judée, vùng mà các làng Ả-rập khổng chế tất cả mọi hẻm núi, mọi đèo. Đề bảo vệ cho các đoàn xe của mình, Do thái bắt buộc phải chế tạo ra các «chiến xa», các xe bọc thép một vài tấm thép và trang bị đại liên. Nhưng biện pháp này đã tỏ ra không đủ để chống lại các vụ phục kích, và con đường máu ấy đã ngồn ngang các xác xe bị đốt cháy. Trong Jérusalem, bắt đầu đã có nạn đói, mọi người chỉ di chuyển trong các xe buýt bọc sắt và trẻ con nô đùa trong tầm súng của các tay bắn sẻ Ả-rập. « Trung ương » hoài công kêu gọi người Anh, nhấn mạnh tới sự bạo tàn của kẻ địch đang tâm bỏ đói cả thường dân. Người Anh vẫn cứ làm như điếc và án binh bất động.

Như vậy, chiến tranh đã bắt đầu ngay khi người Do-thái chưa tuyên bố độc lập.

Ari Ben Canaan vết thương chưa đủ lành để đứng ra chỉ huy một trong ba lữ đoàn của Palmach như ý Avidan muốn. Không phải cứ lê chân đau mà chàng có theo nổi những đơn vị ưu tú lúc nào cũng di động qua mọi địa thế khó khăn nhất.

Ngược lại chàng nhận, nhân danh Haganah, công việc bảo vệ thung lũng Houleh, khu hết sức là lâm nguy bởi vì vùng này một phía là Liban và Syrie, và xa hơn một chút xuống phía nam, lại tiếp giáp với Transjordanie : ba quốc gia Ả-rập — ba kẻ thù.

Tình hình trong khu gồm ba điểm : điểm thuận lợi nhất — các nông trường Do - thái, công sự phòng thủ vững chắc, nằm ở các vị trí có thể tương trợ nhau dễ dàng, thừa đủ sức đẩy lui các cuộc tấn công của các

đơn vị không chính qui địch. Điền đáng lạc quan — đa số dân vùng này là Do-thái và người Anh hứa sẽ trao đồn Esther cho Do-thái, vị trí chia khóa nằm ở biên thùỵ Liban. Điền thứ ba đáng lo — hai vị trí cô lập khu Do-thái ở Safed và trung tâm thanh niên Gan Dafna, đều khó có thể bảo vệ nổi.

Nhưng không phải vì thế mà phía Do-thái chịu di tản khỏi hai vị trí trên. Ở Safed viên chỉ huy địa phương của Haganah, được Bruce Sutherland ủng hộ, nhất quyết đánh nhau tới khi bắn hết viên đạn cuối cùng.

— Nhưng mọi người cũng phải cung cấp cho tôi những viên đạn cuối cùng ấy chứ ! Và cả súng đề bắn chúng nữa. Dĩ nhiên là muốn đánh đấm ra trò ; phải tăng viện cho tôi... phải cung cấp đại liên cho tôi...

Ari chỉ biết hứa hẹn mơ hồ với cấp chỉ huy này. Khi còn ngồi lại một mình, chàng thoáng một lúc ngã lòng. Cứ cho rằng mọi sự tiến triển thuận lợi nhất chẳng nữa, sau khi quân Anh ra đi, chàng cũng chỉ mang thêm được chừng năm mươi người của Palmach đến tăng cường bảo vệ cho Safed mà thôi. Từ đầu đến cuối xứ Palestine, vấn đề này chồ nào cũng đặt ra tương tự. Năm mươi người chồ này, hai mươi lăm người chồ kia... đạn được phân phối nhỏ giọt ngày nào bên Ả-rập biết rõ tình trạng thâm này, họ sẽ nhào tới.

Còn về Gan Dafna... Nếu người Anh giữ lời hứa và trao đồn Esther lại cho Haganah, nếu mouktar của làng Abou Yesha chung thùỵ với tình thân hữu đã có với gia

đình Ben Canaan thì việc bảo vệ trung tâm Gan Dafna chưa là vấn đề khẩn cấp. Trong trường hợp ngược lại . . .

Jordana Ben Canaan tiến vào văn phòng của Kitty.

— Rất tiếc làm phiền chị. Mọi người vừa cho biết anh David Ben Ami sắp đến thanh tra hệ thống phòng thủ của chúng ta và sau đó sẽ hội họp với các cấp chỉ huy của trung tâm. Tôi mong chị sẽ tới tham dự buổi họp này.

Kitty nói, cổ dẫu kín ngạc nhiên :

— Được lắm.

Jordana nói tiếp :

— Như chị đã biết, tôi là người chỉ huy của các người ta thường gọi lực lượng quân sự trong trại. Do chức vụ này, chị và tôi, chúng ta bắt buộc phải hợp tác chặt chẽ với nhau. Tôi cũng muốn nói để chị rõ là tôi hoàn toàn tin cậy ở chị và tôi cũng cho rằng sự hiện diện của chị ở Dafna này là một điều may mắn lớn cho toàn thể chúng tôi.

Mỗi lúc thêm ngạc nhiên, Kitty tò mò nhìn Jordana, thiếu nữ này nói thêm :

— Theo ý tôi, chúng ta phải dẹp bỏ mọi tình cảm cá nhân của chúng ta. Làm được thế, tinh thần mọi người trong trung tâm sẽ vững hơn.

— Dĩ nhiên rồi. Nhưng cô Jordana ạ . . . tình hình chính xác về chúng ta ra sao hiện giờ ?

— Trong lúc này thì không tệ lắm. Dĩ nhiên chúng

ta chỉ nhẹ thở ngày nào đồn Esther được trao lại cho Haganah.

— Nếu biến cố diễn ra theo một chiều khác thì sao ? Giả thử người Anh trao đồn Esther cho người Ả-rập... và con đường qua Abou Yesha bị đóng kín ?

— Trong trường hợp thế, viễn tượng của chúng ta sẽ rất là đen tối.

Kitty đứng dậy đi đi lại lại trong phòng.

— Mong cô hiểu cho là tôi không hề muốn xen vào những vấn đề không liên quan tới tôi. Nhưng chỉ vì . . . chúng ta hãy nhìn thẳng vào thực trạng : Chúng ta dám bị vây hãm lắm phải không cô ?

— Rất có thể lắm.

— Thế mà ở đây chúng ta có nhiều em bé mới sinh. Chúng ta chắc phải lập một kế hoạch tản cư cho chúng cùng các trẻ em nhỏ tuổi chứ.

— Di tản chúng đi đâu bây giờ ?

— Tôi đâu có biết... Trong một kibboutz hay một moshav nào đó an toàn hơn chẳng hạn.

Jordana nhún vai.

— Tôi không biết nơi nào cả, thưa chị. Dầu thế nào «an toàn hơn» cũng chỉ là một từ ngữ hết sức là tương đối. Chiều rộng trung bình của Palestine chưa tới sáu mươi lăm cây số. Điều đó có nghĩa là không có một kibboutz nào được coi như an toàn hết. Mỗi ngày, lại có thêm một nông trường bị xâm nhập...

— Ta có thể đưa chúng về các thành phố.

— Jérusalem kẻ như hoàn toàn bị bao vây. Và chính

ở Haïfa và ở khu vực giữa Haïfa và Tel — Aviv hiện là nơi đánh nhau ác liệt nhất.

— Vậy. . không còn nơi ẩn trốn nào nữa sao ?

Jordana không trả lời. Không còn gì để trả lời cả.

2

GAN DAFNA

ĐÊM NOËL, 1947.

Các đám tuyết đầu tiên của mùa đông rơi xuống những con đường nhỏ sũng nước.

Karen đang mặc một chiếc quần len và một áo xăng-đai dày. Nàng coi đồng hồ và thở dài.

— Tối nay em phải ăn cơm sớm. Tối nay, em phải gác đêm, cô.

Kitty bắt đầu cạo tóc cho Karen thì đột nhiên một giọng đồng ca của trẻ con cất lên phía trước nhà. Kitty kêu lên

— Cái gì vậy ?

Karen nắm tay nàng kéo ra cửa sổ.

— Đó là quà Noël của cô đó. Các em nhỏ bí mật học hát bài này mất hai tuần lễ đó cô.

Kitty kéo màn cửa. Trên thảm cỏ tuyết bắt đầu phủ, năm mươi « đứa con » của nàng tay cầm nến thấp sáng, đang hát bài thánh ca. Nàng mặc áo măng-tô, rồi mở cửa bước ra thềm. Sau lưng các trẻ, bày

trăm thước xa hơn các ánh đèn lấp lánh như sao dưới thung lũng. Trong các bungalow kề cận, các cửa nhà mở ra và các khuôn mặt tò mò nhìn ra ngoài. Kitty cảm thấy một niềm xúc động siết chặt lấy cổ họng. Nàng không hiểu lời bài ca, nhưng âm điệu này

Karen nói

— *Merry Christmas, Kitty*

Kitty không còn kìm giữ nữa, nước mắt nàng chảy xuống má.

— Cô không bao giờ có tưởng được một ngày kia sẽ được nghe bài *Silent night* bằng tiếng hébreu. Đây là món quà Noel đẹp nhất của đời cô. !

Karen phải ra đời phiến canh ở địa đạo vòng đai ngoài của Gan Dafna, nơi nhìn xuống các sườn dốc của cao nguyên. Sau khi người thanh niên gác phiến trước đã ra về, Karen nhét một kẹp đạn vào súng, đóng cơ bằm lại rồi xỏ bao tay.

Chung quanh nàng, không gian chìm sâu trong im lặng. Tuyết vẫn rơi lả tả, bao phủ dần dần sườn núi. Đột nhiên nàng nhận thấy có gì động đậy trong hàng cây phía sau nàng. Nàng thận trọng quay lại, cổ dương mắt nhìn xuyên qua bóng tối hoàn toàn. Lại có cái gì động đậy. Đó chỉ là một con chó đói hay là . . . Nàng mở chốt an toàn, đưa súng lên vai nhắm sẵn. Một bóng đen tách ra khỏi hàng cây, tiến về phía nàng .

— Đứng lại !

Bóng đen đứng sững lại.

— Mặt khâu ?

Nàng giật bản mình khi nghe thấy một giọng quen thuộc gọi tên nàng.

— Karen !

— Anh Dov !

Nàng leo ra khỏi địa đạo và chạy tới đề rơi vào vòng tay chàng.

— Dov ! Em không thể ngờ được . . . Lại đây anh !

Cả hai người cùng nhảy xuống địa đạo. Dov cắt nghĩa :

— Tôi đợi em cả giờ rồi. Tôi đã đứng chờ trước nhà rồi theo em tới đây . . .

Hai tay run rẩy, nàng xiết chặt lấy vai, cánh tay Dov.

— Anh lạnh ngắt rồi này. Anh cũng không mặc áo len nữa. Anh sắp lạnh cóng đến nơi giờ...

— Không đâu. Tôi thấy dễ chịu lắm.

Mặt trăng hiện ra giữa một khoảng trống của đám mây làm hai người sau hết đã có thể nhìn thấy nhau. Dov nói :

— Tôi... tôi tưởng Karen đã ở Mỹ rồi chứ.

— Em và cô Kitty đều không thể nào đi được.

— Chắc em đang tự hỏi tại sao tôi lại trở lại đây. Đã từ lâu rồi, tôi muốn nhìn lại Gan Dafna, nhưng chỉ vì... khi bỏ trốn khỏi đây, tôi có ăn trộm một số nữ trang. Chắc tất cả mọi người đều coi tôi như một tên ăn cắp...

— Ồ, không có đâu ! Ngày nào anh còn sống, hiện diện nơi đây.

— Tôi sẽ bồi hoàn lại tất cả.

— Điều đó không quan trọng đâu anh. Không ai giận anh vì chuyện đó hết.

Dov đã ngồi sụp xuống đất, nói nhỏ :

— Khi tôi còn ở trong tù, và ngay sau khi ẩn trú trong các hang động gần Mishmar, lúc nào tôi cũng nói đi nói lại với tôi một điều : Dov, không ai oán ghét mi hết. Không ai thù mi hết. Chỉ có tự mi làm khổ mi mà thôi. Khi em lại thăm tôi tại nhà tù Acre, đột nhiên tôi không muốn chết nữa. Cũng không muốn giết cả các kẻ thù nữa.

Dov ngừng nói một chút, rồi tiếp tục với giọng thấp hẳn xuống :

— Em biết không . . . tôi nói với em hồi ấy tôi có một cô bồ, là tôi nói dối đấy. Tôi bịa chuyện ra như vậy để . . . Karen chịu ra đi . . .

— Em biết thế mà anh.

— Karen biết thực sao ?

— Ít nhất thì em cũng đã cố thuyết phục em như thế. Em muốn tin hết sức ở tình thương của anh đối với em.

Nàng đưa tay chạm vào má Dov.

— Anh run lên vì lạnh rồi anh. Em van anh, vào sưởi trong nhà đi. Anh có thể nói hết mọi sự với cô Kitty cô biết những gì giữa hai ta mà. Ngay khi mãn phiên gác, chúng ta sẽ đến gặp bác sĩ Lieberman. Cần thận nghe anh, anh dám bị các người canh khác chặn lại. Mặt khâu đêm nay là : Mừng lễ vui.

Trước khi đi, Dov do dự.

— Karen... anh muốn hôn em.

Nàng nhóm chân lên và hai đôi môi nức nở vì lạnh chạm vào nhau rất nhanh. Dov thì thảo :

— Anh yêu em, Karen.

Nói xong, Dov nhẩy ra khỏi địa đạo chạy về phía cổng vào Gan DaJna.

Vào đầu năm 1948, người Ả rập mỗi ngày tỏ ra liều lĩnh táo bạo hơn. Người Anh càng rút quân dần ra miền duyên hải, bỏ hết vị trí này đến vị trí khác, các vụ chạm súng nhỏ nhỏ lúc trước bây giờ biến thành các trận đánh dàn trận hãn hoi.

Chưa chi cuộc chiến đã lan rộng ra toàn thềm xứ xở. Nhưng các kibboutz, mặc dù bị bao vây, quấy phá, tấn công, vẫn cố thủ vững và còn tấn công trả đũa lại. Ngược lại, tình hình mỗi lúc một nghiêm trọng hơn lên trong các thành phố. Ở Safed, bên Ả rập tập trung nhiều lực lượng quan trọng để chờ đợi ngày đại tá Hawks, chỉ huy trưởng yếu khu này, mang trung đoàn quân Anh của mình ra duyên hải. Trong lúc chờ đợi, người Ả rập chỉ ngăn chặn mọi đường tiến vào khu Do thái của thành phố này ai cũng biết đại tá Hawks thân với người Do thái.

Ở Haïfa, nơi người Anh chiếm cứ vững chắc các bến tàu, chặng chót của chuyến rút quân khỏi Palestine, người Do thái chiếm ưu thế về cao địa : cư ngụ trên các sườn ngọn Carmel, họ khống chế khu Ả rập. Nhưng bất hạnh một điều là mỗi khi họ chiếm được một điểm chiến

lược người Anh lại bắt họ rời bỏ trong vài giờ sau.

Trong vùng pha trộn các nhà cửa cũ kỹ tồi tàn của Jaffa với các tòa nhà cao tối tân của Tel Aviv, các cuộc ám sát đột kích và đánh nhau ngoài đường phố xảy ra không ngừng. Nhưng những trận đánh dữ dội nhất lại diễn ra chung quanh các khu Do thái ở đô thị Jérusalem. Tại phần này của Cờ thành, hoàn toàn bị cô lập bởi các đơn vị không chính qui Ả rập tăng cường thêm nhiều đơn vị của Liên đoàn Ả rập Transjordanie, thực phẩm và nước uống thiếu thốn đã tạo ra một tình trạng mỗi ngày một thêm thê thảm. Dưới làn đạn súng cối và súng trường của các tay thiện xạ Ả rập nấp trên các nóc nhà, dân Do thái chỉ có thể di chuyển bằng xe bọc thép. Bên Ả rập kêu ầm lên là đã chiến thắng khi họ chặn được một đoàn xe của Hồng Thập Tự do trung tâm y khoa ở ngọn Scopus gửi đến. Ngày hôm đó, họ tàn sát bảy mươi bảy y sĩ Do thái không vũ trang theo đúng Qui Ước Genève. Việc tàn sát ghê tởm này xảy ra ngay trước mắt quân đội Anh mà người Anh không can thiệp.

Đại tá Hawks sắp bắt đầu di tản khỏi khu Safed. Ari đã trao cho Zev Gilboa đại diện bên Do thái trong buổi lễ bàn giao chính thức đồn Esther cho các lực lượng Do thái.

Vài giờ sau Ari được biết rằng Zev và quân sĩ của anh khi tới đồn đã bị tiếp đón bằng một loạt đạn bắn ra ào ào. Trái với lời đã hứa hẹn long trọng, quân Anh đã trao đồn Esther cho người Ả-rập.

Nhảy vội lên xe jeep, Ari phóng như bay về Safed. Hất viên trung úy có nhiệm vụ loan báo chàng đến sang

một bên, Ari đi thẳng vào văn phòng đại tá.

— Các ông đã phản bội chúng tôi !

Hawks cãi bằng một giọng náo nê :

— Không phải lỗi tại tôi. Tôi thề với anh là không phải tại tôi. Tối qua, lúc 10 giờ, tôi được lệnh rút quân ngay lập tức ra khỏi đồn ấy.

— Các ông có thể báo trước cho tôi được chứ.

— Tôi không thể báo cho các anh biết trước được— tôi không có quyền làm như vậy. Tôi là quân nhân, anh Ben Canaan, tôi phải tuân lệnh thượng cấp của tôi. Anh hãy tin ở tôi đi, đêm qua tôi nhắm mắt không nổi.

— Một lời xin lỗi thật đẹp cho một kẻ mang trách nhiệm về số phận của Gan Dafna trong lương tâm— giả thử là đại tá có một lương tâm.

Hawks tái mặt :

— Anh sẽ không đề tội trẻ trên đó, trên cao nguyên cô lập đó chứ ? Anh bắt buộc phải đưa chúng xuống dưới đồng bằng . . .

— Đáng lẽ Đại tá phải nghĩ tới chuyện đó sớm hơn chứ. Không có đồng Esther, chúng tôi bắt buộc phải cố thủ ở Gan Dafna, nếu không muốn mất toàn thể thung lũng Houleh.

Hawks cúi đầu xuống, hai tay xiết chặt lấy thành bàn. Hiên nhiên viễn ảnh ba trăm trẻ bị tàn sát làm ông xúc động dữ dội. Ari nói tiếp :

— Có lẽ còn có cách để sửa sai bớt tai hại Đại tá đã làm. Ít nhất một phần nào.

— Tôi sẽ làm tất cả những gì anh muốn

— Với tư cách chỉ huy trưởng khu Safed, chắc đại tá có quyền đi lên Gan Dafna đề khuyến cáo chúng tôi di tản trung tâm này chứ ?

— Chắc chắn vậy.

— Được, vậy ông sẽ làm chuyến thăm viếng đó. Ngày mai Đại tá lên Gan Dafna cùng với một đoàn năm mươi xe cam- nhông có chiến xa hộ tống. Chính thức, đại tá sẽ có ý định mang trẻ em xuống thung lũng.

— Tôi không hiểu. Anh muốn tản cư trung tâm ?

— Không. Nhưng đại tá khỏi lo tới chuyện đó. Đại tá cứ mang đoàn xe lên Gan Dafna đi.

Hawks không đủ can đảm đề đặt ra các câu hỏi khác. Ngày hôm sau, đoàn xe vĩ đại lên đường đến cao nguyên, băng qua sáu làng Ả-rập, vượt qua trước mặt các lính canh Ả-rập ở đồn Esther, đề tới Gan Dafna vào lúc gần trưa. Trong một tiếng đồng hồ liền, Hawks cố gắng thử thuyết phục bác sĩ Lieberman, di tản trung tâm. Nhưng đã được Ari báo trước, Lieberman cương quyết từ chối. Mỗi lúc thêm phân vân khó hiểu, Hawks đành ra về với các xe cam nhông trống không.

Trong lúc đó Ari dạo chơi trong làng Abou Yesha, thổ lộ với các bạn bè Ả-rập là đại tá Hawks đã trút xuống Gan Dafna hàng tấn vũ khí đủ loại, nhất là súng cối và đại liên. Chàng cắt nghĩa :

— Ít ra thì đại tá cùng phải giúp chúng tôi như vậy. Và lại đại tá cũng chưa bao giờ dấu diếm cảm tình với dân Do-thái chúng tôi. Ông giúp vũ khí như vậy để đền

bù lại vụ ông phải trao đồn Esther cho bên Ả-rập các anh.

Ngay tối hôm đó, cả vùng đều « biết » là Gan Dafna bây giờ đã trở thành « pháo đài » khó mà chiếm cho nổi. Câu chuyện này lại càng đáng tin hơn nữa vì sau đó không hề có một vụ tấn cư nào. Hiên nhiên hơn nữa là chắc chắn người Do-thái đâu dám để trẻ con ở lại một vị trí không bảo vệ được bao giờ.

Ngược lại, buổi hội kiến của Ari với mouktar làng Abou Yesha đã đưa đến một kết quả tai hại. Sau khi đã gọi lại rất lâu những kỷ niệm chung, Ari cảnh cáo bạn : nếu làng này chấp nhận cho các quân không chính quy Ả-rập biến làng thành một căn cứ hành quân, Haganah sẽ bắt buộc phải tấn công tiêu diệt làng.

Xúc động cái giạt mình đau đớn của Taha, Ari đặt một tay lên vai bạn :

— Anh Taha... tôi xin anh hãy giúp tôi.

— Anh quên rằng tôi chỉ là một tên Ả-rập — một tên Ả-rập dơ dáy sao.

— Chỉ có anh, mình anh mới nhét cái ý nghĩ phi lý ấy vào đầu anh thôi.

— Có lẽ anh sẽ nói tôi là anh em với anh chẳng ?

— Từ bao giờ tôi vẫn coi anh là anh em với tôi.

— Thực vậy hả ? Vậy này, nếu sự thật là như thế, hãy cho tôi Jordana. Anh hãy thuận cho tôi Jordana để nàng trở thành vợ, thành mẹ của các con tôi...

Taha chưa kịp nói hết câu, Ari đã bằng một cú đấm chớp nhoáng, đánh Taha ngã lăn ra đất. Taha chồm dậy, rút dao găm cài ở thắt lưng ra, tiến tới phía Ari. Sững người, Ari không làm một cử chỉ nào để bảo vệ mình. Taha giơ dao lên, toan đâm, nhưng rồi buông dao. Tiếng kim khí va vào sàn đá làm Ari bừng tỉnh. Chàng thì thào :

— Trời ! Tôi đã làm gì ? Tôi đã làm gì ?

Chàng giơ tay ra như để xin thứ lỗi . . . Taha quay đi, nói bằng giọng cứng rắn :

— Anh đã cho biết điều tôi cần muốn biết. Bây giờ anh đi đi, đồ Do thái !

3

Rất nhiều biến cố sẽ đánh dấu những tháng đầu năm 1948.

Ở Âu châu, các cán bộ của «Trung ương» nhờ sự ủng hộ của Jan Masaryk, tổng trưởng ngoại giao Tiệp khắc, đã mua được một số lượng vũ khí. Để có thể đưa số vũ khí này về Palestine vượt qua hàng rào phong tỏa do hải quân Anh duy trì, họ đã phải thành lập ở Vienne một công ty hàng không, Công ty này mua ở kho quân cụ thặng dư của Hoa kỳ một chiếc oanh tạc cơ Liberator cũ và mượn một phi hành đoàn sáu người Do thái cựu chiến binh đệ nhị thế chiến, bốn người Nam Phi và hai người Mỹ. Về bãi đáp, họ chọn một nơi khuất nẻo trong thung lũng Jezreel có sẵn một căn cứ khu trục cũ của không lực Hoàng

gia Anh. Nằm giữa một vùng hoàn toàn Do thái, phi đạo này khó bị người Ả rập biết. Còn về sự có thể bị các phi tuần Anh bắt gặp, thì đành tin cậy ở tài năng khéo léo của các phi công lái chiếc Liberator . . . và tin ở may mắn. Dầu thế nào, đây cũng là một cuộc chạy đua với thời gian. Nhận các vũ khí ở năm hay sáu nước khác nhau, hết sức bí mật đưa về Vienne, đã mất tối thiểu hai tuần rồi. Xét sự tiến triển mỗi ngày thêm thê thảm của tình hình ở Palestine, mọi người chỉ có thể hy vọng rằng chuyển vũ khí đầu tiên sẽ về đến nơi không quá trễ.

Bên phía Ả rập, hăng hái điên cuồng trong những ngày đầu đã bắt đầu nhường chỗ dần cho chán nản thất vọng. Một cuộc tấn công đại qui mô vào một kibboutz cô lập hoàn toàn chỉ có dân Do thái chính thống giáo cư ngụ, đã chấm dứt bằng một thảm bại đẫm máu trước mắt rất nhiều phụ nữ Ả-rập đã tụ tập lại để tham dự vào vụ hội của kibboutz. Vài ngày sau, trên đường đi từ Tel-Aviv tới Jérusalem, Lữ đoàn 2 của Palmach đã chiếm được, sau một trận cận chiến dữ dội, ngọn đồi trước đây đã cho phép quân Ả-rập chặn đường tiến của các xe cộ. Ngày hôm sau, một đoàn xe vĩ đại chở đầy thực phẩm đạn dược, mặc dù địch kháng cự dữ dội, đã tới tiếp tế được cho Tân Jérusalem bị bao vây từ nhiều tháng rồi.

Trong «Bộ tư lệnh tối cao» Ả-rập, thiên hạ sùng sốt. Những tên Do-thái đáng nguyên rủa kia chẳng những không tự vệ mà thôi, lại còn lao ra tấn công nữa ! Hiên nhiên là chính nghĩa của cuộc thánh chiến cần gấp một chiến thắng. Cần hết sức khẩn cấp !

Bị triệu gọi cấp tốc đến tổng hành dinh Ả-rập đặt ở Naples, Mohammed Kassi, chỉ huy các quân không chính quy thung lũng Houleh nhận được lệnh — “nhân danh Ngài mufti” — tấn công ngay lập tức Gan Dafna, chiếm trung tâm này, san bằng đến tận móng. Dù Kassi có viện dẫn thế nào tới “cả ngàn khẩu súng, trăm đại liên, hai mươi đến ba mươi súng cối đại tá Hawks đã biểu cho trung tâm này, dù đã thề chính mắt mình trông thấy một ngàn Palmachnik tới tăng cường cho các đơn vị thiếu nhi Gan Dafna, Kassi rút cục chỉ nhận được hai cái tát nên thân.

— Một là mi tiêu hủy được Gan Dafna, hai là xác mi phanh thây cho kèn kèn ngoài đời rĩa thịt.

Kassi không biết làm sao hơn là tuân theo lệnh.

Đề mở đầu, Kassi cho một trăm quân chiếm cứ Abou Yesha. Quen thuộc sống hòa thuận với các láng giềng Do thái từ mấy chục năm nay, dân làng không dấu vẻ bức tức với sự chiếm cứ này. Rất nhiều người trong họ đã xuống tận kibboutz Ein Or để báo cho Ari biết. Đồng thời các kỳ mục khẩn khoản yêu cầu Taha đòi hỏi đạo quân kia phải rút đi. Nhưng mouktar Taha đã khép mình trong một cảm nín hoàn toàn, và với thái độ này, các fellah quen nhận chỉ thị chính xác, đành chịu chết không biết hành động ra sao nữa. Rồi một hôm quân của Kassi bắt gáp bốn dân làng đang mang thực phẩm lên Gan Dafna. Những người dân xấu số này bị chặt đầu đem bêu ngay giữa chợ.

Kể từ ngày đó, Abou Yesha thôi không còn chống đối nữa.

Do đó con đường độc đạo dẫn lên Gan Dafna đã bị cắt đứt. Kassi, từ đồn Esther cao, cho bắn súng cối không ngừng vào trung tâm.

Tình trạng này, người Do-thái đã tiên liệu ngay từ khi thành lập trung tâm. Lầu chứa nước uống được một bức tường bao cát che kín, các máy phát điện, các kho dự trữ thực phẩm thuốc men và đạn dược, cũng như các kho vũ khí, đều được đào trong các hầm núi rộng rãi có đủ cả các phòng ngủ và lớp học nữa. Một vài giờ sau đợt pháo kích đầu, toàn thể trung tâm đã được tồ chức để sống một cuộc sống khá dễ chịu trong hang động. Còn về việc liên lạc với Yad El, đường điện thoại đã bị cắt, mọi người sử dụng gương Scott (gương kim khí phản chiếu ánh sáng và truyền các tín hiệu Morse).

Dưới thung lũng, ở kibboutz Ein Or, Ari chỉ còn thề xiết tay lại mà chờ đợi thôi. Nếu Gan Dafna có đủ dự trữ để cố thủ cả tháng, thì ngược lại, trận đánh đầu tiên sẽ làm tiêu mất «huyền thoại» là trung tâm này «được võ trang ghê gớm». Và tới khi đổ địch sẽ nhào lên và sau đó trẻ con bị tàn sát...

Lục lợi vợ vét phấp nơi, Anh chỉ kiếm được chừng một chục khẩu súng trường kiểu 1883 của Tây-ban-nha, hai mươi ba tiểu liên nội hóa và một súng chống chiến xa Hung-gia-lợi dư mức độ phế thải và năm băng đạn. Zev Gilboa và hai mươi Palmach kia nữa mang các vũ khí này

lên tận cao nguyên bằng cách leo lên sườn dốc đứng ban đêm.

Sau mười ngày pháo kích liên tục, đa số nhà cửa trong trung tâm đã sụp đổ. Một phát đạn nỏ tung ở lối vào hầm, làm hai trẻ em bị chết. Những người đầu tiên bị chết của cuộc công hãm Gan Dafna.

Cũng ngày hôm đó, Ari được Tel-Aviv cho biết là Bộ tư lệnh cho phép được tản cư trẻ em ra khỏi các vị trí bị địch quân đe dọa và tấn công. Quyết định tối hậu để cho các cấp chỉ huy các Kibboutz tùy nghi thăm định, và trong trường hợp của Gan Dafna, quyền này tùy thuộc khu trưởng các trẻ em sẽ được đưa về miền duyên hải. Rất dễ đọc được ân ý của Bộ tư lệnh qua những giòng chữ của điệp văn này rõ ràng là, trước tình trạng lâm nguy gia tăng trầm trọng, Haganah đã dự trù tới việc có thể phải di tản các trẻ em bằng đường biển để cứu chúng khỏi vụ tàn sát lớn có thể xảy ra.

Ari cho triệu tập các đơn vị trưởng và những người này đồng ý khuyến cáo cho tản cư gấp trẻ em ít tuổi. Bây giờ vấn đề là làm cách nào đưa được chúng ra khỏi trại. Tờ chức một đoàn xe sẽ đòi hỏi động viên tới tất cả lực lượng xử dụng được trong vùng — và có làm như vậy, một sự tập trung quân như thế cũng không đủ bảo đảm thành công cho chiến dịch di tản. Vậy mà vấn đề ở đây không phải là thắng hay thua một trận đánh. Vấn đề ở đây quan trọng hơn nhiều : mạng sống của mấy trăm trẻ em.

Tới đây, một lần nữa Ari lại nghĩ ra một kế hoạch táo bạo đến điên rồ. Được rồi, nếu các phương cách thông

thường không dùng được, chàng sẽ liều đánh cá lớn với số mệnh — chàng lại thắng cuộc.

Sau khi đã trao cho David Ben Ami thành lập một «lực lượng cứu ứng» Ari leo lên cao nguyên— một chuyến đi ghê khiếp bởi vì bất cứ một nỗ lực nhỏ nào của chân cũng làm chàng đau đớn vì vết thương cũ chưa lành. Lên được tới Gan Dafna vào lúc rạng đông, chàng cho triệu tập ngay tất cả các trưởng nhiệm sở của trung tâm. Chàng tuyên bố, không giáo đầu gì hết.

— Ở đây các bạn có hai trăm rưỡi em dưới mười hai tuổi. Chúng ta sẽ tản cư các em đó vào tối mai. Đêm nay, bốn trăm người lấy từ tất cả các nông trường trong thung lũng sẽ leo lên đây dưới sự hướng dẫn của David Ben Ami. Nếu họ không bị địch khám phá ra và tấn công, sáng mai họ sẽ tới đây. Đêm mai họ lại xuống núi— hai trăm rưỡi người mỗi người công theo một trẻ, một trăm rưỡi còn lại sẽ giữ nhiệm vụ bảo vệ cho tất cả. Tôi cũng cần nói thêm rằng một trăm rưỡi người bảo vệ này sẽ được xử dụng tất cả các vũ khí cộng đồng nặng của toàn khu chiến Houleh.

Mọi người đưa mắt nhìn nhau như Ari vừa nói quàng xiên xong. Bác sĩ Lieberman phản đối

— Xuống núi kiêu đó rất nguy hiểm, dầu là thực hiện ban ngày đi nữa. Ban đêm, trên lưng hay trong tay bồng một đứa trẻ . . . chắc chắn sẽ có tai nạn xảy ra . . .

— Đó là một thứ may rủi mà chúng ta đành phải chấp nhận.

Zev Gilboa nhận xét thêm

— Đó không phải là may rủi duy nhất đâu. Đoàn người bắt buộc phải đi băng qua gần Abou Yesha. Quân Ả-rập sẽ nghe thấy họ . . .

Ari ngắt lời :

— Chúng ta sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để quân Ả-rập không nghe thấy họ. Dầu thế nào, chúng ta cũng chẳng thể còn cách nào khác nữa.

Ngay lập tức các lời phản đối cất lên nhao nhao.

— Im lặng ! Chúng ta đâu có ở trong quốc hội ! Các bạn sẽ phải giữ bí mật tuyệt đối : không được có một hành động cưỡng quít sợ hãi nào hết. Rồi, bây giờ bắt đầu làm việc !

Sáng ngày hôm sau, bốn trăm người tình nguyện đã lên đến nơi, và theo lệnh Ari, họ phân tán ẩn núp vào các bờ bụi chung quanh trung tâm. Do đó các quan sát viên Ả-rập đứng sau các lỗ châu mai của đồn Esther đều không trông thấy họ được.

Đúng 17g55, các trẻ em phải đi tản được tập hợp để ăn cơm chiều : không đứa nào nhận thấy là bữa nay có một vị hơi đắng do thuốc ngủ hòa tan gây ra. Lúc 18g15, mọi người đưa chúng vào giường. Mười phút sau, chúng đã ngủ say sưa.

Đến 18g32, mặt trời lặn xuống sau đồn Esther. 18g40 Ari lại họp các trưởng nhiệm sở.

— Yêu cầu các bạn lắng nghe tôi thật cẩn thận. Vụ

đi tản sẽ khởi sự trong vài phút nữa. Mỗi bạn sẽ ở đúng vị trí tôi sẽ chỉ định. Cuộc hành quân đặc biệt này sẽ diễn ra theo một thời biểu hết sức chính xác : bất cứ một sai lệch, tùy hứng nào cũng dám đưa đến những hậu quả nghiêm trọng. Tôi sẽ không chấp nhận bất cứ một bàn cãi nào. Tất cả mọi sự phản đối, khước từ thi hành lệnh đều sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

Đến 18g45, Jordana ra lệnh cho các thiếu nhi ở lại trung tâm lập bốn vòng vây chung quanh trung tâm. Hơn lúc nào hết, lúc này hết sức cần tránh sự xâm nhập của địch có thể khám phá ra bí mật hoạt động trong trại. Zev Gilboa cùng hai mươi Palmachnik của anh tiến ra vùng đồi để thi hành «nhiệm vụ bảo vệ đặc biệt».

Lúc 19 giờ, mọi người chuẩn bị cho các trẻ em vẫn ngủ say sưa : mặc quần áo ấm cho chúng, đặt một băng keo lên miệng để ngăn cản chúng kêu khóc. Lúc 17g30, Ari ra ngoài để đưa bốn trăm người tình nguyện trở vào.

Một đường giây người được thành lập tới tận cửa lối vào các hầm trú để truyền tay nhau các trẻ em. Các người tình nguyện sẽ mang chúng trên lưng trong một thứ như cái yên biển cải không cản trở gì hết cử động chân tay họ. Lúc 20g30, sau khi kiểm soát lại một lần chót hệ thống dây nẹp, đoàn người dài bắt đầu di chuyển, hộ tống bằng một trăm năm mươi người võ trang. Dưới sự hướng dẫn của Ari, họ lần lượt vượt qua bờ cao nguyên để rời tan biển vào trong bóng đêm.

Từ đó là sự chờ đợi khắc khoải, im lìm, bất tận. Không thể nào ngồi yên nổi một chỗ, Kitty đi lang thang giữa

các căn nhà. Nửa đêm, một giờ sáng, hai giờ . . . Đột nhiên một loạt súng nổ ở xa vọng lại. Nàng hét lên một tiếng.

— Các đứa nhỏ của tôi ! Chúng giết các đứa nhỏ của tôi !

Nàng lao mình chạy vào bóng đêm. Jordana phải ôm cứng lấy nàng và sau cùng phải đấm cho nàng một cái vào giữa lưng ngã sóng soài ra đất.

— Nghe tôi đã nào chị Kitty ! Tiếng súng đó là của Zev Gilboa cùng các Palmachnik đang tấn công đánh lạc hướng địch ở phía bên kia Abou Yesha để quân Ả-rập khởi chú ý tới phía lộ trình của đoàn người chúng ta.

Jordana đỡ Kitty đứng dậy, rót cho nàng một ly rượu.

— Cầm lấy uống đi chị ! Tôi rất tiếc là đã phải đánh chị...

— Cô làm phải đó. Tại tôi mất bình tĩnh quá.

Ba giờ sáng... bốn giờ... năm giờ rưỡi họ đều ra hết bên ngoài, trong bình minh lạnh cóng để tiến ra ngoài vòng rào trại về đài canh và quan sát cheo leo bên bờ vực.

Chậm chạp, sương mù tan dần để lộ rõ thung lũng phía dưới. Ống nhòm dán vào mắt, người quan sát nhìn chăm chú sườn núi. Không có gì hết... không có một cái gì động đậy...

— Nhìn kia !

Trong các khu vườn của nông trường Yad El, một tấm gương đang gửi những dấu hiệu Morse, các chấm, vạch, các chấm rồi các vạch...

— Họ nói gì vậy ?

Người quan sát có vẻ phân vân.

— Họ nói... tôi chẳng hiểu họ nói gì hết... họ nói như sau : X 14 16.

Mọi người ngơ ngẩn một thời gian ngắn. Tấm gương lại nhắc lại bản điệp văn. Rồi bỗng giọng Jerdana cất lên, đầy vui mừng chiến thắng :

— Họ đã xuống tới nơi, hoàn toàn bình yên vô sự. Exodus 14 16 : *Con hãy giờ gậy của con lên và giờ tay về phía biển : hãy rẽ nước ra và con dân Israël sẽ băng qua không ướt gót.*

4

Bốn ngày sau, nhận thấy địch giảm bớt rõ rệt các áp lực đối với các nông trường trong thung lũng, Ari hiểu là địch sắp tấn công Gan Dafna đến nơi. Bởi thế chàng lại leo lên trung tâm thanh niên đề thân chinh điều khiển công việc phòng thủ.

Đối diện với mấy ngàn người Ả rập của Mohammed Kassi đạn dược dự trữ thừa thãi và được các súng cối của đồn Esther yểm trợ, chàng chỉ dàn ra được hai mươi Palmachnik của Zev và các đơn vị thiếu nhi của trung tâm. Vũ khí rất sơ sài, dự trữ đạn dược không có, nhưng ngược lại bên chàng có hai yếu tố tốt : trí thông minh và kinh nghiệm chiến trường của chàng. Bây giờ vấn đề là chờ xem hai yếu tố này liệu có đủ để 'quân bình với ưu thế vật chất quá lớn của địch không.

Nếu quân Ả-rập vẫn giữ chiến thuật quen thuộc của họ là tấn công trực diện, họ sẽ phải qua một hẻm núi đồ dốc xuống chạy dài tới những căn nhà đầu tiên của Gan Dafna. Ari ra lệnh cho các toán tuần thám đêm gài mìn hai bên sườn hẻm núi và cho đào ở các đỉnh hơi xa đó một vài công sự đề đến khi cần thiết, chàng sẽ cho bố trí ở đó các Palmachnik, hai khẩu đại liên và tất cả số lượng lựu đạn và chất nổ chàng có. Nếu các trái mìn, điều khiển từ xa, nổ đúng lúc thì các kẻ tấn công — hay những kẻ sống sót thì đúng hơn — sẽ bị đẩy lui về phía giữa hẻm núi và khi ấy sẽ bị các đại liên và lựu đạn thanh toán nốt.

Ba ngày sau khi chàng tới Gan Dafna, một liên lạc viên do các tổ báo động tiền đồn gửi về cho chàng biết là quân Ả-rập đang rời đồn và lao xuống đồi. Ngay lập tức lệnh báo động được ban hành. Một im lặng nặng nề bao phủ trung tâm. Tất cả các cặp mắt đều hướng về khoảng đất nhô cao nằm giữa đồn Esther và Gan Dafna, giới hạn trường quan sát của những người phòng vệ trại.

Sau chừng nửa giờ, một vài cái đầu nhô lên khỏi khu đất cao. Rồi sau đó là địch ào lên : một đợt biển người thứ nhất la, hét, vung chân múa tay, vung kiếm và súng, tràn thẳng vào hẻm núi. Trên đỉnh bên trái, Zev Gilboa, hoàn toàn nắp kín, phát một ngọn cờ vàng. Trong Gan Dafna, Ari ấn một cái cần xuống.

Tất cả các trái mìn nổ cùng một lúc. Khi các làn khói đã tan, người ta trông thấy những kẻ sống sót đang chạy dưới hẻm núi — lao thẳng vào các đạn đại liên và các

chùm lựu đạn ném như mưa xuống.

Đợt tấn công thứ nhất đã bị tiêu diệt hoàn toàn, nhưng đợt thứ hai và thứ ba đã ào tới. Không còn mìn để giật cho nổ, và một phát súng cối may mắn của đồn bắn ra đã phá hủy mất một trong hai khẩu đại liên của trung tâm. Khẩu thứ hai, nóng quá cháy nòng súng, không mấy chốc cũng bị loại ra khỏi vòng chiến. Zev và các Palmachnik rời bỏ các vị trí trên hẻm núi để rút vào bên trong trung tâm phòng thủ. David Ben Ami trong hầm trú làm bằng các túi cát cho điều chỉnh đường ngắm của khẩu súng chống chiến xa cũ kỹ. Mọi người đã biến cải các viên đạn : bây giờ mỗi một băng trong năm băng đạn hiện có chứa hai ngàn mảnh. Nếu khẩu súng chịu hoạt động, các loạt đạn của nó sẽ tàn sát ghê gớm.

Đội Ả-rập thứ nhất đã lao tới hàng rào. Họ còn cách có bốn mươi thước — ba mươi thước — hai mươi, mười — Bắn !

Khẩu súng cũ nhảy chồm lên, khác đạn. Xuyên qua làn khói, David không thấy những chùm người rụng xuống và những kẻ khác đang loạng choạng tìm đường chạy. . .

— Bắn !

Đến loạt thứ ba, nòng súng rơi ra khỏi giá súng. Khẩu súng già đã chấm dứt sự nghiệp của mình bằng cách giết chết chừng ba trăm quân Ả-rập và bẻ gãy hẳn đà tấn công của địch. Đến nỗi đợt tấn công thứ tư bị đẩy lui ngay khi một trung đội thiếu nhi nổ súng.

Cuộc rút lui của địch chưa chi đã biến thành cảnh mạnh ai người ấy chạy. Zev Gilboa hiểu ngay tình trạng

đó và quyết định khai thác chiến thắng ngay lập tức. Dẫn đầu nhóm Palmachnik chạy đuổi theo mấy trăm quân Ả rập đang hết hoảng, Zev đã băng qua khu đất nhô cao và tiếp tục tiến thẳng về đồn Esther. David kêu lên bất bình.

— Chắc Zev mất trí rồi đó !

Ari nói :

— Đi với tôi ! Phải chặn cái anh chàng điên ấy lại.

Sau khi đã ra lệnh cho Jordana thu nhặt vũ khí của các xác địch nằm ngổn ngang trước vòng rào, chàng vừa đi vừa chạy, theo sau là David.

Gần đồn Esther, là cả một vụ kinh hoàng hồn độn. Nhận thấy các Palmachnik đang đuổi theo quân mình các pháo thủ trong đồn đã bắn vội đến nòng đạn họ bắn ra nổ ngay giữa đám quân bên mình. Các Palmachnik lợi dụng tình trạng này đề tiến thêm nữa. Zev, dẫn đầu, vượt qua hàng rào kềm gai thứ nhất, còn cách tường đồn chừng 40 thước thôi. Chàng quay lại ra lệnh cho quân mình :

— Nấp đi :

Còn chính chàng nằm xuống đất, quạt một băng tiêu liên vào các lỗ châu mai. Đằng sau chàng, các Palmachnik đã bắt đầu lùi một cách thận trọng. Hiểu rằng bắn nữa vô ích, Zev cũng quay lại và cố rút lui bằng cách trườn mình giữa các tảng đá. Một viên đạn bắn trúng chàng, Zev chồm lên định chạy nhưng lại bị bắn trúng lần nữa, gục xuống hàng rào kềm gai không gỡ ra được nữa.

Ở một trăm thước thấp hơn phía dưới, ngòi sau một hòn đá, Ari thận trọng thò đầu ra. Không thể nào lên tới

chỗ Zev được : trước hàng rào kẽm gai là cả một khoảng trống không có chỗ nào nấp được. Chàng quay lại David :

— Chú đưa tôi vài trái lựu đạn rồi đưa anh em trở về trung tâm.

— Anh điên sao ? Anh không định...

— Thi hành những gì tôi nói.

Trước khi biến sau khoảng đất nhô cao, David quay lại. Chàng nhìn thấy hình dáng lom khom của Ari chạy từ tầng đá này sang tầng đá khác.

Quân Ả rập quan sát cảnh Ari tiến lên nhưng không bắn. Rõ ràng là họ đợi cho tới khi chàng ra tới khoảng trống để bắn cho chắc. Rồi chắc bên Do thái sẽ gửi một người khác... một người khác nữa lên...

Ari đã lên đến cách kẽm gai chừng hai mươi thước. Zev, bây giờ đã trông thấy Ari, la lớn tuyệt vọng yêu cầu đạn hãy trở lại. Ari lắc đầu. Zev hét lên :

— Đi đi ! Đẳng nào tôi cũng chết. Bụng tôi bị banh ra rồi... Anh có thể tin ở tôi, ruột tôi tung ra mắc đầy vào kẽm gai rồi. Tôi sống được mười phút nữa là nhiều nhất. Đi đi, đừng ngốc thế !

Ari lấy trong túi ra hai trái lựu đạn, chặn cứng chốt lại để lựu đạn khỏi nổ tung khi va chạm, rồi la lớn bằng tiếng Đức :

— Chú ý này Zev ! Tôi sẽ ném cho chú hai trái lựu đạn !

Chàng vươn người lên, tung hai trái lựu đạn lên rồi lại ngồi sụp xuống. Một trong hai trái rơi xuống chân Zev. Zev nhặt lên được ôm sát vào bụng đang mở banh ra...

— Tôi bắt được rồi ! Bây giờ anh rút lẹ lên !

Ari lao mình chạy xuống, đột ngột, đến nỗi quân Ả rập dễ trôi qua mắt nhiều giây đồng hồ. Khi họ đưa súng lên được thì đã quá trễ rồi : Ari đã biến mất đằng sau chỗ đất nhô cao.

Zev còn lại một mình. Quân Ả rập đã thôi bắn, hi vọng sẽ có người Do thái khác tới tiếp cứu cho bạn đồng đội bị thương. Dầu thế nào, họ cũng muốn bắt sống Zev.

Khi ấy Zev, máu đã trào ra gần kiệt, tháo chốt lựu đạn rồi đưa lên ép sát vào đầu.

Khi nghe thấy tiếng lựu đạn nổ, Ari đứng sững ngay lại. Chàng cảm thấy người tê tái đi. Sau cùng, khi đã chế ngự được cơn buồn nôn đang làm rung động toàn thân, chàng bắt đầu bò trở về Gan Dafna.

Một lúc sau, có một mình trong hầm trú của bộ chỉ huy trại, chàng cố gắng một cách vô ích chú trọng tới những kết quả tốt đẹp thu lượm được trong ngày. Chàng giật nẩy mình khi nghe thấy cửa hầm mở. Kitty loan báo.

— Các người Ả rập bị thương đã được cho mang xuống Abou Yesha. Chúng tôi chỉ giữ lại những người anh muốn thăm vấn mà thôi.

— Còn những người bị thương của chúng ta. ?

— Hai em ở trong tình trạng tuyệt vọng. Những người khác sẽ qua khỏi. Tôi mang lại đưa anh những đồ vật cá nhân của anh Zev Gilboa. Chẳng có gì nhiều. . .

Ari nói với một chút chua cay :

— Một kibboutznik theo định nghĩa là một người

nghèo. Tất cả những gì hắn có đều thuộc về đất nước, về cả mạng sống của hắn.

— Mới tối hôm qua thôi anh Zev còn nói chuyện với tôi về chị ấy. Anh thổ lộ với tôi là vợ anh sắp có một đứa con nữa.

Ari cầu nhậu :

— Zev đã cư xử như một thằng ngu. Hắn tưởng hắn có thể chiếm đôn một mình ! Tôi khó kiếm được người thay thế cho Zev.

Kitty tức giận phản đối :

— Anh chỉ biết nói thế thôi à ? Khó mà thay thế được cho Zev ! Anh không thèm nói một tiếng về chị Zev...

— Kitty ! Khi chồng cô gục xuống ở Guadalcanal liệu tiểu đoàn trưởng của anh có đọc một bài diếu văn không ?

— Nhưng đó là trường hợp khác ! Còn anh, anh biết anh Zev từ ba năm rồi. Anh biết cả chị Zev sinh trưởng cách nhà anh có năm mươi thước nữa.

— Vậy tôi hỏi cô, tôi làm gì khác bây giờ ?

— Ít nhất anh cũng phải thương cho thiếu phụ tội nghiệp đó.

Trong khoảng thời gian một giây, môi Ari hơi run lên. Nhưng ngay sau đó, chàng đã tìm thấy sự cứng rắn thường nhật.

— Một người chết giữa chiến trường là một cảnh tượng thông thường ngày nay. Bây giờ, xin cô đừng yên cho tôi làm việc. . .

Bị bao vây từ ngày có cuộc biểu quyết lịch sử của LHQ, thành phố Safed sau cùng cũng được giải tỏa nhờ ở sự can thiệp của một vũ khí kỳ dị, chưa từng có bao giờ, một thứ con hoang của súng bắn đá và bách kích pháo địa đạo. Hình dáng nó kỳ cục đến nỗi tướng Sutherland cũng phải tự hỏi không biết nó dùng vào việc gì. Đó chỉ là một cái ống lớn người ta tọng qua miệng cả một thời đầy chất nổ. Trên lý thuyết, viên đạn kỳ lạ này phải bay xa được vài trăm thước. Trên thực tế, mọi người còn đang sợ rằng vừa ra khỏi nòng, nó dám rơi huych ngay xuống, giết chết hết những người xử dụng nó. Nhưng vì đạn được của quân phòng vệ đã cạn, đành phải dùng đến (Da vidka). «Tiểu David». Đến lúc cùng này thì. . .

Đề an toàn, mọi người sẽ khai hỏa nó bằng một sợi giây dài để cho những người xử dụng có thể nấp được chỗ chắc chắn. Mọi người hướng nòng súng — một cách rất đại khái — về đồn cảnh sát, tổng hành dinh của quân Ả-rập.

Bây giờ các chuyển vũ khí đã về nhiều. Dần dần chuyển từ thủ sang công, bên Do-thái mỗi ngày ghi nhận được nhiều chiến thắng rõ rệt hơn, ý nghĩa hơn. Được một loạt thành công khuyến khích, Haganah quyết định chiếm lấy hải cảng Haifa. Trong ba ngày liền, các lực lượng Do-thái vấp phải một sự chống trả dữ tợn, thông minh, phối hợp chặt chẽ. Rồi đến đêm thứ ba, các cấp chỉ huy của Ả-rập bỏ trốn. Hai mươi bốn giờ sau, Do-thái chiếm được hải cảng.

Tới lúc đó mọi người được chứng kiến một hiện tượng đáng ngạc nhiên, chắc là do nỗi khiếp sợ từ Safed lan truyền tới : Các thường dân Ả-rập tuyên bố rằng họ muốn rời bỏ thành phố, rời cả xứ mà đi nữa. Ở Acre, rồi ở Jaffa, nơi Do thái chiếm được mà không phải chiến đấu gay go cho lắm, cũng xảy ra hiện tượng đó. Tại khắp nơi, các đám đông dày đặc hối hả, điên sợ chạy về phía biên thùy Liban mà không ý thức được rằng chẳng hề có ai truy kích họ.

Mọi sự đang tiến diễn như thế thì tới tháng năm, tháng năm nhiệm kỳ ủy trị của người Anh tại Palestine.

5

TEL - AVIV, NGÀY 14 THÁNG 5 . 1948.

Các lãnh tụ «Trung ương» và của phong trào phục quốc Do thái trên toàn thế giới nhóm họp trong tòa nhà của Mier Dizenff, kẻ sáng lập cũng là vị đô trưởng đầu tiên của Tel Aviv. Ngoài đường, các quân canh trang bị tiểu liên phải khó khăn mới ngăn chặn được một đám đông đang lo âu chờ đợi.

Trên toàn thế giới, hàng triệu người dán sát tai vào máy phát thanh để chờ nghe những lời sắp được cất lên từ tòa nhà này. Một giọng trầm của xướng ngôn viên loan báo :

« Đây là Tiếng Nói Israél. Chúng tôi vừa nhận được một văn kiện liên quan tới sự chấm dứt ủy trị của người

Anh. Chúng tôi xin đọc...»

Một bản văn khô khan, kiểu cách, không một dấu vết xúc động nào. Rồi đột nhiên giọng xướng ngôn viên thay đổi hẳn :

«Xứ sở Israël là nơi của dân tộc Do-thái, là nơi đã đào tạo ra tính chất tinh thần, tôn giáo và dân tộc của Do-thái. Chính nơi này dân tộc Do-thái có thể hoàn tất được nền độc lập của mình mà sáng tạo ra một nền văn minh có tầm mức khắp trên hoàn vũ. Chính tại nơi đây các nhà lãnh đạo chính trị và các bậc tiên tri của dân tộc Do-thái đã viết ra Thánh Kinh. . .

«Ngày hôm nay, chúng tôi long trọng tuyên cáo sự tái sinh của Quốc gia Do-thái ở Palestine, quốc gia sẽ mang tên gọi là Israël. Mở rộng cho tất cả những người Do-thái trên toàn thế giới, Quốc gia của chúng ta sẽ hoạt động, tranh đấu để thăng tiến tất cả nhân dân theo những nguyên tắc của tự do, hòa bình và công lý đã do các bậc tiên tri công bố tự xưa kia, trong bình đẳng hoàn toàn, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo, và trong niềm kính trọng chân thật Hiến chương của Liên Hiệp Quốc.

«. . .Chúng tôi kêu gọi tất cả các nhân dân ở Ả-rập ở Israël, chúng tôi mời họ nhận chỗ của mình trong công cuộc phát triển Quốc gia với tư cách công dân tự do trên căn bản đại diện dân chủ trong mọi cơ cấu tổ chức của Quốc gia Israël.

«Chúng tôi xin mở bàn tay thân hữu với tất cả những quốc gia láng giềng, những quốc gia mà chúng tôi hết sức mong mỏi được sống chung hòa bình.

«Xác tín niềm tin của chúng ta đối với đấng Thượng đế Toàn năng, chúng tôi đã ký bản tuyên ngôn này, với sự chấp thuận của Quốc hội Lâm thời, trên đất nước của tổ quốc chúng ta, tại châu thành Tev-Aviv, ngày thứ năm tháng Yar năm năm ngàn lẻ tám lúc là ngày 14 tháng 5 năm 1948 của lịch Ki-tô giáo».

Trong các đường phố của Tev-Aviv vui mừng hân hoan, già trẻ nắm tay nhau nhảy một điệu *hora* cuồng nhiệt. Họ không thể biết rằng cũng vào giờ đó, các oanh tạc cơ Ai-cập đã cất cánh đề tới tiêu hủy các thành phố của họ và nhiều đạo quân Ả-rập đã vượt qua biên thùy.

Dân Do-thái phải một người chống lại trăm người. Mặc dầu thế. . .

Họ đẩy lui được quân Ả-rập đã tiến chiếm sa mạc Néguev. Họ chặn đứng được quân Syrie muốn biến hồ Tibériade thành một *mare nostrum* nội địa. Họ đánh bại quân Irak (nói cho thực, đạo quân này không muốn chiến đấu). Không lực của họ — lúc khởi đầu chỉ có hai chiếc Piper-Cub khốn khổ dùng vào việc tiếp tế cho các nông trường bị cô lập và ném những quả bom chế tạo thô sơ qua cửa sổ xuống đầu những toán quân không chính qui Ả-rập — đã bắn hư chiếc tuần dương hạm Ai-cập đang quay các khẩu đại pháo định bắn vào Tev Aviv. Ngay cả đối với Liên đoàn Ả-rập vẫn chiếm đóng khu Do thái ở Jérusalem, họ cũng cải thiện được các vị trí của mình. Bây giờ họ đã chiếm được nhiều vị trí chế ngự con đường duy nhất tiến vào thánh địa. Nhưng bất hạnh thay là khi rút quân, quân Anh đã trao lại cho Liên đoàn Ả-rập đồn

Latrun, một đồn đã được xây cất đẽ chặn cứng lối vào hẻm núi Bab El Wad. Được xây cất chắc chắn, được bảo vệ bởi các Bédouin do Glubb Pacha (1) huấn luyện theo kiểu Anh, Latrun đã chống lại được tất cả các cuộc tấn công của Do thái. Ít ra là tạm thời, Jérusalem vẫn bị cô lập.

Còn về hải quân Israél, gồm nhiều tàu trinh sát nhỏ chạy nhanh, đã đạt được một chiến thắng khá đẹp khi chiếm được chiếc tàu hơi *Vesuvius*, do người Syrie thuê đẽ chuyên chở một vũ khí từ Naples về Beyrouth. Chiếc tàu hơi này vừa nhỏ neo thì một tàu nhỏ mang cờ Ý đuôi theo và yêu cầu ngừng lại. Hai mươi người mặc quân phục tiến lên tàu dưới quyền chỉ huy của một người cao lớn râu hung trông rất giống, giống kỳ lạ, với Barak Ben Canaan.

— Chúng tôi vừa nhận được tin có một trái bom nổ chậm đã được đặt dưới hầm tàu ông. Xin thuyền trưởng cho tập hợp tất cả thủy thủ đoàn, chúng tôi sẽ khám phá ra thủ phạm và tôi hứa với thuyền trưởng là tên đó sẽ chỉ cho chúng ta chỗ dấu bom.

Các thủy thủ Ả rập phải trình diện lần lượt từng người một trong một phòng khách được đặt dưới quyền xử dụng của ông «cầm Ý đại lợi». Việc thẩm vấn kéo dài khá lâu đẽ đủ cho chiếc tàu (mà thuyền trưởng gốc Naples

1. *Glubb pacha* : một sĩ quan Anh, làm cố vấn, huấn luyện rồi sau chỉ huy luôn Liên đoàn Ả-rập, tên thật là Sir Jir John Bagot.

là đồng lõa) ra khỏi hải phận nước Ý. Khi ấy, các cán bộ của Mossad, súng lục cầm tay, nhốt luôn thủy thủ đoàn cùng viên sĩ quan Syrie đi cùng. Chiếc tàu nhỏ trở về bờ, nhưng vài giờ sau, còn cách hải phận Palestine khá xa, quân Do thái bắt thủy thủ đoàn xuống ca nô, cho viên hạm phó một bản đồ và địa bàn rồi cắt giây luôn.

Hai mươi bốn giờ sau nữa, hai chiếc tàu nhỏ chạy nhanh mang hiệu cờ cướp biển truyền thống — một số người trên hai chiếc xương treó — áp vào hai sườn chiếc tàu hơi, chuyển vũ khí sang cùng với toàn thể cán bộ của Mossad, rồi tiến về cảng Haïfa. Còn chiếc tàu hơi, bình tĩnh trở lại Naples để viên hạm trưởng chạy vội vào Cơ quan Phụ trách Hải vận khai rằng thủy thủ đoàn đã nổi loạn và bỏ tàu trốn đi.

Ari được lệnh gọi tới Tổng hành dinh đặt ở Tev Aviv.

Toà nhà được dùng làm Tổng hành dinh, trước được dùng làm nhà cho các gia đình thuê lại từng căn, chưa chi đã có vẻ là một Bộ Quốc Phòng thực sự. Trên mái, phát phơ bay lá cờ ngôi sao David, trước lối vào, tại tiền sảnh và các hành lang đều có các quân sĩ mặc quân phục của quân lực mới cầm tiểu liên đứng gác. Ari đi qua các phòng trong đó các cuộc hành quân được trình bày tiến diễn theo từng giờ trên những tấm bản đồ vĩ đại trên tường. Chàng đi qua trung tâm truyền tin, nơi các máy vô tuyến và điện thoại liên lạc với tất cả các đơn vị, các phòng tuyến và nông trường trên toàn quốc. Mọi người đã xa

vời Tổng hành dinh cũ của Haganah chỉ gồm có một cái bàn, vài hồ sơ và khả năng chuyên môn là dọn trụ sở cấp tốc.

Chàng được Avidan tiếp — bây giờ ông đã nhường quyền chỉ huy các đơn vị cho các sĩ quan trẻ hơn để đảm nhiệm việc liên lạc giữa quân lực và chính phủ. Avidan tiếp chàng vui vẻ nồng nhiệt.

— Bác mừng rất được gặp cháu. Mọi sự đã thay đổi từ một năm nay, cháu thấy không? Về phần bác, bác chưa sao quen được. Lẽ lúc bác vênh tai nghe tiếng chân người ngoài hành lang mà tưởng như quân Anh trở lại và sắp ném bác vào tù ngồi.

— Tin tức mới có tốt không bác?

— Tốt và không tốt. Vấn đề lớn vẫn là Jérusalem, hay nói cho chính xác hơn, vấn đề đồn Latrun. Sau hết... Bác cho gọi cháu về đây để yêu cầu cháu quét sạch cho xong vùng của cháu. Điều đó có nghĩa trên thực tế là cháu phải chiếm đồn Esther.

Ari lắc đầu:

— Cháu không thể làm được ngày nào chưa có pháo binh. Cháu đã báo cáo cho bác hay như thế rồi, cách đây không lâu. Cháu cần có ít nhất ba hay bốn khẩu Davidka.

— Đòi thế thì chẳng khác đòi bác cung cấp các thoi vàng khối. Cháu muốn bác lấy những khẩu súng đó từ đâu bây giờ? Bác sẽ cố xoay cho cháu một khẩu thoi...

Avidan đứng dậy đi đi lại lại trong phòng.

— Không phải bác chỉ muốn nói với cháu về đồn

Esther mà thôi. Từ mười lăm ngày nay, cháu đã nhận được lệnh chiếm Abou Yesha. Thế mà tới giờ cháu phớt lạnh lệnh này.

Ari cứng người lại, phản đối :

— Với tư cách khu trưởng, cháu có thẩm quyền hơn bất cứ ai để xét xem một cuộc hành quân có là cần thiết hay không.

— Thôi . . . thôi . . . giữa bác với cháu, chúng ta biết nhau quá kỹ để chơi trò ú tim. Bác biết tại sao cháu do dự chiếm làng đó.

— Nhưng dân làng Abou Yesha— cháu quen biết họ từ hồi nhỏ. Cháu đã đi dự đám cưới đám tang của họ. Người Do-thái chúng ta đã giúp họ xây dựng nhà cửa, và họ đã tặng chúng ta đất đai . . .

Bác hãy tin ở cháu, họ không phải là kẻ thù của chúng ta, mà chỉ là những người nông dân chất phác chỉ muốn yên phận sống trong hòa bình mà thôi.

— Bác không đồng ý với cháu. Có những làng Ả-rập từ chối không chịu cho quân Ả-rập trú ngụ. Nhưng đó không phải là trường hợp của Abou Yesha. Những kẻ mà cháu vừa hăng hái bào chữa đó đã đứng về phía chống lại chúng ta. Làng họ đã trở thành căn cứ của địch. Bác ra lệnh cho cháu phải tiêu diệt căn cứ này. Chờ đã nào, bác chưa nói hết. Cháu Ari ạ, từ mười lăm tuổi cháu đã chiến đấu rất đẹp. Chưa một lần nào bác có dịp khiển trách cháu về bất cứ một bất phục tùng nào. Và bây giờ...

Ari tái mặt. Nét mặt căng thẳng, chàng buông mình

zuống một chiếc ghế, nói nhỏ

— Tuân lệnh. Cháu sẽ làm điều gì bác bảo.

— Cháu liên lạc với phòng hành quân. Bây giờ làm ngay đi.

Ari đứng dậy, tiến về phía cửa. Avidan nói

— Suýt nữa bác quên... Kể từ ngày hôm nay, cháu là đại tá Ben Canana.

Ari thốt lên một tiếng cười ngắn ngủi, không vui. Avidan nói :

— Cháu, bác rất tiếc, quả thực là bác rất tiếc.

Việc chiếm đồn Esther thật quá dễ dàng dù Ari chỉ có mỗi một khẩu Daviaka. Ngược lại, yếu tố bất ngờ tác dụng tối đa : đa số quân Ả-rập trong đồn ngày hôm đó đã phân tán rải rác ở các làng chung quanh. Nhóm quân còn lại trong đồn, chừng một trăm người, khẩu Davidka vừa mới bắn tung cửa thép của đồn, đã vội vã đầu hàng.

Dân làng Abou Yesha nghe thấy các tiếng nổ và biết rằng sắp đến lượt họ. Ari gửi một sứ giả tới làng : dân làng có hai mươi phút để rời làng, nếu không sẽ bị giết chết tại chỗ. Đứng từ trên một đồi cao, Ari nhìn những bạn bè từ thuở thiếu thời chông chắt nồi niêu quần áo lên xe lùa, ra đi hướng về phía biên thù. Quảng cảnh này làm chàng đau đớn.

Sau một giờ, David lại kiểm chàng.

— Anh Ari, hạn kỳ cho anh họ đã chấm dứt lâu rồi.

— Hãy cho họ thêm một khoảng thời gian nữa.

— Những kẻ nào muốn đi đã đi rồi. Chỉ còn lại Taha

và chừng một trăm kẻ điên rồ nữa tưởng rằng có thể đánh lui chúng ta. Anh Ari, anh phải cho lệnh tấn công đi thôi.

Ari quay đi, bước ra xa vài bước. David bước theo :

— Anh có muốn tôi chỉ huy thay thế cho anh không ?

— Muốn chứ. Cám ơn chú.

Taha và những «kẻ điên rồ» chống cự can đảm nhưng trong tuyệt vọng. Phải mang cả Davidka đến lúc đó mới diệt được những ô kháng cự sau cùng. Ngồi gục trên đỉnh đồi, Ari muốn bịt hai tai lại để khỏi nghe thấy tiếng đạn nổ, những căn nhà sụp đổ tan tành. Đêm xuống, David trở lại gặp chàng.

— Xong rồi anh. Bên phía Ả rập không còn ai sống sót. Chúng ta thiệt hại nặng... mười bốn nam và ba nữ. Thêm chừng chục người bị thương nữa.

Ari nói nhỏ

— Những dân làng khốn khổ ấy sẽ ra sao ? Họ đi đâu... Kiếm ăn, ăn bằng gì ?

Ari đứng dậy, David nắm lấy cánh tay bạn.

— Xin anh đừng đi về phía đó làm gì. Không ích gì.

— Chú hãy cho tôi biết... căn nhà nhỏ trắng, gần suốt...

— Anh hãy cố giữ lấy hình ảnh căn nhà đó ngày xưa.

Đột nhiên Ari vùng ra. Chàng ném một cái nhìn xuống các mái nhà làng, nói bằng một giọng không âm sắc.

— Chú xuống làng nữa đi. Phải thanh toán cho xong. Phải phá hủy Abou Yesha.

6

David thức giấc. Chàng đã thiếp ngủ đi trong vòng tay Jordana. Khi chàng đón dến đầy chân ra, Jordana mở mắt ra. Chàng hỏi

— Sao em không ngủ tiếp đi ?

— Em sẽ có thừa thì giờ để ngủ khi xa anh.

Dịu dàng âu yếm. David cúi xuống nàng, thì thào :

— Anh yêu em... Nhưng anh vẫn phải ra đi như thường. Bác Avidan đang chờ anh.

Một giờ sau, Avidan đưa thiếu tá David vào văn phòng thiếu tướng Ben Zion, trưởng khối hành quân.

— Rất vui sướng được biết thiếu tá. Hình như thiếu tá có một đề án hay muốn trình bày cùng chúng tôi.

— Vâng, thưa thiếu tướng. Vấn đề Jérusalem. Thiếu tướng cũng biết như tôi tình hình bi thảm đến mức nào rồi. Kể từ khi các trạm bơm nước bị phá hủy, dân ta cùng quân sĩ chỉ sống được nhờ ở các hầm chứa nước của Salomon. một thứ nước cũ đến hai ngàn năm. Mọi sự như vậy là tại đồn Latrun do quân Ả-rập chiếm đã ngăn cản chúng ta tiếp tế.

— Thiếu tá chẳng cho tôi biết thêm được gì mới lạ. Latrun là vấn đề số 1 của chúng ta hiện giờ.

David nói tiếp

— Tôi biết rõ vùng Latrun như biết nhà tôi vậy. Tôi say mê khảo cổ và vì thế tôi đã thăm giếng vùng đó tới cả

trăm lần. Từ nhiều tháng nay, tôi suy nghĩ nhớ lại từng thước đất vùng ấy và đã đi đến kết luận sau : ta có thể đi vòng quanh đồn Latrun.

Zion ngạc nhiên nhắc lại .

— Đi vòng quanh ? Thiếu tá muốn nói gì vậy ?

— Lấy đường lộ làm chuẩn, nếu vạch một nửa vòng tròn quanh tâm điểm là Latrun, thiếu tướng sẽ thấy một lộ trình dài là 16 cây số.

— Rồi sao nữa ? Mười sáu cây số này chỉ là một đường vạch trên bản đồ thôi. Không hề có một con đường nào và các đồi núi thì lởm chởm thẳng đứng...

— Chính vấn đề là ở chỗ này, thưa thiếu tướng. Có một con đường. Một phần của đường này là một con đường cò xưa có từ thời đế quốc La-mã. Một con đường xưa đến hai mươi thế kỷ, bị cây cối đá vụn phủ kín, nhưng vẫn là một con đường. Đường này băng qua các đường trên một chiều dài là 8 cây số. Và tôi biết rõ là 8 cây số còn lại còn xử dụng được.

Mọi người im lặng. Avidan và Zion đưa mắt hỏi nhau rồi Avidan nói :

— Cứ cho là có con đường này đi. Và cứ cho là chú có thể kiểm lại được nó đi. Như vậy thì chúng ta tiến thêm được gì không ? Tôi vẫn chưa trông thấy dự án hấp dẫn của chú đâu hết.

— Tôi đề nghị chúng ta sẽ làm một con đường mới trên con đường La-mã cũ. Như vậy chúng ta sẽ đi vòng quanh được Latrun và tiết kiệm được trận công đồn chắc chắn là đắt giá.

Ben Zion mỉa mai :

— Thế bộ thiếu tá thực hiện được công cuộc đó trước mũi Liên đoàn Ả-rập được sao ?

— Tại sao lại không ? Tất cả những gì chúng ta đang cần, đó là một con đường đủ rộng để cho một xe cam nhông qua được. Với hai đoàn nhân công, một xuất phát từ Jérusalem, một từ Tel-Aviv, đường sẽ làm xong trong vòng một tháng. Còn về Liên đoàn Ả-rập, ai cũng biết là Glubb Pacha không dám đem thí liệu trong một trận đánh dàn trận với chúng ta. Ông ta thích giữ quân tử thủ sau tường đồn Latrun hơn.

Một lần nữa Avidan và Ben Zion lại nhìn nhau. Anh chàng thiếu tá trẻ tuổi này có vẻ tự tin lắm... Ben Zion hỏi :

— Bây giờ thiếu tá cần gì ?

— Một chiếc jeep, trong một đêm. Sau đó tôi sẽ làm tờ trình sau.

Ben Zion vẫn còn ngần ngại khi có tiếng gõ cửa. Một trung úy đem công điện vào. Ben Zion cầm lấy, đọc lướt qua, mặt tái lại. Không nói một tiếng, ông đưa tờ giấy lại cho Avidan. Viên chiến sĩ già giật mình.

— Cồ thành đã đầu hàng rồi !

Ben Zion nắm chặt tay lại, kêu lên.

— Nếu chúng ta mất Jérusalem, chúng ta sẽ mất cả Quốc gia Do-thái. Rồi thiếu tá Ben Ami, thiếu tá đi lựa một chiếc jeep nhanh lên.

Chừng mười ngày sau khi thành lập các công trường

làm «một con đường Điện điện mới» (1) để đi bọc quanh được đồn Latrun, điện thoại viên tổng đài Gan Dafna khẩn cấp gọi bà Katherine Fremont. Kitty cầm điện thoại lên nghe rất lâu, đặt vài câu hỏi tời gác máy. Rồi đi từng bước nhậm chạp, Kitty đi về phía văn phòng chỉ huy của Jordana.

Jordana ngừng đầu lên và mỉm cười với nàng. Nhưng trước vẻ mặt buồn của Kitty, nụ cười của Jordana im lặng.

Sau cùng, Jordana tìm thấy đủ can đảm để cất tiếng.

— Anh David chết rồi phải không chỉ ?

— Đúng thế...

— Cái gì đã xảy đến cho anh ấy ?

— Anh Ari vừa gọi điện thoại cho tôi. Hình như anh David đã thành lập một nhóm xung kích gồm các Palmachnik và Macchabée. Dĩ nhiên là anh đã hành động không có sự chấp thuận của thượng cấp. Tôi đoán là anh không chống lại nổi với sự quấy rầy của các bức tường cũ của Cờ thành. Nhóm của anh đã tấn công để lấy lại... họ đã thành công trong công việc chiếm lại được ngọn

1 Con đường Miến Điện: trong đệ nhị thế chiến, quân Nhật chiếm hết miền duyên hải Trung hoa, dồn quân lực Trung hoa vào nội địa, chiếm cứ Đông dương, cắt hết đường tiếp vận của Trung quốc. Để tiếp vận cho quân lực Tưởng giới thanh, bên Đông minh phải làm một con đường đi từ Miến điện sang tới Trùng khánh, thủ đô lâm thời của Trung quốc. Con đường này làm rất công phu, có nhiều đoạn chạy toàn trên các đỉnh núi hoang vu.

Zion, nhưng đó chỉ là một chiến công tuyệt vọng, một nhiệm vụ tự sát.

Im lim, Jordana như hóa đá. Kitty thì thào :

— Liệu tôi có thể làm được gì bây giờ ? Tôi không còn biết nói gì...

Người con gái sabra đứng dậy. Đầu ngàng cao, nàng nhìn Kitty, nói bằng một giọng mạnh mẽ :

— Chị khỏi phải lo cho tôi.

Không ai được trông thấy nàng nhỏ một giọt nước mắt.

Một tháng đúng sau ngày khám phá ra con đường La mã xưa, con đường chạy bọc đồn Latrun đã hoàn tất. Ngay đêm đó, một đoàn xe đầu tiên đã tới được đô thị Thánh. Cuộc vây hãm Jérusalem kẻ như đã chấm dứt.

7

Sau khi người Do thái đã thành công trong việc chặn đứng được xâm lăng của các đạo quân Ả rập, Hội đồng Bảo an LHQ bắt hai bên chấp nhận một cuộc ngưng chiến tạm thời. Nói thực ra, cả hai bên đều mong có ngưng chiến này. Bên Ả rập, tủi nhục vì các thất trận liên tiếp, muốn lợi dụng ngưng chiến để tổ chức lại lực lượng. Bên Do thái, để kiểm thêm vũ khí và gia tăng tiềm năng tấn công.

Dẫu sau, ở ngay bên trong Bộ tư lệnh tối cao của

Israël, còn có nhiều khó khăn. Quyền hành của chính phủ lâm thời đối với Palmach, Macchabée và chính thống giáo cực đoan vẫn còn bấp bênh lắm. Nhưng Palmach còn hiểu được vài lý lẽ : các lữ đoàn của Palmach bị đe là sẽ bị loại trừ ra khỏi lực lượng xung kích nếu họ cứ tiếp tục bàn cãi lệnh thượng cấp nên sau cùng đã chịu sát nhập vào quân lực. Các Macchabée cũng chịu đưa các đơn vị đặc công của họ vào quân lực chính quy với điều kiện là được duy trì các cấp chỉ huy cũ. Bướng bỉnh bất trị nhất là các chính thống giáo, rất cuồng đạo, hiểu các lời trong kinh thánh một cách máy móc, nhất định ngoan cố chờ đấng Cứu thế tới.

Nhưng dù thế nào, sự thống nhất tối cần thiết cho quân lực sắp sửa hoàn tất thì một biển cố thể thâm làm vấn đề lại phải đặt lại. Ở Hoa kỳ, các cảm tình viên của Macchabée đã thu thập được một số lượng vũ khí tối tân và đã mua một máy bay chở hàng đặt tên là Akiba. Đồng thời, hàng trăm thanh niên tình nguyện cũng chuẩn bị lên đường tới với các tiểu đoàn Macchabée. Các điều kiện đình chiến dĩ nhiên là cấm cả hai bên tăng viện rồi, nhưng cả Ả-rập lẫn Do-thái đều coi nhẹ điều khoản này, cùng nỗ lực một cách bí mật nhiều hay ít để củng cố các vị trí của mình.

Được các điệp viên bên Âu châu báo cho biết, chính phủ Israëli đòi chiếc Akiba cùng mọi vũ khí do máy bay này chuyên chở phải được đặt dưới quyền chính phủ : Xét cho cùng thì các Macchabée cũng thuộc về quân lực. Các Macchabée không chịu, viện lý là theo những người

tặng thì các vũ khí này đặc biệt chỉ giữ tới cho các đơn vị của họ mà thôi. Chính phủ liên viện lý mình là kẻ thích ứng hơn ai hết để đưa các vũ khí ấy nhập nội bí mật theo một cách thế như thế nào để bề ngoài vẫn giữ được vẻ tôn trọng các điều khoản ngưng chiến. Ngay lập tức, các Macchabée trả lời là họ độc lập với cơ quan lãnh đạo trung ương và không hề muốn tôn trọng ngưng chiến. Mỗi ngày qua, cuộc tranh luận lại càng trở thành cay độc hơn.

Trong thời gian đó, Akiba đã cắt cánh. Chính phủ, dù biết rằng mình rồi cũng được xử dụng vũ khí cùng các thanh niên tình nguyện do phi cơ này chuyên chở, cũng vẫn phải yêu cầu các Macchabée hủy bỏ chuyến bay đó. Vụ này đã lộ ra ngoài, và việc phi cơ này đáp xuống lãnh thổ Palestine sẽ là một vi phạm trắng trợn đình chiến. Như ta có thể đoán biết trước, các Macchabée không thèm nghe lời.

Phi trường mà chiếc Akiba sẽ hạ cánh hôm đó lại có nhiều quan khách. Các viên chức cao cấp của Israêl, các lãnh tụ của Macchabée, các quan sát viên của LHQ. Chính phủ cho gọi tới phi công lời cảnh cáo chốt qua vô tuyến điện : Phải quay lại, không được đáp xuống Palestine. Phi công không chịu nghe, các khu trục liền được lệnh cắt cánh : Chiếc Akiba bị chặn đường, bắn hạ.

Vài trận đánh dữ dội liền xảy ra giữa lực lượng chính phủ và lực lượng Macchabée. Sau cùng, các lãnh tụ Macchabée liền rút các đơn vị của mình ra khỏi quân đội. Xét cho cùng, thảm kịch này thanh lọc được một bầu khí đã trở thành quá khó thở. Dưới chế độ ủy trị, các Macchabée

đã đóng góp rất nhiều vào việc làm cho quân Anh phát ngân xứ Palestine. Nhưng bây giờ người Anh đã đi rồi, chiến thuật khủng bố vô giới hạn đã mất đối tượng. Đồng thời các Macchabée lại tỏ ra không sao chấp nhận được kỷ luật tối cần thiết khi hành quân. Mặc dù đã chứng tỏ được một lòng can trường đáng kính phục và một hi sinh tuyệt đối, họ lại tỏ ra phản động với bất cứ một quyền bính nào không phát xuất từ các cấp chỉ huy của họ. Bởi thế sau vụ Akiba, họ thu mình vào trong một cách cô đơn gặm gừ, tạo thành một nhóm cực đoan chỉ biết tới có một giáo điều : đó là bạo lực tàn nhẫn, giải pháp duy nhất cho tất cả mọi vấn đề.

Trong thời gian này, những người hòa giải của LHQ, bá tước Bernadotte và người Hoa-kỳ phụ tá là Ralph Bunche, cố gắng một cách tuyệt vọng để hòa giải Do-thái, Ả-rập. Nhưng vô ích : bốn tuần lễ thương thuyết không thể nào xóa bỏ được ba mươi năm hận thù chông chất. Sau cùng, người Ả-rập lại khởi chiến không cần đợi đến khi hết hạn kỳ đình chiến.

Về phía Ả-rập đây là một lầm lẫn ghê gớm bởi vì quân Israël phản công ngay lập tức. Sau khi đã làm các chuyên viên quân sự trên toàn thế giới ngạc nhiên về khả năng kháng cự, lần này Do-thái làm mọi người sững sờ trước sự tấn công chớp nhoáng của họ.

Đề mở đầu, không lực Israël oanh tạc tại Caire, Damas và Amman để làm cho người Ả-rập hiểu rằng tốt nhất đừng có nên gửi phi cơ bay tới vòm trời Tel-Aviv và Jérusalem nữa. Một cảnh cáo thật là minh bạch lắm bởi vì từ

đó không gian trên các thành phố Do-thái vắng bóng phi cơ địch. Trên bộ, các kibboutz vùng Ein Gev, sau khi đã chống lại một cuộc vây hãm trong nhiều tháng, đã chống lại một cuộc vây hãm trong nhiều tháng, đã đẩy lui được quân Syrie và chiếm lại được bờ bên phía Israël của hồ Tibériade. Tại vùng Trung Galiléé, Ari Ben Canaan dẹp tan được quân không chính qui của Mufti và chiếm được Nazareth, vị trí then chốt của tỉnh. Trong miền « hành lang » của Jérusalem, lữ đoàn hai của Palmach mở rộng thêm được phòng tuyến và tiến về phía Bethléem. Trong thung lũng Sharon, các lực lượng Do-thái, sử dụng hàng trăm xe jeep, đã chiếm được cái thành phố thần Ả-rập là Lydda và Ramle, những con địch nằm trên đường về Jérusalem, chiếm phi trường Lydda, đẩy lui quân đội Irak, mở một giọng kim đề bao vây Latrun.

Tới lúc đó quân Ả-rập, hoảng sợ vì cả loạt thảm bại trong vòng mười ngày, khẩn thiết kêu gọi đình chiến lần thứ hai.

Lần này Bernadotte và Bunche ít nhất cũng có một lý do đề hi vọng. Vua Transjordanie là Abdoullah đã hiểu gió thổi về chiều nào rồi. Sau khi hòa đàm mật với chính phủ Do-thái, ông chấp nhận giữ Liên đoàn Ả-rập đứng ngoài cuộc chiến, và nhờ thế quân lực Do - thái mới có thể tập trung chống lại Ai-cập, Đè dôi lại, bên Israël cam kết sẽ không tấn công các vị trí của Liên đoàn trong cò thành của Jérusalem và ở Samarie Thỏa hiệp này đã chấm dứt huyền thoại được duy trì cần thận cho tới giờ là Liên minh «cho tới chiến thắng sau

cùng» của các quốc gia Ả-rập. Xảy ra sau đó nhiều vụ biện giải đầy sóng gió, nhiều lời kết tội tàn tệ, chửi rủa, bôi nhọ khôì hài kỳ cục. Sau cùng Abdullah bị các tín đồ Hồi giáo cuồng tín bắn hạ khi ông rời khỏi Giáo đường Omar trong Cồ thành. Một lần nữa các chính trị gia Ả-rập lại dùng đến các phương pháp họ ưa thích, đó là âm mưu và ám sát.

Bây giờ quân lực Israél, đã được tập trung lại, có thể dồn hết sức mạnh của mình để chống lại Ai-cập. Trong những ngày đầu của chiến dịch, quân lực Israél chiếm được trong sa mạc Néguev pháo hũy quan trọng Suweidan mà địch đã sử dụng từ bao nhiêu tháng nay để đe dọa những dân khai hoang sa mạc. Xa hơn một chút, tại Faloujah, một «cái túi» Ai-cập, đã được quân lực Do-thái bỏ qua không đánh chiếm vì còn vội tiến nhanh khai thác chiến thắng. Đạo quân Ai cập đồn trú tại điềm này sau đó đã rút được đi nhân một dịp ngưng chiến. Trong những sĩ quan của đạo quân Faloujah, có một đại úy trẻ tuổi sau này sẽ giữ vai trò chính yếu trong vụ truất phế vua Farouk, đó là đại úy là Gamal Abdel Nasset.

Một vài giờ trước khi có «ngưng bắn» cục bộ này, tuần dương hạm Farouk, niềm kiêu hãnh của hải quân Ai-cập, đã định pháo kích một vị trí của Israél. Nhưng chính chiến hạm này lại lãnh đủ : ngay lập tức, một tiêu đỉnh chở đầy chất nổ, bánh lái chặn cứng, phóng hết tốc lực lao vào nổ tung đánh chìm luôn chiếc Farouk.

Mùa thu 1948, bằng một trận đánh bất ngờ, quân Israél chiếm được thành phố được phòng vệ rất kỹ là Beersheba. Muốn tránh một cuộc tấn công chính diện chắc chắn tổn thất nhiều, quân Israél đã mượn một con đường khuất nẻo có từ thời Abramham để bọc ra phía sau pháo lũy Ai-cập. Bị đánh bọc hậu, các chiến binh anh dũng của Farouk vút vũ khí để chạy nhanh hơn.

Đến đây là mệnh ai người ấy chạy. Lao về phía trước truy kích quân Ai cập, quân Israél để dải đất Gaza ở lại phía sau không đánh, tiến luôn vào Sinai, băng qua bán đảo này, tận gần đến kênh Suez. Lo sợ cho con kênh, người Anh yêu cầu Tel Aviv ngưng ngay các cuộc hành quân lại, và đề nhấn mạnh sự khẩn thiết của đòi hỏi này, quân Anh cho ngay một phi đội khu trục Spitfire bắn xuống các tiền quân của Israél. Vụ này gần như một biểu tượng : những phát đạn sau cùng của chiến tranh. Giải phóng của Do thái là nhằm vào người Anh. Không lực Israét liền bắn hạ sáu phi cơ Anh, rồi sau đó cái Quốc gia trẻ trung này, nhượng bộ trước áp lực quốc tế, đành chấp nhận để tàn quân Ai cập tẩu thoát về châu thổ sông Nil. Những tàn quân này đã lợi dụng cơ hội đó để tập hợp lại, và với một sự can đảm không mấy có người chiến trường, họ dám tổ chức một «Diễn binh Chiến thắng» vĩ đại ở Caire !

Israél đã chiến thắng ! Một mình chống lại cả một liên minh các kẻ địch, dân tộc Do thái, sau khi trả giá bằng máu và nước mắt, đã hoàn toàn chinh phục dứt khoát được xứ sở mà lương tâm toàn thế giới đã phân phối một cách hợp pháp cho họ. Lá cờ Ngôi sao David, sau khi hai

ngàn năm khuất bóng, lại phát phơ bay từ Hồng hải tới Địa trung hải.

Trong những hậu quả không thể tránh được của chiến tranh, thảm kịch những người tị nạn Ả rập nơi ẩn trú nương thân ở các nước láng giềng. Các cuộc thảo luận về vận mạng của các kẻ đáng thương này chưa chi đã sa lầy ngay vào sự hỗn độn đạo đức giả, quốc gia chủ nghĩa mù quáng, quyền lợi phe đảng cùng các toan tính bần thiêu — cả một trái bom nổ chậm mà LHQ cố gắng gỡ ngòi một cách vô ích.

Barak Ben Canaan, được chính phủ trao phó việc lập một tờ trình về tình hình có vẻ không lối thoát này, đã viết như sau trong phần kết luận của bản văn :

Vấn đề do các dân Ả rập tị nạn của Palestine đặt ra đã trở thành vũ khí chính trị chính của các Quốc gia Ả rập. Họ không bỏ sót một điều gì không làm đề mô tả cảnh khổ của những nạn nhân chiến tranh này, và họ cũng không từ một điều gì không làm đề ngăn cản tất cả mọi giải pháp giải quyết cho những kẻ khốn khổ đó. Người Ả rập muốn các trại tị nạn tồn tại và tiếp tục tồn tại để chứng tỏ với thế giới sự độc ác của những người Do thái. Chắc chắn là nhiều quan khách tới viếng các trại đó đều xúc động vì bao nỗi khổ cùng của các nơi này.

Vậy mà chính những người Ả rập đã tạo ra vấn đề này : tháng 11-1947, ngay khi LHQ đã biểu quyết chia cắt Palestine, các nhà cầm quyền Do thái đã không ngừng yêu

cầu các dân Hồi giáo Palestine hãy bình tĩnh, giữ một thái độ thần hũu cùng tôn trọng những quyền lợi hoàn toàn hợp pháp của người Do thái. Sáu tháng sau, Quốc gia Israél, trong bản tuyên ngôn độc lập, đã long trọng đưa tay kết giao với các quốc gia Ả rập láng giềng và vào ngay lúc chính các quốc gia này sắp sửa xâm phạm biên thùy Israél.

Sự kiện nhiều ý nghĩa là : đa số những người Ả rập Palestine đã chạy đi ngay trước khi có xâm lăng. Ở Jaffa ở Haïfa, ở Galilée, hàng bao ngàn người Ả rập đã lên đường tiến về biên giới trong khi những trận giao tranh chưa có gì là gay go, quan trọng.

Nguyên nhân đầu tiên của hiện tượng này hiển nhiên là lòng sợ hãi. Trong mấy chục năm nay, một số lãnh tụ tham vọng và thiếu lương tâm của Ả rập đã khai thác sự ngu dốt, mê tín cùng lòng cuồng đạo của các fellah, đã nhồi nhét vào đầu họ ý tưởng về một cuộc tàn sát tập thể. Chính thứ sợ hãi vô lý này đã đưa những người Ả rập Palestine vào con đường lưu đầy. Sự sợ hãi này có thể biện minh bằng các sự kiện không ? Chắc chắn là không. Ngoài trừ một trường hợp đặc biệt — một nhằm lần đáng tiếc đã gây ra một vụ tàn sát không tha thứ được — không có một làng Ả rập trung lập nào lại bị quân Israél tấn công hay phải chịu một biện pháp khó khăn nào.

Nguyên nhân thứ hai của tình trạng hiện tại — một nguyên nhân đã được nhiều tài liệu chứng tỏ là đúng — là sự khai thác bóc lột quá đáng mà các lãnh tụ Ả rập đã

làm và hiện còn đang làm. Các lãnh tụ này muốn thường dân Ả rập rời khỏi Palestine. Trước hết bởi vì sự hiện diện của những thường dân này sẽ làm ngáng trở công cuộc dự trù là diệt chủng dân tộc Do thái. Thứ hai bởi vì họ cần một phương tiện để minh chứng "xử sự phi nhân" của Do thái, những kẻ đã cưỡng bách những kẻ khốn khổ đó phải rời bỏ nhà cửa ruộng vườn ra đi.

Liên Hiệp Quốc đã thành lập một quỹ hai trăm triệu đô la để tái lập nghiệp cho những người tị nạn của Palestine. Không hề thiếu đất màu mỡ và thiếu dân trong mười triệu cây số vuông của thế giới Ả rập. Miền thung lũng sông Tigre và Euphrate chẳng hạn, bao hàm nhiều vùng có thể nói là màu mỡ nhất trong những vùng đất cần khai hoang. Trong lúc này, các vùng đó chỉ chứa một nhóm nhỏ bé Bedouin. Vùng thung lũng nói trên không thôi thừa sức nuôi mười triệu người, trong khi tổng số những người tị nạn mới có chừng nửa triệu.

Một mặt khác, Israël, một xứ ít màu mỡ rộng có mười ngàn cây số vuông mà thôi, mà một nửa là đất sa mạc, đã phải tiếp nhận nửa triệu người tị nạn Do thái từ khắp các nước Ả rập chạy về. Và chúng ta còn phải chuẩn bị tiếp nhận thêm từng ấy nữa...

Các lãnh tụ Ả rập quả quyết rằng Quốc gia Israël nuôi những tham vọng đế quốc. Tôi mong mỗi rằng mọi người sẽ cắt nghĩa cho tôi hiểu làm sao một quốc gia chưa có tới một triệu dân lại có thể theo đuổi một chính sách bành trướng lãnh thổ đối với 50 triệu dân khác được.

Thực ra, toàn thể các dân tộc Ả rập cần phải có một

thế kỷ hòa bình. Và cũng cần phải có những lãnh tụ không phải là những *chiek* có hàng ngàn ngàn nô lệ, không phải là những kẻ cuồng đạo tù hãm trong các ý tưởng thời trung cổ, không phải là tập đoàn quân phiệt, mà là những người đủ can đảm, đủ sáng suốt đề tấn công cái nghèo khó, sự ngu dốt và các bệnh tật địa phương. Nhưng bất hạnh thay, những người hiếm hoi thuộc thành phần này đều bị ám sát chết mỗi khi xuất hiện. Những lãnh tụ Ả rập hiện nay không muốn giải quyết vấn đề dân tị nạn, và cũng chẳng hề muốn có hòa bình.

LÉON URIS

PHẦN NĂM

1

Với cánh phượng hoàng

NOME (ALASKA)

THÁNG MƯỜI 1948.

Tất cả phi cơ của công ty *Arctic Circle Airways* trước sau chỉ có ba chiếc phi cơ chờ hàng mua từ kho thặng dư phế thải của quân đội, và Stretch Thompson đã mua trả góp.

Cụ phi công chiến đấu ở Alaska, Stretch đã nổi tiếng là một anh chàng giàu óc tưởng tượng, nhất là cần tránh thứ tạp dịch buồn chán các công việc đều đều. Trong những chuyến bay đêm, chàng đã có thì giờ để suy nghĩ đến các vấn đề không vui gì do việc giải ngũ sau này đặt ra. Một tối kia, chàng đã tìm ra giải pháp :

Cua !

Đọc theo các bờ biển có hàng triệu con cua vua rất to khoẻ, có nhiều con có tới 40 phân đường kính. Một người khôn khéo chắc hẳn phải tìm được cách làm cho các nhà tiêu thụ khoái khẩu với cái thứ thịt trắng và chắc, mà nghĩ cho kỹ, đâu có thua sứt gì tôm hùm của tiểu bang Maine. Chỉ có việc lượm thứ của trời cho lúc nhúc ấy, chèn nước đá vào rồi chuyên chở — dĩ nhiên là bằng máy bay rồi — về Hoa kỳ. Một chút quảng cáo nữa là các nhà buôn sẽ đổ xô tới thứ thức ăn trời cho này. Và trong vài năm, chàng sẽ giàu — chàng, Stretch Thompson, Vua của cua Vua.

Chắc đã có một trục trặc nào đó trong vụ tính toán này, có lẽ tại nhân loại chưa được tiến hóa lắm đề thưởng thức món ăn bắc cực này. Dù thế nào chăng nữa, việc bảo trì phi cơ, xăng nhớt và tiền công cho phi công cứ nhất định vượt quá tổng số thu do việc bán cua mang lại. May thay. Stretch lại không phải là người chịu thua nghịch cảnh. Nhờ có mồm mép khác thường và tính toán khôn khéo, chàng đương đầu được với bầy chủ nợ mà vẫn duy trì được, với sự tăng cường bằng giây kềm, vải đeo dính và các lời chửi thề tùm lum, ba phi cơ trong tình trạng bay được. Và cứ đều đều, vào lúc trời tối sầm lại tới nơi tới chốn, thì lại có một chuyến chở mướn công cao tới cứu vãn.

Một yếu tố may mắn khác, đó là chung thủy của phi công trưởng (và thường cũng là phi công duy nhất), anh chàng Foster Mac WILLIAMS, một tay nghệ sĩ đích thực trong việc điều khiển cái cán chổi (5). Tài khéo léo của Foster đã nổi danh đến nỗi không ai dám nhận lời cá với

chàng như sau : cá một trăm đôla thôi, chàng sẽ đáp được chiếc C. 47 xuống đầu một khối băng sơn dù trong tình trạng say rượu gần chết đi nữa. Nhưng bất hạnh thay là Foster MacWilliams lại có một tâm hồn lang thang : nếu chàng mê bay, thì chàng lại rất kinh hãi những phi trình ẩn định trước cùng các thời biểu phải tôn trọng. Đến nỗi rằng chưa bao giờ chàng quyết định được đến làm cho một công ty hàng không lớn. Ngược lại, các phi trình bất nhất, các phi vụ thường là nguy hiểm của *Arctic Cercle Arirways* lại hoàn toàn vừa với ý chàng.

Một ngày nọ, khi chàng tiến vào hăng ga ở đầu phi đạo, trụ sở và bất động sản duy nhất của công ty, Stretch Thompson nhìn chàng với vẻ suy tư.

— Này cụ, cụ có khoái sống trong một xứ nhiều mặt trời hơn — và đồng thời nhận đủ tất cả số lương chưa được lãnh cho tới giờ không ?

— Này, bồ Stretch, bồ vẫn thứ nhỡ nhó đều đều đó phải không ?

— Lần này tôi không có đùa đâu, thưa cụ. Truyện làm ầu cần thận đấy.

— Bồ không bán tổng bán tháo cái đại công ty này rồi chứ ?

— Cụ đoán sao mà hay vậy.

MacWilliams có vẻ sững sờ ngạc nhiên.

— Này ai có thể gồng lên mà mua những con chim cụ về già của chúng ta vậy.

— Tôi không có yêu cầu người mua thuật sự mô tả lại tiểu sử. Tôi chỉ biết ngân phiếu thơm lắm và tính tôi thì dễ, thế là hài lòng rồi.

Foster Macwilliams xoa cằm :

— Vụ này có vẻ tới đúng lúc đấy, bồ Stretch. Tôi cũng bắt đầu ngấy lạnh, sương mù và cua chy rồi. Theo như bồ tính, bồ thiếu tôi bao nhiêu đây tất cả ?

— Tính cả tiền thưởng, chắc không xa bốn ngàn đơn là mấy.

— Một khoảng xinh đấy chứ ? Với khoản này, tôi sẽ có thể tặng tôi một chầu rượu chè gái giếc từ đây xuống tới Nam Mỹ. Lý do là tại lúc này tôi đang khoái xuống cái miền đó. Hình như thiên hạ trả công khá lăm cho những tên chuyên chở chất nổ băng qua dãy Andes.

Stretch nói :

— Nhưng hiện chỉ một trục trục nhỏ, cụ Fostea.

— Tôi nghĩ rằng chắc hẳn là phải có trục trục.

— Tôi đã phải ký thuận sẽ trao ba chiếc máy già của chúng ta tại sân bay của người mua. Tôi đã tìm thấy người lái chiếc số 1 và chiếc số 2... còn mỗi chiếc số 3 là chưa có ai.

— Điều đó có nghĩa là bồ lại trông cậy ở tôi một lần nữa rồi đó. Xong rồi. Chúng ta phải trao chiếc phi cơ vừa bay vừa ho hen của chúng ta ở xó nào đấy.

— Ở Israél.

— Israél ? Chỗ nào vậy ? Chưa bao giờ nghe ai nói tới cái tên này cả.

Stretch gật gù :

— Tôi cũng thế cụ ạ. Tôi đang kiểm cái tên đó trên bản đồ thì cụ tới.

Cả hai người chúm mũi vào bản đồ thế giới, dò từ trên xuống dưới từ trái sang phải. Sau một giờ đồng hồ, cả hai người bỏ cuộc. Foster lắc đầu :

— Thiên hạ dớn với bồ rồi bồ ơi.

Họ đi làm một châu khắp các quán rượu ở Nomé, nhưng ngoại trừ một ông quản già phát biểu rằng “cái tên đó có nhắc tới một cái gì đó”, còn không được ai nghe nói đến cái xứ mang tên Israél bao giờ. Sau cùng, vào lúc hàng quán đóng cửa, có người đề nghị hãy tới đánh thức hiệu sách duy nhất trong thị trấn Nomé dậy mà hỏi.

Chủ hiệu sách hét lên :

— Israél hả ? Đó là tên mới của Palesline, ngu ơi là ngu ! Có vậy mà các anh tưởng hay lắm đến đấm cửa nhà người ta vào lúc nửa đêm như vậy hả.

Trở về hăng-ga, hai người lại dò tìm trên bản đồ thế giới. Sau cùng Stretch khám phá ra một cái xứ nhỏ xíu. Foster làm một điệu bộ ra vẻ buồn tiếc, lầu nhầu :

— Này, hấp dẫn đấy chứ ! Đất với nước gì mà chỉ to hơn một tảng băng lớn mà thôi. Tôi dám bay băng qua luôn mà không biết lắm !

Ba tuần sau, Foster MacWilliams đáp chiếc máy bay số 3 của nguyên công ty Arctic Airways xuống phi trường Lydda. Stretch Thompson, tới từ tám ngày trước, đang chờ sẵn để lôi chàng về một văn phòng cửa có đề : *Palestine Central Airways : S. Thompson, Tổng Giám đốc.*

— Chuyển đi vui chứ ? Tôi rất khoái được gặp cụ đó, cụ Foster ạ.

— Xong rồi. Nay, đang lúc bờ vui vẻ thơ thới hân hoan, bờ hãy tử tế làm ơn thanh toán tất cả số lương bờ còn thiếu tôi đi. Tôi định «vi hành» sang Paris để vui chơi trong một tháng trước khi đi Rio.

— Có ngay, Tấm séc của cụ đã sẵn sàng từ lâu rồi, trong tủ sắt kia.

Foster nhìn tấm séc, mắt xoe tròn.

— Bốn ngàn năm trăm đơn I Lạ quá ta...

— Năm trăm đơn phụ trội ấy, đó là để chứng tỏ rằng tên Stretch Thompson này không phải là thứ không có nghĩa với bạn.

— Bờ quả là một vĩ nhân đấy... từ xưa tôi vẫn ca bạn như thế mà.

— Vậy hả ? Nay, Cụ Foster, chỗ này là nơi hấp dẫn đấy. Toàn dân Do thái không à — cụ tin ở tôi đi, đời hẳn không khí xứ Alaska được. Cụ có thấy tấm biển đề cửa văn phòng không ? Chính tôi tìm ra cái tên hay như thế đó : *Palestine Central Airways* ? Được chứ ? Cụ biết không, dân ở đây chẳng có bao kinh nghiệm trong việc tổ chức một công ty hàng không cỡ quốc tế, họ đã yêu cầu tôi giúp cho họ một tay và tôi đã không nỡ từ chối. Nhưng tôi đã nói với họ ngay tại chỗ rằng : «Nếu quý vị muốn có một công ty toàn hảo, quý vị phải có được một phi công trưởng toàn hảo — và tôi hiện lại đang có được một tay phi công hữu hạng nhất chưa từng thấy từ xưa nay».

Foster vội vã đứng ngay dậy :

— Tôi sẽ cố gắng lại, chào bồ trước khi ra đi...

— Cái gì mà cuống lên thế ? Đâu có lửa cháy ở đây phải không ?

— Tôi đã đang ở trên đường đi Paris rồi...

— Tôi có một đề nghị với cụ...

— Chắc chắn là tôi không thích cái gọi là đề nghị ấy của bồ đâu.

— Thì ít nhất cụ cũng làm một đường lịch sự tối thiểu đề nghe tôi nói cho xong đã chứ.

— Tôi sẵn lòng nghe bồ thật kỹ, nhưng nói trước cho bồ biết là không thuyết được tôi đâu. Tôi sẽ đi Paris, nếu cần bơi qua biển cũng bơi.

— Được rồi, được rồi. Bây giờ, cụ nghe đây. Như tôi vừa nói đó, ở đây toàn Do-thái không. Thế mà họ lại còn cho là chưa nhiều. Chính vì thế họ mới mua công ty của chúng ta — để chuyên chở thêm nhiều Do-thái nữa về đây. Hình như có cả trăm cả ngàn Do-thái khác trên khắp thế giới đang sốt ruột chờ đợi người tới đón họ về. Việc của chúng ta là chuyên chở họ. Cụ hiểu rõ chứ... hàng trăm phi vụ, tàu đầy nứt người và những kẻ ở đây cứ trả tiền đều đều, đếm đầu hành khách mà trả tiền mặt... Trước kia bọn mình giữa đêm bò dậy đi bay với số công còn mặt hơn thế nhiều. Cụ Foster, cụ ở lại với tôi đi, tôi bảo đảm là cụ sẽ lăn trên đồng vàng. Nói thế nào nhỉ... cụ sẽ tắm trong vàng luôn ! Cụ biết tôi đó... tôi đâu phải là kẻ không biết ăn ở phải đạo với anh em...

— Tôi thích tắm trong một đại khách sạn ở Paris

hơn. Tôi... thôi, chào bồ Stretch. Khi nào tôi tới Rio, sẽ gửi thư về hỏi thăm cố tri.

— Thưa ông MacWilliams, xin lĩnh ý ông. Rất hân hạnh đã được gặp ông.

— Kia bồ... bồ giận tôi rồi đó..

— Đâu có gì. Khi tôi nghĩ đến những thời gian thích thú chúng ta đã sống với nhau ở Nomé...

— Quả là những thời gian đáng ghi nhớ vì đó là những lúc bị lạnh làm nứt nẻ từng lum. Nhưng đó cũng không phải là lý do để bồ nhăn nhó với tôi thế. Bồ làm như bồ bị ai đâm cho một nhát dao vào lưng không chừng.

— Cụ nói thế cũng gần đúng đó. Thú thật với cụ, tôi đang kẹt cứng. Tôi vừa nhận được điện tín khẩn : có một nhóm Do-thái đang đợi mồi meo trong một xó gọi là Aden, cần đi kiểm mang họ về đây gấp. Hai chú phi công mà tôi đã kiểm được lại cho tôi rơi rồi.

— Bồ đừng có trông ở tôi. Tôi xin nhắc với bồ là tôi sắp đi Paris mà.

— Xong rồi : em sẽ đi Paris. Ở vị trí của cụ, chắc tôi cũng làm như thế. Hai chú phi công mà tôi nói với cụ ấy... khi hai chú biết đi cái phi vụ này dám bị tụi Ả-rập nó quạt cho dăm ba băng kẹo đồng, hai chú chàng đã đông thiệt lẹ...

Foster đã ra đến cửa, đột nhiên quay lại. Stretch nói tiếp :

— Tôi không thể trách cứ gì được hai chú đó. Dĩ nhiên là các phi vụ đó nguy hiểm hơn việc chuyên chở chất nổ băng qua dãy Andes rồi..,

Foster liếm môi. Stretch hiểu rằng ông bạn đã cần câu rồi, cần luôn cả mồi lẫn lưỡi câu.

— Nay Stretch ạ, tôi sẵn lòng đi cái phi vụ đó cho bồ, chỉ đề giờ kẹt cho bồ thôi nghe. Và đúng một vụ đó thôi. Trong thời gian đó, bồ gắng mà kiếm lấy những tên phi công nào không có vợ ông dây thun trong cò nghe. Rồi, bây giờ cái xó có tên Aden nằm ở đâu đây ?

— Tôi cũng cóc biết nữa. Mời cụ theo tôi, chúng ta lùng bản đồ coi.

Khi cất cánh rời phi trường Lydda, Foster Mac-Williams, phi công trưởng của hãng *Palestine Central Airways*, không ngờ là mình đã khai nguyên cho một câu truyện phiêu lưu không kém gì «Ngàn lẻ một đêm».

Truyện phiêu lưu này bắt nguồn từ ba ngàn năm hơn về trước, nói cho chính xác, thì bắt nguồn từ thời nữ hoàng Saba. Vào thời đó, phần phía nam bán đảo Arabie còn là một xứ phi nhiêu. Các dân cư, chuyên viên trong nghệ thuật xây cất đập nước, bình chứa và giữ nước, đã làm miền này thành cả một khu vườn tuyệt đẹp,

Sau chuyến nữ hoàng Saba tới viếng thăm hoàng đế Salomon, một nhóm người Hébreu đến lập nghiệp tại Saba để thiết lập những đường giầy thương mại băng qua sa mạc và dọc theo Hồng hải. Số dân này phát triển thịnh vượng trong nhiều thế kỷ. Các dân Do thái này, dù vẫn qui tụ thành từng làng, đã hoà nhập với đời sống địa phương đến nỗi về sau có nhiều người trở thành cố vấn nhiều ảnh hưởng ở triều đình.

Rồi đến những năm khủng khiếp, cát xâm chiếm tất

cả, tàn phá tất cả đất đai màu mỡ. Các ouadi khô héo dần, nước mưa tan biến qua các khe đất nứt nẻ. Dưới ánh mặt trời chói chang, cuộc chiến đấu kiếm nước trở thành tranh đấu để sống còn. Vương quốc Saba và các quốc gia kề cận tan rã thành muôn vàn bộ lạc vừa nghèo vừa hận thù, luôn luôn gây chiến với nhau.

Khi đợt sóng Hồi giáo đầu tiên bị cản quét trên thế giới, không ai nghĩ tới chuyện tấn công những người Do thái ở Sabra. Mọi người tôn trọng họ, để mặc họ sống theo tập tục tôn giáo của họ. Mahomet cũng đã từng ra lệnh là phải đối xử tử tế với người Do thái

Nhưng sự bình đẳng dành cho người Do thái, than ôi ! đã rất chóng qua. Cũng như trong tất cả các xứ Hồi giáo khác, những người Do thái của cựu vương quốc Saba, bây giờ trở thành Yemen, bị coi như là những kẻ «bất tuân đạo». Nhưng dẫu sao sự khinh bỉ của dân Ả rập dành cho các dân Do thái này vẫn hàm chứa một bao dung. Trong các quốc gia Ả rập, các cuộc bạo hành Do thái chưa bao giờ có tính cách tồ chức diệt chủng như ở Âu châu. Chỉ xảy ra vài vụ tàn sát bùng lên như lửa rơm rồi tàn ngay.

Ngược lại, lại có đủ thứ cấm đoán và hạn chế để đưa người Do-thái xuống hàng công dân bậc nhì. Một người Do-thái không được quyền cất cao giọng trước một người Hồi giáo, không được cất nhà cao hơn các nhà Hồi giáo kề cận. không được chạm tới hay vượt qua phía tay mặt người hồi giáo. Họ cũng bị cấm không được đi lạc đà vì như vậy đầu họ sẽ cao hơn đầu người. Hồi giáo

đi bộ. Trong hầu hết các thành phố, người Do-thái phải sống trong các *mellah*, một thứ ghetto kiểu Đông phương.

Trong khi toàn thể nhân loại tiến triển thì vùng Yemen vẫn cứ bất biến, sơ khai, xa xôi cách trở, như ở ngoài thời gian. Một sa mạc rừng núi hoang dã, chỉ có những con đường mòn cho lạc đà. Một miền duyên hải không thể ở nổi, và phía trong nội địa, là các biên thùy không ai buồn vạch cho chính xác. Không nhà thương, không trường học không báo chí và không cả máy điện thoại nữa. Dân chúng thất học đúng trăm phần trăm.

Iman, dòng dõi của Mahomet và đại diện của đấng Allah, cai trị với quyền hành tuyệt đối. Nếu ông kiểm soát việc lấy vàng và sản xuất cà-phê, các nguồn tài nguyên duy nhất của cái xứ khốn kiếp này, ông chẳng mang lại cho thần dân điều gì hết, đến cả một nền hành chính tối thiểu cũng không. Chủ nhân ông độc ác và sở hữu hàng mấy trăm nô lệ, ông xử án tùy hứng, lúc thì ra lệnh cắt mũi một gái điếm, lúc thì ra lệnh chặt tay một tên ăn trộm. Ông lo lắng là làm sao đừng để bất cứ một nền văn minh nào xâm nhập vào cái vương quốc ghê khiếp của ông.

Đối với dân Do-thái, Iman giữ thái độ truyền thống của bạo chúa khoan dung.

Ông không hề muốn đuổi họ đi : thủ công nghiệp cha truyền con nối từ nhiều thế kỷ, dân Do-thái là những thợ kim hoàn, thuộc da, thợ mộc, đóng giày hữu hạng, sử dụng các phương pháp mà đa số người Ả-rập không sao học nổi. Dĩ nhiên là những kẻ hữu ích đáng được hưởng một sự che chở tối thiểu.

Sự kiện khó tin là các người Do-thái xứ Yemmen, mặc dù bị cô lập với thế giới bên ngoài hơn ba ngàn năm, vẫn giữ được cho mình là Do-thái. Mặc dầu nếu chịu cải đạo sang Hồi giáo, đời sống họ sẽ dễ chịu hơn nhiều. Nhưng họ vẫn cứ ngoan cố bán lấy kinh Torah, luật giáo đường, ngày sabbat cùng tất cả mọi ngày lễ khác. Đây quả là một chiến công phi thường trong một xứ không biết tới máy in, tất cả mọi sách vở đều phải chép bằng tay. Để bảo vệ niềm tin của tổ tiên, họ chống lại tất cả mọi áp lực. Khi Iman bắt tất cả những con mồ côi trong các làng để cho theo đạo Hồi, thì dân Do-thái cưới vợ gả chồng cho chúng ngay sau khi bố mẹ chết, bất kể bao nhiêu tuổi, bởi thế có những đứa bé mới có vài tháng đã có vợ hay có chồng rồi.

Xét về phương diện thể xác, y phục, tinh thần, các Do-thái Yemen đầu thế kỷ 20 giống hệt như các bậc tiên tri trong Cựu Ước. Vẫn theo chế độ đa thê, họ mang bùa phép để tránh tà ma, gió độc. Còn về Kinh Thánh, thì theo ý họ, bản văn ra sao thì theo đúng như vậy, không được cắt nghĩa biện giải chi hết : mỗi lời mỗi chữ ra sao thì phải hiểu nguyên văn và cụ thể như thế.

Suốt ba mươi thế kỷ, họ không ngừng hướng về Jérusalem. Kiên nhẫn, có một lòng chung thủy tuyệt đối, họ tin tưởng rằng đấng Vĩnh cửu rồi sẽ ra dấu cho họ thức tỉnh. Thỉnh thoảng, một nhóm nhỏ rời bỏ được Yemen để « trở về » Palestine để rồi thành lập ở đó một cộng đồng sơ khai nhỏ bé.

Rồi tới một ngày kia, đấng Vĩnh cửu đã ban dấu

hiệu như các nhà tiên tri đã từng hứa hẹn từ xưa.

Sự kiện khá kỳ dị là mọi sự bắt đầu từ việc Iman gửi một đoàn quân Yemen nhỏ bé sang chiến đấu cùng quân Ai-Cập để chống lại Quốc gia Israël mới thành lập. Không có sự can thiệp có tính cách lý tưởng này của Iman, chắc những người Do-thái Yemen chẳng bao giờ biết được quốc gia họ đã phục sinh. Ngay lập tức, các rabbin tuyên bố rằng đức vua David đã trở lại Jérusalem và chính toàn dân Do-thái Yemen cũng sắp được trở về « vùng Đất Hứa », « trên những cánh chim phụng hoàng ».

Vị Đại Rabbin xin được Iman cho tiếp kiến để yêu cầu quốc vương này cho phép người Do-thái rời Yemen. Iman bĩu môi: vì đủ lý do chính trị và kinh tế, ông thích giữ người Do-thái ở lại hơn. Vị rabbin đề nghị quốc vương nên đọc lại vài chương trong cuốn Exodus của Cựu ước kinh.

Sau khi nghe theo lời khuyên này, Iman chìm đắm vào một suy tư dài và đau đớn. Mười tai ách của Ai-cập... mới vài tháng trước đây một trận dịch đậu lào đã giết chết một phần tư dân số. Không còn ngờ gì nữa, đây là cảnh cáo thứ nhất của đấng Allah,

Ông cho rằng thận trọng hơn nên đề cho người Do-thái ra đi — dĩ nhiên là với một số điều kiện: nhường lại cho ông mọi nhà cửa ruộng nương và gia súc, trả một sắc thuế tính theo đầu người, phải lưu lại mấy trăm tay thợ khéo léo nhất trong mọi nghề.

Sau đó là cuộc di dân của người Do-thái Yemen. Mang theo một vài của cải họ có thể mang trên lưng — của

cải mà dân du mục Bédouin—sa mạc—viện cỏ là tiền mãi lộ tước đoạt hết ngay — họ lên đường tiến về thuộc địa Aden của Anh quốc, địa điểm giao liên giữa Đông và Tây, nơi tập họp của mọi đoàn người từ nội địa tiến ra. Bị bắt ngờ, người Anh mới đầu tự hỏi không biết họ phải làm gì đây với đám người như ở trong thời kinh thánh tiến ra này. Sau cùng, xúc động vì niềm tin ngây thơ cùng sự khốn cùng của đám người Do thái này, người Anh thuận cho phép họ được cắm trại trên lãnh thổ của thuộc địa trong khi chờ đợi Israël cho người đến kiểm họ. Quả thực vậy, làm thế nào xua đuổi những kẻ đáng thương quần áo tồi tả, gần chết đói chết khát, mất hết sạch gia sản mà vẫn còn tập họp theo từng làng, với những thùng đựng thánh tích của các giáo đường nghèo nàn của họ.

Đoàn cán bộ chí nguyện đầu tiên của Israël thành lập một trại tạm trú ở gần cảng Aden. Nhưng chưa chi trại nơi này đã đầy tràn trước làn sóng tràn ngập của những di dân khác tới. Các khó khăn bao hàm trong tổ chức loại này bây giờ còn tăng gấp bội lên vì sự kiện các dân Do thái Yemen này, một đám dân bán khai, không biết tới cả một vò nước, ống tháo nước, bóng điện ra làm sao. Trong khoảng thời gian có vài ngày mà phải cố bắt kịp sự chậm tiến kỹ thuật tới ba ngàn năm, họ sợ từ chiếc xe hơi đến ống chích. Phụ nữ la hét kinh hoàng khi các y sĩ cùng các nữ điều dưỡng định lột bỏ những quần áo rách rưới đầy chấy rận của họ. Họ cũng không chịu để cho ai chẩn bệnh, vung vẩy chống thuốc chủng, nhẩy xô vào các người trợ y đang bế con họ, những đứa quá thiếu ăn, tới

phòng thuốc.

May mắn thay là các dân Israël, chính họ, họ cũng thuộc Kinh thánh, nên đã khám phá ra rất nhanh cách giải quyết các vấn đề này. Chỉ việc chọn trong Kinh Thánh những đoạn thích hợp rồi đưa cho các rabbin Yemen coi. Thế là xong. Bởi vì cái đó «đã ghi trong Thánh Kinh», thì các dân Do thái Yemen nghiêng mình tuân theo ngay.

Việc phi cơ đến gây ra cả một sự sôi nổi. Nhóm di dân thứ nhất, được đưa đến phi đạo, khám phá ra ngay cánh chim phượng hoàng vẽ trên thân tàu. Có nhiều cái gạt đầu tán thành quả đúng là Thượng đế đã gửi cái này tới, như Ngài đã từng loan báo qua bậc tiên tri Isaie. Nhưng khi mọi người yêu cầu họ lên tàu, họ lại từ chối : vị rabbin của họ vừa nhớ ra rằng hôm đó là ngày thứ bảy, ngày sabbat. Trường trại dù cố hết sức lên mà cắt nghĩa rằng còn cả bao ngàn người nữa đang đợi đến lượt ra đi, không thể để chim phượng hoàng này đợi tới một ngày, cũng vẫn vô ích. Họ ngồi xồm xuống dưới đôi cánh lớn của con chim bạc rồi tuyên bố rằng họ không có nhúc nhích đi đâu hết cho tới khi hết ngày sabbat. Họ đã kiên nhẫn chờ được ba ngàn năm, thì chờ thêm một ngày nữa cũng không sao hết.

Foster MacWilliams, sau khi ném một cái nhìn lơ đãng lên những hành khách kỳ dị này, phải cố lắm mới nén được một câu chữ thề rồi phóng lẹ về Aden kiếm một châu giải khát.

Sáng ngày hôm sau, miệng còn khô cứng và mắt nặng chiu, chàng trở lại phi đạo đúng lúc để thấy các Do

thái Yemen lên máy bay. Mỗi người, đàn ông cũng như đàn bà, đều cần thận mang theo một chai nước — của cái duy nhất của họ trên thế gian này. Chàng buột miệng :

— Mẹ kiếp ! Cái tên khốn kiếp Stretch...

Một giọng con gái cất lên phía sau làm chàng quay vội lại :

— Thưa có phải ông trưởng phi cơ MacWilliams đấy không ạ ?

Sững sờ, chàng ngắm nghía một thiếu nữ cao lớn (thân thể có trước có sau đang hoàng và có đúng chỗ đúng lúc, chàng phải nhận là như thế), mặc một bộ đồ xanh áo liền quần của cơ khí viên và đi dép da.

— Tên tôi là Hannah. Tôi được trao nhiệm vụ đi cùng với ông đề lo cho hành khách.

— A ! Thế... rất hân hạnh được biết cô.

Nàng cười, để lộ hàm răng trắng ngà không một vết gợn.

— Ông có chỉ thị nào đặc biệt cho tôi không ? Vì đây là lần đầu tiên tôi hộ tống cho một chuyến như thế này...

— Không... không đâu. Cô chỉ việc thu xếp sao cho những con khí nhỏ xấu òm này đừng xâm nhập vào phòng lái là đủ. Dĩ nhiên là điều cấm đoán này không hề áp dụng cho cô. Ngược lại là khác... cô càng vào thăm tôi nhiều, tôi càng bằng lòng. Tiện đây, tên tôi là Foster...

Chàng nhìn đoàn người Yemen

— Nhưng... hình như họ không ít bớt đi được chút nào. Chúng ta mang theo chuyến này bao nhiêu đấy cô ?

— Gì cơ ?... Theo danh sách của tôi, bốn trăm người.

— Cái gì ! Cô điên rồi cô ơi ! Không bao giờ máy bay cất cánh nổi với số người như thế. Phải bỏ bớt đi hẳn một nửa.

— Không được đâu ông. Tôi xin ông đấy... ngày nào cũng có thêm rất nhiều người đến. Và người Anh thì cứ đòi hỏi hoài là chúng tôi phải đưa họ đi cho nhanh, càng nhanh bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Foster cầu nhậu. Chàng cố nhớ lại những con số ấn định trọng lượng chuyên chở được của máy. Không còn ngờ gì nữa, chắc chắn là sắp vượt giới hạn an toàn rồi... Đúng vào lúc đó, chàng vi phạm lầm lỗi là nhìn vào đôi mắt của Hannah. Thôi cũng được... chàng tính toán lại, ăn gian tí chút để tự thuyết phục rằng với một chút may mắn, chàng cũng có thể tôi được máy bay cất cánh.

. Chàng lẫu nhậu

— Thôi cũng được ! Dầu sao, đây cũng là chuyến bay đầu tiên và chuyến chót luôn của tôi trên lộ trình này.

Khi chàng lên tàu, chàng suýt lúi lại trước một mùi hôi thối nồng nặc. Hannah thấy mặt chàng tái đi. Nàng vội cắt nghĩa

— Chúng tôi không có đủ thì giờ tẩy uế cho tất cả mọi người. Và vì chúng tôi lại không biết rõ ngày giờ có phi cơ đến . . .

Trong thân tàu, các dân Yemen bị nhồi nhét đúng như cá hộp. Muốn tới phòng lái, Foster phải hất ra nhiều người, gạt nhiều cánh tay sang một bên, đồng thời cố gắng chặn cơn buồn nôn đang dâng lên. Ngồi được xuống ghế phi công, chàng vội mở cửa kính ngang, vừa cố giữ

đầu thò ra ngoài, vừa cho phi cơ rờ ga trên phi đạo lấy đà cất cánh. Một cơn nôn ngăn, dữ dội . . . Phi cơ chạy nhanh hơn . . . Foster cảm thấy một co thắt dạ dày sau cùng . . . mũi phi cơ cất lên . . . rồi sau cùng các bánh xe rời mặt đất cách cuối phi đạo có vài thước. Foster há miệng cắn thẳng vào một trái chanh. Dần dần, trong không khí mát lạnh hơn, cơn nôn dịu dần. Sau khi bay vòng eo biển, chàng cho phi cơ hướng về phía nam Hồng hải, ở đúng giữa khoảng cách từ Arabie Séoudite phía đông và Ai-cập phía tây.

Hannah đẩy cửa buồng lái. Nàng cũng tái xanh.

— Ông có thể làm cho phi cơ bớt lắc lư không . . . họ đang nôn mửa hết . . .

— Cô đi mở hết các quạt và ống thông hơi. Tôi sẽ cố bay cao hơn một chút. Khí lạnh sẽ làm cho họ dễ chịu hơn.

Cô gái biến mất. Sau chừng nửa giờ, nàng lại trở vào.

— Bây giờ họ lại rét run lên cầm cập.

— Nếu tôi làm cho họ ấm lại, họ lại sẽ nôn mửa. Tùy ý cô chọn lựa.

Hannah đồng ý.

— Ông có lý . . . Thôi, cứ để họ run tốt hơn.

Nàng lại ra. Lần này chưa đến một phút, nàng đã quay lại

— Họ đã đốt một đồng lửa để sưởi.

— Mẹ kiếp.

Đề cho hệ thống tự động điều khiển phi cơ Foster chạy vội vào khoang tàu. Một đám lửa đang cháy vui vẻ ở giữa sàn. Tức giận, chàng lấy chân đạp tắt.

— Cô có biết tiếng của tụi man ri mọi rợ này không ?

— Biết chứ, bằng hébreu.

— Bây giờ cô cầm lấy micro và báo cho họ biết là kẻ nào nhúc nhích, tôi sẽ quăng xuống biển ngay lập tức !

Dân Yemen, chưa bao giờ nghe máy phóng thanh hết, sợ hãi co rúm người lại, kinh khiếp nhìn lên trần phi cơ. Foster ngạc nhiên hỏi :

— Họ sợ cái gì vậy cô ?

— Họ tưởng tiếng nói từ vách trần thốt ra ấy là tiếng của Thượng đế.

— Tốt quá. Cô đừng có cải chính nghe cô.

Chàng trở lại phòng lái. Trong nhiều giờ liền, không có một biến cố nào nữa quấy rầy chàng, ngoại trừ một lần Hannah vào loan báo có một vụ sinh nở.

— Ông đừng lo Mẹ tròn con vuông rồi.

Một lát sau nàng mang vào cho chàng một ly đồ uống nóng và hai người nói chuyện với nhau. Sau khi đã hỏi nàng về dân Do-thái xứ Yemen và chiến tranh Palestine, liền hỏi một câu trực tiếp hơn.

— Có Hannah ạ . . . tại sao cô lại đề cô bị lôi cuốn vào câu chuyện này mới được chứ ? Dù thiên hạ có trả công hậu đến mấy, thì một công việc như thế này cũng đáng gấp đôi như thường.

Hannah cười

— Mọi người đâu có trả lương cho tôi. Mọi người

chỉ định tôi làm việc này, có thể thôi ông. Có lẽ tôi sẽ ở lại với dân Do-thái Yemen đi chuyến này để giúp họ làm một cái làng, nhưng cũng có thể tôi lại ra đi kiếm họ thêm . . .

— Tôi chẳng hiểu gì hết.

— Khó cắt nghĩa lắm ông. Tiền bạc đối với chúng tôi không có ý nghĩa gì nhiều. Trái lại, mang những kẻ đáng thương này về tổ quốc quả là một nhiệm vụ cao đẹp. Rõ ràng đây là hoàn cảnh hoàn toàn đặc biệt . . .

Foster nhún vai. Xét cho cùng, chàng cóc cần. Chàng sắp chuồn sang Paris đến nơi rồi . . .

Chàng chỉ bờ biển thẳng ngay phía trước.

— Chúng ta bay đến Israël rồi !

Hannah nói :

— Tôi phải loan báo cho họ biết. Họ chờ đợi giây phút này từ bao ngàn năm rồi. . .

— Họ sẽ đập vỡ máy bay của chúng ta mất. . . để tôi đi cho, tốt hơn.

Chàng lại đề cho hệ thống tự động điều khiển phi cơ rời bước ra khoang tàu. Ngay từ những lời của Hannah, cả một cơn vui mừng điên cuồng xâm nhập các dân Yemen. Các tiếng la hét vui mừng, những vòng tay ôm cuồng nhiệt — vài người còn phác một điệu vũ nữa. Một phụ nữ Yemen già nắm lấy tay Foster hôn lia lịa. Chàng cố gỡ mới ra thoát được những cánh tay muốn ôm lấy mình để trở lại phòng lái. Hai giờ sau, khi phi cơ hạ xuống phi đạo Lydda, chàng nghe thấy tiếng hát của người Yemen cất lên át cả tiếng động cơ đang giảm dần tốc độ.

Lắc đầu, chàng đứng nhìn họ bước khỏi thân tàu, quỳ xuống vừa khóc nức nở vừa hôn đất phi đạo. Hannah nói :

— Thôi, xin chào ông Foster. Chúc ông vui về ở Paris.

Foster đứng nhìn nàng xen vào hàng ngũ những người di dân cùng với các thiếu nữ khác giống nàng một cách lạ lùng. Chàng giật mình khi nghe thấy tiếng Stretch.

— Chào cụ ! Phi cơ bay vững chứ ?

— Như chim phụng hoàng vậy ! Một chuyến đi không có chuyện gì rắc rối cả.

Khi Stretch lúi đi, Foster còn ngoái tạt. Hannah cười với chàng, vẫy tay. Chàng cũng làm như thế. Stretch nói :

— Cụ có thể đi Paris được rồi đó. Tôi đã kiếm được phi công. . .

— Cũng được, càng tốt. Nhưng này bồ. . . trong trường hợp bồ bị kẹt... tôi sẽ gỡ cho bồ lần nữa, nhưng một lần... thực đó, lần chót nữa thôi.

Stretch gãi đầu :

— Đề tôi coi nào... tôi có thể dàn xếp vụ này đấy. Cụ sẽ thử dùng tôi chiếc phi cơ tôi mới tậu.

Stretch khoái trí nghĩ thầm : «Bồ sẽ tiếp tục với tôi bồ ơi. Bồ Foster ơi, phen này tôi nắm được bạn rồi và sẽ nắm chắc đó nghe».

Chiến dịch «Tắm tắm thần» đã mở đầu như vậy. Stretch Thompson, ông vua thất sủng của loài cua Alaska đã tỏ ra là một tay tồ chức hữu hạng. Chàng mượn thêm nhiều phi công Hoa-kỳ nữa, những tay cừu trào đã từng

chứng tỏ khả năng trong «cây cầu không vận Bá-linh» (1). Chàng tìm mua những máy bay cũ kỹ, sửa chữa vá vúi lung tung, nhưng vẫn cứ tiếp tục bay được như thường. Còn về Foster Mac Williams, phi công trưởng của công ty và là cũng tay chuyên môn về đường bay Aden. Chàng không bao giờ được biết tới những lạc thú của Paris cả. Sau khi chở người Do thái Yemen sau cùng về xứ, chàng lo việc di tản những Do-thái Irak, làm việc tới tăm mặt mũi— có thể nói chưa có phi công dân sự nào lại làm việc nhiều đến như thế. Trong khoảng thời gian ba năm, chàng bay hơn bốn trăm phi vụ, mang chừng năm mươi ngàn người Do-thái trở về quê cha đất tổ. Sau mỗi chuyến bay, chàng đều chỉ trời chỉ đất mà thề rằng đây sẽ là chuyến bay chót, rằng chàng chán ngấy đến mang tai lỗ mũi rồi . . . cứ thế cho tới khi chàng cưới Hannah làm vợ và vợ chồng dọn tới cư ngụ trong một căn nhà xinh xắn ở Tel-Aviv.

«Tăm thắm thắm» vẫn tiếp tục. Các phi cơ mang những người Do-thái từ Kurdistan và tận cùng Thổ-nhĩ-kỳ về, rồi lại tới Aden để hồi hương cả một bộ lạc bị bỏ quên sống lủi xủi trong vùng núi Hadramout, mới biết tin thành lập nước Israël và đã lập tức lên đường ngay tiến ra biển.

Các con dân Israël từ các trại di dân từ Pháp, Ý,

1. Cầu không vận Bá linh : Quân Nga phong tỏa Bá linh sau đệ nhị thế chiến để cưỡng ép Anh, Pháp, Mỹ phải rời bỏ thủ đô Đức này. Bên Đông minh, nhất là Mỹ, đã động viên phi cơ để tiếp tế cho Bá linh trong một thời gian dài, Sau đó, Nga đành bỏ phong tỏa.

Nam-tur, các quốc gia miền Balkan và Bắc Âu ùn ùn kéo về. Từ các *mellah* Bắc Phi và các thành phố Nam Phi, từ Trung hoa, Ấn-độ, Úc-đại-lợi, Gia-nã-đại, Anh quốc . . . Bằng phi cơ, bằng tàu thủy, từ bảy mươi tư quốc gia khác nhau trên thế giới, người Do-thái đổ xô về vùng đất mà chữ «Do-thái» không còn là một lời chửi rủa.

2

Việc hồi hương làm tăng gấp đôi rồi gấp ba dân số Israel. Nền kinh tế quốc gia, đã bị thiệt hại nặng vì chiến tranh, đang lung lay vì làn sóng hồi hương. Rất nhiều dân hồi hương chẳng có gì hơn ngoài quần áo mang trên người, và không biết bao người chẳng có một chút học vấn nào. Mặc dù gánh nặng phải mang, không thể có vấn đề khước từ không cho một người Do-thái trở về đất tồ.

Tại khắp nơi, từ Galilée đến sa mạc Néguev, các làng toàn lều vải và các thị trấn bằng tôn làm xấu xí cả cảnh vật. Các cơ sở y tế, trường học, các tổ chức xã hội càng ngày càng tỏ ra thiếu hụt. Dầu vậy, không có gì làm giảm được niềm lạc quan cuồng nhiệt đang ngự trị từ đầu đến cuối xứ sở. Mỗi một ngày qua, lại có thêm các nông trường xuất hiện. Ở khắp mọi nơi, họ tấn công sa mạc với cùng thứ hăng hái nhiệt thành của các bậc tiên khu trước kia đã đối với các đầm lầy.

Trong các thành phố, tư bản Nam Phi, Nam Mỹ, Gia-nã-đại, đã thành lập các nền kỹ nghệ mới. Công cuộc

tìm kiếm khoa học, tổ chức y tế, các trại thí nghiệm canh tác đã đạt tới mức độ có thể so sánh với các quốc gia Âu châu tiên tiến nhất. Mọi người xây cất các phi trường, các hải cảng, đường lộ, và mức sản xuất kỹ nghệ đã đạt tới mức độ đáng ngạc nhiên so với diện tích nhỏ bé của xứ sở. Mọi người lo xây cất nhiều nhất là nhà ở để có nơi trú ngụ cho không biết là bao nhiêu ngàn người hồi hương. Trong các vùng ngoại ô của Tel-Aviv, Haïfa, Tân Jérusalem, các nhà chọc trời hết sức tối tân bắt đầu vươn những hình dáng kỳ hà lên không trung. Tiếng búa hơi, tiếng máy đúc bê tông, máy hàn, hình như không lúc nào ngưng trên toàn cõi Israél.

Dẫu vậy, đời sống vẫn còn đầy cực nhọc. Trong một xứ nghèo như vậy, đất đai cằn cỗi, một tiến bộ nhỏ bé đến đâu cũng đòi khá nhiều mồ hôi nước mắt. Thợ thuyền nhận những thời biểu làm việc nặng nề ghê gớm cho một số lương chẳng nghĩa lý gì. Tại các nông trường, việc khai hoang vẫn tiếp tục trong các điều kiện thật phi nhân. Thuế má đánh rất nặng vào mỗi cá nhân để lấy tiền cần thiết lập nghiệp cho một hay hai đồng bào hồi hương khác. Cuộc sống cam go và chịu đựng, trong một nỗ lực của cả tâm hồn lẫn thể xác, quốc gia tân lập này mới chinh phục được quyền sống.

Một công ty hàng không quốc gia gửi các phi cơ bay trên lộ trình khắp thế giới, một hàng hải thương thuyền mang cờ ngôi sao David ngang dọc trên mọi đại dương. Lòng cương nghị, ham hoạt động và hi sinh của dân tộc Israél đã làm toàn thế giới văn minh phải thán

phục. Một quốc gia mà không ai làm việc chỉ cho lợi ít riêng tư, một xứ sở mà tất cả nỗ lực đều hướng về thế hệ tương lai, cho con cháu, cho lớp trẻ sabra chưa bao giờ phải chịu biết tới những tội nhục làm người Do-thái, nhưng sẽ có cả ngàn lý do để hãnh diện về chủng tộc của mình.

Israël quả đã viết một chương tuyệt vời trong Lịch sử của Nhân loại.

Sa mạc Néguev chiếm một diện tích bằng một nửa lãnh thổ của Israël. Một khoảng không gian lớn hoang vu tiêu điều, ban ngày nhiệt độ lên tới 70° đã thiêu cháy đến cả những cao nguyên đá đen bất tận, những hẻm sâu chõng chất, những vách núi thẳng đứng. Không có tới một ngọn cỏ, và loài điều hâu cũng chẳng dám bén mảng tới.

Đối với quốc gia mới, đây cũng là một thách thức phải chấp nhận. Những cơ sở đầu tiên đã bắt đầu xuất hiện từ đá núi, nhờ ở một vài nguồn tài nguyên khám phá ngay trong lòng đá. Chưa chi người đã được khai thác các khoáng sản thiếc đồng từ các hầm mỏ của Salomon đã bỏ hoang từ ba mươi thế kỷ. Người ta đã khám phá ra cả một núi toàn sắt và một vài mỏ dầu hỏa. Beersheba, nằm ở lối vào phía bắc của sa mạc, đã phát triển với tốc độ phi thường.

Tuy vậy, hi vọng đẹp nhất của Néguev là hải cảng tương lai, nằm ở cực nam vịnh Akiba. Những đạo quân đầu tiên của Israël tiến tới nơi này, Elath, chỉ tìm thấy hai căn lều bằng đất. Nhưng thế cũng đã đủ cho người Israël mơ tới hải cảng trực tiếp mở sang phương đông, ngày

nào người Ai-cập chịu từ bỏ phong tào.

Chính đề chuẩn bị cho ngày ấy, người Do-thái đã xây cất thành phố Elath.

Chính cũng trong sa mạc này đại tá Ari Ben Canaan đã tới cư ngụ kể từ khi chiến tranh chấm dứt. Đại tá tình nguyện đi khám phá vùng đất nằm ép giữa ba lân bang thù nghịch của Israél : Ai-cập, Jordanie và Arabie Séoudite.

Chàng bắt đầu bằng cách đưa quân mình băng qua những vùng núi đá mà rõ ràng là đấng Chí tôn khi tạo ra đã không nghĩ đến việc dành cho vết chân người. Chàng hoàn tất những phương pháp huấn quân tàn nhẫn và khó khăn đến nỗi đa số quân lực hiện đại đều không dám bắt chước. Những phương pháp đã cho phép chàng đào tạo ra được những đơn vị được hãnh diện mang tên gọi là «dã thú Né-guev». Những quân sĩ này thù ghét sa mạc khi đang ở đó, nhưng lại mơ tưởng đến mỗi khi được về phép trong các thành phố. Mỗi người ít nhất cũng phải nhảy dù hai mươi lần, làm các chuyến di hành một trăm cây số, và hoàn toàn nắm vững kỹ thuật cận chiến đã do các đoàn đặc công Anh nghĩ ra. Quân lực Israél không có phân phát Anh dũng bội tinh : sĩ quan hay binh sĩ mỗi người đều được coi can trường như các bạn đồng đội khác. Những kẻ nào trên tay áo máng phù hiệu của «dã thú Né-guev» đều được mọi người kính nể hết sức đặc biệt.

Ari đã đặt Tổng hành dinh của binh chủng mình tại Elath. Nơi đây đã thành một thành phố nhỏ, có hệ thống ống dẫn nước uống, các cơ xưởng để khai thác lại những mỏ đồng thời xưa. Ở Elath, mọi người coi đại tá Ben Ca-

naan như một con người kỳ lạ. Chàng không cười bao giờ và nét mặt nghiêm khắc của chàng chỉ đôi khi mới dịu xuống mà thôi. Mọi người đồn rằng một nỗi buồn nào đó đang gặm nhấm tim con người đại tá trẻ tuổi này.

Trong hai năm liền, chàng không chịu rời sa mạc lần nào.

Còn Kitty Fremont, nàng cũng lao mình vào công cuộc quốc gia là lo việc hồi hương và lập nghiệp cho những người Do-thái tản mác khắp thế giới trở về. Tờ chức các trung tâm tiếp đón thanh thiếu niên ở Aden, Bagdad, Ma-rốc, chiến đấu trong các trại tạm cư để giải thoát cho những nạn nhân sau cùng của Hitler, nàng đã hoàn tất cả một công việc vĩ đại. Toàn quốc Israél đều coi nàng như "Thân hữu" trước hiệu mà từ trước tới giờ họ mới chỉ ban cho một người nữa thôi, đó là thiếu tá P.P Malcolm, người đã sáng lập đã các đạo đặc công dã chiến cho quân lực Israél. Bây giờ đã nói thạo hébreu, nàng đi thám sát thăm viếng các trung tâm thanh thiếu nhi khác, thành lập theo mẫu trung tâm Gan Dafna.

Thời gian càng qua nàng càng hay nhận thấy một hiện tượng vừa thích thú phần khởi nhưng cũng vừa buồn bã cho nàng. Các con trai con gái nàng biết xưa kia ở Gan Dafna bây giờ đã lớn, lấy vợ lấy chồng cả, đến nỗi rằng nàng đã trông thấy các con cái của chúng trong các trung tâm và trường học. Mười năm trước đây, Kitty đã giúp đỡ phong trào phục quốc Do-thái vượt qua giai đoạn tìm kiếm để giúp đỡ phong trào phục quốc Do-thái vượt qua giai đoạn tìm kiếm để đạt đến mức hoàn tất một hệ thống

giáo dục mỗi ngày một hoàn thiện hơn cho phép đưa trẻ này nở được cả về phương diện thể xác lẫn tinh thần. Bây giờ nàng ý thức được rằng nhiệm vụ của nàng đã xong. Cả Karen lẫn Israël đều không còn cần đến nàng nữa. Tâm hồn buồn bã, nàng quyết định sẽ trở về Hoa kỳ, không còn nghĩ đến chuyện trở lại nữa.

3

Đến năm tám mươi ba tuổi, Barak Ben Canaan qui ẩn, trở về điền viên.

Sau cùng, ông đã có thể đề hết ngày giờ sẵn sóc căn trại ở Yad El. Nếp sống yên lành này, ông đã ước mơ từ nửa thế kỷ rồi. Tuổi tác hầu như không ảnh hưởng gì đến thân hình to lớn, sức khỏe cùng trí óc sáng suốt của ông. Hạnh phúc của ông bên cạnh Sarah, sẽ là hoàn toàn nếu ông không buồn vì sự bất hạnh của Jordana và nỗi buồn của Ari. Jordana không sao nguôi được, không sao quên được cái chết của David Ben Ami. Sau khi đã sang du lịch Âu châu, phiêu lưu dăm ba cuộc tình duyên không mang lại gì hơn cho nàng là niềm chua chát, Jordana đã cấp sách đi học lại ở Jérusalem, hy vọng lấp đầy cuộc sống trống rỗng của mình bằng sách vở và học hành.

Còn về Ari, kẻ tự nguyện lưu đày trong sa mạc Néguev, Barak hiểu rõ lý do đó, nhưng ông không thể lôi kéo chàng trở về được.

Một ngày kia, bưu tín viên mang đến một thiệp mời đáng kể nhất : chính Ben Gourion tự viết lấy mời bạn cố

tri Barak cùng vợ là Sarah đến dự trong khán đài danh dự buổi diễn binh kỷ niệm năm thứ ba của nền Độc lập. Sarah nói

— Tôi hy vọng ông sẽ nhận lời. Hơn nữa ông cũng nên làm vui lòng tôi bằng cách nhân dịp này đến khám bệnh ở một bác sĩ có khả năng. Những cơn đau dạ dày của ông gần đây, có lẽ chỉ cần một liều thuốc thường thôi cũng chữa được.

Buổi diễn binh trong Haija cờ xí rợp trời thật là tuyệt vời. Barak, đứng cạnh Ben Gourion, nhìn quân lực mới diễn ra, mỗi đơn vị đều có hiệu kỳ đi trước, y hệt các bộ tộc của Israël thời xưa. Các quân sĩ gốc Yemen đã quên được tình trạng bán nô lệ của mình xưa kia, các sabra kiêu hãnh và khoẻ mạnh, các phi công Mỹ và Nam Phi, nhày dù đội mũ đỏ, lực lượng biên phòng, thiết giáp; pháo binh. Sau cùng, dưới tiếng gầm của các phi cơ khu trục, một đoàn quân râu rậm, mặt cháy nắng mặt trời, đơn vị đại diện cho binh chủng «Dã thú Néguev»-đã diễn qua và giao tay chào rất lâu thân phụ của vị chỉ huy binh chủng mình.

Hai ngày sau, vừa mới trở về Yad El, Barak bị một cơn ho dữ dội. Kiệt lực, ông ngồi rũ xuống ghế bành. Sarah trách :

— Ông phung phí sức quá đấy. Bao lẽ lạc, diễn văn... ở tuổi ông, đâu có được. Đề tôi pha cho ông một chén trà.

Nhưng khi bà vừa định quanh đi, Barak nắm lấy tay, kéo ngồi lên lòng mình. Ngừng đầu lên, Sarah ngạc nhiên khi thấy chồng tránh không nhìn mình. Bà lo lắng hỏi :

— Ông đã tới khám bác sĩ rồi chứ ? Bác sĩ nói sao ?

— Bà đã đoán đúng. Quả thực, tôi vẫn chưa học được cách nói dối bà.

— Tôi hứa sẽ hết sức bình tĩnh, hoàn toàn bình tĩnh 4

— Được... Bà cần nhất là đừng có cuống lên... nhất là chính tôi, tôi cũng sẵn sàng... tôi đã ngờ là như thế từ lâu. Phải báo cho Jordana và Ari biết...

Sarah thốt lên một tiếng kêu.

— Có phải... không phải ung thư chứ ?

— Đúng ung thư mình ạ.

— Thế... mình còn được bao lâu nữa ?

— Một vài tháng...nhiều tháng thần tiên nữa, Sarah ạ.

Có thể nói là cơn bệnh như đột nhiên tàn phá hết ngay sức lực của ông già khổng lồ này. Trong có vài tuần, Barak chỉ còn da bọc xương, lưng còng, da xám xịt, nhưng nhất định không chịu vào bệnh viện. Sarah đã đặt giường ông trước cửa sổ phòng khách để ông có thể ngắm qua các cánh đồng, những quả đồi biên thùỵ Liban. Ari trở về đã gặp bố, đang nhìn bằng một cặp mắt buồn rầu làng Abou Yesha, mà không còn nữa.

— *Shalom*, bố. Con về ngay lập tức ngay khi có thể. Những thứ làm cảm mẹ kè cho con là cái gì vậy bố ? Y sĩ rất có thể nhầm . . .

— Không đâu con. Nhưng con đừng có lo cho bố làm gì. Bố đã đủ già để bình tĩnh chấp nhận cái chết. Nói về con đi, tốt hơn. Mọi sự ra sao ở Néguev.

— Không được tốt đẹp cho lắm. Bọn Ai-cập đã thành lập các toán *fedayeen*— “quyết tử quân”— cho xâm nhập

vào lãnh thổ chúng ta để cướp phá và ám sát.

— Mọi người cũng đã nói bố về chuyện đó. Nói cho thật, bố suy nghĩ nhiều nhất đến con mà thôi. Con hiểu chứ, đây là lần đầu tiên trên đời bố mới được thú không làm gì cả— nghĩa là có thể nghỉ ngơi được. Bố mới nhận rõ ra rằng bố đã không phải là một người cha tốt. Bố gần như bỏ rơi hai con, con và Jordana— bố dành cho các con quá ít thì giờ . . . không, đừng có cãi. Ari. Ngày hôm nay bố biết là chúng ta đã trả một giá quá cao cho nền độc lập của chúng ta. Chúng ta đã đào tạo con cái chúng ta thành một dòng Tarzan, chỉ mang lại cho con cái một cuộc đời đầy máu và nước mắt . . .

— Không có giá nào là quá cao cho Israél đâu bố. Dầu thế nào, đâu có phải bố đã lấy David của Jordana đi. Chết cho đất nước chúng ta vẫn hơn là chết như ông nội vì những hòn đá của một đám dân cuồng sát ào vào ghetto sao ?

— Dĩ nhiên là thế rồi . . . nhưng bố, bố trách bố về nỗi buồn con đang phải chịu. Này Ari, con có biết bây giờ Jordana đã trở thành bạn rất thân của Kitty Fremont rồi không.

Ari cố giữ khỏi giật mình. Chàng đứng dậy, với một lãnh đạm giả vờ vụng về, đi đi lại lại trong phòng.

— Bố ạ, nghe con . . .

— Bố không có nghe con đâu. Sao con mù quáng như thế ? Con không nhìn thấy trong mắt người thiếu phụ ấy, con không thấy Kitty cần đến con ra sao chẳng ? Có phải con chôn mình trong sa mạc để chinh phục nàng hơn phải

không ? Ari ạ, con đã chạy trốn như một tên ăn cắp, từ hai năm nay, con ăn trốn. Cái gì ghê gớm đến nỗi đã làm con không chạy theo Kitty được, không cho con thú nhận là con yêu nàng, rồi con sẽ đến chết vì tình yêu nàng ?

Air cúi đầu

— Một ngày nọ Kitty có nói với con là nàng chỉ yêu con với một điều kiện : con cần nàng đến độ qui xuống chân nàng mà cầu xin.

— Thế thì con hãy qui xuống cầu xin đi !

— Không thể làm được. Con đâu có được học qui học bò trước ai đâu. Bố không chịu hiểu là con không phải là người nàng ước mơ sao ?

Barak thở dài :

— Trong trường hợp như thế, bố thương cho con lắm. Bố thành thật tiếc cho con lắm.

Ba ngày sau, mọi người chôn cất Barak Ben Canaan trên ngọn đồi Tei Hai, đúng nơi mà cách đây một nửa thế kỷ, ông và em là Akiba đã đặt bước chân đầu tiên lên xứ Palestine.

Mọi người đã mang di hài của Akiba về đây để ông yên nghỉ vĩnh viễn giữa những vệ quân khác, những kẻ đầu tiên đã cầm vũ khí chống lại dân Bédouin. Từ nhiều tuần lễ rồi, một cái huyết bên cạnh Akiba đã được dành sẵn cho Barak. Hơi cách xa huyết một chút, một mộ chỉ trên tạc hình sư tử ghi hàng chữ sau : *«hy sinh cho tổ quốc là một điều tốt đẹp»*. Ari nhớ lại những lời nói chót của bố *«Tốt nhất là có được một tổ quốc để ta hy sinh»*.

Dov Landau đã tham dự vào những cuộc hành quân sau cùng chống lại quân Ai-cập. Chàng đã chiến đấu xuất sắc trong vùng lửa đạn nên đã được cấp bậc thiếu úy. Sau nhiều tháng ở với các Dã thú Néguev, chàng được tuyển chọn cho theo học Viện Kỹ thuật Haija, chuyên về ngành nghiên cứu canh nông. Những người nào trước kia đã biết chàng ở Gan Dafna, bây giờ thấy sự biến đổi ở nơi chàng, phải cho là phép mầu. Vừa ham hoạt động vừa dễ chia sẻ với các niềm bất hạnh của kẻ khác, Dov đã trở thành một thanh niên vui vẻ, lễ độ, một người bạn vừa dễ chịu vừa thông minh.

Rất đẹp trai, và mặc dù không được khỏe cho lắm, chàng cũng không để phí thì giờ để ngắm các cô gái đẹp. Đối với chàng, trên đời chỉ có một người yêu duy nhất : Karen Clement.

Karen cũng đã gia nhập quân đội. Bây giờ là một nữ điều dưỡng tốt nghiệp, nàng làm việc trong một bệnh viện ở thung lũng Sharon, và cứ rảnh thì giờ thì đến Jérusalem để sống với Kitty hoặc tới Haifa để gặp Dov. Kitty sau cùng đã chịu hiểu rằng Karen, đã trở thành một thiếu nữ rất xinh đẹp, đã quá ăn sâu bén rễ ở Israël để có thể theo nàng về Hoa kỳ. Nàng chịu nhận tình trạng đó, nhất là bây giờ nàng không quá cần đến sự hiện diện của Karen như xưa nữa. Hàng trăm đứa trẻ mà nàng đã săn sóc—«những đứa con của nàng» — như nàng thường nói

đã dần dần lấp kín khoảng trống mà xưa kia chỉ có một mình Karen mới có thể lấp đầy.

Đề có thể đáp ứng với các cuộc tấn công của các *fedayeen*, Israëli đành giải quyết bằng cách thiết lập dọc theo những vùng biên thùy bị đe dọa cả một hàng rào người. Israëli cho thành lập các nông trường biên giới trong đó các thanh niên chí nguyện tới sống, làm việc và chiến đấu trong những điều kiện hết sức là gay go với một số lương có ba mươi đô la một năm. Dầu vậy số thanh niên tình nguyện đi vẫn cao hơn số nhu cầu cần thiết.

Nông trường nguy hiểm nhất là kibboutz Nahal Midbar nằm trong dải đất Gaza, cách những trại tị nạn Ả-rập palestine, nơi mộ các tay giết người của Ai-cập, có mười cây số. Kibboutz này do hai mươi hai thanh niên và mười sáu thiếu nữ thành lập, trong đó có nữ điều dưỡng Karen Clement.

Dov vừa mới vượt qua vòng rào của kibboutz Nahal Midbar, đã thấy Karen chạy ra đón. Nàng vấp vào một tảng đá và chàng chỉ có đủ thì giờ mở vòng tay là nàng đã ngã vào lòng chàng.

Họ tay trong tay đi dạo dọc theo một con đường chạy ngoằn ngoèo trên cát. Karen ra dấu cho người đang canh, người này cười ra vẻ. Ngay ở trong sa mạc đi nữa, những người yêu nhau cũng cần một tối thiểu cô đơn Dov bắt đầu nói :

— Anh phải báo cho em hay một tin quan trọng. Một người đề nghị cho anh hoàn tất việc học tại Viện Kỹ thuật Massachusetts. Dĩ nhiên là anh chưa nhận. Hai năm xa cách, dài ghê gớm lắm. Anh phải bàn với em đã.

Karen, can đảm lắm, cố gắng mỉm cười.

— Hai năm, đâu có phải là lâu gì anh. Đối với sự nghiệp anh...

Dov ngắt lời :

— Vấn đề không phải ở chỗ đó. Anh sẽ không đi Mỹ hay bất cứ đâu mà không có em. Chúng ta sẽ lấy nhau, ngay lập tức. Dĩ nhiên là ở bên đó đời sống chẳng toàn màu hồng đâu : mọi người chỉ cho một học bổng nghèo lắm, như vậy anh bắt buộc sẽ phải làm việc thêm, nhưng em cũng đi làm thì bọn mình sẽ sống được lắm.

Karen không trả lời ngay... nàng nói nhỏ nhỏ :

— Bây giờ em chưa có thể đi được. Ở đây mọi người vừa mới bắt đầu xây cất những căn nhà đầu tiên. Các anh ấy phải làm việc hai mươi giờ một ngày... Mọi người đang cần đến em ở đây. Anh đi một mình đi, anh Dov ! Em sẽ đợi anh mà, anh biết thế mà.

— Không đâu ! Đồi cả thế giới, anh cũng không chịu sống hai năm xa em đâu. Hai ngày thôi không thấy em, anh đã không chịu nổi rồi.

Đột ngột, Dov ôm lấy Karen, hôn nàng như mưa và nàng hôn trả lại cuồng nhiệt không kém. Chưa chờ các bàn tay của hai người đã lặc lợng trên thân thể nhau, họ quấn lấy nhau, buông thả dần cho nhau... Karen thờ hờn nói

— Vâng anh Dov ! Bây giờ đi anh yêu...

Dov cố gỡ ra. Hai tay nắm lại, chàng đứng dậy

— Bọn mình bất bình tĩnh rồi, Karen. Không nên như vậy... đừng khóc em, anh van em.

Karen nức nở

— Chúng ta sẽ làm sao đây ? Chúng ta sẽ trở thành sao đây, anh ? Em không thể tiếp tục sống mãi như thế này được. Khi anh không có đây, em có cảm tưởng em không còn sống nữa và khi anh đến, cả hai đứa đều đau khổ... em cần có anh biết bao, cần đến muốn hét lên được, anh.

— Thế Karen tưởng anh sướng hơn sao ? Đó là lỗi tại anh... nếu chúng ta không để bị lôi cuốn đi như thế...

— Nhưng em yêu anh mà, anh Dov. Em đâu có xấu hổ vì, muốn hiến thân cho anh.

— Anh sẽ không làm bất cứ gì thương tổn đến em... làm cho em phải hối tiếc... Ô, Karen, em yêu, anh không còn biết...

Trong một khoảng thời gian dài, hai người im lặng, cố gắng chống lại lòng thèm muốn nhau đang làm toàn thân họ run rẩy. Sau cùng, Karen nói bằng một giọng tiếc nuối :

— Thôi chúng ta về kibboutz đi anh.

5

Đề cử hành lễ phục sinh, tất cả sẽ tụ họp ở Yad Ep, tại nhà của Sarah Ben Canaan. Kitty Fremont và Bruce

Sutherland, Dov Landau và Jordana. Thiếu tướng Ari Ben Canaan đến sau chót. Khi trông thấy Kitty, Ari cố dẫu xúc động rất lâu, viên sĩ quan quân lực Israél và người nữ điều dưỡng Hoa-kỳ nhìn nhau trong một im lặng đầy những lời mà không một người nào dám thốt lên. Sarah và Jordana đã lảng tránh vào bếp. Sutherland cầm lấy tay Dov kéo ra vườn. Vị tướng già Anh nói với Dov

— Thiếu tá hãy nói cho tôi biết một chút về dự án dẫn thủy ấy. Hình như thiếu tá định tát hết nước hồ Houleh sang hồ Tibériade phải không. Đây không phải là một công cuộc nhỏ bé đâu . . .

Còn lại có hai người, Kitty và Ari tiếp tục im lặng. Có lẽ người nào cũng tìm cách mở đầu cho câu chuyện bình thường. Sau cùng nàng nói :

— Anh có vẻ khoẻ lắm, anh Ari.

— Tôi cũng định nói cô như vậy. Thế . . . dạo này Karen ra sao ? Nàng không đến sao ?

— Có chứ. Chúng tôi đang chờ, con bé có thể đến bây giờ.

— Vậy hả . . . tốt lắm . . . tôi đang tự hỏi . . . cô có thích đi dạo một chút trước bữa cơm tối không ? Chúng ta có thể đi ngoài cánh đồng . . .

— Vâng.

Trong con đường nhỏ, Ari liếc nhìn nàng. Nàng đẹp quá ! Còn đẹp hơn những hình ảnh nàng trong kỷ niệm của chàng nữa.

Kitty thốt lên một tiếng thờ dài.

— Tình hình ở Néguer chắc ghê khiếp lắm phải không

anh, với các cuộc tấn công của bọn *Fedaycen*. Thắng thắn mà nói: tôi run lên khi tưởng tượng đến cuộc sống của Karen ở Nahal Misbar. Chỗ đó có vẻ nguy hiểm lắm . . .

Ari đồng ý.

— Một nơi thê thảm lắm. Nhưng Karen trẻ tuổi, và tuổi trẻ của chúng ta chịu đựng được tất cả mọi sự.

Kitty thăm nghĩ : «Quả thực chàng chẳng thay đổi gì. Chắc chàng không bao giờ thay đổi hết».

Ari nói tiếp :

— Mọi người nói với tôi là cô định trở về Mỹ. Tại sao cô lại rời bỏ chúng tôi ?

— Ồ, có gì đâu. Tôi tin chắc rằng không có tôi, Isriäl vẫn vững như thường. Anh thấy Dov đó, hẳn đã trở thành một thanh niên hoàn toàn. Có hẳn, tôi không cần phải lo cho Karen nữa. Sau cùng, bây giờ tôi có thể nghĩ đến thân tôi. Tôi bắt đầu nhớ quê hương sau bao nhiêu năm xa cách.

Vì Ari không trả lời, nàng quay về phía nhà.

— Tôi nghĩ là Karen chắc sắp về đến nơi. Tôi muốn con bé thấy tôi ngay khi về tới nơi.

— Kitty... hãy ngừng lại một chút đã... tôi muốn nói tôi rất chịu ơn về những gì Kitty đã làm cho Jordana, Kitty đã là một nguồn an ủi lớn cho nàng, trong cơn đau buồn.

— Jordana khờ sở lắm. Không ai có thể biết Jordana đã yêu David đến mức độ như thế nào đâu ?

— Kitty có tin rằng một ngày kia Jordana sẽ thắng nỗi buồn đó không ?

— Tôi chịu không biết được anh ạ. Tuy thế, cứ sống mãi trong xứ này, tôi đâm ra lạc quan. Tôi cho là rồi Jordana cũng sẽ được biết tới hạnh phúc.

Một câu hỏi cam nín như treo lơ lửng giữa chàng và nàng. Liệu chính hai người hiện một ngày kia có được biết đến hạnh phúc không ?

Đột nhiên nàng nói :

— Chúng ta về thôi anh.

Hai giờ sau, khi Sarah gọi hai người tới ngắm bàn ăn đã bày biện cho buổi lễ, Kitty sốt ruột.

— Qui bắt con bé đó đi cho rồi ! Bao giờ cũng lĩnh kính chậm trễ... nó biết chúng ta mong đợi nó kia mà. Ít nhất cũng phải điện thoại cho biết tại sao về trễ chứ.

Suthesland lắc cái đầu :

— Đừng có nóng nảy thế, Kitty. Vào ngày lễ, phải mất cả giờ mới gọi được điện thoại.

Ari đề nghị ;

— Đề tôi qua nhà làng một chút. Lấy quyền ưu tiên gọi kibboutz của Karen, tôi biết nàng ra đi và theo lộ trình nào.

Ari đã đi. Mọi người sang cả phòng ăn. Trên bàn lớn, các cây nến đã được thắp sáng. Cái chén bạc cò đã được bày ra thay thế cho ly tách. Ở giữa bàn là một cái đĩa chân cao bằng vàng đựng các thực phẩm tượng trưng : cái xoong loan báo mùa xuân trở lại, xương cừu đề tưởng nhớ đến các vụ tế thần ở đền Salomon, cỏ đắng tượng trưng cho sự cay đắng phải làm nô lệ xưa kia ở Ai-cập. Trước mỗi đĩa là *matèc*, bánh mì không men bởi vì lệnh

truyền rời Ai-cập ban ra đột ngột đến nỗi các bộ tộc Israël không có đủ thì giờ làm dậy men nữa.

Họ trở lại phòng khách Jordana là người đầu tiên trông thấy Ari, mặt tái xanh, ngơ ngác, ủ rũ tí người vào thành lò sưởi. Trông thấy Ari như vậy, Kitty hét lên.

— Karen ! Karen đâu ?

Ari phải cố gắng ghê gớm mới nói được nên lời :

— Karen chết rồi. Bị bọn *fedayeen* ám sát đêm hôm qua trong miền Gaza.

Sutherland bước tới quá chậm đề đỡ Kitty ngã đi.

Kitty đã hồi tỉnh. Thấy Jordana đã nghiêng người xuống mình ra, nắm lấy cổ tay Sutherland, nàng đứng dậy

— Dov đâu ? Tôi phải gặp hắn.

Nàng tìm thấy Dov trong phòng bên cạnh. Ngồi xụp trong một chiếc ghế, mắt bất động, chàng không buồn ngừng đầu lên nữa. Mãi khi Kitty vòng tay ôm, chàng mới đề nỗi buồn xâm chiếm mình tự do. Hai người khóc trong vòng tay nhau tới khi không còn nước mắt nữa.

— Dov... nghe cô đây... cô không biết nói gì... cô sẽ ở lại xứ này cùng với mọi người...

Dov gỡ khỏi tay Kitty.

— Cám ơn cô... em sẽ can đảm, xin hứa với cô như thế. Em muốn dù chết đi rồi, Karen vẫn kiêu hãnh được về em.

Hai người quay lại khi nghe thấy tiếng cửa mở. Giọng của Sarah cất lên, run rẩy :

— Tôi xin lỗi, nhưng Ari đang ở có một mình trong vựa lúa. . .

Băng qua sân, Kitty trông thấy những ánh sáng bắt đầu được thắp lên trong các nhà khác trong làng. Phục sinh đã bắt đầu, tụ họp các gia đình quanh bữa cơm ngày lễ. Trong vựa thóc tối tăm nàng không tìm ra ngay được Ari đang nằm dài trên một kiện rơm, lưng quay ra phía cửa vào. Nàng cúi xuống, chạm vào vai chàng.

— Anh Ari... đừng nên quên ngày lễ.

Đến lúc ấy, nàng mới nhận ra hai vai chàng đang rung lên trong một nức nở không thành tiếng. Chậm chạp, Ari quay lại, thì thào :

— Suốt đời tôi.. suốt đời tôi chỉ trông thấy những người thân yêu của tôi bị giết chết. Những người thân yêu của tôi. Tôi chết cùng với họ. Mỗi lần tôi như chết cùng với họ. Tôi chỉ còn là một cái xác không...

— Anh Ari... không nên...

— Tại sao chúng ta cứ bắt buộc phải tranh đấu để sống còn ? Tại sao thế ?

Chàng đứng dậy, chệnh choạng. Hai tay nắm chặt lại, chàng như chất vấn Hóa công ;

— Chúa ơi, tại sao chúng không chịu để chúng con sống bình an ? Tại sao ?

— Anh Ari... em cũng thế, em đã làm anh đau khổ. Em đã xua đuổi anh... Anh Ari, liệu một ngày kia anh có thể tha thứ cho em không ?

Ari đi qua nàng, nói nhỏ :

— Tôi không còn là tôi, Kitty cần nhất đừng có nói với ai là Kitty đã trông thấy tôi trong tình trạng vừa rồi nhé.

— Thôi, chúng ta trở lại với mọi người đi.

Đột nhiên Ari quay lại, tiến về phía nàng, buông mình quì xuống. Chàng vòng tay ôm lấy ngang người nàng, đầu chàng tìm một nơi nương tựa trên thân thể nàng. Đến khi ấy, nước mắt chàng mới trào ra.

Quá xúc động, Kitty đưa tay vuốt tóc chàng. Ari nói qua tiếng nức nở :

— Đừng bỏ anh, Kitty. Đừng có ra đi, Kitty !

Những lời nói nàng đã chờ đợi từ biết bao lâu rồi ! Nàng thầm nghĩ : « Vâng, em sẽ không rời bỏ anh, ngày hôm nay cũng như hai hay ba tuần lễ tới, ngày nào anh còn cần có em. Cho tới ngày mà anh lại trở thành thiếu tướng Ari Ben Canaan, vị anh hùng không xúc động bao giờ mà cuộc đời chỉ là đề cho thảm kịch và đấu tranh. Đến lúc đó, anh đâu cần tới em nữa ».

Nàng giúp chàng đứng dậy. Chưa chi, Ari đã tìm lại được sức mạnh của mình. Nhưng trước khi trở vào nhà, chàng cầm lấy cánh tay nàng.

— Kitty, cho đến nay chưa bao giờ tôi có can đảm đề thú nhận... bây giờ là lúc em phải biết rõ điều này : tôi chưa bao giờ yêu Dafna được bằng yêu em. Dĩ nhiên là cuộc sống mà tôi có thể mang lại cho em thì

— Em biết, anh Ari. Em chấp nhận cuộc sống như thế.

— Tôi không giống như tất cả mọi người, tôi biết rõ như vậy và hối tiếc tại sao mình lại là như thế. Có thể sẽ nhiều năm tháng qua nữa tôi mới lại nói được tôi cần có em trước hết, thứ yếu mới đến đất nước tôi. Liệu em có thể hiểu được như thế không. Kitty ?

— Em hiểu chứ, em sẽ hiểu anh mãi mãi.

Tất cả mọi người đã hội họp trong phòng ăn. Đoàn ông đều đội mũ tròn đen úp lấy đầu. Khi Ari định tiến lại chỗ ngồi danh dự, Sutherland rụt rè chạm vào cánh tay chàng.

— Thứ lỗi cho sự đường đột của tôi « tôi là người Do Thái cao niên nhất trong văn phòng này, liệu tôi có thể xin thiếu chủ vinh hạnh được hướng dẫn cầu nguyện chẳng ? »

— Chúng tôi rất hân hạnh.

Sutherland ngồi vào chỗ dành cho người trưởng gia đình. Mỗi người đều mở cuốn *Haggadah*, sách lễ phục sinh. Sutherland ra dấu mời Dov Landau mở đầu.

Bằng một giọng run run, Dov đọc :

— *Tại sao đêm nay lại khác với tất cả các đêm khác trong năm ?*

Đêm nay khác với mọi đêm trong năm bởi vì đêm nay chúng ta ca tụng giây phút quan trọng nhất trong Lịch sử của dân tộc chúng ta. Đêm nay, chúng ta mừng cho cuộc khởi hành chiến thắng từ nô lệ tới tự do của Đất nước chúng ta.

dịch xong tháng 5.1970

THẾ UYÊN